

QUÝ CỐC TỬ

QUÝ CỐC

TOÁN MÊNH

- Tác phẩm đại thành về chiêm bốc Dịch lý.
- 64 quẻ có thể dự đoán nhiều sự việc, khi tìm được quẻ bói, có thể tra cứu mọi thông tin cần thiết trong cuốn sách.
- 100 ví dụ chiêm bốc cổ đại, 200 hình đồ minh họa giải đáp bí mật về chiêm bốc Dịch.

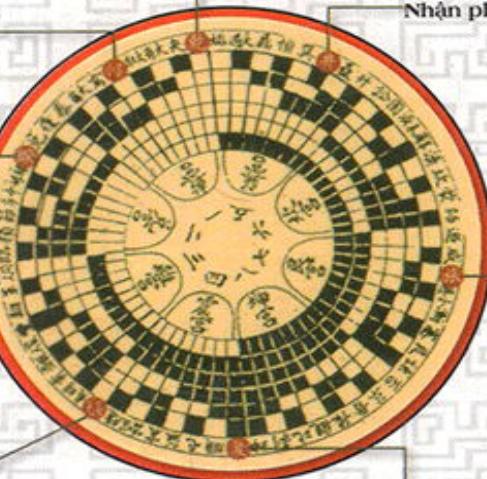
Hàn Tín - quẻ Tiểu súc:
Gặp phải trở ngại nhưng
cuối cùng vẫn chiến thắng
được quân địch.



Võ Tắc Thiên - Quẻ Khuê:
Nắm quyền lực trong tay.



Lý Quang - Quẻ Vô vọng:
Không được thỏa ý, không
được phong hầu.



64 quẻ: Là công cụ
căn bản để xem bói.

Lưu Bang - quẻ Càn:
Hanh thông và cát lợi,
cuối cùng thu được thiên hạ.



Dương Quý Phi - Quẻ Tinh:
Nhận phải sự tàn hại, tự vẫn mà chết.



Trần hậu Chu - Quẻ Lữ:
Trước vui sau buồn, cuối
cùng mất nước.



Đường Thái Tô - Quẻ Phục:
Mất rồi lại có, sau khi chết được
7 ngày lại sống.

I. BÁT TƯ'

- 1) Năm:
- 2) Tháng:
- 3) Ngày:
- c) Giờ:
- d) Tiết Khí

II. LUỒNG ĐẦU

III. NỘI DUNG

PHẦN Giải QUÝ CỐC TOÀN MỆNH

- Quẻ số 1: BÁT THUẬN CHÂN
- Quẻ số 2: LÔi PHONG HẰNG
- Quẻ Số 3: Lôi Hóa Phong
- QUẺ SỐ 4: LÔi ĐỊA DỰ
- Quẻ Số 5: Lôi Sơn Tiêu Quá
- QUẺ SỐ 6: LÔi ĐỊA DỰ
- Quẻ Số 7: LÔi TRẠCH QUY MUÔi
- Quẻ Số 8: LÔi THIÊN ĐẠI TRÁNG
- Quẻ Số 9 : LÔi THỦY Giải
- Quẻ Số 10 : LÔi SƠN TiỄU QUÁ
- Quẻ Số 11: PHONG LÔi ÍCH
- Quẻ Số 12: BÁT THUẬN TỐN
- Quẻ Số 13: PHONG HỎA Giải NHÂN
- Quẻ Số 14: PHONG ĐỊA QUAN
- Quẻ Số 15: PHONG SƠN TiỄM
- Quẻ Số 16: PHONG ĐỊA QUAN
- Quẻ Số 17: PHONG TRẠCH TRUNG PHU

QUẾ SỐ 18: PHONG SƠN TiỀU SÚC

QUẾ SỐ 19: PHONG THUỶ HOÁN

QUẾ SỐ 20: PHONG SƠN TiỆM

QUẾ SỐ 21: HOÀ LÔi PHỆ HẠP

QUẾ SỐ 22: HỎA PHONG ĐỈNH

QUẾ SỐ 23: BÁT THUẦN LY

QUẾ SỐ 24: HOÀ ĐỊA TÂN

QUẾ SỐ 25: HOÀ SƠN LỬ

QUẾ SỐ 26: HOÀ ĐỊA TÂN

QUẾ SỐ 27: TRẠCH THIÊN QUÁi

QUẾ SỐ 28: HOÀ THIÊN ĐẠI HỮU

QUẾ SỐ 29: HOÀ THỦY VỊ TẾ

QUẾ SỐ 30: HỎA SƠN LỬ

QUẾ SỐ 31: ĐỊA LÔi PHỤC

QUẾ SỐ 32: ĐỊA PHONG THĂNG

QUẾ SỐ 33: ĐỊA HỎA MINH Di

QUẾ SỐ 34: BÁT THUẦN KHÔN

QUẾ SỐ 35: ĐỊA SƠN KHIÊM

QUẾ SỐ 36:

QUẾ SỐ 37: ĐỊA TRẠCH LÂM

QUẾ SỐ 38: ĐỊA THIÊN THÁi

QUẾ SỐ 39: ĐỊA THỦY SU

QUẾ SỐ 40: ĐỊA SƠN KHIÊM

QUẾ SỐ 41: SƠN LÔi Di

QUẾ SỐ 42: SƠN PHONG CỐ

QUẾ SỐ 43: SƠN HỎA BÍ

- QUẾ SỐ 44: SƠN ĐỊA BÁC
QUẾ SỐ 45: BÁT THUẦN CẨN
QUẾ SỐ 46: SƠN ĐỊA BÁC
QUẾ SỐ 47: SƠN TRẠCH TỒN
QUẾ SỐ 48: PHONG THIÊN ĐẠI SỨC
QUẾ SỐ 49: SƠN THỦY MÔNG
QUẾ SỐ 50: BÁT THUẦN CẨN
QUẾ SỐ 51: ĐỊA LÔI PHỤC
QUẾ SỐ 52: ĐỊA PHONG THĂNG
QUẾ SỐ 53: ĐỊA HỎA MINH DI
QUẾ SỐ 54: BÁT THUẦN KHÔN
QUẾ SỐ 55: LÔI ĐỊA DỰ
QUẾ SỐ 56: BÁT THUẦN KHÔN
QUẾ SỐ 57: ĐỊA TRẠCH LÂM
QUẾ SỐ 58: ĐỊA THIÊN THÁI
QUẾ SỐ 59: ĐỊA THỦY SƯ
QUẾ SỐ 60: ĐỊA SƠN KHIÊM
QUẾ SỐ 61: TRẠCH LÔI TÙY
QUẾ SỐ 62: TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ
QUẾ SỐ 63: TRẠCH HỎA CÁCH
QUẾ SỐ 64 TRẠCH ĐỊA TUY
QUẾ SỐ 65: TRẠCH SƠN HÀM
QUẾ SỐ 66: TRẠCH ĐỊA TUY

I. BÁT TỰ

QUÝ CÓC TOÀN MỆNH hay LUỒNG ĐẦU KIÈM TOÁN là môn toán mệnh dùng tám chữ Can Chi của Năm, Tháng, Ngày và Giờ sanh, gọi là Bát tự.

Theo cách tính Âm lịch của Trung Quốc, Năm Tháng, Ngày, Giờ đều mang 2 chữ Can và Chi.

10 CAN: Giáp Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

12 CHI: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Can có 10, Chi có 12, đem phối hợp với nhau có 6 vòng Con Giáp thành 60 năm nhưng đến năm 61 thì trở lại như cũ.

1) Năm:

Can Chi năm đã có sẵn trong lịch. Lịch đi kèm có đối chiếu Âm Dương Lịch từ năm 1920 đến năm 2000. Lịch có 80 năm nhưng Can Chi năm chỉ có 60 thành thử phải nên lưu ý tuổi lớn hay tuổi nhỏ. Muốn chính xác nên dùng năm Dương Lịch.

Biết năm Dương Lịch, dùng Lịch đối chiếu sang Âm Lịch để biết Can Chi năm đó.

Biết Can Chi hoặc chỉ biết Chi năm Âm Lịch muốn đổi chiếu sang Dương Lịch, cần phải biết người đó cở tuổi nào rồi dùng Dương Lịch mà đổi chiếu.

2) Tháng:

Can tháng tùy thuộc vào Can Năm.

Đối chiếu Can Năm và Can tháng.

Năm mà Can GIÁP, KỶ tháng 1 năm đó là Bính DẦN.

Năm mà Can ẤT, CANH tháng 1 năm đó là Mậu DẦN.

Năm mà Can BÍNH, TÂN tháng 1 năm đó là CANH DẦN.

Năm mà Can ĐINH, NHÂM tháng 1 năm đó là NHÂM DẦN.

Năm mà Can MÂU, QUÝ tháng 1 năm đó là GIÁP DẦN.

Chi Tháng. Tháng 1 là Dần, tháng 2 là Mão, tháng 3 là Thìn, tháng 4 là Ty, tháng 5 là Ngọ, tháng 6 là Mùi, tháng 7 là Thân, tháng 8 là Dậu, tháng 9 là Tuất, tháng 10 là Hợi, tháng 11 là Tý, tháng 9 là Sửu.

Can Chi tháng. Ghép Can khởi của Chi tháng 1 là Dần, đếm một Can và một Chi kế tiếp cho đến tháng muôn tính. (Xin dùng bàn tay, trang TV#4.13). Ví dụ: Sang tháng 2 năm Kỷ Ty (1989). Can năm Kỷ, tháng là Bính Dần, tháng 2 là đinh maoMuốn biết chắc đúng hay là không đếm tiếp cho đến tháng giêng năm sau thấy phù hợp với Can khởi của năm sau là đúng. Tháng chạp năm Kỷ Ty (1989) là Đinh Sửu, năm sau Canh Ngọ (1990) tháng giêng là Mậu Dần.

Tháng có yếu tố khác nữa là Tiết Khí. Tiết khí lại tính theo Dương Lịch (xin xem phần Tiết khí trong lịch, trang Li#5.5)

Quỷ Cốc Toàn Mệnh cần đi vào chi tiết Tiết Khí, muôn năm chắc Bát Tựđể còn dùng cho Môn Toán Mệnhkhác có liên hệ đến tiết khí nhưBát Tự Tử Bình, Hà Đò Lạc Thư, thì xin tính kỹ trong phần Tiết Khí.

3) Ngày:

Can Chi ngày chỉ có cách duy nhất là tìm trong Lịch.

a) Lịch từ năm 1920 đến năm 1980, đổi chiếu Âm Dương Lịch từng ngày.Số thứ tự Hoa Giáp ghi ngày 15 Âm Lịch mỗi tháng.

Đếm theo số thứ tự này đến ngày muôn tra cứu trong năm, tra vào bảng số thứ tự Hoa Giáp(trang Li#5.3), số mấy đó là Can Chi ngày. Ví dụ sanh ngày 15 tháng 3 năm Mậu Thìn (1928), số thứ tự (41) ngày là ngày Giáp Thìn. Sinh ngày 30 tháng 09 Mậu Thìn, số (52) là ngày Ất Mão.

b) Lịch từ năm 1981 đến năm 2000, đổi chiếu Âm Dương Lịch ngày 1 tháng 1 Âm Lịch mỗi tháng. Âm Lịch tháng thiếu có 29 ngàycó ghi dấu (""), tháng đủ 30 ngày không có dấu gì. Tháng Dương Lịch 1, 3, 5, 7, 8, 10, 12 có 31 ngày tháng 4, 6, 9, 11 có 30 ngày, riêng tháng 2 có 28 ngày. Mỗi 4 năm có tháng 2: 29 ngày, tháng này có ghi dấu (+) trên Lịch. Số thứ tự Hoa Giáp chỉ ghi vào ngày 1 mỗi tháng Âm Lịch. Khi đổi chiếu và tìm Can Chi ngày xin lưu ý tháng thiếu tháng đủ trong tháng Âm Lịch và tháng 30 hay 31 ngày trong tháng Dương Lịch tương ứng. Ví dụ sang ngày 7 tháng 12 năm 1982. Ngày 1 tháng 11 năm Nhâm Tuất là ngày 15

tháng 12 năm 1982, số thứ tự Hoa Giáp ngày đó là (9). Tìm ngày 7 tháng 12 phải tính lui, Âm Lịch tháng 10 năm đó không ghi dấu là tháng đủ 30 ngày. Tính lui từng ngày, ngày 7 tháng 12 Dương Lịch là ngày 23 tháng 10 Âm Lịch, số thứ tự Hoa Giáp (1), tra bảng Hoa Giáp là Ngày Giáp Tý. Can Chi ngày là nhất định, Can Chi tháng có thay đổi theo Tiết Khí, nhưng Can chi ngày vẫn là ngày đó. Nếu chỉ biết ngày Dương Lịch không thôi cũng chỉ ra Can chi ngày trong Lịch. Sau năm 2000 cứ theo số thứ tự Hoa Giáp đếm từng ngày vào Lịch thế kỷ 21 để biết Can Chi ngày.

c) **Giờ:**

Can giờ tùy thuộc vào Can ngày. Đối chiếu Can ngày và Can giờ.

Ngày mà Can: GIÁP, KỶ giờ Tí ngày đó là giờ GIÁP TÍ.

Ngày mà Can: ẤT, CANH giờ Tí ngày đó là giờ BÍNH TÍ.

Ngày mà Can: BÍNH, TÂN giờ Tí ngày đó là giờ MẬU TÍ.

Ngày mà Can: ĐINH, NHÂM giờ Tí ngày đó là giờ CANH TÍ.

Ngày mà Can: MẬU, QUÝ giờ Tí ngày đó là giờ NHÂM TÍ.

Giờ: Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Mỗi giờ Âm Lịch có 2 giờ của giờ Dương Lịch đang dùng. Can Chi giờ. Từ Can khởi với Chi là giờ Tí, ghép một Can và một Chi cho đến giờ muôn tính. Ví dụ: muôn tính ngày Mậu Tí, giờ Hợi. Ngày Mậu thì giờ Nhâm Tí. Khởi Can Nhâm tại cung Tí (xin xem bàn tay trang TV.#4.13): Nhâm, Quý, Giáp, Ất cho đến cung Hợi là Can Quý, vậy ngày Mậu Tí, giờ Hợi là Quý Hợi.

Giờ Tí từ 23 đến 01 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Sửu từ 01 đến 03 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Dần từ 03 đến 05 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Mão từ 05 đến 07 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Thìn từ 07 đến 09 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Ty từ 09 đến 11 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Ngọ từ 11 đến 13 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Mùi từ 13 đến 15 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Thân từ 15 đến 17 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Dậu từ 17 đến 19 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Tuất từ 19 đến 21 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ Hợi từ 21 đến 23 giờ, trên mặt đồng hồ

Giờ này tính theo Múi giờ qui định quốc tế, tính thành giờ Âm Lịch.

Giờ tại Việt Na có thay đổi qua các thời kỳ từ năm 1911 đến 1975. Xin xem bảng thay đổi giờ (trang TV.#4.14). Nếu sanh trong các thời kỳ có sự thay đổi giờ, giờ phải tính khi xem giờ trên mặt đồng hồ lúc đó.

d) Tiết Khí

Một chi tiết khá quan trọng trong khi lập Bát tự.

Một năm có 24 Tiết khí. Một Tiết khí và một Khí trung bình bằng 1/12 của năm thời tiết, kể như một tháng (Xin xem bảng Tiết Khí, Trang Li.#5.5). Hàng trên là Tiết Khí, hàng dưới là Trung Khí.

Âm Lịch có Tiết Khí, Dương Lịch thì không, nhưng khi tính Tiết Khí thì lại dùng ngày Dương Lịch làm chuẩn. Khi tính đến Can Chi tháng thì phải đổi chiếu sang Bảng Tiết Khí xem đó có nằm trong Tiết Khí và Trung Khí hay không. Nếu chưa đến hay đã qua Tiết Khí rồi thì kể như tháng trước hoặc tháng sau. Điều này dẫn đến có khi, tính lệch tháng, lệch tới hoặc lệch lui, lệch luôn cả năm.

Ví dụ toàn bộ:

Ví dụ 1:

Lệch tháng tới, năm lui, chỉnh giờ thành ra chỉnh ngày.

Sinh ngày 16 tháng 1 năm 1942, lúc 23 giờ 45 (Mẹ cho biết).

Tra lịch năm 1942 là Nhâm Ngọ, ngày 16/1 Dương Lịch là ngày 30/11 Âm Lịch năm Tân Tỵ. Tra bảng Tiết Khí, tiết Tiểu Hàn đổi ngày 6/1 Dương Lịch, ngày sinh nằm trong Tiết Tiểu Hàn và Trung Khí Đại Hàn nên kể tháng 12. Vậy Chi tháng là

Sửu, Can tháng, tính theo Can năm Tân Tỵ. Can năm Tân, tháng 1 là Canh Dần, tháng 12 là Tân Sửu. Số thứ tự Hoa giáp ngày 14/11 Âm Lịch ghi số (50), đếm theo Bảng, ngày 30/11 số (6). Can Chi ngày 30/11 là Kỷ Tỵ. Sinh lúc 23 giờ 45 năm 1942. Tra bảng thay đổi giờ, năm 1942 dùng Múi giờ thứ 7, 23 giờ 45 là giờ Tí (a). Vậy phải lưu ý thật kỹ: sanh giờ Tí là phải kể ngày hôm sau, không phải ngày hôm đó. Ngày sanh và Bát tự đổi ra như sau:

Sanh ngày mồng 1 tháng chạp năm Tân Tỵ, giờ Tý. Bát tự:

Năm: Tân Tỵ. Tháng: Tân sửu. Ngày : Canh Ngọ. Giờ: Bính Tý.

(a)Ghi chú : Theo Tử vi, sinh giờ Tí cũng phải đổi qua ngày 1/12.

Ví dụ 2:

Lịch tháng tới, ngày giờ đúng.

Sinh ngày 18 tháng 7 năm 1955 lúc 3 giờ 15 sáng.

Tra lịch năm 1955, ngày 18/7 Dương Lịch là ngày 29/5 năm Ất Mùi.

Tra bảng Tiết Khí ngày 18/7, đã ở trong Tiết Tiểu Thủ nên tháng phải tính là tháng 6, Chi là Mùi. Năm Ất, tháng 1 là Mậu Dần, tháng 6 là Quý Mùi. Can Chi ngày 18/7 số (17) Canh Thìn. Năm 1952 dùng múi giờ thứ 7, 3 giờ 15 sáng kể là giờ Dần. Ngày Can Canh, giờ Tí là giờ Can Bính, vậy giờ sanh là Mậu Dần.

Bát tự:

Năm: Ất Mùi.

Tháng: Quý Mùi.

Ngày: Canh Thìn.

Giờ: Mậu Dần.

Ví dụ 3:

Lệch tháng lui, ngày giờ đúng.

Sinh ngày 30 tháng 4 năm 1963, 20 giờ 30.

Tra lịch năm 1963, ngày 30/4 Dương Lịch là ngày 7/4 năm Quý Mão. Can Chi ngày là Quý Mão. Xem bảng Tiết Khí ngày 30/4 còn trong Trung Khí Cốc Vũ, kể là tháng 3. Tháng 3, Chi là Thìn. Can năm Quý, tháng 1 là năm Giáp Dần, tháng 3 là Bính Thìn. Giờ Tí là Nhâm Tí, giờ Tuất là Nhâm Tuất.

Bát tự:

Năm: Quý Mão.

Tháng: Bính Thìn.

Ngày: Quý Mão.

Giờ: Nhâm Tuất.

Ghi chú: Năm này nhuận 2 thứ tư. Tháng nhuận không có Can Chi, theo Tiết Khí mà kể tháng.

Ví dụ 4:

Lệch tháng tới, ngày giờ đúng .

Sinh ngày 6 tháng 3 năm 1964, lúc 2 giờ 15 tại Saigon (Khai sinh ghi như vậy). Tra lịch năm 1964, ngày 6/3 Dương Lịch là ngày 23/1 năm Giáp Thìn. Can Chi ngày là Giáp Dần. Tra bảng Tiết Khí, ngày 6/3 sau ngày đổi Tiết Khí Kinh trật 1 ngày nên kể là tháng 2, Chi là Mão. Năm Can Giáp, tháng 1 là Bính Dần tháng 2 là Đinh Mão. Năm 1964 tại Saigon dùng múi giờ thứ 8, 02 giờ 15 là giờ Sửu. Can ngày Giáp, giờ Tí là Giáp Tí, vậy giờ Sửu là Ất Sửu.

Bát tự:

Năm: Giáp Thìn.

Tháng: Đinh Mão.

Ngày: Giáp Dần.

Giờ: Ất Sửu.

II. LUỒNG ĐẦU

Dùng CAN của năm SiNH và CAN của giờ SiNH.

Khi tính xong Bát tự, dùng 2 chữ Can của năm sinh và Can của giờ sinh làm thành một Luồng Đầu để đi vào lá số. 10 Can năm và 10 Can giờ làm thành 100 Cách Cục. Can và Chi giờ đi vào chi tiết của từng lá số, định thành Tứ Tự, xưa gọi là Tứ Tự Kim (4 chữ vàng), 4 chữ vàng ngọc này toát yếu toàn cuộc đời, đem phối hợp vào môn Tử Vi xem như phần phê số mà sách TỬ VI ĐẦU SỐ TOÀN THƯ do Ông Vũ Tài Lực biên soạn có dẫn chứng (sách đã dẫn từ trang 337 đến trang 341 do Ngân Hà Thư Xã xuất bản tại SaiGon năm 1973).

Quỷ Cốc Toán Mệnh dùng Luồng Đầu Can và Chi giờ để lập Cục, đi vào chi tiết Cơ Nghiệp và Hành Tàng, lập thành Lục Thân và sau cùng là Thu Thành. Ngoài ra còn cho biết Can hay Chi của những năm nào đi qua sẽ gặp như thế nào trong tiểu hạn. Rõ ràng Quỷ Cốc Toán Mệnh đã dùng đủ Bát tự để luận mệnh nhưng giản dị hơn.

1.- Can NĂM và Can GIỜ: GiÁP GiÁP khởi đầu bộ số.

- a) Can và Chi giờ đi vào chi tiết là Tứ Tự.
- b) Giải nghĩa là giải nghĩa 4 chữ này.

2.- Bài thơ Cách diỄn tả cách cục toàn cuộc đời.

3.- Sáu bài thơ luận đoán: Cơ Nghiệp, Hunh Đệ, Hành Tàng.

Hôn Nhân, Tử Túc, Thu Hành.

Ví dụ:

Năm Nhâm Tân (1932)

Tháng Quý Mão

Ngày Mậu Dần

Giờ Kỷ Mùi

Lưỡng Đầu là Nhâm Kỷ (trang QC.#3.341).

Giờ Kỷ Mùi:

Tứ tự: YÊU CHIỀN KỶ HẠC

Giải: Mân tảng nhì qui thị nǎi đại phú

Cách: Nhận quá Hàm Dương

Sáu bài thơ: 2 trang tiếp theo

III. NỘI DUNG

1) Tứ Tự: 4 Chữ toát yếu toàn cuộc đời .

2) Giải: Giải lý và giải nghĩa 4 chữ trên.

3) Cách: Thơ 8 câu 7 chữ thể thơ Đường luật (1).

Luận đoán tiến trình Cách cục toàn cuộc đời, cô đọng sự giàu, nghèo, sang, hèn của cuộc đời; sự kiện nổi bật đôi khi còn nói lại trong 6 bài thơ kế tiếp, nhất là 2 bài thơ Cơ Nghiệp và Hành Tàng.

4) 6 bài thơ, Mỗi bài 4 câu 7 chữ (thơ tú tuyệt) nói về:

Cơ Nghiệp: Nhà cửa,của cải, tài sản có được bao nhiêu. Ngày xưa giàu thì vàng ròng đong bằng đâu, hộc, từ đó suy luận số mệnh giàu hay nghèo. Ngày nay tiền để ngân hàng, nhà cửa, xe cộ đều là của cải.

Huynh Đệ: Anh em có bao nhiêu người, giàu nghèo như thế nào, lập nghiệp ở nơi nào, anh em có hoà thuận hay không.

Hành Tàng: là hành động tàng ẩn tạm, tạm dịch là Sự nghiệp và Chức phận, địa vị hay nghề nghiệp trong xã hội. Ngày xưa, làm quan to gọi là quý, dẫn đến giàu gọi là phú. Ngày nay, có thể hiểu học hành đỗ cấp cao, có hay không tham gia chính quyền, có địa vị trong xã hội cũng gọi là phú quý. Chủ nhân xí nghiệp làm ăn buôn bán lớn, dẫn đến giàu sang cũng gọi là phú quý.

Xin hiểu 2 bài Hành Tàng và Cơ Nghiệp là một.

Hôn Nhân: Vợ hay chồng như thế nào, hoà thuận, bền vững, hay gãy đổ.

Tử Tức: Con cái bao nhiêu người, sự nghiệp con cái sau này như thế nào.

Thu Thành: tạm dịch là Mãn Cuộc là khoảng đời còn lại sau tuổi hưu trí cho đến lúc lâm chung, cuộc đời sung sướng nhàn rỗi hay không, từ đó có thể suy luân số mệnh giàu nghèo lâu dài. Mệnh chung vào năm tháng nào, ma chay lớn hay nhỏ.

(1)Ghi chú:

QUÝ CỐC TOÁN MỆNH gồm toàn những bài thơ Đường luật:

Bài Cách là thơ thất ngôn bát cú, 6 bài thơ là thơ Tứ tuyệt.

Thơ thất ngôn bát cú, có bố cục như sau:

Câu thứ 1, gọi là phá đề: mở ý đầu bài.

Câu thứ 2, gọi là thừa đề: tiếp ý phá đề và chuyển vào thân bài.

Câu thứ 3 và câu thứ 4, gọi là thực đề: giải thích ý nghĩa đầu bài.

Câu thứ 5 và 6, gọi là câu luận: phát triển rộng hơn nữa ý nghĩa toàn bài.

Câu thứ 7 và 8: gọi là kết , kết thúc ý nghĩa toàn bài.

Thơ thất ngôn bát cú hay thơ tứ tuyệt, mỗi phần câu dưới bồ nghĩa cho câu trên và xin hiểu như vậy để biết sự việc nào xẽ xảy ra trước sự việc nào sẽ xảy ra sau.

PHẦN GIẢI QUÝ CỐC TOÀN MỆNH

Quý cốc tiền định số

GiÁP - GiÁP

Quẻ số 1: BÁT THUẦN CHÂN

THIÊN QUÝ TINH

Giờ Giáp Tý: Cách Khoái 快 phong ngộ vũ (Gió nhanh gặp mưa)

- Giải: Vận mệnh hanh thông tính đặc quý nhân phò trợ (Vận mệnh hanh thông được quý nhân phò trợ)

Giờ Giáp Dần: Cách Phi 飛 phong đối nguyệt (Gió cuốn đối trăng)

- Giải: Tiên nghịch hậu thuận lão lai tiệm nhập giai cảnh (Trước ngược sau thuận về già dần dần tới cảnh đẹp)

KIM HẠC TINH

Giờ Giáp Thìn: Cách Tùng lâm 叢林 thái tân 采薪 (Hái củi ở rừng rậm)

- Giải: Sinh trưởng phú quý chi gia kết quả bình bình. (Sinh ra lớn lên trong gia đình giàu sang kết quả bình thường)

Giờ Giáp Ngọ: Cách Ngưu miên hoang vu (Trâu ngủ nơi đất bỏ hoang)

- Giải: Tài đại lực đại tích hồ cô lập vô trợ 孤立無助 (Tài lớn sức lớn tiếc thay bị đứng trơ trọi một mình không ai giúp đỡ)

KIM LOAN TINH

Giờ Giáp Thân: Cách Thạch 石 cao 壑 ngộ vũ (Đá thạch cao gặp mưa.)

- Giải: Lập chí kiên định chung cùu bất chi cùng khốn (Lập chí vững chắc cuối cùng không đến nỗi cùng khốn)

Giờ Giáp Tuất: Cách Nguyệt xuất lâu đài (Trăng ra khỏi chốn nhà lâu)

- Giải: Thanh cao tự 在 nhất sinh vô ưu vô lụ (Tự mình ở nơi chốn trong sạch cao thượng nên một đời không lo không nghỉ)

PHÁN ĐOÁN:

•Thủ mệnh vi nhân thông minh lập chí cô cao, đa học thiếu thành truyện văn 閱 cường 疊 ký, trung niên tự hiềm cô độc, tứ tuần chi hậu khước hỷ đắc ngộ quý nhân, hữu quý nhân túu thực vô quý nhân tài bạch, đại sự hóa tiểu tiêu sự hoá vô, tác sự nghi lụ 慮 tương thức 識 dị sơ 疏, ái đièm đậm 恬淡 lạc thanh hư 清虛, chỉ nhân lập tính bất định, kỵ phiên tiến thoái tư thủ, bất kiêu bất lận bất ngoạn bất xiểm, chí khí hào dật 豪逸 tâm tính lang câu, nhi nữ bất đắc lực tận thị nhát trùng không, vu ta hè! bán tục chi mệnh dã !.

•Mệnh này là người thông minh lập chí cao vọng nhưng cô đơn, học nhiều thành công nghe ít được nhớ lâu, trung niên tự thấy mình cô độc, sau bốn mươi tuổi vui được gặp quý nhân, có quý nhân ăn uống không quý nhân về tiền bạc, việc lớn hóa nhỏ việc nhỏ trở thành không, làm việc thì nghi ngờ nghĩ ngại, cùng với người hiểu biết nhau rồi lại trở thành xa cách, ưa thích sự tĩnh lặng vui trong cảnh trong sạch trống không, chỉ vì là người có tính không ổn định, mấy phen trong đời tiến thoái nhùng nhăng, không kiêu căng không gian lận, không ngoan mạn không xiểm nịnh, chí khí phóng khoáng buông thả, tâm tính khó ràng buộc, con trai và gái đều không đắc lực, tất cả đều thành không, than ôi! đó là mệnh của nửa đạo sĩ nửa trần tục vậy!

Cách chung cho 06 tuổi

VIỄN CHÂN LÔI ĐÌNH

(Sấm sét vang xa)

Trường không viễn hướng lôi đình chấn
Biển dã phong sinh lẫm liệt uy
Vân tán Uyên Ương phương thảo độ
Phong phiêu uyên vũ lạc hoa chi
Thân hành Ngô Việt Nam kinh Bắc
Gia trú Tiêu Tương Đông phục Tây
Tá vần bách niên thu kết quả
Nhất điệu tiết trúc dẫn hài nhi

Xa trong không dây động sấm vang
Khắp thôn quê gió sinh uy lẫm liệt
Mây tan Uyên Ương bền cỏ thơm
Gió lướt khói mưa rụng cành hoa
Thân qua Ngô Việt đi Nam Bắc
Ở bên Tiêu Tương Đông ản Tây
Uớm hỏi trăm năm kết quả sao?
Một cành gậy trúc dẫn trẻ đi.

Y thực trùng tân hoán
Thân tình sa lý kim
Tử y nhân trợ lực
Hữu họa bất tương xâm

Áo cơm nhiều lần thay đổi
Thân tình như vàng trong cát
Người quyền quý giúp sức
Có tai họa không xâm lấn vào được

Tuổi Giáp cho 06 giờ Giáp: Hai giờ Tí Dần tốt nhất Thìn Ngọ Thân Tuất trung bình, xuất thân từ chốn thôn quê bình dân, gấp thời mà vượt trội lên thành công, danh tiếng vang động như sấm như gió sinh uy phong lẫm liệt lan rộng đi khắp nơi, công việc thường thay đổi phải bôn ba đi Nam về Bắc xuất ngoại thường xuyên, nhờ giao du thân cận với người quyền quý nên ít bị tai họa nghè nghiệp, ít thân bằng quyền thuộc, vợ chồng thường xa cách than thở nhớ thương, không được bền vững trăm năm, lấy vợ muộn có con mọn, cuối đời cô đơn.

HÀNH TÀNG :

Nhân trì trọng tiễn cung phương cử
Xạ lộc hoàn qui phú quý gia
Chung cửu mãn đường kim ngọc thịnh
Phùng Long kiến Hổ hảo sinh nhai

Người mang cung nặng mới cất lên
Bắn hươu trở về nhà sang giàu
Cuối đời đầy nhà vàng và ngọc
Gặp rồng thấy hổ tốt kế sinh

CƠ NGHỆP :

Tính tọa điện quang minh xác khoái
Thanh như lôi hưởng chấn lôi dài
Hương môn hưu thán gia Nam Bắc
Vạn lý giang sơn đáo kỳ hối

Tính toán chóng nhanh và sáng suốt
Tiếng như sấm động vang lôi dài
Gia đình làng xóm than Nam Bắc
Muôn dặm non sông đến mấy hồi

Cơ nghiệp lúc đầu còn nhiều vất vả khó khăn, tính toán công việc một cách nhanh chóng thông minh nên đạt kết quả thành công, có danh tiếng trong đời, về già được phú quý giàu sang, năm Thìn năm Dần mưu tính kinh doanh đều tốt đẹp, công việc thường phải đi xa nhà xa quê, cô thân nơi xứ lạ quê người.

HUYNH ĐỆ :

Tam nhạn phân phi hướng Ngô Việt
Sở thiên phong Nguyệt tự thê lương
Tiêu tương giao tống cô Hồng viễn
Đường lệ hoa khai ức dị hương

Ba nhạn chia bay đi Ngô Việt

Trời Sở ngắm trăng tự buồn thương
Bên Tiêu tương tiễn một chim Hồng
Hoa Đường nở buồn nhớ quê xa

Có ba người anh, chị hay em ở xa xứ, nhớ đến nhau mà buồn thương vì khó gặp, trong gia đình có trai, có gái, một trai một gái tha hương cách trở xa xăm.

HÔN NHÂN :

Dụng ý điền cầm hứng tự nhiên
Hưu thiêm phong cảnh hảo tiêu điều
Đa tài đào lý phòn chi diệp
Đan quê đường tiền hữu dị miêu

Có ý gầy đàn thích tự nhiên
Lại thêm phong cảnh vẻ buồn tênh
Trồng nhiều đào lý tốt cành lá
Đan quê trước nhà có giống lợ

Vợ chồng nên duyên phận vì cùng hợp sở thích, nhưng cảnh nhà buồn vì xa vắng luôn nhau, có con trai và gái đều nên danh phận.

TỬ TỨC :

Xuân hoa chính phát nhật trì trì

Dạ bán phong cuồng diệt diệt hy
Hạnh hữu nhất chi Hồng Hạnh tại
Hậu viên Đào Lý tịnh 並 phương phi

Hoa xuân chính nở ngày chầm chậm
Nuả đêm gió mạnh lá cành thưa
May có hồng hạnh còn lưu lại
Vườn sau đào lý đều thơm tho

Có con muộn, cha già con mọn, ít con có cả trai lẫn gái đều nên danh phận

THU THÀNH:

Nhược ngộ Tân Nhâm hưu cử dụng
Chỉ nghi an tĩnh thính đàn cầm
Giang biên Kê xướng phương vi mộng
Lưu thủy lạc hoa hậu hữu tâm

Nếu gặp Tân Nhâm đừng hành động
Chỉ nên yên tĩnh nghe đàn hát
Bên sông gà gáy mới là mộng
Nước cuốn hoa trôi sau có tâm

Trong năm Tân năm Nhâm đừng nên làm việc gì cả, hãy ở yên mà an vui thư hưởng, về già chết an lành như giấc mộng.

GiÁP - ÂT

Quẻ số 2: LÔi PHONG HẰNG

TỬ KHÍ TiNH

Giờ Ât Sửu: Cách Dương hoa hóa bình 萍 (Hoa Dương liễu hóa thành bèo)

- Giải: Căn cơ tuy bạc hạnh hữu hảo nhân tương phùng (Căn cơ tuy mỏng may gặp được người tốt trợ giúp)

Giờ Ât Mão: Cách Bệnh long hành vũ (Rồng bệnh đi trong mưa)

- Giải: Cửu 久 xứ ách cảnh chung hữu thăng đẳng chi nhật (Ở lâu trong cảnh tai ách, sau cũng có ngày tiến lên được.)

LONG CAO TiNH

Giờ Ât Tỵ: Cách Duyên mộc câu ngư (Leo cây tìm cá)

- Giải: Tuy lao nhi nhất vô sở 數 hoạch 獲 (Tuy khổ nhọc nhưng chẳng thu đếm được một cái gì)

Giờ Ât Mùi: Cách Phi sa thủ kim (Bới cát lấy vàng).

- Giải: Nhất sinh tân khổ sở đắc thậm vi (Một đời cay đắng khổ sở kiêm được rất ít)

THIÊN PHÁ TiNH

Giờ Ât Dậu: cách Phá phiếm giao thu(Quạt rách sang mùa Thu),

- Giải: Tác sự vô hằng động nghiệp bị nhân khinh khi (Làm việc thất thường không bền chí, bị khinh rẻ vì hành động).

Giờ Ất Hợi : Cách Kim bạn đôi thạch (Bờ vàng trồng đá).

•Giải: Lũ bại lũ hung đáo để bắt chí phá gia (Lúc bại lúc thành cuối cùng cũng không đến nỗi phá nhà).

PHÁN ĐOÁN:

•Thứ Mệnh tính cách điềm đạm, đởm khí anh hào, phàm sự bất năng thâm tư 思 viễn bị 備, kỷ phiên hữu thủy vô chung, bị 被 nhân đương tương cơ, nhân thủ cải biến trùng trùng, hung xú bất hung mỹ xú bất mỹ, sơ niên tráng kiện tinh thần, trung niên tâm hối 灰 ý lãn, hảo sự đa ma tai nguy yêm 淹 trợ, xảo trung thành khuyết vị xú thành phi, tùng xú thành gia lập nghiệp, bất viễn ly biệt thê tử, hữu quý nhân tửu thực, vô quý nhân tài bạch phân, chỉ kiến bán không bán tục, thử 此 Tao hóa sở chiên 所施.

•Mệnh này tính cách điềm đạm khí chất gan góc anh hùng, phàm sự việc gì cũng không thường nghĩ ngợi sâu dự phòng xa, nhiều phen bị người chê bai là làm việc gì cũng có trước mà chẳng có sau, nhân thế biến đổi luôn luôn, chốn hung hiểm chẳng hung hiểm, chốn tốt đẹp chẳng tốt đẹp, tuổi trẻ tinh thần tráng kiệt, trung niên lòng như tro lạnh ý lười nán, việc tốt gặp nhiều trở ngại tai biến nguy nan trầm trệ, trong khéo thành vụng chỗ phải thành trái, ví như khiến cho thành được nhà lập được nghiệp, chẳng tránh khỏi phải xa lìa vợ con, có duyên cùng quý nhân ăn uống, không có phần cùng quý nhân chia chác tiền bạc, chỉ thấy nửa không (tăng) nửa tục, ấy vì Tao hoá trao cho như vậy.

Cách chung cho 06 tuổi

LUU THUY UYEN UONG

(chim Uyên Ương trôi theo dòng nước)

Nhất song Hồng Nhạn lưỡng Đông Tây

Vũ đả uyên ương các tự phi
Mỗi quái động thâm vân xuất vân 晚
Ung hièm hải khoát lăng lai trì
Tài phùng quý tú song thằng 繩 đoạn
Lạc đáo Long môn nhất kiến trung
Diệp tạ hoa tàn căn bản tại
Canh thâm thu nguyệt thủy dương huy

Một đôi Hồng Nhạn nơi Đông Tây
Mưa dạt Uyên Ương mỗi tự bay
Quái lạ hang sâu mây ra muộn
Chỉ hièm biển rộng sóng tới chậm
Xây gấp Sao Quỷ hai dây đứt
Lạc tới cửa Rồng theo bước trong
Hoa tàn lá rụng gốc còn lại
Canh khuya trăng Thu mới rạng rõ
•Thợ bản Tùng Bách tè (Sóng lâu như cây Tùng Bách)
•Thiên linh bất đới thì (Tuổi trời chẳng đợi thời)
•Ngao ngư du thiển thủy (Cá Ngao chơi nước nông)
•Bình bộ thượng vân thê (Bình thản bước lên mây)

Tuổi Giáp cho 06 giờ Ất: Chỉ có giờ Mão là tốt các giờ khác đều khốn khó vất vả, anh em, vợ chồng đều xa lìa cách trở, vợ mất sớm, công danh sự nghiệp đều trì trệ,

chẳng gặp thời dù có năng lực không thoả chí như cá lớn ở nơi nước cạn, tuổi thọ cao đến cuối đời được hưởng an nhàn sung sướng.

HÀNH TÀNG

Dần vĩ Mão đầu quân phục phát
Ngưu dương vận chí vấn giai danh
Tuy nhiên thiệp hiềm tang du hạ
Dẫn lãnh quân tiên nhập hoa thành

Cuối Dần đầu Mão mi lại phát
Vận đến Trâu Dê hỏi danh tốt
Dẫu trải qua hiềm dưới gốc dâu
Dẫn lĩnh quân tiên vào thành hoa.

CƠ NGHĨEP

Lục dương nhiễm nhiễm trùng thành
Phi nhú phiêu diêu trực 遂 yến khinh
Túng hữu cuồng phong suy bất tán
Doanh gia tuy phá phá hoàn thành

Liễu xanh lay động quanh thành
Tơ bay phát phói theo én nhẹ

Ví có gió cuồng thổi chẳng tan
Kinh doanh gia đình phá lại thành

Qua vận Sửu vận Mùi bắt đầu khá, sau khi trải qua nhiều gian nan khó nhọc cuối năm Dần qua năm Mão thì phát đạt thành công, công danh sự nghiệp nhiều lần thất bại rồi lại xây dựng lên cuối cùng tuy nhỏ nhưng cũng tạo được sự nghiệp

HUYNH ĐỆ

Phong suy tú nhạn cao phi viễn
Hồi thủ sa định nhất chích cô
Lai khán giang sơn thiên vạn lý
Quy hoàn y cựu hạ bình vu 無

Gió thổi bốn nhạn bay cao xa
Quay đầu bến cát một chiếc đơn
Tới xem sông núi ngàn muôn dặm
Quay về nơi cũ chõ băng, hoang.

Anh em xa lìa cách trở, mỗi người một nơi, về nơi quê quán một mình cô đơn.

HÔN NHÂN

Kinh lưỡng uyên ương dong khôn quyện

Dã ưng xuân ý bất thê hòa
Niên trì thảo lục dung âu lô
Kinh khởi ô phi bạch hạng 項 đa

Trải qua đôi Uyên buồn khốn mỏi
Vậy ứng ý xuân chẳng đậu cùng
Đầm sen cỏ biếc chim cò cốc
Kinh hãi qua bay cỗ trăng nhiều

Vợ chồng chia lìa nhau, không hoà hợp, khó cùng nhau sống đến bạc đầu.
TỬ TÚC

Yêu đào hoa phát hà đa diễm
Mã thủ 首 phượng tri lưỡng quả thành
Phượng các long lâu tuy hữu phận
Yêu kim y tử thượng quan kinh

Hoa yêu đào nở sao nhiêu đẹp
Đầu Ngựa mới biết thành hai quả
Gác Phượng lâu Rồng biết có phận
Áo gấm lưng vàng lên kinh quan

Có con thành danh, con giàu sang phú quý, hưởng phúc phận từ con.

THU THÀNH

Thiên linh vĩnh mệnh tề tùng bách

Tứ quý thương 蒼 thương phong nguyệt nhàn

Nhân đạo ngao ngư kim thấu hải

Nam Kha nhát mộng tái kinh hoàng

Tuổi trời mệnh thọ như tùng bách

Bốn mùa xanh ngát trăng gió nhàn

Người bảo cá ngao nay ra biển

Một giấc nam kha lại kinh hoàng

Mệnh rất thọ sức khoẻ tốt sống lâu như cây tùng cây bách xanh tươi bốn mùa, ngẫm lại cuộc đời trải qua nhiều thăng trầm khổn khổ mà thấy kinh hoàng, hưởng an nhàn sung sướng ngắn ngủi như giấc Nam kha (mộng Nam Kha, giấc mơ dưới gốc cây hè, để chỉ cuộc đời là phù du ảo mộng; công danh phú quý như giấc chiêm bao ngắn ngủi).

Quẻ Số 3: Lôi Hỏa Phong

THIỀN TRẺ TINH

Giờ Bính Tý: Cách Du lân 鱗 xuất chiểu 沼 (Cá ra ao chơi)

- Giải: Bảo 保 hưu đại chí tích hồ bát đắc kỳ sở (Có ôm giữ chí lớn tiếc rằng chẳng được tới nơi chốn)

Giờ Bính Dần: Cách Phong nhập hoa lâm (Ông vào rừng hoa)

- Giải: Nhân cực tiệm lợi 嶄利 tu phòng tẩu nhập tà đồ (Người rất lanh lợi nên phòng đi vào con đường bất chính).

THIỀN HOÀNG TINH

Giờ Bính Thìn: Cách Loan Phụng thê ngô 梧 (Loan Phụng đậu cây ngô đồng)

- Giải: Hữu cao thân khả phổi nhi bất đắc kỳ lực (Có người thân cao trọng khá sánh đôi nhưng không đắc lực).

Giờ Bính Ngọ: Cách Thạch thượng kim hoa (Hoa vàng nở trên đá)

- Giải: Đò hữu hư danh hào vô thực tế (Chỉ được hư danh không có chút thực tế).

THIỀN HƯỚU TINH

Giờ Bính Thân: Cách Thiển 扁 thủy hành chu (Đi thuyền trên nước cạn)

- Giải: Tác sự tân khổ nan vọng tốc hiệu 效 (Làm việc gian khổ nhưng khó được công hiệu kết quả mau chóng).

Giờ Bính Tuất: Cách Y cầm kỵ lư (Mặc áo gấm cưỡi lừa)

- Giải: Đắc lợi hoàn hương vẫn cảnh tiêu dao (Được lợi trở về làng cảnh già an nhàn)

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh mãi nghệ nghiệp công xảo chi tinh, học thuật thanh minh chi tú 秀, cõi hựu cõi bát liễu 了 tục hựu tục bát liễu, hoạn nạn chung hung bắt thành hung, thành lập xứ phúc bắt vi phúc, cao nhân khâm kính tiếu bối đố hiềm, năng lập cương kỷ 纲紀 hội thẩm pháp độ, tự tại xú tầm xuất bắt tự tại, hoan hỉ xú biến tác nhất tràng sầu, huynh đệ hữu nhược vô, thân thích bắt đáo đầu, kiện kiện thân thủ ban ban tự tạo, gaii Tạo hóa sở chí.
- Mệnh này là sao nghề nghiệp thợ khéo léo tinh xảo, là vẻ tốt đẹp của học thuật trong sáng, trong cõi đơn lại chưa hẳn là cõi đơn, cõi tràn tục lại chưa hẳn là nơi tràn tục, trong hoạn nạn xấu chẳng thành xấu, chỗ thành lập phúc lại chẳng là phúc, người trên kính trọng yêu mến kẻ dưới nghi kỵ ganh ghét, hay dựng ra giường mới xét lập nên khuôn phép, chôn tự tại tìm ra chôn không tự tại, nơi vui mừng biến thành một dãy buồn sầu, anh em có mà như không, người thân thích trong gia đình chẳng quay đầu đoái hoài giúp đỡ, mọi sự kiện đều tự tay làm nên, đều do Tạo hóa mà đến thế.

Cách chung cho 06 tuổi

MÃ QUÁ XUYÊN SƠN CÁCH

(Ngựa đi qua sông núi).

Cao phong thiên lý khởi ba đào
Nhất phiến Thiên cơ đởm khí cao
Vân hán nhạn hồng song dực kiện
Sương hàn tùng bách nhất chi kiên
Doanh cầu đa lợi đa thành bại
Bồi chung xuân hoa chuyển tịch liêu
Tá ván tiền trình vinh đạt sự

Tịch dương ảnh lý thái tiên đào

Gió cao ngàn dặm nổi sóng dồn

Một mảnh cơ trời đởm khí cao

Mây trời Hồng nhạt đôi cánh khoẻ

Giá lạnh bách tùng cành bên vũng

Kinh doanh nhiều lợi nhiều thành bại

Xuân đến trồng hoa mà vắng lặng

Ướm hỏi tiền trình việc vinh đạt

Trong ánh chiều tà hái đào tiên

Tuổi Giáp cho 06 giờ Bính: Chỉ có giờ Tuất là tốt, giờ Thìn trung bình, các giờ khác vất vả, kém. Cuộc đời nhiều thăng trầm, nhờ chí khí cao có sức khoẻ lại bền lòng nên sự nghiệp dẫu nhiều lần thành rồi bại vẫn kiên trì xây dựng lại, đến cuối cùng cũng thành đạt và được hưởng an nhàn.

HÀNH TÀNG :

Hồi thủ giang san thiên vạn lý

Hương quan vạn lý lộ siêu siêu 超

Hưu thán vinh nhục bình sinh sự

Vân 晚 cảnh phong lưu khí tượng cao

Quay đầu non sông ngàn vạn dặm

Làng nước vạn dặm đường xa thẳm

Đừng than vinh nhục việc hàng ngày

Cuối đời phong cao khí tượng cao

CƠ NGHỆP :

Tiêu dao dài thượng quang minh Nguyệt

Độc bộ vân gian Nhật thượng sơn

Sinh lai bất toại bình sinh chí

Chung thị tâm nhàn tính bất nhàn

Dạo bước dài cao xem trăng sáng

Một mình lên mây mặt trời lên cao

Từ lúc sinh ra không toại ý

Sau cùng tâm nhàn tính chẳng nhàn.

Đường đời công danh sự nghiệp thăng trầm, xa quê đơn thân tự lập vất vả nhiều
mới tạo dựng lên cơ nghiệp, chỉ vì từ lúc sinh ra không toại ý, đến cuối cùng cũng
có danh phận nhỏ

HUYNH ĐỆ :

Đường lệ hoa khai phong vũ thi

Tây tường thủy chúc tựa y y 猶猶

Nhạn hành giai bất Đông Tây khứ

Nhất cá cô Hồng Độc tự phi

Hoa đường lệ nở lúc mưa gió

Tường bên Tây liễu xanh ròn rượp

Nhạn bay đều chǎng đi Đông Tây

Một cánh chim Hồng tự bay đi

Anh chị em lúc cha mẹ sinh thời còn vui vẻ quây quàng, sau chia ly mỗi người một phương, một người rời đi xa, chị em gái như hoa đẹp nở vào lúc mưa gió.

HÔN NHÂN :

Hưu nghĩ Phượng Loan tân thịnh sự

Khởi kỳ phong cảnh hảo tiêu điêu

Trùng 重 tài Đào Lý sinh Tùng tử

Đan Quê đường tiền trưởng dì miêu

Chớ nghĩ Phượng Loan việc mới thịnh

Há rằng phong cảnh ngày tiêu điêu

Trồng cây Đào Lý sinh Tùng con

Trước nhà Đan Quê giống lớn, lạ

Đừng nghĩ hôn nhân phải sánh duyên cùng Loan Phượng mới xứng, mà nên nghĩ rằng cảnh nhà đã suy tàn không còn xứng hợp như trước nữa, tuy kết hôn với người bình dân như cây Đào cây Lý, mà lại sanh con là quý tử ví như cây Tùng (quân tử) thơm tho quý hiển như cây Đan cây Quê.

TỬ TÚC:

Hậu viên 院 hảo hoa do 猶 vị thực

Hạm 漢 tiền hoa nhị thượng phiêu phiêu

Phùng Dương ngộ Hổ đa vinh hạnh

Nhật mô tang du quả tử tiên 鮮

Sau tường hoa tốt còn chưa thực
Trước giàn hoa cao nhụy phát phơ
Gặp Dê gặp Hổ nhiều vinh hạnh
Ngày chiều cây dâu kết quả tươi

Những đúra con đầu chưa hẳn là tốt, nếu sinh những đúra con sau vào năm Mùi năm
Dần mới thực hiễn vinh thành đạt, có con muộn quý hiển

THU THÀNH :

Hữu ý Thìn niên Long tại thủy
Vô tâm Dần thượng hảo quy sơn
Thanh phong minh nguyệt bạn u độc
Viên hạc tương y bất đắng nhàn

Có ý năm Thìn Rồng tại nước
Năm Dần không ý mà về núi
Gió mát trăng thanh bạn với nhau
Cùng chung Vượn Hạc nhàn gì hơn

Tới cuối đời được hưởng cảnh thanh nhàn, nghĩ là năm Thìn sẽ chết, nhưng không
phải đâu ngờ năm Dần không nghĩ tới lại ra đi.

QUẺ SỐ 4: LÔI ĐỊA DƯ'

THiÊN TRÊ TiNH

Giờ Đinh Sửu: Cách Phù bình vũ lộ (Bèo nỗi gắp mưa móc).

- Giải: Đắc thất vô định hảo sự bất tường (Được mất không ổn định việc tốt không lâu dài).

Giờ Đinh Mão: Cách Tàn cúc kinh sương (Hoa cúc tàn gắp sương)

- Giải: Vẫn niên đa nạn hành nhi lực thượng năng chi (Tuổi già gặp nhiều tai nạn may mà có sức chống đỡ).

THiÊN CỎ TiNH

Giờ Đinh Tỵ: Cách Kim bình Mẫu đơn (Hoa mẫu đơn cẩm trong bình vàng)

- Giải: Mục tiền phú quý bất túc vi bằng憑 (Giàu sang trước mắt không đủ lấy làm bằng chứng)

Giờ Đinh Mùi: cách Úng lý minh oa 蛙 (Éch kêu trong cái hũ)

- Giải: Chí khí tuy đại tuy vô phát triển chi địa (Dù có chí lớn nhưng không có nơi phát triển)

THiÊN HOÀNG TiNH

Giờ Đinh Dậu: Cách Không trực tâm vân (Tìm mây trong hang núi)

- Giải: Hào vô ý bàng lao vô nhi công (Mánh may không nơi nương tựa khó nhọc chẳng có công)

Giờ Đinh Hợi: cách Trì 池 chiểu nạp lương (Ao hồ mát lành).

- Giải: Sở mưu tuy thành đáo đế nǎng miễn thất bại (Mưu đấu có thành khó tránh khỏi thất bại).

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ tinh chiếu mệnh, vi nhân mi thanh mục tú, tính cách hiên ngang, tùy cơ chế độ 制度 tri cao thức đê, phân tôn ty biệt quý tiệm, chỉ duyên tâm cao chí đại nhân, thủ nhân thế tung tích 蹤跡 bất ninh 寧, đại khoan tiểu cấp khẩn mạn bất quân 勻, vong tiền thất hậu, hội thi vi năng trang sức, dịch phong sương, khước đắc hung trung biến cát, mục hạ ác tinh tương xuất hạn, phúc lâm tài trí tận vô nghi.
- Mệnh này Sao Thủ chiếu mệnh, là người mắt sáng lông mày đẹp, tính cách dũng cảm, sắp đặt thê liệt nhất định cho người noi theo, hiểu được cao thấp phân biệt trên dưới sang hèn, chỉ vì có tâm duyên chí khí là người làm việc lớn; vì thế nên đời người không được yên ổn, việc lớn thì chậm rãi nhỏ thì nhanh chóng, việc cần gấp lại chậm không hoà đều, quên trước mắt sau hay lo liệu bày đặt ra ưa sắp đặt sắm sửa, trải qua mưa gió sương lạnh lại được trong xáu biến tốt, dưới mắt sao xáu sắp hết kỳ hạn, phúc tới tài và trí đều hết thảy không còn ngờ.

Cách chung cho 06 tuổi

XUÂN NOÃN 暖 OANH ĐÈ 鶯啼

(Mùa xuân ấm chim Oanh hót)

Tô nghiệp thành thì Đông hựu Tây

Lục dương ảnh lý Tử Quy đê

Sơn không nguyệt lãnh viên thanh khiết

Lâm hạ phong cao Tước quyện 卷 phi

Hồng Nhạn vân biên đa đoạn tục

Uyên Ương vũ đả lưỡng phân ly

Cá chung sinh ý hồng trần ngoại

Tranh nại thân do thiệp thị phi

Thời lớn nghiệp Tô đồng lại tây

Bóng liêu xanh xanh chim Quyên hót

Núi không trăng lạnh vượn kêu thảm

Dưới rừng cao gió Tước mỏi bay

Nhạn hồng bên mây nhiều đứt nối

Gió mưa vùi dập Uyên lìa Ương

Trong cái ý sông ngoài trần bụi

Thân còn vương măc vòng thị phi

•Căn cơ lưỡng hiện thành (Căn cơ cả đôi đều hiện thành)

•Thé sự lưỡng tương oanh 漾 (Việc đời đều xoáy quanh)

•Vô hạn phong quang hảo (Phong cảnh tốt vô hạn)

•Mai hoa tuyết lý xuân (Xuân hoa mai trong tuyết).

Tuổi Giáp cho 06 giờ Đinh: Giờ Ty tốt hơn cả, các giờ khác đều vát vả. Khi đã lớn thì tổ nghiệp đã không còn thịnh vượng nữa, chỉ còn tiếc nuối như chim Đỗ Quyên kêu khóc ngày hè (Tử Quy còn có tên là Đỗ Quyên Đỗ Vũ hay chim Quốc. Giống chim này, đầu mỏ hơi cong, miệng to đuôi dài, lưng màu tro, bụng sắc trắng có một đường đen thẳng ngang. Nó thường lùi trong bụi rậm dưới ao sâu hoặc hồ rộng. Cuối xuân sang hè thì bắt đầu kêu. Giọng thê thảm khiến khách lữ hành động lòng nhớ nhà, nhớ quê hương), gia cảnh tiêu điều như nơi hoang sơ nghe vượn kêu thảm thiết, mệt mỏi cố gắng gây dựng lại cơ nghiệp như chim se sẻ bay trước gió cao

thối mạnh, anh em xa lìa, vợ chồng ly tán, dù ý muốn thoát ra ngoài bụi trần, mà vẫn vướng mang vòng phải trái cõi đời, rồi sau cơ nghiệp cũng thành đạt, mọi việc trong đời xoáy quanh, thời đến cảnh nhà lại tốt đẹp vô cùng.

HÀNH TÀNG :

Hu ta 呀嗟 tích 積tuê vi truân 屯kiên饗

Nhuộc ngộ không trung tiệm tị hung

Ý tại tiêu diêu trần thế ngoại

Tri long phấn phát tại nham trung

Than ôi năm chúa nhiều trở ngại

Nếu gặp trong không chậm tránh hung

Ý ở tiêu dao ngoài trần thế

Biết rồng phấn phát trong núi hiểm

CƠ NGHIỆP :

Tổ nghiệp phân phân đong phục tê

Lục dương chi thương tử qui đè

Kim quân nhuộc vân vinh khô sự

Chỉ khùng thiên niên thọ bất tè

Tổ nghiệp rối bời Đông lại Tây

Trên cành liễu biếc chim Quyên hót

Nay ngươi nếu hỏi việc tươi khô

Chỉ sợ tuổi trót thọ chặng tây

Than thở những năm tháng đầy gian nan trở ngại, tổ nghiệp gia đình suy tàn đau thương, ý muốn thoát vòng trần tục, nhưng nên biết rằng người có chí khí cao như rồng phượng thì phấn phát lên sau khi đã ẩn thân trong núi hiểm, tới lúc phát rồi chỉ e ngại tuổi thọ không sánh cùng vinh hiển.

HUYNH ĐỆ :

Cô hồng thủy thủ lữ hoa bạch

Nhất nhạn cô phi viễn phố 浦 trung

Hồi thủ mộ vân thiên vạn lý

Bán giang lưu thủy nhất phàm phong

Một cánh chim hồng ẩn hoa lau

Một nhạn bay xa trong bãi sông

Quay đầu mây chiều muôn ngàn dặm

Nửa sông nước chảy một buồm gió

Anh em thân thích cô đơn chia lìa nhau, quay đầu nhìn lại mọi người đều đã già vẫn còn xa cách, bàng bạc ánh chiều tà cuối đời chặng xum họp lại được với nhau.

HÔN NHÂN :

Uyên ương kinh tán bôn liên chiểu

Khẳng tiêu dương hoa vũ lạc thời

Hỗn huyệt long tuyền tự khoái lạc

Bát tu kê khuyển tại phiên ly

Đầm sen kinh hãi Uyên ương chạy

Khá cười hoa dương mưa rơi rụng

Hang hổ suối rồng tự vui thích

Chẳng nên gà chó bên bờ đậu

Trong hôn nhân gặp sự bất tường khiến chia lìa xa cách, cảnh đau thương như hoa dương rơi rụng trong mưa gió, thôi dành chấp nhận tự vui với chí khí lớn của mình như ẩn trong hang hổ suối rồng để chờ thời làm việc lớn, chẳng nên quơ quào tầm thường như lũ gà chó bên bờ rào.

TỬ TÚC :

Phong xuy nhất chi đào hoa phát

Cao khán tam lưu tam quả tiên 鮮

Dị dạng phương sò 雛 y trúc hạ

Đại thành vũ dực hướng thiên biên

Gió thổi một cành đào hoa nở

Khó lưu lại được ba quả tươi

Dáng lạ phượng non nương dưới trúc

Đại thành lông cánh hướng bên trời

Khó có con, con nhiều đậu ít, không trai, con gái nhỏ út rất quý hiền như chim
Phượng còn non chờ ngày phát quý.

THU THÀNH :

Phùng Xà hưu vấn dao dài lộ

Ngô Hổ đè phòng kiến Thủ Kê

Cảo cảo nhân gia hoan hỉ tiêu

Dạ thâm nguyệt lạc Tử Qui đê

Gặp Rắn chớ hỏi đường dài ngọc

thấy Hổ đè phòng gấp Gà Chuột

Người nhà hoan hỷ cười khơi khói

Đêm khuya trăng xé Tử Qui kêu

Gặp năm Ty chưa phải về nơi tiên cảnh, năm Dần nên phòng hai tháng Tí Dậu, trong lúc người nhà vui vẻ nói cười, thì một mình ra đi buồn như chim Quyên kêu thê thảm.

Quẻ Số 5: Lôi Sơn Tiếu Quá

GiÁP – MÂU

THIỀN HỒI TINH

Giờ Mậu Tý: Cách Diêm xa kí 驥 túc (Vó ngựa giỏi kéo xe muối)

- Giải: Hữu tài nhi bất năng phát triển (Có tài mà không thể phát triển được)

Giờ Mậu Dần: Cách Hạn tinh phùng lâm 霽 (Giêng khô gặp mưa dầm)

- Giải: Khốn đốn dĩ cực tự hữu nhân lai phù trợ (Khốn khổ đến cùng cực tự nhiên có người đến giúp đỡ)

THIỀN YÊM TINH

Giờ Mậu Thìn: Cách Y cảm dạ hành (Mặc áo gấm đi đêm).

- Giải: Căn cơ tuy hảo bất đắc kỳ thời (Căn bản tuy vững chắc nhưng lại không gặp thời)

Giờ Mậu Ngọ: Cách Thạch thượng tài tùng (Trồng cây tùng trên đống đá).

- Giải: Tác sự vô căn cứ bất năng trì cữu (Làm việc thiếu căn bản nên không được lâu dài)

THIỀN QUÝ TINH

Giờ Mậu Thân: cách Thập nguyệt mai hoa (Hoa mai nở tháng mười)

- Giải: Tảo niên phát đạt bất hỷ nghinh hợp tha nhân (Tuổi trẻ đã phát đạt không ưa đón tiếp hòa hợp với người khác).

Giờ Mậu Tuất: cách Lộ nhập bình pha (Đường vào bờ phẳng)

- Giải: Nhất sinh tận xứ thuận cảnh (Trọn đời gặp hoàn cảnh thuận lợi)

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh dong 慵 nān 躇 chi tú muội ám chi tinh, tác sự trùng trùng thóai hối 悔, hành tọa bộ bộ 步 trù trù 蹤躇, bất năng phủ 倚 ngưỡng nhân, bất hội trang sức sự y thực tự hữu, chỉ nghi cải biến, thủ tổ tắc lạc thân vô phận, tĩnh tọa tắc tú chi sinh bệnh, chỉ nghi quá phòng lập chué 飬, ly tổ lập thân, tính khẩn mạn bất điệu, thé sự thành bại bất nhất, tòng lai hiềm trở tăng kinh quá, hạnh đắc hung trung hữu cứu thân.
- Mệnh này là khí chất của lười biếng phóng túng là sao mờ ám, làm việc gì cũng luôn luôn hối tiếc lùi bước, đi hay ngồi từng bước cũng do dự rụt rè, không thích cúi đầu hoặc kính trọng người, không ưa việc trang sức áo cơm tự có, để thay đổi chỉ nên tự mình tạo dựng lấy cơ nghiệp, chứ không có phận giữ nghiệp Tổ, nếu giữ nghiệp Tổ thì át hẳn thân phải lưu lạc, ngồi yên thì chân tay sinh bệnh, chỉ nên ở rẽ hoặc làm con nuôi, rời xa tổ nghiệp lập lấy thân, tánh tình nhanh chậm chẳng đều hoà, việc đời thành bại không nhất định, từ trước tới nay đã từng trải qua hiềm trở, may mà được trong sự hung dữ lại có thân cứu giúp cho thoát khỏi.

Cách chung cho 06 tuổi

NGƯ PHỦ THU 收 LUÂN 縱 CÁCH

(Cách ông già câu cá thâu dây câu vè)

Ngư phủ thu luân nhất trạo khinh

Sanh 笙 kì 旗 đội trương 仗 xuát thiêng 扇 thành

Tướng quân tại ngoại tư 思 triều quốc

Du tử tâm trung quá lăng bình

Sinh kê tất tòng tha xứ lập

Vận mưu ưng 應 thị thiếu niên doanh

Thiên biên cô nhạn cao phi khú

Hoa lạc thiềm tiền nguyệt mǎn đình

Câu cá thâu dây nhẹ mái chèo
Cờ kèn đội ngũ cồng thành ra
Bên ngoài biên giới tướng nhớ vua
Trong lòng lăng tử sóng bèo qua
Kế sinh nên lập nơi chốn khác
Kinh doanh chỉ thích thời niên thiếu
Nhạn lẻ bên trời bay cao đi
Bên thềm hoa rụng trăng đầy sân

Tuổi Giáp cho 06 giờ Đinh: giờ Thân Tuất tốt hơn cả, các giờ khác trung bình và kém. Hai trạng thái, một người bình dân câu cá kiếm sống hàng ngày, đã thu lưỡi câu về chưa biết được cá hay chưa? Với cảnh cờ quạt chiên trống của một tướng quân về triều đình chầu vua, mơ màng trên sóng nước như một lăng tử câu cá độ nhật qua ngày, nếu muốn khá hơn thì nên thay đổi sinh kế cách khác, mà phải từ lúc còn trẻ mới hợp thời, nay đã già (ngư phủ = ông già câu cá) thì cũng cô đơn lặng lẽ như nhạn lìa bầy, nhìn hoa rụng bên thềm trăng chiếu đầy sân, cô quạnh buồn tênh. Theo phần Phán đoán, số này không có gì nổi trội vì: khí chất của lười biếng phóng túng là sao mờ ám, làm việc gì cũng luôn luôn hối tiếc lùi bước, đi hay ngồi từng bước cũng do dự rụt rè...

HÀNG TÀNG

Quá kế truyền danh lộc vị cao
Nhất sinh trung thực nhiệm tiêu dao
Biên đình tá hướng tướng quân phúc

Nhược hoàn thủ cựu định tiêu điêu

Kế tiếp danh truyên lộc vị qua
Một đời trung thực chịu rong chơi
PhuỚc mượn bên sân quân tướng hưởng
Nếu mà giữ cũ hẵn buồn tênh

CƠ NGHIỆP:

Nhân sinh cư lạc 落 tư 思 vi lạc 樂
Khởi 壴 vị thân cao chí dục đê 低
Nhược ngộ hổ đầu nhân phấn phát
Tang du nhân ngộ hổ sinh uy

Kiếp người riêng ở nghĩ làm vui
Há muôn vị cao chí lại hèn
Nếu gặp Hổ đầu người phấn phát
Bóng dâu người gặp cọp sinh oai

Danh tiếng của gia tộc đã qua rồi, tánh tình tuy trung thực nhưng chỉ thích rong chơi như: Trong lòng lảng tử sóng bèo qua, chỉ còn hưởng âm phúc của tiền nhân để lại mà không quá cơ cực thôi, cũng nên thay mới đổi cũ, dung nê ý dựa vào Tố nghiệp để lại đã suy tàn rồi, (tiêu điêu: rơi rụng lưa thưa, tro trọi buồn tênh như lá mùa thu). Kiếp người vui trong cái mình có riêng, nếu gặp đầu năm Hổ thì khá giả, sang hèn đều do chí khí của mỗi người

HUYNH ĐỆ:

Xuân phong lưỡng nhạn ly quân đội
Xuân nhật oanh điều 條 kim lũ 繼 y
Độc thượng ngô 吾 giang phong nguyệt lãnh
Lưỡng trùng môn hộ khả tương y

Gió xuân hai nhạn lìa hàng ngũ
Ngày xuân oanh mặc áo vàng non
Đơn độc trên sông trăng gió lạnh
Hai lần nhà cửa tựa nương cùng

Vào lúc gia đình đang vượng thịnh tươi đẹp như chim Oanh mới thay lông vàng
tươi non, thì anh em lại chia lìa, đơn độc ra đi nương nhờ nơi gia đình khác.

HÔN NHÂN

Cầu điệu cầm sắt bất tu ưu
Tài thượng lan chu phong đả đầu
Nhược vấn phụng hoàng uyên lữ bối
Vãng lai âu lộ tận ưu du

Tìm duyên cầm sắt chẳng nên lo
Lên chiếc thuyền nan gió đánh đầu
Nếu hỏi phượng hoàng lũ bạn uyên
Tôi lui cò cốc thấy vui chơi

Việc hôn nhân tìm người xứng ý chẳng phải lo, tuy có chông chênh như chiếc thuyền con bị gió xô đẩy lao đảo, nếu có hỏi so sánh hôn phối của mình có cao sang như chim Phượng đối với lũ vịt nước (bạn Uyên) hay không? Thì cho dù kém hơn như lũ chim cò chim cốc vẫn tới lui với nhau một cách thoả thích vậy

TỬ TÚC

Đa thị huyên đường âm chất hựu
Long lâu phuợng các tập kỳ danh
Hữu phận truyền danh tất hữu lộc
Nhược vấn ưu du hưởng phúc hanh

Nhiều phần âm đức mẹ cho
Lâu rồng gác phuợng họp kêu tên
Có phận xướng danh ắt có lộc
Nếu hỏi vui chơi phúc thông hanh

Con cháu được nêu danh khá giả nhiều phần nhờ do ân phúc của người mẹ, con sau này khá giả hưởng phúc thanh nhàn.

THU THÀNH

Hoa chính khai thời tranh diễm dã
Liên tiêu phong vũ hựu li phi
Đinh Nhân niêm thượng đa trù tướng
Hữu dữ nhân gian tác mộng thời

Chính lúc nở hoa đua rực rỡ

Suốt đêm mưa gió lại chia bay
Đinh Nhâm năm lo nhiều buồn hận
Nghỉ thoi chăng mộng với nhân gian

Vào lúc giữa xuân muôn hoa đang nở rộ, thì trong nhà lại có tai biến như mưa gió suốt đêm, trong năm Đinh, Nhâm có nhiều lo buồn tủi hận, lúc đó thoi hãy an lòng mà về đi chăng nên mơ mộng sống cùng với người đời làm chi nữa.

GiÁP - KỶ

QUẺ SỐ 6: LÔI ĐỊA DƯ'

THIỀN CHƯƠNG TÌNH

Giờ Kỷ Sửu: Cách Sương nguyệt phi vân (Trăng trong sương mây bay)

Giải: Thanh vân đắc lộ bộ bộ cao thăng (Từng bước tiến lên cao tận mây xanh)

Giờ Kỷ Mão: cách Khát mã ẩm tuyền (Ngựa khát uống nước suối)

Giải: Hoạn nạn dĩ quá giai cảnh túc tại mục tiền (Hoạn nạn đã qua cảnh tốt túc thời ở trước mặt).

THIỀN DIỆU TÌNH

Giờ Kỷ Ty: Cách Thiệp 涉 thủy cầu ngư (Lội nước tìm cá)

Giải: Nhâm niên Quý niên doanh mưu hữu hoạch (Năm Nhâm năm Quý buôn bán có lợi)

Giờ Kỷ Mùi: Cách Trần塵 kiém mai 埋 quang (Bụi bám vào gươm kiếm làm mất ánh sáng)

Giải: Đảm khí anh hào duy khủng hoài tài bất ngộ (Khí chất anh hùng chỉ ngại rằng tài năng chỉ ôm áp trong lòng mà không gặp thời)

THIỀN TRUNG TÌNH

Giờ Kỷ Dậu: Cách Phi 披 vân tâm nguyệt (Rẽ mây tìm trăng)

Giải: Nghi 宜 xuất viễn môn khả ngộ tri âm chi nhân (Nên ra khỏi cửa thì sẽ được gặp bạn tri âm)

Giờ Kỷ Hợi: Cách Suy thảo phùng xuân (Cỏ úa gặp mùa xuân)

Giải: Vận cảnh hảo giai đại khả 可 phát triển (Về già khá tốt có thể phát triển lớn).

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh phúc khánh chi diệu tường thụy 祥 瑞 chi tinh, an tĩnh xứ sinh xuất la tạo 羅 哥, giám 監 giới xứ khước hưu cứu thân, xảo trung thành khuyết thị xứ thành phi, thân thích hồn 淳 như mạch lộ nhân, ngoại phương khước hưu tri âm giả, phu phụ qua bì đối liễu thụ, huynh đệ đồng bồn đối thiết chủy, nan vi nhi lữ độc lực đảm đương, đáo đâu hoàn hưu hảo thu thành.
- Mệnh này là ánh sáng của vui mừng phước đức, là sao có điềm tốt lành, lúc yên tĩnh sanh ra trò chuyện ồn ào, vào nơi chốn bị giam hãm lại có thân cứu giúp đỡ, trong khéo thành vụng nơi đúng thành sai, thân thích đều cùng như kẻ qua đường, ở bên ngoài lại có tri âm, vợ chồng như vỏ quả dưa đói với cây liễu, anh em va chạm nhau như bồn đồng với chổi sắt, con trai con gái khó khăn, tự một mình đảm đương mọi việc, nhưng rồi cuối cùng thu lượm lại được kết quả tốt.

Cách chung cho 06 tuổi

PHƯỢNG TÚC 宿 NGÔ ĐỒNG

(Chim Phượng đậu cây Ngô đồng)

Phụng hoàng thành thượng điếu kinh ngao

Đởm khí tầng kinh trực lãng đào

Nhạn quá bích thiên li cỗ tái 塞

Âu 鸟 du lục thủy trưởng tân mao

Thiên khai vũ đả chi đầu tổn

Quả kết phong xuy tử bất lao 牢

Bắc bạn thị gia nam bạn lập

Bích đào xuân noãn 暖 ngộ anh hào

Trên thành Phượng câu cá lớn
Đởm khí trại từng sóng đuối theo
Nhạn vượt trời xanh rời ải cũ
Chim âu lìa nước lông thay mới
Trời mở cơn mưa đánh đầu cành
Sau cùng gió thổi quả chảng bần
Bờ bắc dựng nhà bến Nam lập
xuân ấm đào xanh gặp anh hùng

- Ngộ khuyên công danh đạt (Gặp Tuất công danh thành đạt)
- Phùng Ngưu chí khí cao (Gặp Sửu chí khí lên cao)
- Hạn túy Ngưu Mão tuế (Hạn theo năm Sửu Ngọ)
- Thân tại bích vân tiêu 霽 (Thân ở chốn mây xanh)

Tuổi Giáp cho 06 giờ Mậu: tuổi Giáp giờ Mậu hợp nên lá số khá đặc biệt, sinh giờ Sửu, Mão, Tỵ tốt hơn cả, các giờ khác dù có xấu nhưng không nặng vì mệnh là: ánh sáng của vui mừng phuortc đức, là sao có điềm tốt lành. Là người có chí khí lớn, ví như ngòi trên thành phượng hoàng cao ngất ngưởng để câu cá kình ngao (cá lớn như cá voi), nhưng trong đời phải trải qua nhiều gian nan vất vả vượt qua sóng gió, nay đây mai đó lo kiếm tạo nhiều nơi, đơn độc chèo chống để gây dựng, về sau khi gặp thời vận tốt thì tạo dựng lên được cơ nghiệp. Gặp năm hay vận Tuất thì công danh thành đạt, gặp Sửu càng hùng hực chí khí, vận hạn theo năm Sửu năm Ngọ thì vượt lên tận chốn mây xanh, công thành danh toại.

HÀNH TÀNG

Bình sinh 平生 lập chí thi □ kì sách 策

Lịch biến giang sơn vạn lý tình

Kim mã ngọc đường nhân cộng ngũ
Long lâu phượng các dã tri danh

Bình thường lập chí bày mưu lạ
Trải khắp non sông muôn dặm tình
Ngựa vàng nhà ngọc ta cùng người
Lầu rồng gác phượng vây nêu tên

CƠ NGHIỆP

Sinh bình hoài chí điếu kình ngao
Thời trị trường giang khởi nộ đào
Thân tại bắc gia nam diện lập
Mai thanh tùng mậu yến 摶 bèng 蓬 khao 碩

Chí ôm hoài bão câu cá lớn
Thời gặp sông dài dậy sóng đên
Thân nơi chốn bắc lập tại nam
Mai xanh tùng tốt cỏ nhô lên

Trong lúc chưa gặp thời ra làm việc, là người thường ôm chí lớn, hay bày mưu tính kế, toan tính mưu đồ cho công việc, lúc ra làm xốc vác nhiệt tâm, nay gây dựng nơi đây mai thành lập nơi khác, lúc đã thành công rồi thì phú quý hiển danh nơi lầu rồng gác phượng, là người có chí khí lớn ví như cây mai cây tùng là bậc quân tử thì phải ở nơi đất tốt để dụng võ, chứ không thể sống chung với loại cỏ bòng cỏ dại

sông nơi đất xáu, cần nhỏ bỏ đi (bòng蓬: cỏ bòng, cỏ dại mùa thu thì chết khô, yễn揠: nhổ lên, khao礲: đất xáu, đất cằn cỗi.)

HUYNH ĐỆ

Cô hồng phi hạ trường giang khứ

Quá hướng tiêu tương bạn lữ vô

Sâu hướng đường lệ hoa hạ ẩm

Hữu thời trường thán vọng kinh đô

Hồng lê bay xuống sông dài trôi

Qua hướng Tiêu tương chặng bạn đường

Buồn nhìn Đường lệ ngồi uống rượu

Thời có than dài hướng kinh đô

Tách khỏi bầy đàn, cô đơn một mình gây dựng cơ nghiệp, tình cảm gia đình cô độc uống rượu nhìn hoa than thở một mình.

HÔN NHÂN

Nhất nhạn phi lai kiều mộc喬木 hạ

Tùng quân mậu xứ hạc thanh thanh

Ngô đồng chi thượng thê thân ổn

Âu lộ phân phân giai cộng minh盟

Một nhạn bay xuống cành cây cao

Xanh xanh tùng tốt nơi xứ hạc

Cành cao ngô đồng thân đậu ỗn
Ngỗn ngang cò cốc cùng lời thè

Vợ chồng như chim hạc đậu cây tùng bách quanh năm xanh mướt che chở yên ổn,
tuy nhiên vợ chồng có phần khác biệt với nhau ví như vỏ quả dưa láng đồi với vỏ
quả liễu sần sùi vậy.

TƯ TỨC

Thiền tháo 摆 liễu chi tà nhập mộ暮
Vân phi không tự ánh hà 霞 hồng
Nhất hàng âu lộ thảo đường lộ
Hồng lục bạch tàn lai hảo phong

Ve kêu cành liễu chiều vào tối
Mây bay trong không ráng tự hồng
Một hàng cò cốc bên đường lộ
Rau xanh tàn đỏ gió lành đến

Cánh con cái buồn cũng như ve sầu kêu lúc chiều vào tối, khó có con, sau rồi cũng
có con nhưng muộn.

THU THÀNH

Nặc 鹿 mã hồi đầu xuân sắc cảnh
Thiên sơn tam tiễn 猛 xuất phàm trần
Cửu suy 衰 vân ái kinh tàn mộng

Tương hoán nhất thanh thôi催 khú tàn頻

Quay đầu kẽm ngựa cảnh xuân đẹp

Bắn núi trời tên ba mũi khác thường

Chín tầng mây đẹp sợ mộng tan

Cùng kêu một tiếng giục đi thôi

Công đã thành danh đã toại, vốn dĩ là người ở đời có những hành động khác với người thường, sau rồi giấc mộng đẹp cũng tàn phai, tới ngày về rồi phải đi thôi.

Quẻ Số 7: LÔi TRẠCH QUY MUỘI

GiÁP - CANH

VÂN PHỦ TiNH

Giờ Canh Tý: cách Vân đầu vọng nguyệt (Đầu mây trông trăng)

•Giải: Thuận cảnh tương quá nghịch cảnh tức tại hậu diện (Từ cảnh thuận sắp qua, cảnh nghịch tức là ở mặt sau)

* Mây lấp ló che trăng, trăng trên đầu đám mây rồi sẽ bị mây che lấp, vì thế cảnh thuận tiện sắp qua rồi mà nghịch cảnh đang dần dần đi đến.

Giờ Canh Dần: cách Vũ lý hoa khai (Hoa nở trong cơn mưa)

•Giải: Hảo cảnh bất thường quá nhẫn tiện không (Cảnh đẹp không được lâu dài qua khỏi mắt trở thành hư không)

* Hoa nở đẹp cánh mong manh không bền vững, ví như là cảnh tượng tốt đẹp trong đời, nay lại gặp mưa dập gió vùi (gặp thời xấu không hoa đủ khả năng vượt qua như cây tùng cây bách...) cho nên cảnh tốt đẹp không được lâu dài, qua cơn mưa tất cả rồi tan nát trở thành không còn gì cả.

THÌÊN HƯỚU TiNH

Giờ Canh Thìn: cách Tích thô thành khâu 丘 (Tích chứa đất làm thành gò đống)

•Giải: Khả vọng tiểu khang 康 nhi bất năng vọng đại phú (Chỉ có hy vọng yên ổn nhỏ, nhưng không mong thành giàu lớn)

* Gom góp tích chứa từng chút đất để làm thành gò đồng thì làm sao cao lên được bao nhiêu, chỉ có thể gom góp thành công nhỏ như buôn bán lẻ cả đời tích luỹ cũng có được đôi chút của cải.

Giờ Canh Ngọ: cách Hồ lô 葫蘆 khê 溪 thủy (Khe nước suối trong bầu rượu)

•Giải: Khí lượng hiệp 狹 tiều nan thành đại sự (Chỉ khí độ lượng hẹp hòi nhỏ mọn khó thành việc lớn)

* Nước suối không có nguồn, trong bụng trái bầu làm thành bầu rượu bung thắt eo miệng nhỏ thì chứa được bao nhiêu

* khó làm thành nỗi việc lớn vì chí khí không rộng rãi.

THIỀN CƠ TÌNH

Giờ Canh Thân: cách Tuyết thiên ngư ca (Khúc ca của người đánh cá trong trời tuyết)

•Giải: Xử cảnh thanh bần tiêu dao 遙遙 khoái lạc (Sóng cam chịu ở cảnh thanh bần lấy ung dung rộng rãi không ai bó buộc làm vui thích.)

* Người đánh cá đã lam lũ kiếm sống nay lại còn trong cảnh trời mưa tuyết lạnh giá càng thêm khổn khổ, vậy mà vẫn ung dung ca hát thì thật là thoát vòng tục lụy, chấp nhận cảnh đói lạnh mà tâm tình vẫn sáng khoái không bị trói buộc trong cảnh khổn khổ.

Giờ Canh Tuất: cách Kinh 徑 trung tấu mã (Ngựa chạy trong đường nhỏ hẹp)

•Giải: Vị thoát hiểm cảnh tác sự tu yếu lưu tâm (Chưa thoát khỏi cảnh hiểm trở làm việc gì cũng nên lưu ý cẩn thận.)

* Đường nhỏ hẹp nhiều quanh co trở ngại (đời) ngựa (mình) không thể chạy nhanh được, chạy trong đường nhỏ cần phải lưu ý cẩn thận để tránh khỏi cản trở trên đường và chạy không hết sức lực.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh tác sự cương nhu, xử tâm độ lượng, lao tâm kiến tảo phát phúc lai trì, yếu thông vị thông yếu đạt vị đạt, lập tâm bất nhất hữu thuỷ vô chung, ngoại quan 觀 bát túc 足, lục thân vô phận, tử nghi trì chỉ nghi minh minh 明明 tác chué 養, bất nhiên tắc thứ xuất thiên 偏 sinh, mục tiền hữu kiện 件 trù trừ sự, bách dạng tư, bách dạng ưu, nhược hoàn mưu tố kinh doanh khách, hữu danh vô thực bất thành công.
- Mệnh này là làm việc có cứng có mềm tấm lòng thường rộng rãi, sớm thấy khổ tâm phát phúc thì muộn, muốn thông chưa thông muốn được chưa được, tâm không chuyên một có trước không sau, nhìn bè ngoài không đủ, người thân thiết không chia phần, con nên chậm rõ ràng là chỉ có thể làm con nuôi hay ở rể, không như thế thì con thứ sẽ là sinh ở bên ngoài, trước mắt có phân biệt việc do dự trễ dạng riêng trễ dạng lo, ví bằng không như vậy là khách thương buôn, có danh mà không thực cho nên chẳng thành công. (Lục thân là sáu hạng người gần gũi thương yêu nhứt của mình: Cha, mẹ, vợ, con, anh chị, em.)

Cách chung cho 06 tuổi

HOA NGÔ TÀN XUÂN

(Hoa gấp xuân tàn)

Nữ giá 嫁 nam hôn 婚 quả 寡 dữ quan

Tâm linh trí xảo tính mưu nhàn 閑

Nhất hàng hồng nhạn vân tiêu 霽 ngạo 教

Bách tuế công danh tuý mộng gian
Kết tử bất như hoa khai mạn
Thâu 偷 hương uổng học điệp hồi hoàn
Nhược phùng thiên lý tri âm khách
Thiên lý khai tôn phá tiêu nhan
Cùng xem trai gái đều goá phụ
Tâm lanh trí khéo tánh an nhàn
Một đàn hồng nhạt chơi trong mây
Công danh trăm năm say trong mộng
Kết quả chẳng bằng hoa nở chậm
Phí học trộm hương bướm trở về
Nếu gặp khách tri âm xa ngàn dặm
Ngàn xa uống rượu nở nụ cười

* Tuổi Giáp cho 06 giờ Canh: Cả 06 giờ sanh chẳng tốt lắm mà cũng không xấu nhiều, cuộc đời thăng trầm không vững vàng, xem về việc gia đình hôn nhân của trai gái sau rồi đều sẽ trở thành ở goá, tánh tình thích nhàn nhã rong chơi thăm cảnh đẹp, không chú trọng việc công danh phú quý xem như là giấc mộng tràn gian, ra ngoài đi xa lại gặp bạn hiền cùng nhau che chén vui vẻ thoả thích không thích hợp với cảnh gia đình thân thiết.

HÀNH TÀNG

Đại tiêu 鱕 ngộ khuyên thiêm tân dục
Kê xướng phùng ngưu các 各 đới đao
Đắc lộc thủy tiên tao 遭 quý khách

Đè huè tương xế hướng giang cao
Chim ri năm Tuất thêm cánh mới
Gà gáy gấp Trâu đều đeo dao
Bến nước gặp khách thì có lộc
Cùng khoác tay nhau hướng bên sông

CƠ NGHỆP

Hưu luận nữ giá nam hôn sự
Trường ái u u 呻呻 xuất nam sơn
Khoái lạc bách niên thiên phú phận
Cao danh ẩn hiện tại nhân gian
Chẳng bàn nam nữ việc cưới xin
Rời khỏi núi Nam lưu luyến thương
Trời cho trăm năm phần vui thích
Danh cao mờ tỏ chốn nhân gian.

* Chẳng nên bàn chi việc gia đình hôn nhân, ra ngoài rồi sẽ gặp bạn tốt cùng nhau làm việc cơm áo chẳng lo, vui cảnh dặm đường xa cùng làm bạn với thiên nhiên, xem thường danh vọng mà vui thú với sự cảnh tình riêng. Năm Tuất thì như có thêm giúp sức, năm Dậu khởi đầu năm Sửu hành động. Tiêu liêu 鷓鴣 con chim ri, chim hồng tước, quanh quách. U u 呻呻 tiếng hươu kêu.

HUYNH ĐỆ

Cô hồng phi hướng trường giang khứ
Quá khước tiêu tương bạn lữ vô
Độc tọa đường lệ hoa hạ chước

Truyền bôi khuyên ấm đảo băng hồ
Hồng lẻ bay về hướng sông dài
Qua bến tiêu tương không bạn lúra
Một mình rót chén bên Đường lê
Trao chén cho nhau đến cạn bầu

* Đi xa nhà cô đơn sống đời du khách, vui cùng bạn bên ngoài không thân thích
anh em ruột thịt bên cạnh.

HÔN NHÂN

Cô sương 霽 quan 鱷 quả 寡 thiên nhiên định
Kỷ 巳 hứa thanh danh bất đẳng nhàn
Do hữu liễu hoa đương vũ nhứ
Phi tùy viên hạc quá tùng sơn
Phòng không cõi cút do trời định
Ta hẹn danh tiếng chẳng bằng nhàn
Vì có liễu hoa bay như múa
Bay theo vượn hạc vượt bao núi.

* Số này về việc gia đình thật là xấu, nhắc lại nhiều lần sẽ goá bụa, vì vậy tâm tình
hướng ra ngoài vui cùng cảnh vật thiên nhiên mà chẳng mang chi đến danh lợi.

TỬ TỨC

Vũ sậu 驟 hoa khai lưỡng đê 折 thụ 樹
Tự nhiên quả 果 đê 抵 bất vi lao

Nhược kiến ngưu dương nhân dữ hợp
Chung tư 蟬斯diễn khách tiết 節ung應 cao
Hai cây hoa nở chợt mưa vùi
Dĩ nhiên quả rẽ không còn vững
Nếu gặp cùng người Sửu Mùi hợp
Khí trời cao nhẹ bầy chấu bay.

* Khó có con, có cũng khó nuôi, nếu tái hôn hay chật kết hôn gặp được người tuổi Sửu hay Mùi mà kết hôn thì lại lăm con, có con trễ, lại nhiều như đàn cào cào chấu chấu lau nhau, con cái phô bầy ra như thực khách trong bữa tiệc, xong tiệc rồi tản mác ra đi khắp nơi. Chung tư 蟬斯 con giọt sành: loài cào cào chấu chấu dài mà xanh, xúc giác và bắp chân đều dài có thể lấy ống chân cọ vào nhau mà kêu ra thành tiếng, đẻ trứng một lần nở ra 99 con.

THU THÀNH

Canh Tân tư lự thân nguy hiểm
Nhâm Quý nhi đồng cánh hảo khang
Nhân tại thu nhàn minh nguyệt hạ
Nhất thanh ngư địch bạn u nhàn
Lo lắng Canh Tân thân nguy hiểm
Nhâm Quý con trẻ được tốt lành
Người ở nhã nhàn dưới trăng thu
Một tiếng sáo chài bạn bóng đêm

* Năm Canh Tân thân thể gặp đau ốm hay nguy hiểm nên phòng trước, qua năm Nhâm Quý con trẻ đã ổn định tốt lành, lúc đó ngồi dưới ánh trăng thu nhàn nhã, nghe tiếng sáo thuyền chài nhớ quá khứ mà ra đi trong đêm thanh vắng.

GiÁP - TÂN

Quẻ Số 8: LÔi THIỀN ĐẠI TRÁNG

KIM PHƯỢNG TÌNH

Giờ Tân Sửu cách: Ngư du xuân thủy (Mùa xuân cá rong chơi trong nước)

- Giải: Đắc ý 意 tu phòng thất ý thời (Lúc được ý phải đề phòng thời mất ý)

* Mùa xuân nắng ám, muôn loài đều qua mùa đông đều ra đón xuân, cá cũng muôn tung tăng ra bơi lượn thích ý, nhưng hiểm họa cũng kế bên nên cần phải đề phòng.
Ý 意 : mưu toan tính toán.

Giờ Tân Mão cách: Hạn miêu khô thụ (Cây lúa non gặp hạn cây trong mùa khô)

- Giải: Đáo xứ tận thị nghịch cảnh (Chỗ nào tới cũng đều gặp nghịch cảnh)

* Từ mầm non cho đến trưởng thành cây đều trong mùa khô hạn, tức không gặp thời, cho nên tất cả mọi việc trong đời đều vào nơi hoàn cảnh trái ngược.

NGỌC ĐƯỜNG TÌNH

Giờ Tân Ty cách: Lộ 路 bàng 旁 thu cúc (Cây Cúc mùa Thu ở ven đường)

- Giải: Lão cảnh phả giai bất tất hữu nhân đề huè 提攜. (Cảnh già khá tốt chằng cần người khác nâng đỡ dắt dùi)

* Xuân lan thu cúc, đông trúc hạ mai, biểu tượng bốn loại cây cho bốn mùa, hợp thời nên cho đến về già cũng chẵng cần người khác nâng đỡ dắt dùi.

Giờ Tân Mùi cách: Viêm thiên chủng túc 粟 (Cây lúa trong trời nắng nóng)

- Giải: Mục tiền lao khổ đáo hậu khả vọng an lạc (Cảnh khổ trước mắt về sau mới an vui)

* Cây lúa trong thời tiết nắng nóng khô hạn phải bỏ ra rất nhiều công sức khổ cực, nhưng có gắng vượt qua rồi cũng sẽ có thu hoạch lúa gạo, rồi về sau mới được hưởng và an nhàn

KIM KHUYẾT TINH

Giờ Tân Dậu cách: Hò 狐 giả hổ uy (Cáo mượn oai cọp)

• Giải: Đắc hưu ý bằng cố tác sự thuận thử 此 (Được nương nhờ chỗ dựa tốt nên việc gặp thuận lợi đây)

* Con cáo là loài vật nhút nhát chỉ rình mò bắt các loài thú nhỏ, nay lại mượn được uy của chúa sơn lâm nên có nơi ý dựa vững mạnh, trong đời ý dựa vào nơi quyền quý nên mọi việc đều thuận lợi.

Giờ Tân Hợi cách: Quật tàng 藏 phùng kim (Đào nơi chôn dấu gấp được vàng)

• Giải: Hữu thiên tài tiến môn (Có tiền ở ngoài vào cửa)

* Biết được nơi chôn dấu của quý mà đào thì có ngay tiền của từ ngoài vào nhà mà không phải mưu toan lo tính thật cho sự nghiệp, làm việc gì cũng đều thuận lợi giàu có.

PHÁN ĐOÁN:

• Thủ mệnh như tước 雀 sào sinh phượng, bạng 蟒 phúc phẫu 剥 châu, tác sự tiên nan hậu dị để 的, chỉ nghi ly tổ thiên cư, quyền thuộc sinh sơ, hoặc thị quá phòng tác chuê, bất nghi thủ tổ căn 根 châu 株, tâm từ khẩu trực ư 於 nhân bất túc, đại khoan tiểu cấp chỉ vị tâm mang 忙, sơ hạn thiên khô 偏枯 vẫn niên phát đạt.

* Mệnh này như tổ chim sẻ mà sinh ra con chim phượng, mõ bụng con trai có ngọc, làm việc trước khó khăn sau lại tốt đât, chỉ nên rời tổ nghiệp cư trú nơi bên ngoài, họ hàng thành ra sơ sài, hoặc như thế ra ngoài ở rẽ, chặng nêu giữ gốc rẽ tổ nghiệp, tâm lành miệng nói thẳng ở với người thì không đủ, việc lớn thì thong thả việc nhỏ lại nhanh vội, chỉ vì trong lòng bận rộn bè bộn, vận hạn lúc trẻ không được quân bình, cuối đời thì phát đạt.

Cách chung cho 06 giờ

NGUYỆT ÂN VÂN HÀ 霞 CÁCH

(Trăng ẩn trong ráng mây)

Ngân thiềm 銀蟾 minh xú phù vân hắc

Phong nhập trường giang lâng 浪 vị túc 息

Mặt trăng sáng mây đen che khuất

Gió vào sông dài sóng chưa yên

Sinh nhai chuẩn 准 bị 備 phá chung thành

Hội hợp đê phòng song lí 鯉 chích 隻

Điện quang phong chúc 風燭 diệc hoàn minh

An đắc thân thời tâm vị ninh 寧

Tá vân tịch dương hà 何 cảnh sắc

Hoa hoàng tam kính 遙 văn 晚 hương thanh

Phí lục ba thì mặc oán ba

Đắc phùng tiêu xú bất tu khoa

Bát cửu niên gian 閑 phương khởi toán

Mãn đình xuân nguyệt chiếu lê 梨 hoa
Ké sóng định phá sau lại thành
Hợp hội đè phòng đôi chép lẻ
Điện sáng đuốc gió tắt lại sáng
Lúc được thân yên tâm chưa yên
Uớm hỏi chiều tà cảnh sắc sao?
Hoa vàng ba luồng chậm mùi thơm
Phí sức nhiều lần mà đừng oán
Gặp được địch rồi chẳng nên khoe
Khoảng tám chín năm rồi hãy tính
Đầy sân trăng xuân chiếu hoa lê

* Tuổi Giáp cho 06 giờ Tân: chỉ hai giờ Tân Hợi, Tân Dậu là tốt còn các giờ khác đều vất vả. Vào buổi thiều thời như mây đen che lấp ánh trăng sáng sửa, kế sinh sống nhiều phen bế tắc tưởng chừng như sắp sửa bị phá huỷ, trong công việc hợp tác nên đè phòng có sự chia rẽ, mọi việc mong manh như đốc trước gió sắp tắt, nhưng rồi cuối cùng về sau việc lại thành công tốt lành, về già thân tạm yên ổn an lành tâm vẫn còn còn chưa an vì đời trải nhiều thăng trầm sóng gió. Phong chúc 風燭: mong manh ngắn ngủi, nói tuổi già như ngọn đuốc trước gió không biết chết lúc nào.

HÀNH TÀNG

Nhân dũ 予 thủ tuy ngưu bối hậu
Đẳng 謐 thân trực đáo phụng hoàng trì
Tổng nhiên bất thị vương gia lộc
Dã thị Lưu lang đắc ý thời

Ta, người cùng chuột theo sau trâu
Thân vượt thăng đến ao phượng hoàng
Tất cả chặng là ơn vua lộc
Ây vậy thời chàng Lưu đắc ý

CƠ NGHIỆP

Kim chung xuất dã冶 phượng thành khí
Thạch thượng chi lan căn cước dì
Phụng các long lâu khứ hữu nhân
Tiền trình 程 tự hữu nhân y tí庇
Chuông vàng ra lò đã thành vật
Cây lan trên đá gốc rẽ lạ
Lầu rồng gác phượng có người đi
Đường đi phía trước có người che

* Mọi sự việc xây dựng cơ nghiệp đều tự mình xoay sở, đến năm Tí giữa năm Sửu sẽ gặp thời vận tốt cùng với người mà làm việc, về sau rồi cũng toại nguyện hưởng an nhàn mà chặng cần phải nhờ và ai. Lưu lang: Lưu Thần và Nguyễn Triệu người đời Hán bên Tàu, trong ngày tiết Đoan Ngọ vào núi Thiên Thai hái thuốc, gặp tiên nữ kết duyên, nửa năm trở về, đã có cháu đời thứ bảy.

HUY NH ĐỆ

Nhất cá chinh hồng thiên ngoại xứ
Dạ thâm độc tự túc 宿 lu hoa
Ưu du tứ hải thành đồng chí
Vân cảnh tang du hữu khởi gia

Một cánh chim hồng bay đi xa
Đêm sâu đơn độc ở hoa lau
Rong chơi bốn biển nên cùng chí
Bóng dâu cảnh muộn khởi dựng nhà

* Một mình ra khỏi nhà trú ngụ nương nhờ thân nơi khác, rồi gặp người cùng chí hướng lập thành cơ nghiệp, đến về già cũng tạo dựng nên nhà cửa.

HÔN NHÂN

Khuê 鬼 trung bảo sắt tràn đa tích
Tái bị Nam phong diệc vị thanh 清
Phòng khuê đàm sắt chúa nhiều bụi
Lại gặp gió Nam tiếng chưa trong
Âu lộ mãn đường 堂 phong vũ ô 惡
Dã nghi kinh tán bất đồng lâm
Cò vạc đầy phòng mưa gió ghét
Cũng e sợ hãi chẳng cùng rừng

* Việc hôn nhân không được tốt lành, gặp nhiều trở ngại, cho dù có gá nghĩa trở lại hay với người khác rồi cũng đỗ vỡ chẳng cùng ở chung với nhau.

TỬ TÚC

Thụ đầu hoa tạ phiêu 摆 linh 雰 tận
Lạc 落 đắc chi đầu nhất quả thành

Chung cửu vận phùng dương khuyển cát

Dã ưng âm chất bảo toàn sinh

Đầu cây hoa tàn rơi rụng hết

Rụng còn một quả ở đầu cành

Sau cùng vận gặp dê chó tốt

Cũng nhờ âm đức giữ sống còn

* Khó có con, con không nhiều dấu có sanh nhiều cũng rơi rụng hết, nhờ âm đức sau rồi cuối cùng cũng còn lại được một đứa con trai.

THU THÀNH

Phùng dương đắc khuyển thừa thiên hựu

Tái kiến Nhâm Đinh tiện khả hành

Vạn lý giang sơn thu lâm 攬 tận

Nhất phàm phong tống cấp quy trình

Gặp dê được chó nhờ trời giúp

Lại thấy Nhâm Đinh thuận tiện đi

Muôn dặm non sông thu năm hết

Một buồm gió tiễn chóng trở về

* Năm Mùi năm Tuất tốt gặp thời giống như được trời giúp cho, qua năm Nhâm năm Đinh thì thuận tiện công việc để làm việc, lúc đó thu tóm được mọi việc thành tựu, rồi sau đó mới ra đi nhanh chóng về nơi cuối cùng.

Quẻ Số 9 : LÔi THỦY Giải

GiÁP - NHÂM

QUẺ SỐ 9 : LÔi THỦY Giải

THIỀN LOAN TINH

Giờ Nhâm Tý cách: Tuyết thiên thế 雪 thảo (Phật cỏ khi trời tuyết)

- Giải: Uống phí tâm tư 想 hào vô ích xú (Uống phí tâm lòng suy nghĩ chẳng có ích lợi một chút nào)
 - Trời tuyết lạnh cây cỏ đã chết cả mà còn nghĩ đến phạt cỏ thì thật là phí công vô ích, làm việc gì cũng không hợp thời chẳng có ích lợi chỉ phí uổng công sức.

Giờ Nhâm Dần cách: Hàn đầm 潭 hạ điếu (Thả câu nơi đầm sâu nước lạnh)

- Giải: Tác sự lao khổ sở đắc thậm vi (Làm việc khổ nhọc mà gom hết lại được rất ít)
 - Đầm lạnh nước sâu ít cá nên thả mồi câu cá tất nhiên rất khó câu được, lại phải chịu đựng cảnh giá rét nên khổ cực mà câu được cá rất là ít ỏi.

THIỀN ÂN TINH

Giờ Nhâm Thìn cách: Hạn miêu 苗 phùng vũ (Lúa non mùa hạn hán gặp mưa)

- Giải: Tuy tắc cùng khốn chuyển cơ 機 tức tại mục tiền (Dù rằng cùng khốn sẽ có cơ may chuyển đến trước mắt)

- Lúa non mà gặp hạn khô ráo thì sức chịu đựng rất là khó khăn, nhưng nay gặp cơn mưa thì thật là may mắn, trong đời cho dù có gặp nguy khốn nhưng rồi sẽ có cơ hội chuyển qua ngay sự tốt lành.

Giờ Nhâm Ngọ cách: Tầm 蠶 diệp sơ hoàng (Lá dâu tằm bắt đàu vàng)

• Giải: Biện 辨 sự hữu thực lực năng khởi gia lập nghiệp (Có thật sự tài súc phân tích sắp đặt công việc có khả năng xây dựng được sự nghiệp)

- Trồng dâu nuôi tằm là nghề lăm công phu và vất vả, tính toán làm sao cho khớp giữa con tằm ra kén (không ăn lá nữa) và cây dâu đúng lúc lá vừa vàng úa mà tằm đã kén tơ, cho nên là người thật sự có tài năng sắp xếp chu đáo trong công việc, có thể dễ thành công trong xây dựng sự nghiệp.

DANH LỢI TiNH

Giờ Nhâm Thân cách: Hoa diên 篓 điểm 點 chúc 燭 (Chấm thêm đuốc trong bữa tiệc hoa)

• Giải: Xử cảnh ưu du 優游 danh lợi kiêm thu (Nơi ở nhàn nhã tự lấy làm thích thu được cả danh và lợi)

- Có giàu sang phú quý mới tổ chức được những bữa tiệc tại vườn hoa vào buổi tối, lại biết cách điểm thêm đuốc sáng lung linh làm tăng thêm vẻ đẹp, vừa ăn ngon lại được thưởng thức hoa thật là phong lưu nhàn nhã, dĩ nhiên những thực khách phải sang trọng quý phái thân thiết mới được mời đến tham dự, cho nên mới có cả danh lẫm lộc là vậy.

Giờ Nhâm Tuất cách: Nguyệt chiếu hàn đàm (Trăng soi đầm lạnh)

- Giải: Thanh nhàn tự tại y thực bất sâu (Tự mình nhàn nhã thanh cao cơm áo chǎng buồn lo)

- Tự mình đã định hướng về sự thanh nhàn để về nơi vắng lặng ngắm trăng soi trên đầm nước lạnh, nhàn nhã cao cả chǎng tranh đua trong cõi đời lo buồn đến việc áo cơm.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh nai danh lợi chi diệu 曜 phúc lộc chi tinh, tự thành quy củ 規矩 tự nhận 認 môn đình, phong trung bại diệp thủy thượng phù bình, tam trì tam tảo tri mệnh, đương gia tảo, lao tâm tảo, ưu lự tảo, phát lộc trì, thê tử trì, hưởng phúc trì, mệnh trung hữu cứu thần bất phạm quan hình, hung sự bất thành hung hảo sự bất thành hảo, nhược yếu sự thập toàn trực đai 待 thọ niên lão.
- Mệnh này là bóng sáng của danh lợi là sao phúc lộc, tự thành lập khuôn phép, tự đảm nhận lấy việc gia đình, lá rụng trong gió bèo nổi trên nước, là mệnh ba sóm ba trễ: sóm đảm đương việc nhà, sóm nhọc tâm, sóm lo nghĩ, trễ phát lộc, trễ vợ con, trễ hưởng phúc, trong mệnh có thần cứu giúp, không phạm vào việc hình phạt, việc hung hiểm chǎng thành hung hiểm, việc tốt chǎng thành việc tốt, nếu việc rất cần thiết để cho mười phần vẹn toàn, (thì phải) đợi thảng tới tuổi già (mới được trọn vẹn).

Cách chung cho 06 giờ

PHƯƠNG THẢO PHÙNG XUÂN

(Cỏ thơm gấp mùa xuân)

Xuân lai phương thảo y nhiên 撫 lục

Tuyết lý viên 園 hoa kién khô mộc

Thân sinh huynh đệ hữu như vô

Chỉ vị sinh lai mệnh cô độc
Vũ lí 麋đào hoa phong lí chúc
Lục lục 碌碌 khu khu 區區 tâm vị túc
Chi đầu hoa phát lưỡng tam chi
Xuân đến cỏ thơm mặc áo xanh
Vườn hoa gặp tuyết thấy cành khô
Anh em thân thiết có như không
Chỉ tại sinh ra mệnh côi cút
Mưa dập hoa đào gió thổi đuốc
Mòn mòn theo sau lòng chưa đủ
Đầu cành hoa nở hai ba nhánh
Chỉ hứa nhất chi hồng hựu 又 lục
Chỉ hẹn một nhánh xanh vừa hồng

- o Sự nghiệp độc xanh 箐 trì
- o Thành trung hữu thạch 石 bì 瘦
- o Long dương khuyển ngưu hội
- o Hoàng cúc mãn đông li
- o Sự nghiệp một thân chống đỡ
- o Trong thành có khó khăn mệt mỏi
- o Gặp năm Thìn, Mùi, Tuất, Sửu
- o Bờ rào bên đông đầy hoa cúc vàng

- Tuổi Giáp cho 06 giờ Nhâm: sanh hai giờ Ngọ, Nhâm là tốt nhất, giờ Tuất trung bình các giờ khác đều vát vả. Số mệnh sinh ra vốn đã chịu cảnh lẻ loi, sớm đã phải lo toan mọi việc trong gia đình, người thân thiết anh em có cũng như không, chẳng giúp đỡ gì cho mình cả, trong đời thường gặp hai cảnh ngộ trái ngược nhau như mùa xuân cỏ xanh tưới tốt, mùa đông cây cối tro trọi, vào đời thường vát vả như hoa nở bị mưa vùi dập, mong manh ngắn ngủi như đuốc cháy trước gió tắt lúc nào chẳng hay, tâm trạng lúc nào cũng nhọc nhằn không yên, con sanh nhiều đậu ít, tự một thân xây dựng cơ nghiệp, thành đạt trong khó khăn mệt mỏi như dụng vào đá cứng, vận vào những năm Thìn, Mùi, Tuất, Sửu đến lúc đó tuổi đã cao mọi việc mới thành.

HÀNH TÀNG

Vũ lí yêu 妖 道 phong lí chúc

Bình sinh đáo xứ tâm bất túc

Tang du 桑榆 mậu 茂 xú hảo qui canh 耕

Dã độ hoành chu oanh xuất cốc

Mưa vùi đào đẹp đuốc trước gió

Lúc thường đến nơi lòng không đủ

Phương tây xứ tốt về cày cây

Vậy qua thuyền ngang oanh rời hang

CƠ NGHIỆP

Lục 陸 địa hành chu khú tất 必 nan

Không lao tâm sự bả môn 把門 quan 關

Khiên 牽 ngưu 跨 khóa mã đăng 登 đồ viễn

Vân lộ siêu 超 siêu cách 隔 luồng sơn

Đất liền chèo thuyền đi át khó
Nhọc không nỗi lòng giữ cửa ải
Dắt trâu cưỡi ngựa lên đường xa
Đường mây thăm thẳm ngăn đôi núi

- Xây dựng cơ nghiệp lao đao như hoa trong cơn mưa mong manh như đuốc cháy trước gió, gian nan vất vả như đi thuyền trên cạn, tâm sự hoang mang lo nghĩ nhọc nhằn việc gìn giữ xây dựng nhà cửa, nếu như đi xa ra khỏi nơi quê làng về phương tây miền đất tốt thì lại xây dựng được cơ nghiệp.Tang du 桑榆: phương tây, chỗ mặt trời lặn gần sát đất.

HUYNH ĐỆ

Không trung quân nhặt các 閣 đông tây
Nhất cá cô hòng độc tự phi
Minh nguyệt thanh phong đa thiểu hưng
Thanh thanh mục địch khuyên 勸 nhân qui
Trong không bầy nhặt chia Đông Tây
Một cánh hòng bay tự lẻ loi
Trăng sáng gió trong ít nhiều thích
Véo von tiếng sáo rủ người về

- Anh em như bầy nhặt chia lìa nhau, người Đông kẻ Tây, tự mình đơn độc bỏ ra đi, rồi ngày nào đó nghe tiếng sáo chăn trâu nhớ quê nhà mà trở về.

HÔN NHÂN

Nhất đối uyên ương thủy thượng phù

Uyên dong 憂 ương lân 嫩 khốn hèn
Vân lai âu 鷗 lộ 鶯 phân phân 紛紛 khứ
Phi hướng bạch tàn 蘋 hồng lục 蓼 châu 洲
Đôi uyên ương đối diện nỗi trên nước
Uyên lười ương biếng khổ vậy sao ?
Về muộn cò vạc ngôn ngang bay
Bay về bãi tần trắng cỏ lục

- Vợ chồng lúc đầu còn mặn mà cùng nhau đổi mặt trao đổi chuyện trò, sau dần dần một người lười biếng xao nhãng không chăm sóc lẫn nhau, làm cho người kia buồn phiền khốn khổ tự hỏi cho đến bao giờ ? về già hai bên không còn ràng buộc lẫn nhau sống tự do như bầy cò cốc nơi bãi cỏ hoang

TỬ TÚC

Hoa phát thụ mậu lưỡng tam chi
Song song bạn diệp tiêu 肖 kim ngọc
Long lâu phượng các vãng lai nhân
Dẫn lĩnh quần tiên hữu thanh phúc
Cây tốt hoa nở đôi ba nhánh
Cùng lá sánh đôi như vàng ngọc
Lâu rồng gác phượng người lui tới
Dẫn dắt bầy tiên có phước lành

- Có hai ba con, con quý hiền có danh tiếng trong đời và được hưởng phúc thanh nhàn.

THU THÀNH

Nhược ngọt ngưu dương phương thủy nhàn

Hảo kị ngưu bối thượng thanh sơn

Tiêu dao lộ thượng hoa nhu cảm

Nguyệt chiêu mai hoa ảnh quá nhàn

Nếu năm trâu dê mới được nhàn

Cưỡi lưng trâu tốt trèo núi xanh

Rong ruỗi trên đường hoa gấm

Trăng chiêu bóng mai quá an nhàn

- Tuổi về già vào vận hay năm Sửu Mùi rất sung sướng an nhàn, du ngoạn rong chơi đây đó không còn khổ cực như xưa, tuổi thọ cao.

GiÁP – QUÝ

Quẻ Số 10 : LÔi SƠN TiỄU QUÁ

THIỀN PHÚC TINH

Giờ Quý Sửu cách: Liễu hoa ỷ trúc (Hoa liễu nương theo bụi trúc)

- Giải: Chủ kiến bất định hạnh hưu ý bằng (Tự mình chẳng định được gì may nhè có chỗ nương dựa)

- Cây hoa trúc vốn yếu ỏi lá nên tự mình chống đỡ kém cỏi, nay được nương nhờ khóm trúc thân thẳng cứng rắn nên có chỗ nương tựa tốt.

Giờ Quý Mão cách: Xuân lan thu cúc (Hoa Lan mùa xuân, hoa Cúc mùa thu)

- Giải: Nhất sinh tận thị gai cảnh (Suốt đời đều gặp hoàn cảnh thuận lợi)

- Sanh hợp thời, lại ví mệnh như bốn loài cây quân tử được người đời yêu mến là lan, mai, trúc, cúc, thuận theo mùa xuân, hạ, thu, đông, cho nên suốt đời đều gặp được hoàn cảnh thuận lợi.

THIỀN XƯƠNG TINH

Giờ Quý Tỵ cách: Khô mộc đái xuân (Cây khô đợi mùa xuân)

- Giải: Gian nan vị quá nghi tĩnh dĩ đái thời (Gian nan chưa qua nên yên tĩnh đợi thời)

- Cây đã khô kiệt quệ là đã trải qua nhiều gian nan khốn khổ rồi, ngóng chờ mùa xuân tới nên vẫn chưa hết khỏi khó khăn, vậy hãy ở yên mà chờ thời đừng vội hành động mà thất bại.

Giờ Quý Mùi cách: Vãn tiết hoàng hoa (Hoa cúc về tiết muộn)

- Giải: Lão vận hanh thông (vận già thông suốt)

- Hoa cúc vàng vào thời tiết muộn cuối năm đúng thời của mình nên khi về già thì vận mệnh được hanh thông.

THIÊN QUÝ TINH

Giờ Quý Dậu cách: Trì ngư thoát võng (Cá trong ao thoát lưới)

- Giải: Tai ương dĩ thoát chuyển họa vi phúc (Thoát khỏi tai ương chuyển họa thành phước)

- Trong ao nhỏ hẹp bị bắt mà trốn thoát được thì nhiều may mắn, cho dù trong đời có bị tai họa nào đến rồi cũng được phước lành cứu thoát.

Giờ Quý Hợi cách: Trúc trưng hóa long (Gậy trúc hóa thành rồng)

- Giải: Hung đà trí mưu biến hóa vô cùng (Lòng nhiều mưu trí biến hóa khôn lường)

- Cậy gậy trúc mà biến hoá thành linh vật thì thật lạ lùng, mưu trí cao siêu biến hoá khôn lường nổi nên mọi việc dễ thành công

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh nai tính bẩm 積 ngũ hành chi tú, phúc cư bách thuận chi tường, thanh oanh 震 chấn thế chi lôi, khí đạt cương nhu chi tượng tâm tính xảo, cơ mưu thâm,

đa học thiếu thành hữu đầu vô vĩ, ban ban 班 kiện kiện 件 lao tâm, khâu trực thương nhân thường chiêu bất thị, tâm từ phản thành oan oán, nam nữ đa sinh thiếu thu, thê ngạnh vô thương, nhược yếu an nhàn, thả đai hổ du thử huyệt.

- Mệnh này trời phú cho là cái tốt của ngũ hành, phước ở nơi tốt lành trăm đường thuận tiện, là tiếng sấm vang lừng ở đồi, khí chất được cái tượng cứng mềm, tâm tánh khéo léo cơ mưu sâu xa, học nhiều thành ít có đầu chǎng có đuôi nhoc lòng phân biệt vướng vít, miệng nói thẳng làm hại người, thường chuốc lấy việc chǎng phải, tâm lành trở thành oan oán, con trai gái sinh nhiều thu nhặt được ít, nếu muốn an nhàn phải đợi cọp vào chơi hang chuột.

Cách chung cho 06 giờ

BẠCH NGỌC Li 離 TRẦN

(Ngọc trắng lìa bụi tràn)

Thiều quang nhiễm nhiễm冉冉 thôi nhân lão

Phong cảnh tiêu sơ lạc diệp thu

Vũ phúc 覆 vân phiên 飄 thiên bất định

Phong cuồng hoa nộn 嫩 tử hi 希 thu

Tri quân đa hợp cao nhân ý

Thán ngã thường chiêu tiểu bối cùu

Tá vấn sinh bình hà xứ thi

Tiên du 遊 kinh 京 quốc quá Dương châu

Cảnh xuân dần thúc tuổi già

Hình tượng xác sơ lá thu rụng

Mưa trùm mây đảo trời chǎng định

Hoa non gió dữ nênh quả ít
Biết người nhiều hợp ý người cao
Ta than thường bị kẻ nhỏ ghét
Ướm hỏi nênh sống ở chốn nào
Cõi tiên nước lớn qua Dương châu

- Tuổi Giáp cho 06 giờ Quý: tốt nhất là sanh hai giờ Mão và Hợi, các giờ sau chỉ
khá nhung nhiều vất và phát đạt muộn. Nhũng diễn trong đời trải qua, vượng rồi
suy như hiện tượng tự nhiên tuần hoàn trong vũ trụ, là người có chí khí cao, tâm
lành tánh thẳng cho nên chỉ thích hợp với nhũng người hiếu biết cao, nhũng kẻ
dưới thường hay ganh ghét, nên ở nơi như thành thị rộng lớn thì thích hợp hơn ở
thị xã nhỏ. Thiều quang 韶光 đều nghĩa là quang cảnh tốt đẹp, cảnh sắc mùa xuân,
bóng mặt trời mùa xuân cũng gọi là thiều quang.

HÀNH TÀNG

Giang san lịch biển li kì ngô
Thủy khẩu 口 âm nhân khứ vấn tân 津
Phú quý khóa ngưu tu đắc lộc
Mã ngưu tiêu túc hữu giai danh
Non sông biển trải gấp lạ lùng
Cửa sông đàn bà hỏi thăm bến
Sang giàu trâu cưỡi thì được lộc
Ngựa trâu tin túc có quý danh

CƠ NGHỆP

Bình sinh lập sự hảo doanh thành

Tranh 爭 nại 耐 thời gian lịch 歷 vạn trình
Ngư phủ tiêu lang giang hồ khách
Phùng thời ưng toại văn nhân tâm
Đời thường thành lập nhờ buôn tốt
Tranh, nhường trải khắp mọi quãng đường
Thuyền chài đón cùi khách sông nước
Gặp thời năm muộn cũng thoả lòng

- Có những gặp gỡ lạ lùng trong đời, từ đó mà trở thành nhân duyên tạo dựng nên cơ nghiệp, năm hay vận Ngọ Sửu thì có danh có lộc, nhưng rồi lại tự suy nghĩ, người đời buôn bán hay mưu tìm danh vị thì phải tranh dành rồi nhường nhịn gặp bao nhiêu lo toan phiền não, chỉ bằng như anh chài lưới chàng đón cùi rong ruổi ngao du trong miền sông núi kiêm sống qua ngày, nếu gặp thời thì cho dù về già cũng thoả mãn giống như người lái buôn giàu sang, có khác gì nhau đâu? .Tiêu tức 消息: tiêu là diệt đi, tức là tăng lên, thời vận tuần hoàn, lên lên xuống xuống gọi là tiêu tức, cũng có nghĩa là tin tức.

HUYNH ĐỆ

Thiên biên lịch trận phi song chích
Hoa tạ hoàng hôn nguyệt mãn đình
Tiếu ngạo tự tri thời thế sự
Tường đầu tu trúc tự thanh thanh 靑
Bên trời hàng trận bay đôi chiếc
Hoa rụng chiều tà trăng đầy sân
Cười đùa tự biết việc thời thế
Trúc ở đầu tường tự xanh xanh

- Anh em trong gia đình thuận hòa vui vẻ.

HÔN NHÂN

Đan sơn loan phụng cư sơn ồn
Nhứt phién trung tâm trực thủy tân
Âu lộ bất phương 方 trùng đối hí
Bán trì xuân thủy vạn gia xuân
Núi hồng loan phượng sông yên ổn
Một mảnh lòng ngay theo bến nước
Cò cốc chǎng loài từng đôi giõn
Nửa ao xuân nước muôn nhà xuân

- Vợ chồng tương xứng thuận hòa cùng chung hưởng phú quý

TỬ TÚC

Nhất hoa ngũ nhụy thực phân phuong 芳
Tường ngoại tà chi phân ngoại hương
Tôi thị hậu viên đào lý dị
Ngọc đường kim mã khả thừa đương
Một hoa năm nhụy chín thơm tho
Ngoài tường cành lệch chia hương thơm
Đào lý vườn sau rất kỳ lạ
Kim mã ngọc đường khá đầm đương

- Con sanh nhiều dưỡng ít, có con quý hiền làm rạng rõ gia đình, gái nhiều hơn trai, có thể có con ngoài giá thú nhưng cũng quý hiền như chính thất, có người con rất giỏi là hiền tài danh cao trong đời. Ngọc đường: Đời Tống Thái Tông, vua đế ở dinh Hàn Lâm ba chữ Ngọc đường thự. Đời sau bèn dùng những chữ Kim mã ngọc đường để nói chung cảnh quan gia phú quý. Dao lý 桃李: trong các tích cổ cũng như trong thơ ca cổ thường mang ý nghĩa của sự quyền quý, của các bậc hiền tài

THU THÀNH

Tri quân năng hướng tinh 旌 kỳ 旆 hạ

Khán thử long xà túc nhật hành

Hồi thủ cổ hương thiên vạn lý

Mộng hồn lưu thủy đáo thần kinh 京

Biết người thường hướng dưới bóng cờ

Xem đây rắn rồng túc ngày đi

Quay đầu quê cũ muôn ngàn dặm

Nước chảy hồn mơ đến đất thần

- Là người có chí khí cao thường hay làm những việc lớn lao trong đời, khi mà thấy danh vọng lên cao nhiều thì lúc ấy cũng sẽ là ngày ra đi, Kinh 京: chỗ đất rộng, bãi tha ma

Quẻ Số 11: PHONG LÔI ÍCH

ẤT - GiÁP

QUẺ SỐ 11: PHONG LÔI ÍCH

LỘC TỒN TiNH

Giờ Giáp Tý cách: Đại hạn cam 甘 vũ (Nắng lâu gắp mưa dầm)

- Giải: Kinh lịch 經歷 hoạn nạn tự hữu sinh cơ khả đắc (Trải qua hoạn nạn tự nhiên có cơ hội được thuận lợi)

* Nắng lâu làm hạn hán khô khan nay gắp mưa dầm dề ngon ngọt thấm sâu trong đất thì còn gì bằng, trong đời dù có gặp những khó khăn hoạn nạn nhưng rồi sẽ có ngày thoát khỏi mà gắp thời vận xoay chuyển được tốt lành.

Giờ Giáp Dần cách: Mãnh hổ xuất lâm (Cọp khoẻ ra khỏi rừng)

- Giải: Uy lực túc dĩ chênh nhau (Có đủ uy lực để không chênh người khác)

* Người như là con cọp mạnh khoẻ, ra đời làm việc đủ uy vũ để khuất phục người khác dễ dàng.

THIÊN TẶC TiNH

Giờ Giáp Thìn cách: Can 管 đầu quài 掛 phàm 帆 (đầu cần treo buồm)

- Giải: Kiệt lực kinh doanh hạnh hưu phù trợ (Dốc lực kinh doanh may có người phò trợ)

* Buôn bán lớn chở bằng thuyền, số lượng nhiều thuyền đi chậm, nay trèo lên cần cao giăng buồm cho đi nhanh hơn như để còn sự hỗ trợ, và sự hỗ trợ đó có kết quả tốt.

Giờ Giáp Ngọ cách: Tùng bách kinh 經 sương (Cây tùng bách chịu đựng qua sương móc)

• Giải: Lập chí kiên định tu ngộ tai nhi vô hại (Lập chí vững vàng tuy gặp tai nạn nhưng không hại

* Cây tùng cây bách được người xưa ví như là quân tử có sức chịu đựng bền bỉ, thân cao thẳng bốn mùa xanh tươi, nay chỉ gặp sương móc thì chẳng có thể làm hại bao nhiêu, nên dù dù gặp nạn trong đời cũng sẽ vượt qua mà chẳng đáng ngại.

THIÊN CHÂN TINH

Giờ Giáp Thân cách: Hoàng chung ứng 應 luật (Tiếng chuông vàng ứng với thanh luật)

• Giải: Đắc thời nhi động vô vãng bất lợi (Gặp thời mà hành động thì đi đâu cũng thuận lợi)

* Chuông vàng là đã quý báu, và còn đúng âm luật nữa thì càng thêm quý tiếng kêu vang xa, nên khi hành động thì nơi nào cũng rất thuận lợi.

Giờ Giáp Tuất cách: Lâm 霖 vũ tài tùng (Tròng cây tùng khi mưa dầm)

• Giải: Căn cơ phả hậu đắc tổ tông phúc túy (Căn cơ rất dày nhờ được phúc ám tổ tiên)

* Cây tùng, bách có sức chịu đựng cao gốc rễ vốn dĩ đã vững vàng, mưa dầm không thể hại được mà còn giúp cho cây mau trưởng thành

PHÁN ĐOÁN:

• Thủ mệnh vận hạn đên đảo 頽倒 sự nghiệp gian nan 艱難, áu niêm tuy viết 曰 hiện thành quy mô 規摹, diệc 亦 phí kinh doanh vạn ban ché độ 亦, tam tú tiến thoái bách chủng oanh hòi 繁回, tôn tộc phao 抛 li tư tài tụ tán, hung trung biến cát, tiêu lý 理 thành ưu, viễn hữu 友 hữu 有 tri âm, thân thiết 親切 khắc可 như cùu, hoặc hướng âm chất 陰質 môn trung, lập cá 箇 gia kế, biệt xứ tầm cá xuất đầu, nam tử nan chiêu, nữ tử vi cát.

* Mệnh này thì vận hạn ngả nghiêng lộn ngược, sự nghiệp lại khó khăn, tuổi trẻ tuy rằng hiện thành khuôn mẫu, cũng phí sức về kinh doanh, chia ra hàng muôn thể lệ, tiến lùi ba bốn lần trăm loài quanh co, họ hàng lìa bỏ, tài sản tụ tán, trong xâu lại biến thành tốt, khi vui cười lại thành lo âu, có bạn nơi xa hiếu biết nhau, thân giàn thì lại như kẻ thù, hoặc hướng vào trong cửa trời đã định trước, mà một mình tính kế thành lập cái nhà cửa, thì phải đi xa xú tìm chốn khác để xuất hiện, con trai khó vời con gái lại là tốt. - Âm chất 陰驚 : tốt xâu họa phúc đều bởi trời định, người không thể biết được.

Cách chung cho 06 giờ

TRÚC GIÁNG 降 SO 疏 MAI

(Cây mai thưa thớt cây trúc rũ xuồng)

Nhật nguyệt phân minh âm dữ dương

Nhất thân cô tiết 節 bẩm cao trinh 真

Cầu danh hoạch 畵 lợi sơ nan ngô

Khóa mã phùng ngưu phục 復 kiến hanh
Nhất tiễn tự tòng khôn địa phát
Bách hoa tận hướng ngọ thời hinh馨
Tri quân nhược thị hòng tràn khách
Tránh 靜 ngại 耐 khi khu 崎嶇 vị khả hành

Trời trăng chia rõ âm cùng dương
Một thân bền vững khí trong cao
Cầu danh tính lợi lúc đầu khó
Cuối ngựa gặp trâu trở lại thông
Bắn mũi tên theo phía Tây Nam
Trăm hoa hướng ngựa tỏa hương thơm
Nếu phải là ngươi khách cõi trần
Gập ghềnh nhẫn nại chưa vội đi

* Tuổi Ất cho 06 giờ Giáp: nhìn chung tuổi Ất giờ Giáp, cả 06 giờ đều tốt và khá không giờ nào quá xấu, tuy đã thành đạt sớm nhưng thật khó khăn vất vả, nên vững chí mà lập nghiệp, lúc trẻ còn nhiều trở ngại, khi đến năm hay vận Sửu Ngọ thì công việc mới bắt đầu thông suốt, nên đi xa về hướng Tây Nam mà lập nghiệp thì mới thành công.

HÀNH TÀNG

Vận hạn tiện hành hổ vĩ túc 足
Kiến dương 羊 thử 此 nhật thủy 此 khai nhan
Hướng tiền viền thô đa tài bạch

Khuyến phê kê minh bất đắc nhàn

Vận hạn thuận đi cuối năm hố

Thấy dê ngày ấy mới mở mặt

Nhìn trước vượn thỏ nhiều tiền bạc

Chó sửa gà kêu nhàn vô cùng

CƠ NGHIỆP

Kỷ niên trú túc vọng tiên gia

Hồi thủ Nam quan sự khả ta嗟

Lập chí phán奮 quyền thiên vạn lý

Tang du mậu茂 đối diệu曜 hồng hà霞

Bao năm trú ngụ tại gia tiên

Quay đầu Nam ải việc than ôi

Vung tay lập chí xa muôn dặm

Cánh chiều tốt đẹp bóng ráng hồng

* Xây dựng cơ nghiệp không thể dựa vào tố nghiệp mà thành, phải rời bỏ nhà ra đi xa vũng chí mới kiến tạo nên sự nghiệp, mưu tính nên chờ đúng thời vận thì đỡ vất vả, đến cuối năm Dần hãy bắt đầu làm việc, tới năm Mùi sự việc đã thành công, qua năm Mão năm Thân kinh doanh được nhiều tiền bạc, đến năm Dậu năm Tuất thì lui về nghỉ ngơi để an hưởng cảnh già an nhàn.

HUY NH ĐỆ

Hàn tái nhạn phi tam chích khứ

Cô hồng độc lệ 哭 nhất thanh giao 芫

Thu không trùng 澄 triệt vô tràn điểm

Ái lạnh ba bóng nhạn bay đi

Xa xăm một chiếc một mình kêu

Trời thu trong suốt không chút bụi

Phong 楓 lạc Ngô giang mǎn dã kiều 橋

Sông Ngô lá phong rụng đầy cầu

* Anh em chia xa, một mình rời bỏ quê nhà ra đi, buồn thương nhớ nơi đất lạ quê người trong cảnh chiều cô đơn hoang vắng.

HÔN NHÂN

Kim ô 烏 minh xứ thièm thù hắc

Vân tán trường không tâm mặc 默 mặc

Vạn điểm tinh quang chiếu viễn san

Kí 幾 đa âu lộ hoành đường lập

Quạ vàng kêu chốn con cúc đen

Mây tan trong không lòng lặng lẽ

Ngàn ánh sao soi dãy núi xa

Bao nhiêu cò vạc đứng ngang đường

* Vợ chồng khác biệt nhau như mặt trời mặt trăng, trong lòng mỗi người lặng lẽ
như mây tan trong khoảng không gian vô tận, nhìn những đôi lứa khác chung
quanh, mà tình vợ chồng mình lấp ánh nhỏ nhoi như bóng sao chiếu trên dãy núi
xa xôi. Quạ vàng: Mặt trời, Theo truyện cổ, xưa ở giữa Đông Hải có cây Phù Tang
trên có bảy 10 con quạ vàng, mỗi ngày 1 con bay từ phương Đông sang phương
Tây, soi sáng thế giới. Ngày kia Đông hải bão tố, cây Phù tang bị đổ, bảy quạ bay
đẬU khắp trời gây nên thảm cảnh. Hậu Nghệ là thần tiễn đã bắn rơi 9 con, chỉ để lại
một, chính là vầng Thái Dương ngày nay. Thiêm thù 蟾蜍 con cúc, Tục nói những
vết đen đen trên mặt trăng là con cúc, nên gọi mặt trăng là thiêm cung 蟾宮,

TỬ TỨC

Nhạn hành lịch 歷 lich 歷 vũ tây phong 風

Hoán khởi hành nhân qui hưng 興 nùng 浓

Chi thượng tam hoa năng kết quả

Vân lai nhất quả tại không trung

Nhạn bay thưa qua mưa gió Tây

Gọi người đi thúc dậy trở về

Ba đoá đầu cành làm kết quả

Về già một quả ở trong không

* Con rất ít khó có con, nếu trong một lúc nào vợ chồng mặn nồng trở lại thì có thể
có kết quả có một hai con, nhưng về già con cũng xa cách, một mình lẻ loi cô đơn.

THU THÀNH

Ngô khuyên phùng xà nhân tự tiêu

Quân hoàn tri quái nhược nghi sai

Tùy cơ ứng biến vô thâm họa

Kỵ mã chí ~~đ~~ sơn phúc tự lai

Gặp chó đón rắn người tự cười

Người biết rằng lạ vẫn còn ngờ

Theo cơ biến đổi không sâu họa

Cưỡi ngựa lên non phúc tự đến.

* Trong năm Tuất hay Tỵ còn điểm lạ xảy ra, nhưng coi thường không quan tâm
còn cười nghi ngờ chê nhạo, khuyên rằng hãy nên cẩn trọng đề phòng thì mới tránh
được ẩn chứa tai họa thâm sâu, nếu không thì lúc đó sẽ là ngày về núi chầu trời.

ÂT - ÂT

Quẻ Số 12: BÁT THUẦN TỐN

THIỀN CỎ THỊNH

Giờ Ât Sửu cách: Bại 敗 hà 荷 phùng vũ (cây sen úa gắp mưa)

- Giải: Cùng khôn chi thời thiêng hưu nhân lai toán kê (Lúc thời cùng cực khôn khổ có người bên cạnh đến bàn mưu tính kê)

* Cây sen sống dưới ao đầm mà còn bị héo úa vì khô hạn cho nên phải trải qua thời gian vô cùng khôn khó, nhưng may trời mưa tới giống như có người cứu giúp để qua cơn hoạn nạn.

Giờ Ât Mão cách: Phù 浮 bình tăng 增 thủy (Nước lên thêm bèo trôi nổi)

- Giải: Nhất sinh phiêu bạt 漂泊 vô định tung 蹤 (Một đời trôi dạt vết chân đi không nơi chốn ổn định)

* Cánh bèo đã trôi nổi trên sông nước không cố định nơi nào, nay nước thuỷ triều nổi lên làm càng trôi dạt đi thêm, cuộc đời long dong phiêu bạt không nơi chốn ổn định

THIỀN ĐỘC THỊNH

Giờ Ât Ty cách: Tà 斜 dương thiên tề 霽 (Mưa vừa tạnh lúc xế chiều)

- Giải: Mộ niên 暮年 giao vận lai nhật vô đa (Vừa đến lúc tuổi già những ngày còn lại không còn nhiều)

* Mưa gió...ám chỉ những trở ngại trong cuộc đời, nay mưa vừa tạnh lúc xế chiều (cũng có nghĩa là tuổi đã về già) thì cuộc đời cũng chẳng còn hưởng bao lâu nữa.

Giờ Ất Mùi cách: Lạp 腊 thảo điệp 爭 sương (Cỏ tháng chạp gấp chồng chất sương phủ)

- Giải: Vẫn niên thiên đa ưu hoạn (Năm tuổi già gấp nhiều âu lo hoạn nạn)

* Cỏ tháng 12 vào mùa đông đã héo úa, này còn chồng chất sương phủ làm hại thêm, (tháng chạp cuối năm cũng ngũ ý tuổi đã về già), về già phòng đau yếu nhiều ưu lo hoạn nạn.

TỬ THẦN TiNH

Giờ Ất Dậu cách: Thần kiém hóa Long (Kiếm thần hóa Rồng)

- Giải: Cùng cực tắc biến chung hữu phi đằng chi nhật (Khi tới thời cùng cực sẽ biến đổi, sau có ngày bay bồng)

* Kiếm quý như có thần, chưa gấp thời để dọc ngang cho thoả chí mà còn phải ẩn trong vỏ bọc, nhưng tới lúc thời điểm sẽ hoá thành rồng bay lên cao cho thoả chí anh hào.

Giờ Ất Hợi cách: Châu ngọc tàng nê (Ngọc trai chôn ẩn dưới bùn)

- Giải cách: hoài 懷 tài bất ngộ bất nhi an phận thủ kỷ (Ôm trong lòng tài năng mà không gặp được thời hay người để làm việc, đành phải yên phận giữ mình)

* Ngọc trai quý mà chôn dưới bùn sình che lấp ánh sáng đẹp quý báu của ngọc, không có người hay thời để trọng dụng cái quý đẹp của ngọc, đành phải giữ lấy mình mà ôm áp tài năng bị chôn vùi chứ không chịu làm mất giá trị của ngọc.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh yêm 淹 duyên 延 thoái hối 晦, tự tại an nhàn chi cảnh, ngã yếu hành tha 他 yếu trú, ngã yếu lai tha yếu khú, bách vật bất thuận, tiến thoái bách sự tiến thoái, đa học thiểu thành, tác sự hổ đầu xà vĩ, bất cầu nhân bất thái 采 nhân, hung bất hung cát bất cát.

* Mệnh này kéo dài sự ngưng đọng tối tăm mờ mịt và thoái lùi, tự ở trong cảnh an nhàn, ta muốn đi, lòng khác muốn ở lại, ta muốn trở lại, lòng khác lại muốn ra đi, trăm thể loại chẳng thuận, tiến lui trăm việc tiến rồi lui, học nhiều thành công ít, làm việc thì như đầu cọp (dữ tợn to lớn) đuôi rắn (nhỏ bé chui lủi), không mong cầu gì ở nơi người đời chẳng gặt hái gì được ở người đời, xấu chẳng ra xấu tốt chẳng ra tốt.

Cách chung cho 06 giờ

NHẠN QUÁ TiÊU TƯƠNG

(Nhạn bay qua bến Tiêu tương)

Thất ý tu 須 phòng 防 đắc ý thời

Bình sinh trinh 貞 tiết 節 dữ tùng tè

Bích vân ngộ văn qui nguyên 原 động

Lục 緑 liễu phùng xuân phát cựu chi

Thu thủy nhạn phi song ảnh đạm

Sa đê uyên hí 戲 chích hình hi 稀

Lôi thanh kinh động long xà xú
Vũ lộ ngưu dương biệt hữu kì 期
Bình sinh tính cách thanh như thủy
Xuân noãn 暖 uyên ương hí bích ba
Văn cảnh hoàng kim lượng 量 đấu hộc
Mai hoa nguyệt hạ tấu sanh ca 真歌

Thời mất ý đương chờ được ý
Đời thường vũng sạch sánh cùng tùng
Mây xanh về muộn nơi hang cũ
Liễu biếc gấp xuân cành cũ nẩy
Nước thu nhạt bay hai ánh nhạt
Bờ cát uyên đùa chiếc bóng thưa
Sấm vang kinh động nơi rồng rắn
Mưa móc trâu dê hẹn có phần
Đời thường tính cách trong như nước
Xuân âm uyên ương đùa sóng biếc
Về già đong vàng băng đấu hộc
Dưới trăng mai nở đạo khúc đàn

* Tuổi Ất cho 06 giờ Ất: thời chưa tới đừng nên vội làm, cho dù có chậm trễ cũng nên giữ ý chí trong sạch và vững bền, chờ tới lúc thời đến như tiếng sấm vang động, ngày ấy (vận hạn hay năm Sửu Mùi) là ngày hẹn sẽ phần thưởng thích đáng, về già giàu có an nhàn vợ chồng cùng hưởng lạc. Sông Tương hay Tương Giang,

còn gọi là Tiêu Tương, thuộc tỉnh Ninh Lăng, tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Sử viết, khi vua Thuấn mất, hai bà phi là Nga Hoàng và Nữ Anh thương tiếc không nguôi, hết vật vã thảm thiết trong cung, lại ra bờ sông Tương khóc than đêm ngày, để ám chỉ sự biệt ly ngăn cách

HÀNH TÀNG

Hưu từ 霹 lộ viễn đăng thiên lý

Lực quyện do 由 bạt 拔 vạn tượng chi

Tu đai song ky long hổ bảng

Nguru dương tương trực thượng thiên thê

Đừng chối đường xa đi ngàn dặm

Sức mỏi còn múa lên muôn gậy

Nên đợi cưỡi hai bảng rồng hổ

Cùng đuối trâu dê lên thang trời

CƠ NGHIỆP

Ngộ quý tương phùng phương đặc lộ

Bình sinh cương trực dữ thiên tề

Nhược phùng long hổ tri âm dã

Ngộ khuyên phùng dương vi phẩm đề 品題

Gặp quý cùng gặp có đường hướng

Đời thường ngay thẳng sánh cùng trời

Nếu gặp rồng hổ bạn hiểu biết

Gặp chó gặp dê mới cân lường

* Khi gặp thời hay người quý hiển giúp đỡ, hay thực hiện ngay cho dù có phải đi xa ngàn dặm, dù có mệt mỏi đến đâu cũng phải cố sức, vì đó là đang gặp thời vận tốt để phát triển, là người trong sạch ngay thẳng thì sẽ gặp người tốt hay có quyền thế hiểu biết mình mà nâng đỡ giúp cho thành công.

HUYNH ĐỆ

Lịch 歷 quá không trung thanh lịch lịch 嘿嘿

Viễn di hình ảnh tại sa đê

Cao tường 翱翔 tú hải mê tung tích

Tâu mã giang biên thảo tự thê 蕤

Vượt qua trong không kêu lạnh lanh

Bờ cát xa xôi để bóng hình

Bốn biển lượn bay không dấu vết

Chạy ngựa ven sông cỏ tốt tươi

* Trong anh em, tự mình vượt lên, đi xa tìm công danh sự nghiệp bắt đi tin tức, sau lại trở về anh em đều cùng được tốt đẹp

HÔN NHÂN

Hạnh 幸 hữu uyên ương thành bạn lữ

Na 那 tri tâm tính thiển hòa đồng

Thảo đường âu 鷗 lô 鶩 thành hàng lập

Bát phạ nghiêm sương 嚴霜 dữ ác phong

Uyên ương hạnh phúc cùng đôi lứa

Nào biết tâm tính ít hòa cùng

Bãi cỏ cò cốc đứng thành hàng

Chẳng sợ sương buốt cùng gió độc

* Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau cho dù tâm tính chẳng giống nhau, cho gắp cảnh như sương buốt giá lạnh hay gió độc vẫn sát cánh cùng nhau chịu đựng đợi ngày cùng hưởng phú quý.

TƯ TỨC

Cuồng phong sâu 驟 vũ thảo thê thê 萋萋

Hoa phóng chi đầu lưỡng quả nghi

Lưu đắc nhất chi khai tối vân

Cách tường hồng hạnh cạnh mai phì 肥

Gió dữ mưa dồn cỏ tốt tươi

Hoa nở đầu cành được hai quả

Lưu được một cành nở rất muộn

Bên tường hồng hạnh cạnh mai to

* Dù có gắp nhiều khó khăn trở ngại trong đường con cái, thì vẫn có được con trai lẫn con gái, vì cha mẹ gốc rễ vững bền chăm sóc kỹ chăng ngại gió dữ mưa dầm vẫn tốt tươi.

THU THÀNH

Trường an lộ thượng nan tầm khách
Khả tích 惜 xuân tàn tảo vị chung 終
Hồi thủ tịch dương 夕陽 vân ái đãi 譲隸
Nhất thanh cô nhạn hoán tây phong

Đường đến Trường an khách khó tìm
Khá tiếc xuân tàn rượu chưa hết
Quay đầu buổi chiều mây mù mịt
Một tiếng nhạn cõi gọi gió tây

* Khó tìm được người cùng ngang hàng mà kết tâm giao, tiếc rẻ cuộc vui tiền của còn nhiều mà ngây vui đã hết, một mình lẻ loi ra đi. Trường An (Tràng An): là tên kinh đô của hai triều đại thịnh trị của Trung Quốc: Tiền Hán (206 tr CN - 8 sau CN) và Đường (618 - 907). Được các nhà nho xưa sử dụng như một danh từ chung chỉ kinh đô của sự thịnh trị về văn hoá, thanh lịch và giàu sang.

Quẻ Số 13: PHONG HỎA GiÁ NHÂN

ẤT - BÍNH

QUẺ SỐ 13: PHONG HỎA GiÁ NHÂN

THIÊN HƯÚ TINH

Giờ Bính Tý cách: Cao lâu 樓 vọng nguyệt (Lầu cao ngắm trăng)

- Giải: Khả vọng đắc viên mãn chi kết quả (Có hy vọng được đầy đủ được nhiều kết quả)

* Đứng trên lâu cao nhìn được xa rộng nên hành động ắt phải có kết quả thành công đầy đủ.

Giờ Bính Dần cách: Phong phòng 蜂房 kết mật(Tổ ong kết mật)

- Giải: Sự sự thuận thủ xứ xứ đắc lợi (Mọi việc đều thuận tay mọi nơi đều có lợi)

* Loài ong sống rất có tổ chức chia nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm làm việc chăm chỉ, nên làm việc được thuận lợi trong mọi nơi.

THIÊN LỄ TÌNH

Giờ Bính Thìn cách: Mã tê 嘶 dương liễu (Ngựa hí bên hàng dương liễu)

- Giải: Đắc thời nhi hưng đại xiển 阖 quyết 決 trường 長 (Gặp thời hưng vượng quyết liệt mở rộng ra cái hay cái tài giỏi của mình)

* Dương liễu là loại cây vừa dẻo vừa mềm, gặp gió mạnh thì uốn mình theo chiều gió, gió dừng là trở về vị trí cũ, cành dương nhờ sức mềm dẻo nên khéo tùy duyên mà không mất vị trí. tức là tuy chùi theo cành mà không bị cành chi phối. Vì thế, cành dương được tượng trưng cho đức nhẫn nhục. Ngựa gặp thời thích chí hí vang chạy xa ngàn dặm cho phỉ sức tráng kiện dẻo dai của mình.

Giờ Bính Ngọ cách: Li 离 cúc phùng thu (Giàn hoa cúc gặp mùa thu)

- Giải: Lão dương 當 ích tráng 壮 (Càng già càng thêm mạnh khoẻ)

* Hoa cúc vào mùa thu là đúng thời, mùa thu hoa cúc tượng trưng cho tuổi về già, về già lại đúng thời vận nên càng già càng khoẻ mạnh.

THIỀN THIỀN TINH

Giờ Bính Thân cách: Phi huỳnh 螢 phóng hỏa (Đom đóm bay tỏa ánh sáng)

• Giải: Lực tuy bạc 薄 nhược diệc nǎng phán phát hữu vi (Sức tuy yếu đuối mỏng mảnh nhưng cũng đủ phán phát làm việc)

* Đom đóm là loài côn trùng nhỏ, sức tuy yếu đuối mỏng mảnh nhưng phát ra được ánh sáng trong đêm đen là cũng có được năng lực dù năng lực đó nhỏ bé cũng tạm đủ để làm việc nhỏ.

Giờ Bính Tuất cách: Xuân Lan Thu Cúc (Hoa lan mùa xuân cúc mùa thu)

• Giải: Nhất sinh đô thị 都是 gai cảnh (Một đời đều là cảnh tốt đẹp)

* Sanh hợp thời, lại ví mệnh như bốn loài cây quân tử được người đời yêu mến là lan, mai, trúc, cúc, thuận theo mùa xuân, hạ, thu, đông, cho nên một đời đều là cảnh tốt đẹp.

PHÁN ĐOÁN:

• Thủ mệnh phượng xuất kê sào 巢 long sinh xà phúc 腹, tính khẩn 緊 đa mưu tâm hoài 懷 bất túc 足, tác sự tiến thoái trù trù, tự tại trung sinh xuất tân khố, an tĩnh trung đạo 中道 xuất thị phi, tận tâm kiệt lực tố sự vô thành, như hoa khai phùng dạ vũ nguyệt hạo 曦 bị hành vân, khước vi bồi 培 tiền bất chi 之 tĩnh dụng, cưỡng 瘋

thi 施 thiết ngạnh 硬 truy 追 bồi 陪, như thảo đường hạ quái châu 珠 diêm 簪, chỉ 止 đồ 徒 hảo khang 康 bát tri độ lượng 度量.

* Mệnh này là chim phượng sinh ra ở tổ gà, rồng sinh ra trong bụng rắn, tánh cẩn nhanh gấp nhiều toan tính, ôm trong lòng lo nghĩ không đủ, làm việc tiến lui do dự, tự bên trong nơi mình sinh ra cay đắng đau khổ, ở giữa đạo lý yên tĩnh lại sanh ra phai trái, hết lòng kiệt sức mọi việc chẳng thành, như hoa nở gấp mưa đêm, trăng sáng mây bay qua che lấp, chỉ vì làm nhanh vội, mà không biết trước để vun trồng cái công dụng của sự yên tĩnh, gượng ép bày ra làm cứng rắn buồng bình đòi đèn trả, như dưới nhà tranh treo rèm báu, chỉ là những thứ làm cho xinh đẹp mà không biết cân nhắc đo lường.

Cách chung cho 06 giờ

NHẬT NGUYỆT ĐỒNG MiNH

(Mặt trời mặt trăng cùng sáng)

Giao huy 輜 nhật nguyệt lưỡng gian minh

Sự nghiệp vu hồi 囂 bất kiến thành

Hoạt 活 kế thử đầu đa ám háo 耗

Sinh nhai hổ khẩu hữu quang huy

Sơ niên nguyệt hướng vân trung ản

Mộ 暮 hạn hoa tòng cầm thượng sinh

Tá vấn bàn đào thành kỷ cá

Nhất chi phong tống ngũ canh đắng

Cùng sáng trời trăng hai khoảng sáng
Sự nghiệp quanh co chǎng thấy thành
Mưu sống đâu chuột nhiều ngầm tốn
Miệng cọp sinh sống có sáng sửa
Tuổi trẻ trong mây trăng còn ẩn
Hạn già theo hoa sinh trên gầm
Ướm hỏi được mấy quả Bàn đào
Một cành gió tiễn đèn canh năm

* Tuổi Ất cho 06 giờ Bính: sanh giờ nào cũng tốt và khá, nhưng sự tốt đẹp lại giống như mặt trời mặt trăng tranh nhau cùng sáng làm cho không rõ ràng, vào thời tuổi trẻ khá vội vàng thiếu cân nhắc suy tính nên thất bại nhiều, tạo dựng sự nghiệp khó khăn trở ngại, năm vào năm hay vận hạn Tý sanh kẽ sống gấp nhiều khó khăn tổn thất, qua năm Dần mới thấy khởi sắc sáng sửa ra, hạn về già mới có được hưởng tốt đẹp, nhưng không được lâu dài như là gió thổi đèn, canh năm trời đã bắt đầu hừng sáng không còn tác dụng được nhiều nữa.

HÀNH TÀNG

Hữu nhật ngộ dương tu 須 thượng mã
Vinh hoa phú quý tất song toàn
Hân thiên yết 謁 地 thành công nhật
Nhất chú thanh hương tạ thượng thiên

Có ngày gấp dê nén lén ngựa
Vinh hoa phú quý ắt cả hai
Báo trời cáo đất đã thành công

Đốt nén hương thơm tạ ơn trời

CƠ NGHIỆP

Nhật nguyệt giao quang bát tịnh 並 minh

Nhất thân cô tiết 節 tối cao thanh

Phùng ngưu ngộ khuyển triều thiên khuyết 闕

Vân bả 把 tinh 旌 mao 旄 ưng nhất môn

Trời trăng cùng sáng chǎng đều sáng

Một mình giữ tiết rất thanh cao

Gặp trâu gặp chó chầu cồng trời

Muộn cầm cờ quạt giữ một cửa

* Vì tranh sáng cho nên không sáng cho nên cuộc đời lúc trẻ thất bại lận đận, nên giữ chí khí cho vững mạnh bền bỉ chờ thời, đến trung vận sẽ rõ ràng sáng tối sự nghiệp dần dần tốt đẹp hơn, rồi cũng sẽ có ngày thành công, năm hay vận hạn Mùi, Sửu, Tuất tốt để làm việc, việc sẽ thành công hưởng giàu sang phú quý. Tiết 節: tự ức chế mình cho hợp lễ nghĩa.

HUYNH ĐỆ

Nhạn thế phần 蠲 phi u viễn khứ

Độc hướng tiêu tương bạn lữ vô

Hảo vấn hải đường hoa hạ cảnh

Ngộ thời trường khiếu vọng kinh đô

Nhạn vươn cánh bay đi xa thăm
Một hướng Tiêu tương không khách bạn
Dưới hoa Hải đường hỏi cảnh tốt
Gặp thời kêu vọng tới kinh đô

* Anh em mỗi người trưởng thành bay đi một ngả, riêng mình bay riêng nơi xa
thăm mưu tìm danh vọng, lúc đạt rồi mà hướng vọng về nhà than thở nhớ thương.

HÔN NHÂN

Nhất đồi uyên ương giao cảnh 頸 xú
Kỷ đa âu lộ nhập bình vu
Kim châu bảo ngọc vinh tông tổ
Lưu đắc cao minh tại đế đô

Một đôi uyên ương khoác cổ nhau
Còn nhiều cò cốc vào bãi cỏ
Vàng bạc ngọc ngà hiển tổ tông
Giữ được tiếng cao tại đế đô.

* Vợ chồng hòa hợp thương yêu nhau, cùng hưởng cảnh giàu sang phú quý.

TỬ TỨC

Xuân chí mãn đường 堂 đào lý thụ
Hà tu viên hậu vấn thanh hoàng
Yêu kim y tử thành kế lập

Kỷ hứa khuê chương 章 裲 ngự thường

Xuân đến đầy nhà cây đào lý
Sao còn hỏi sau vườn còn xanh vàng
Đai vàng áo tía đứng thành hàng
Còn hẹn huân chương đeo áo ban

* Con rết quý hiền làm rạng rõ tổ tông, là hiền tài của đất nước, đào lý ám chỉ bậc hiền tài, văn chương học hành giỏi, đóng góp tài năng làm ích nước lợi dân.

THU THÀNH

Giao 駭 long biến hóa giang hồ thượng
Hồ điệu 調 trùng quan sơn hạ qui
Muộn 暮 bả tửu bôi tiêu nhật nguyệt
Sơn lâm thâm xứ khả tương y

Con giao long biến hóa trên sông hồ
Cop lượn tầng cửa về dưới núi
Buồn cầm chén rượu qua ngày tháng
Nương mình nơi chôn rùng núi sâu

* Là người có chí khí, sự nghiệp khá lẫy lừng, tuổi già ngày tháng qua hưởng an nhàn nơi thanh tĩnh. Con giao long: con rồng phát xuất từ con giao long là con

thuồng luồng không chân và dài như con chình khổng lồ, có nhiều liên hệ với nước mây mưa gió.

ẤT - ĐINH

Quẻ Số 14: PHONG ĐỊA QUAN

THIỀN HƯỚNG TÌNH

Giờ Đinh Sửu cách: Thâm đầm hạ điếu (Thả câu ở đầm sâu)

- Giải: Kiệt lực doanh cầu chung tất hữu lợi (Hết sức kinh doanh kết quả sẽ có lợi)

* Đầm sâu có cá lớn, cá tượng trưng cho lợi lộc miếng ăn, muốn bắt được cá lớn thì phải bỏ ra rất nhiều công sức, dây câu phải dài cần phải to sức phải khoẻ rồi át sẽ có cá lớn để hưởng.

Giờ Đinh Mão cách: Suy thảo phùng xuân (Cỏ úa gặp mùa xuân)

- Giải: Khôn đốn dĩ cửu 久 đại hữu chuyển cơ (Khôn đốn đã lâu ngày có cơ chuyển biến lớn)

* Cỏ vốn dĩ sinh lực rất khoẻ, trải qua mùa thu đông tuy đã suy tàn héo úa, nhưng khi gặp được mùa xuân sẽ chuyển ngay cơ hội phát triển sinh sôi đầy sức sống.

THIỀN LỘC TÌNH

Giờ Đinh Ty cách: Huỳnh hỏa 螢火 thảo lư 爐 (Lửa đom đóm trên cỏ tranh)

- Giải: Tuy vô đại chí diệc túc tự hào 豪 (Tuy không có chí lớn cũng đủ tự hào)

* Lửa đóm đóm tuy nhỏ nhoi yếu ót, nhưng dù sao cũng còn phát ra được ánh sáng cho người chú ý đến, còn hơn các sinh vật côn trùng khác chịu cảnh chui lủi trong đèn đen mịt mù.

Giờ Đinh Mùi cách: Xuân Lan Thu Cúc (Lan mùa xuân cúc mùa thu)

• Giải: Tảo niên vân biên tác sự giai thuận cực (Tuổi trẻ cũng như tuổi già đều hết sức thuận lợi)

* Sanh hợp thời, lại ví mệnh như bốn loài cây quân tử được người đời yêu mến là lan, mai, trúc, cúc, thuận theo mùa xuân, hạ, thu, đông, cho nên một đời đều được là cảnh tốt đẹp.

THIẾN CƠ TÌNH

Giờ Đinh Dậu cách: Thâm cốc tiêu 檐 tân 薪 (Lấy củi ở hang sâu)

• Giải: Nỗ lực tiền tiến hoạch lợi vô cùng (Gắng sức tiến lên được lợi nhiều vô cùng)

* Trong rừng sâu hang thẳm nhiều nguy hiểm ít người dám đến nhưng lại có nhiều lợi lộc, nay đã cam đảm tiến vào khai phá át sê được lợi lộc nhiều vô cùng.

Giờ Đinh Hợi cách: Thủ nhập thương 倉 lâm 廩 (Chuột vào kho chứa lúa)

• Giải: Nhất sinh y thực vô ưu (Trọn đời no cơm áo)

* Chuột vào được kho lúa ăn cả đời không hết, đời chẳng lo chi việc cơm áo.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh nãi hư 虛 danh chi tinh bất hiển 顯 chi tú, cô độc tự tại vô hiện thành phúc, tổ tài nan kháo 靠 thân thích vô tình, chi tâm giả thiểu ngã chi giả đa, khước đắc thiên lộc đắc chủ, hiềm xứ bất hiềm hung xứ bất hung, dụng tâm đa lịch 歷 sự thiển, thân nhàn tâm vị nhàn, tài đa phúc thiện thiển, thanh tĩnh thị gia phong, phương khả đáo niên lão.

* Mệnh này là sao danh tiếng không thực, cái đẹp lạ chẳng vẻ vang rõ rệt, tự mình đơn độc không hiện ra thành tốt lành, tài sản của tổ tiên khó nương nhờ, thân thích không có tình cảm, biết lòng thì ít mình biết người thì nhiều, lại được sao thiên lộc làm chủ, nơi nguy hiểm lại không bị nguy hiểm, chốn hung dữ không bị hung dữ, dùng tâm lòng thì nhiều trải qua công việc thì ít, thân nhàn trong lòng chưa được nhàn, tiền nhiều tốt lành ít, lấy sự yên lặng trong sáng làm phong cách của gia đình, có thể mới tới được tuổi già.

Cách chung cho 06 giờ

NGƯ DU THANH BA

(Cá bơi lượn sóng trong sảnh)

Nhĩ 你 thân 親 phi ngã ngã phi thân

Gia ngoại thành gia cách cố nhân

Hưng phé tận gai tiền phận định

Lợi danh tu thị trực thời tân

Phong đoàn 搶 ưng cốt 鰐 kinh hồng nhạn

Thủy lãnh uyên ương tiếp 接 cẩm lân 鱗

Tá vấn hoa khai kết tử phủ 否

Cảm yên thiên khí liễu sao xuân

Mày thân chẳng phải ta chẳng thân
Ngoài nhà thành nhà xa người cũ
Thịnh suy tất cả đều chia định
Danh lợi nên phải theo thời mới
Cắt ưng nương gió nhạn hồng sơ
Nước lạnh uyên ương gần cá gầm
Uớm hỏi hoa nở có thành quả ?
Sương trời khói gầm ngọn liễu xuân

- o Căn cơ lao 宦 把 tróc 提
- o Băng thán 冰炭 thị nhân tình
- o Đắc phùng thủy biên khách
- o Hồi thời tùng trúc thanh

- o Năm thật chặt lấy nền gốc
- o Tình người như băng lạnh than nóng
- o Gặp được người khách bên nước
- o Khi trở về tùng trúc xanh tươi

* Tuổi Ất cho 06 giờ Đinh: 06 giờ đều tốt và khá tốt, nhưng vì tính tình tự cô độc
chẳng thích thân gần với ai, chỉ cùng quây quẩn với vợ con, ra ngoài lập nghiệp
cần phải thay đổi cách suy nghĩ không nên giữ cái cũ, mọi sự đều do trời định, tình

người nóng lạnh khó lường, nếu hỏi kết quả cuộc đời về sau ra sao, thì cũng bằng
bạc như khói lam chiều trên ngọn liễu vẫn xanh tươi trong mùa xuân

HÀNH TÀNG

Đắc thời ky mã như phùng hổ

Biển 扁 chu trực tiếp 直接 cố nhân lai

Bằng phi tiêu hán vân trình viễn

Y tử yêu kim tận thương thai 台

Gặp thời cưỡi ngựa như gắp cọp

Thuyền con thăng đón người xưa lại

Bằng bay sông trời mây xa thăm

Áo tím đai vàng trọn tước cao

CƠ NGHIỆP

Hữu gia sinh ngã ngã phi thân 親

Gia ngoại doanh 羸 gia hữu cố nhân

Hưng sự kỷ đa tu tự giác 覺

Lợi danh phân phó 吩咐 đắc chung thân

Cái nhà sinh ta ta chẳng giàn

Ngoài nhà được nhà có người xưa

Việc thịnh được nhiều mình tự biết

Bảo rằng danh lợi được trọn đời

* Ra khỏi nhà mới lập được lập sự nghiệp, gặp lại người quen biết cũ như gặp thời, mạnh bạo tiến trên đường công danh, lúc đó như chim bồ câu bay vượt trên tận mây cao, việc thịnh suy trong đời mình tự biết, rồi về sau danh lợi quý hiển cũng được trọng đời.

HUYNH ĐỆ

Nhạn hàng phi quá biệt phong đầu
Tự tự đồng nha 鴉 bất cộng thu
Hồng lục bạch tần mê 迷 lưỡng ngạn
Nhất thanh ngư địch vận thanh u

Đàn nhạn bay qua đầu ngọn núi
Bởi mình với qua chặng cùng thu
Rau xanh tần trǎng mê hai bờ
Một tiếng sáo chài đêm thanh nhã

* Anh em trong gia đình có tình thân ái, tuy không cùng chung sống với nhau nhưng vẫn giữ tình thân thanh đạm với nhau.

HÔN NHÂN

Nhân duyên trường đoản gai tiền định
Nguyệt khuyết hoa tàn thính tử qui
Âu lộ thảo đường bái lập xứ
Vãng lai giang thương hữu tương y

Duyên người dài ngắn do trời định
Trăng khuyết hoa tàn nghe chim quyên
Cò cốc đứng đây nơi bãi cỏ
Lui tới đâu sông có tựa nương

* Vợ chồng sống với nhau đều do duyên tiền định, duyên phận dài ngắn do trời định đoạt cả, cho dù sau này có một mình tự do như cò cốc thì cũng có chỗ tựa nương mà không quá cô độc.

TỬ TỨC

Hạnh hoa chi thương vô giai quả
Dương liễu chi đầu kết dị đào
Tường ngoại nhất tùng 叢 tu trúc 修竹 lão
Xâm thiên cao tiết 節 hám 撼 phong đào

Cành cao hoa hạnh không quả tốt
Đầu cành dương liễu thành đào lạ
Ngoài tường một bụi trúc già cao
Đốt cao lán trời sóng gió lay

* Chậm có con, sau cũng có và con quý hiền.

THU THÀNH

Tá vân hoa tàn oanh 煙 lão nhật
Thừa loan khóa hạc thượng thanh thiên

Nam kha nhất mộng không hồi thủ
Tam kính 徑 ưu du 優游 thả mạc ngôn

Ướm hỏi hoa tàn quanh ngày già
Cưỡi loan cưỡi hạc lên trời xanh
Một mộng Nam kha không quay đầu
Ba ngõ nhàn nhã lời chǎng nói

* Vé già được an nhàn thanh đạm, công danh phú quý rồi cũng như một giấc mộng

Quẻ Số 15: PHONG SƠN TiỆM

ẤT - MẬU

QUẺ SỐ 15: PHONG SƠN TiỆM

THIỀN HƯỚU TÌNH

Giờ Mậu Tý cách: Đống 凍 lân xuất thủy (Cá lân lạnh ra khỏi nước)

- Giải: Tiến thoái lưỡng nan hữu tài nhi vô dụng (Tới lui đều khó có tài mà không dùng được)

* Cá phải sống dưới nước, nay bị lạnh mà ra khỏi nước thì càng khốn khổ hơn, vì thế dù có tài bơi lội giỏi nhưng vẫn không thể thoát khỏi khó khăn.

Giờ Mậu Dần cách: Tẫu mã hoa nhai 街 (Ngựa chạy bên đường hoa)

- Giải: Bản lãnh tuy cao tác sự tu hoàn cẩn thận (Bản lãnh tuy cao nhưng làm việc phải cẩn thận)

* Chạy ngựa trong đường phố thị thành đông đúc là người có tài năng điều khiển, nhưng cũng không ít những những trở ngại như va vào người hay đồ vật khiến cho mang họa.

THIỀN CHÂN TÌNH

Giờ Mậu Thìn cách: Khô liên đặc lộ 露 (Sen khô được sương móc)

- Giải: Tử bất đặc lực sở dĩ hữu phúc nan hưởng (Có con không đặc lực vì thế có phúc không được hưởng)

* Sen sống dưới ao đầm bị hạn làm cho khô héo, tuy gấp sương móc có chút hơi nước cho không bị chết nhưng chẳng có thể đủ sức để thành hoa kết hạt được.

Giờ Mậu Ngọ cách: Hư thảo vi huỳnh (Cỏ mục hoá ra đom đóm)

• Giải: Tiểu tiểu thông minh 聰明 bất trí nhất vô sở dụng (Trí tuy sáng suốt có nhỏ hẹp nhưng không đến nỗi không có chỗ dùng)

* Đom đóm tuy căn cơ vốn nhỏ bé nhưng phát sáng được trong đêm đen tuy ánh sáng lập loè , thì vẫn có thể dùng được trong những việc nhỏ bé.

THIỀN QUYỀN TINH

Giờ Mậu Thân cách: Sa đĩa tài quỳ (Trồng hoa quỳ trên cát)

• Giải: Sở tác sự nghiệp nan vong phát đạt (Việc xây dựng sự nghiệp khó hy vọng phát đạt)

* Hoa Quỳ là loại hoa quý mà đem trồng trên cát không nhiều dinh dưỡng và vững chắc như đất thịt, cho nên khó đạt được kết quả thành công như ý muôn.

Giờ Mậu Tuất cách: Hà 荷 diệp phù 浮 lộ (Hạt sương nổi trên lá sen)

• Giải: Lập chí bất kiên kim tiền đáo thủ quỹ匱 tận (Tạo dựng chí hướng không bền vững nên vàng bạc vào tay rồi trong rương hòm cũng hết sạch)

* Tùng đêm hơi sương đọng lại thành từng giọt nước trên lá sen, nhưng rồi trời sáng lên nắng chiếu vào lại tan ngay, nên không thể tích luỹ được nhiều tụ rồi sẽ tan ngay.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh tì 比 tiên nữ canh điền Vương Kiều hấp thủy, an nhàn xứ sinh xuất tân khổ, hưởng phúc xứ bất đắc ưu du 優 愉, tuy thị vi nhân khảng khái 慷慨, kiến thức cao minh, vị miễn ba ba 番 番 thành tam tú xứ quy mô 規謨, khu khu 區區 lập nhất lưỡng phiên gia kế, ban 班 ban thân phí lực, kiện 件 kiện tự đương 當 tâm, hữu tử bất đắc lộc, hữu phúc hưởng nan đồ 圖, tính trực vô tư 思 每 mỗi hướng ân trung chiêu oán

* Mệnh này giống như tiên nữ cầy ruộng nàng Vương Kiều (nàng con gái xinh đẹp thanh lịch giả làm tiên, sau trở thành tiên thật) hút nước, nơi yên ổn an nhàn sinh ra cay đắng khổ cực, nơi hưởng phúc lại không được nhàn nhã thích thú, tuy là người khảng khái (có tánh nghĩa hiệp thấy việc người bị ức hiếp chẳng bỏ qua), hiểu biết cao rộng sáng suốt, chưa lần lượt qua khỏi việc này lại, lại mưu toan tính toán thành lập thêm ba bốn việc nơi khác, một hai phen mòn mòn nhún mình để thành lập kế sống cho gia đình, thân phí sức chia ra làm ban này bê kia, rồi mọi sự kiện này lẫn sự kiện khác trong lòng phải gánh chịu lấy, có con (hạt mầm hạt giống) mà lại chẳng có lợi lộc, có phúc để hưởng lại khó tính toán, tánh thăng không suy nghĩ, nên thường trong ơn nghĩa lại ngoảnh lại vòi lấy oán giận.

Cách chung cho 06 giờ

TƯỚC LẬP TÙNG LÂM

(Chim sẻ đậu ở rừng thông)

Sinh thân xuất xứ tước ly sào

Phi hướng thanh tùng lập thụ sao 梢

Học vấn bất cầu chung thị khứ

Cơ cùu 箕裘 trùng chỉnh vị vi phao 抛

Vân mê nhạn trận phi nan tục
Vũ đả uyên ương cảnh bất giao
Cốt nhục thân tình nan cộng xứ 處
Gian tân tận thị mệnh trung chiêu
Tà i裁 hoa chủng 種 quả đai thời lai
Đai đáo tà dương nguyệt thượng đài
Sơ sự mạc hiềm thành vị phá
Điền viên hoa mộc hỷ trùng khai

Thân vốn sanh ra nơi tổ sê
Hướng bay lên đứng ngọn tùng xanh
Chẳng mong học hỏi sau phái bỏ
Sửa sang nối nghiệp lại vứt đi
Mây mờ đàn nhạn bay khó nối
Mưa dạt uyên ương chẳng kè nhau
Xương thịt tình thân khó cùng ở
Đắng cay khổ cực trong mệnh vầy
Gieo hạt trồng hoa chờ thời đến
Đợi đến bóng chiều trăng lên cao
Việc trước chớ ngờ thành lại phá
Ruộng vườn cây hoa mừng lại nở

* Tuổi Ất cho 06 giờ Mậu: 06 giờ nền gốc không được vững khoẻ nên gặp nhiều khó khăn khổ cực, là người có chí hướng lên cao nhưng tâm chí lại không chuyên

một nêu lập sự nghiệp nhiều lần phải thay đổi thành rồi bại, khổ cực đắng cay nhiều trong thời trai trẻ mãi gần về già mới được thành đạt được phần nào và an nhàn.

HÀNH TÀNG

Trác lập hà biên trú ngộ khuyễn
Thứ 此 thời bình địa thượng vân thê
Kiêm toàn mỹ ngọc tang du cảnh
Tự hữu cao nhân vi phảm đề 品題

Đứng vững bên sông heo gặp chó
Ấy thời đất bằng lên mây cao
Cánh già ngọc đẹp đều gồm vẹn
Tự có người trên giúp cân lường

CƠ NGHỆP

Tùng thanh liễu lục hạc lì sào
Phi cận thanh vân thâu bích tiêu
Hà sự thượng 尚 yêm 淹 tràn thô ách
Cái 盖 duyên 延 chi diệp vị tương phao

Liễu biếc tùng xanh hạc rời tố
Bay gần mây xanh tới trời cao
Việc sao còn mãi bụi trần khổ
Lá cành che lấp chưa bỏ đi

* Từ lúc sanh ra rời khỏi nhà lập nghiệp, trải qua nhiều cay đắng khổ cực mà vẫn còn mãi bị che lấp kéo dài những khó khăn, cố đứng vững mà chờ đợi, rồi đến năm hay vận hạn Tuất Hợi, lúc ấy sẽ gặp thời vận tốt đến mà được từ thấp lên cao, rồi sẽ có người cấp bậc trên cân nhắc đề bạt lên, khi về già sẽ được vẹn toàn tốt đẹp

HUYNH ĐỆ

Nhị nhạn không trung liêu寥 lịch歷 quá

Yếu tranh tiên hậu bất hòa đồng

Thất quân thất hữu友 giang sơn ngoại

Ngô Việt bình quân nhất dạ phong

Đôi nhạn trên không lặng vượt qua

Muốn tranh sau trước chẳng cùng hoà

Lạc đàm mất bạn ngoài sông núi

Ngô Việt chia đều gió một đêm

HÔN NHÂN

Âu lộ tiêu diêu du chiểu nội

Nguyệt minh uyên lữ cánh như hà

Tương phùng thiên lý nhân tình hảo

Khuê các thâm trầm hưng khách đa

Cốc cò vui chơi bơi trong ao

Trăng sáng bạn uyên trọn ra sao ?

Ngàn dặm tình người cùng gặp tốt
Phòng the sâu kín khách thích nhiều

* Vợ chồng gặp nhau nơi phương xa mà kết duyên tốt đẹp, sớm tối hủ hỉ bên nhau mặn nồng.

TỬ TÚC

Kỷ đáo hoa khai phùng dạ vũ
Thu thâm nǎng đắc quả ưng 應 giai
Long môn hữu khách truyền tiêu túc
Phủ 府 tự 寺 quang phong lư 閣 lí 里 khoa

Mấy bông hoa nở gặp đêm mưa
Cuối thu làm được quả nê nốt
Cửa rồng có khách đưa tin tức
Dinh quan sáng vượng xóm làng khoe

* Có con trẽ lúc đầu không được tốt lành, về sau khoảng trung niên có con trai là quý tử hanh diện với xóm làng làm rạng rỡ nếp nhà.

THU THÀNH

Như phùng long hổ tương tranh nhạt
Tài 裁 thành tâm sự ngộ tri âm
Chu hồi viễn 浦 phố phi phàm 帆 cáp
Châu thất tri thời bất dị tầm

Như gặp cọp rồng ngày cùng tranh

Nỗi lòng đã trọn gặp tri âm

Bến xa thuyền về buồm bay gấp

Biết thời mắt ngọc chặng dẽ tìm

* Ví như gặp phải ngày Dần hay Thìn thì lúc đó đã đủ hiểu được lòng mình đã toại nguyện rồi, chặng còn tiếc nuối như mắt vàng lạc ngọc chi nữa, cũng nên mau chóng rời bỏ cõi trần thôi.

Quẻ Số 16: PHONG ĐỊA QUAN

ẤT - KỶ

QUẺ SỐ 16: PHONG ĐỊA QUAN

THIỀN TRỰ TÌNH

Giờ Kỷ Sửu cách: Lãng lý thừa 乘 phù 浮 (Cưỡi bè trên sóng)

- Giải: Ngộ sự tu phòng nguy hiểm (Gặp việc nên đề phòng có nguy hiểm)

* Trên sóng gió mà cưỡi bè đi át rất nhiều nguy hiểm, làm việc gì cũng cần cẩn thận vì sẽ gặp phải nhiều nguy hiểm trên đường đi.

Giờ Kỷ Mão cách: Phong tiền điểm chúc (Đốt đuốc trước gió)

- Giải: Đắc chí thời phòng hữu bất trắc 不測 (Lúc đắc chí nên đề phòng gấp bất trắc)

* Trong đêm đen có được ngọn đuốc sáng thì thích thú nhưng gió sẽ thổi tắt lúc nào không biết, nên phải cẩn thận đề phòng lúc tốt lành có thể xảy ra sự xấu không lường trước được.

THIỀN HỦ TÌNH

Giờ Kỷ Ty cách: Thừa thuyền độ hải (Cưỡi thuyền vượt biển)

- Giải: Hoạn nạn chi trung hữu nhân phò trợ (Trong cơn hoạn nạn có người giúp)

* Đi thuyền qua biển rộng sẽ có nhiều tai hoạ xảy ra bất ngờ xảy ra, nhưng thuyền lớn để đi biển vững chắc an toàn hơn ghe nhỏ đi sông hồ, nên nếu có hoạn nạn xảy ra rồi cũng có điều kiện để trông mong được sự cứu giúp của người khác.

Giờ Kỷ Mùi cách: Nguyệt chiêu hàn đàm (Trăng soi đầm lạnh)

• Giải: Khốn khổ chi thời đặc ngộ cứu tinh (Trong cơn khó khăn khổ cực gặp được sự giúp đỡ)

* Phải về nơi hoang vắng đầm lạnh âm u để kiểm sống thì chịu nhiều vất vả, gặp ánh trăng sáng soi giống như có sự giúp cho qua khỏi cảnh âm u đen tối.

THIỀN NÊ TÌNH

Giờ Kỷ Dậu cách: Trần kính sinh huy (Gương phủ bụi lại sáng)

• Giải: Hoạn nạn dĩ quá hậu phúc vô lường (Hoạn nạn đã qua gấp phúc lành nhiều vô kể)

* Gương bị bụi che lấp mờ tối ví như là hoạn nạn, nay lại phát sinh ra được ánh sáng là phục hồi lại được công dụng của gương, sẽ có phúc lớn khó lường được bao nhiêu sau khi hoạn nạn đã qua đi.

Giờ Kỷ Hợi cách: Bệnh long hành vũ (Rồng ôm đi trong mưa)

• Giải: Phùng hung hóa cát sự thuận thủ (Gặp xấu hóa tốt mọi việc thuận lợi)

* Rồng là linh vật làm ra mưa gió, bị đau ốm là gặp hoạn nạn, rồi sau lại trở về công việc của mình là làm ra mưa gió nên mọi việc lại thuận tay vì đó là sở trường của mình.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ 此 mệnh nai tạc 鑿 sơn khai lô quật 掘 tĩnh hấp tuyền, dụng tận công phu 功膚 tâm lực, hội thi vi 施爲 năng bài 排 bố 布, tri khinh trọng biệt hiền ngu, tuy tắc trí lượng thâm trầm 深沉, nại hà vận hạn bác tạp 駁雜, ngô công hội túc bất như diên du 蜒蚰, thân như bất hệ 系 chu, mệnh như sơ sinh nguyệt, mạc 莫 hận sở vi đa tiến thoái, chỉ nhân 因 thời tiết vị tương phùng,

* Mệnh này là đào núi mở đường đào giếng rút nước nguồn, dùng hết cả mọi sức lực lớn lẫm tấm lòng, hiểu biết cách bày ra việc làm để, có tài đưa ra và xắp xếp việc, biết coi nặng xem nhẹ, biết phân biệt kẻ ngu hay là người hiền tài, tuy biết khuôn phép ước lượng cái trí của mình, lại thâm sâu trầm tĩnh ý tứ kín đáo khó lường, tại sao vận hạn cứ lẩn lộn, con rết nhiều chân không bằng con ốc sên không có chân, thân như thuyền không được buộc neo(dập dềnh không ổn định), mệnh như trăng non mới sinh (còn khuyết hõm mò nhạt chưa tròn đầy sáng sủa), chớ nên hận việc có nhiều tiến rồi lại lùi, chỉ vì nguyên nhân là chưa cùng được gặp thời.

Cách chung cho 06 giờ

Li 篦 NGOẠI HẢI ĐƯỜNG

(Hoa hải đường ngoài bờ rào)

Trùng đài ngưỡng vọng bích vân cao

Phong quyển 卷 trường giang khởi lăng đào 濡

Nhuộc vấn bình sinh danh lợi toại

Nại hè trung hạn thị phi chiêu

Tiêu tương dạ vũ hoa linh 零 lạc 落

Sở 楚 trực 逐 hàn phong nhạn trận cao

Đãi đắc nhất dương hồi Phục quái
Bất kiên lao xứ dã kiên lao

Lầu cao ngửa ngắm mây xanh cao
Gió cuộn sông dài dậy sóng to
Như hỏi đời thường danh lợi thoả
Tại sao giữa hạn đúng sai vời
Đêm mưa Tiêu tương hoa rơi rụng
Gió lạnh đuổi đánh đàn nhạn cao
Đợi được một dương vè quê phục
Nơi chẳng bền vững ấy vững bền

- o Tính trực bẩm 禿 u 於 thiên
- o Khinh khinh xuất tự nhiên
- o Nhạn phân phi biệt 別 phô 浦
- o Trời cho tánh thăng thắn
- o Nhè nhẹ mở ra tự như thế
- o Nhạn chia bay bến sông khác
- o Cầm bảo 寶 hoán châu 珠 huyền 弦
- o Thân 身 tổ nguyên 原 vô phận
- o Tha nhân 他人 khước hữu duyên
- o Lợi danh trùng nhận 轄 lập
- o Bích chiểu kết song liên

- o Đàn báu chuyền dây ngọc (quý)
- o Nền gốc tổ tiên không chia cho phần
- o Lại có duyên phận nơi người khác
- o Danh lợi nhiều lần gây dựng bị ngăn trở
- o Ao biếc kết liền đôi sen lại với nhau

* Tuổi Ất cho 06 giờ Ất: 06 giờ sinh đều trong sự gian nan bất trắc trước xấu sau tốt, là người có chí khí cao, dám nghĩ dám làm dám mạo hiểm, lúc trẻ anh em chung bầy đàn với nhau rồi mưa gió đuổi đánh tan tác khắp nơi, một mình rời bỏ quê nhà ra đi xa không dấu vết, chịu đựng nhiều gian khổ, đợi qua thời kỳ đen tối ánh sáng (dương phục) hiện lên, gặp được đẹp duyên với người phương xa, danh lợi tuy nhiều lần gặp trở ngại nhưng vợ chồng vẫn cùng sánh đôi chung sức, từ đó dần dần xây dựng được cơ nghiệp. Sở 楚: Khóm cây nhỏ, bụi gai, giạ sở 夏楚 cái gậy con dùng để đánh kẻ vô lễ, lấy roi mà đánh người cũng gọi là giạ sở, đau đớn, như toan sở 酸楚, khổ sở 苦楚 chua cay, đau đớn v.v., nước Sở, nay gọi các tỉnh Hồ Nam, Hồ Bắc là đất Sở.

HÀNH TÀNG

Bình sinh vinh nhục tầng 曾 kinh 經 quá

Mã bạn 驛 long biên 邊 chí khí cao

Nhược đặc công danh Nam thực 殖 hảo

Bất kiên lao xứ dã kiên lao

Đời thường vinh nhục từng trải qua

Bên ngựa bên rồng cao chí khí

Công danh nếu được phuơng Nam tốt

Nơi chẳng bền vững ấy vững bền

CƠ NGHIỆP

Trùng dài dao 遙 vọng cửu thiên cao
Phong quyển trường giang khởi nộ đào
Quyên 鶻 hóa bằng 鵬 phi thiên vạn lý
Long lâu phượng các tự anh hào

Lầu cao xa ngắm chín trời cao
Sông dài gió cuộn nổi sóng đên
Chim quốc hoá bằng bay ngàn dặm
Lầu rồng gác phượng bối anh hùng

* Trong cuộc đời đã từng trải qua lúc vẻ vang lúc tủi thẹn, cho đến khi gặp được năm hay vận Thìn Ngọ thì nuôi chí quyết chí hơn, công danh nếu như được thì ở nơi đất tốt nơi phía Nam sinh lợi, nơi đó tưởng như không được vững chắc thì lại vững bền mà tạo nghiệp, từ thấp bé như chim quốc ngày ngày lủi bụi rậm kiếm ăn chọt hoá thành chim bằng to lớn bay tận mây xanh, sự nghiệp được hiển dương đáng mặt anh hùng. Thực 殖: Sinh, như phồn thực 繁殖 sinh sôi, nảy nở. Sinh lợi, chấn hưng công nghệ để sinh ra tài lợi gọi là thực.

HUYNH ĐỆ

Nhận quá quan 關 san khú lộ viễn
Cô phi biệt 別 tích 迹 hữu thuỷ 友 tri
Tuy nhiên Ngô Việt tri âm thiêu
Phi đáo Hàm dương thị tận kì 期

Nhạn vượt biên ải đường đi xa

Bay riêng mất dấu ai có biết

Cho dù Ngô Việt tri âm ít

Bay đến Hàm Dương hết hẹn kì

* Một mình rời bỏ anh em đi xa vượt biên mất dấu vết, tuy ở nơi xa cách như hai nước Ngô Việt ít trao đổi nói chuyện với nhau, nhưng rồi sẽ có kì hẹn gặp lại nhau cho thoả hết lòng thương nhớ .Hàm Dương : thuộc Tây An kinh đô nước Tần.

HÔN NHÂN

Uyên lữ 倔 trì 池 trung giao cảnh xứ

Đè phòng phong vũ sâu 驟 tương kinh

Vân khai thiên lý khán minh nguyệt

Liêm ngoại lụu hoa chiêu nhã minh

Trong ao bạn uyên cỗ liền kè

Phòng bị gió mưa chợt cùng sơ

Ngàn dặm mây mờ xem trăng sáng

Hoa lụu ngoài rèm soi mắt sáng

* Vợ chồng đang đầm ấm bên nhau, chợt có điều xấu làm cả hai sợ hãi, nhưng rồi mọi việc không tốt qua đi, cả hai trở lại đầm thắm như xưa.

TỬ TÚC

Nhị quả giao chi nhất quả kết

Dǔ 與 quân 君 thực thuyết nhất chi lao 牢

Âm công cửu 久 tích 積 vu 縱 môn thịnh

Quan hiển thân vinh thế tiệm cao

Hai quả liền cành một thành quả

Nói thật hứa anh một cành bền

Công đức chúa lâu cửa nhà vượng

Vé vang quan chức thế dần cao

* Quả biểu tượng cho con trai, có hai thì được một thành quả chắc chắn sẽ được vững vàng không sợ rụng, nhờ âm đức tích luỹ lâu đời mà về sau con cháu sẽ càng dần được quý hiển. vu 縱: Hai dãy nhà làm ở hai bên nhà giữa gọi là vu hay vũ. Như đinh có hai cái giải vũ hai bên.

THU THÀNH

Quân thân nhược kiến ngưu kỵ mã

Diễu diễu 阮廩 mang mang 芒芒 lộ cánh 竟 dao 遙

Viên hạc vãng lai tương đối vũ 舞

Nhất thanh địch 笛 vận triệt vân tiêu 雲霄

Thân anh nêu thấy cưỡi trâu ngựa

Mịt mù phờ phạc hết đường xa

Vượn hạc qua lại cùng múa đối

Một điệu sáo vang thấu mây trời

* Nếu như thấy năm hay vận hạn Sửu Ngọ thì lúc ấy chính là lúc mịt mù phờ phạc ra đi, đường đời không còn dài nữa.

ẤT - CANH

Quẻ Số 17: PHONG TRẠCH TRUNG PHU

THIỀN PHÚC TÌNH

Giờ Canh Tý cách: Hồng lò 爐 churóc 灼 tửu (Nấu rượu trong lò lửa hồng)

- Giải: Bính Đinh chi niên hảo huu nhân tương phùng (Năm Bính năm Đinh gặp được người tốt)

* Năm Bính năm Đinh thuộc hoả (thời vận hay là người), rượu và lò hồng cũng thuộc hoả nên cùng chung tốt đẹp hoà hợp với nhau.

Giờ Canh Dần cách: Khô thụ phùng xuân (Cây khô gắp mùa xuân)

- Giải: Giáp Ất chi niên thoát ách vận giao hảo vận (Năm Giáp năm Ất hết vận xấu liền sang vận tốt)

* Năm Giáp năm Ất thuộc mộc (thời vận hay là người), mùa xuân thuộc mộc, cây bị khô héo là bị nhiều khốn khó, vừa dứt vận xấu sẽ qua thời tốt sẽ được tươi đẹp phần phát ngay.

THIỀN CƠ TÌNH

Giờ Canh Thìn cách: Đào sa thủ kim (Đãi cát tìm vàng)

- Giải: Nhâm Quý chi niên khả vọng hoạch lợi (Năm Nhâm năm Quý có hy vọng hoạch lợi)

* Năm Nhâm năm Quý thuộc thuỷ, vàng thuộc kim qua năm hay vận thuỷ được nhiều lợi lộc.

Giờ Canh Ngọ cách: Khai liêm vọng nguyệt (Mở rèm trông trăng)

- Giải: Hữu cơ khả đồ 圖 tích 惜 thời do vị chí (Có cơ hội để mưu tính tiếc rằng thời vận còn chưa đến)

* Người xưa ngồi trong phòng kín che rèm để mưu tính định việc, tính chưa ra phải vén màn nhìn trăng suy ngẫm chờ đợi, trăng chưa lên thời vận vẫn chưa tới.

THIẾN THIẾT TINH

Giờ Canh Thân cách: Cơ 飢 điểu đầu lâm (Chim đói vào rừng)

- Giải: Tảo niên cùng khốn 窮困 vẫn niên ưu du tự đắc (Tuổi nhỏ khốn khó tuổi già ngao du thỏa chí)

* Lúc đầu chim bị đói là khốn khổ mệt mỏi nhiều, nếu có sức bay được vào rừng nhiều thức ăn thì về già chẳng sợ khổ nữa chỉ rong chơi ăn uống thoả thích.

Giờ Canh Tuất cách: Xuân nhật khai hoa (Ngày xuân hoa nở)

- Giải: Tảo niên tiệm năng phát đạt (Tuổi nhỏ đã phát đạt)

* Đầu năm xuân về hoa nở đều là cảnh mới xinh đẹp tốt tươi nên từ nhỏ đã thành đạt

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh kim ngọc quang thái 彩 chi tinh phúc lộc từ tường chi tú, tiết 節 khu 区 giá 駑 năng đám đương 擔當, giả tiểu tâm khát đại thái 菜, cần thiêu hương lân niệm Phật, hữu cữu nhân chi tâm vô thương nhân chi ý, yếu 要 xử 處 đại tiền năng khiết 喫 đại phen 飯, đào nạn xứ tâm đắc nhất lộ, tinh lực 精力 xứ khước thụ yếm 尋 lưu 留, ban ban 班頒 phí lực kiện kiện 件件 lao tâm, tiểu bối vô tình đại nhân hiếu hỷ.

* Mệnh này là sao vàng ngọc sáng sủa rực rỡ, vẻ đẹp của phúc lộc tốt lành, có khả năng gánh vác nhiều đầu mối công việc trong từng khu vực, áy cái tâm nhỏ thèm ăn nhiều món ăn (có cái tâm chu đáo kỹ lưỡng muốn làm được nhiều việc, việc lớn), chuyên cần đốt hương lười niệm Phật (thích làm ngọn ngành, không ưa hay là hiểu biết về nguồn gốc), có cái tâm cứu giúp người không có ý muốn làm hại người, phân biệt dùng nhiều tiền vào việc đúng lý, thích ăn nhiều cơm (biết cách sử dụng nhiều tiền vào đúng lý đúng sự việc để được hưởng nhiều), noi trốn tai nạn tìm được một đường, nơi cái súc tinh tế chu đáo lại bị che lấp đình trệ, phí sức chia ra khắp nơi, nhọc lòng phân ra việc này việc khác, bạn nhỏ không có tình người lớn tốt lành vui vẻ.

Cách chung cho 06 giờ

GiẢI CÂU 邂逅 KIM MÔN

(Gặp gỡ nơi cửa vàng)

Nhất tâm dục độ 度 lưỡng trường sơn

Chảm 怎 nại 奈 tâm thân vị hứa nhàn

Sự nhược cô chu hoành độ khẩu

Tài 財 như minh nguyệt ản vân gian

Ân cần 懇勤 tác sự phiên 反 thành mộng

Giải cầu hồng trần 紅塵 khước bất nan

Đãi đặc thiên cung 宮 dương mạch chuyền

Kim môn đãi chiếu nhập triều ban

Một lòng muôn qua hai dãy núi

Tại sao thân tâm chưa được nhàn

Nếu việc thuyền đơn qua ngang cửa
 Tiền như trăng sáng trốn trong mây
 Lo lắng việc làm trở thành mộng
 Bụi hồng gấp gỡ lại không khó
 Đợi được cung trời chuyển mạch dương
 Cửa vàng trải chiếu vào chầu vua

- o Trác 倖 hữu cương nhu tính
- o Cơ mưu xuất chúng nhân
- o Có tánh rõ ràng cứng cỏi và mềm mỏng
- o Mưu toan tính toán vượt hơn người
- o Chu nhan đa tiến thoái
- o Bạch phát hảo tinh thần
- o Mặt hồng (tuổi trẻ) nhiều tiến lui
- o Tóc bạc (tuổi già) tinh thần tốt

* Tuổi Ất cho 06 giờ Đinh: hai giờ Thìn Tuất tốt nhất, Tí trung bình, Dần Thân trước xấu sau tốt, còn giờ Ngọ giỏi nhưng không gặp thời. Thời trai trẻ nhiều mưu toan có chí làm việc lớn vượt trội hơn người khác, nhưng vẫn lận đận thiếu thốn, khi thời vận đã tới thì việc công dang không còn khó khăn chi nữa, về già an hưởng thú điền viên tinh thần minh mẫn.

HÀNH TÀNG

Thùy thức tư tài doanh bạch thủ
 Công danh tri thị vẫn lai thành
 Tang du đa thiểu gian 閑 điền địa

Hồi thủ giang san vạn lý trình 程

Ai biết đây tiên khi đầu bạc
Công danh phải biết thành đến muộn
Xé chiều nhiều ít khoảng vườn đất
Quay đầu sông núi ngàn dặm đường

CƠ NGHIỆP

Ngọc điện 殆 kim môn đáo bất nan
Lai thời chung thị lưỡng trùng san
Thùy tri tình hảo tiêu dao ngoại
Chảm nại thân nhàn sự bất nhàn

Cửa vàng điện ngọc đến chặng khó
Đến thì sau phải hai tầng núi
Biết chặng tình đẹp cảnh rong chơi
Tại sao thân nhàn việc chặng nhàn

* Là người mưu tính giỏi nên việc xây dựng công danh sự nghiệp không phải là khó lăm, nhưng vẫn phải vượt qua nhiều trở ngại lúc đầu rồi về sau mới đạt được.

HUYNH ĐỆ

Nhận thế viễn phi tam chí khứ
Cô hồng độc tự thủ hàn quan
Thùy tri khuốc thị Giang nam khách

Thời hữu mai hoa bộc dị hương

Thế nhạn bay đi xa ba chiếc
Một chiếc hồng lẻ giữ ải lạnh
Ai biết lại là khách Giang nam
Có lúc hoa mai sực hương lạ

* Anh em chia lìa nhau đi xa, một mình ở lại giữ nhà nhưng rồi nào có ai biết là lúc đầu cực khổ khó khăn nhưng sau lại là người vượt trội hơn cả trong số anh em. Giang Nam Trung Quốc đất có phong cảnh kỳ thú hữu tình được nhiều người biết đến với câu trên có thiên đàng, dưới có Tô Châu Hàng Châu.

HÔN NHÂN

Nhất đôi uyên ương đồng túc xú
Tần bạch lư hoàng ưởng lục hồng
Vãng lai giang thương đa âu lộ
Do úy du du 彦攸 vũ cộng phong

Một đôi uyên ương ở cùng nhau
Tần trắng lau vàng ánh xanh hồng
Đầu sông lui tới nhiều cò cốc
Bởi ngại gió mưa còn dăng dặt

* Vợ chồng ăn ở với nhau được an lành.

TƯ TỨC

Phong bài 排 hoa chi độ tạ 謝 liễu

Vãng lai nhất quả kết chi đầu

Đông phong đào lý phân phân 紛紛 thịnh

Xa mǎ doanh môn ngạo 傲 ngũ hầu 侯

Gió đuỗi cành hoa qua liễu rũ

Tới lui một quả kết đầu cành

Gió đông đào lý ngắn ngang đầy

Đầy cửa ngựa xe khinh năm hầu

* Con lúc đầu có khó khăn nhưng sau cũng có một, cho dù có trắc trở nhưng cháu chắt về sau lại đông đúc, là những người hiền tài quan sang vinh hiển tốt cùng.

THU THÀNH

Thân vinh nhược kiến ngưu khiên mã

Thê sở giang phong chính hảo qui

Nhân sinh như mộng tu tri giác 覺

Thân vinh hiển nếu thấy trâu dắt ngựa

Buồn thảm gió sông tốt trở về

Kiếp người như mộng nên hiểu biết

Nguyệt lạc thanh tiêu ẩn thúy vi

Trời xanh trăng lặn trong xanh thảm

* Năm Sửu năm Ngọ là lúc thấy gia đình vinh hiển thì lúc ấy cũng chính là lúc phải từ giã cõi đời ra đi, nên hiểu biết rằng đời chỉ như một giấc mộng ngắn, vinh hoa phú quý hay nghèo khổ thấp hèn cũng trong một đoạn mộng đường đời mà thôi.

ẤT - TÂN

QUẺ SỐ 18: PHONG SƠN TiỀU SÚC

THIỀN HƯƠNG TINH

Giờ Tân Sửu: Cách Lang sôn 飱 Hổ thực (Sói ăn Hổ nuốt)

- Giải: Nhất sinh y thực khiết trừ bất tận (Suốt đời cơm áo ăn xài không hết)

Giờ Tân Mão: Cách vân 晚 tiết hoàng hoa (Hoa vàng tiết muộn)

- Giải: Thành gia lập nghiệp vãng cảnh ưu du (Xây dựng được cơ nghiệp cảnh già được thong thả)

THIỀN QUÝ TINH

Giờ Tân Ty: Cách Phá ốc trùng tu (Nhà phá được sửa lại)

- Giải: Đắc nhân phù trợ có năng trùng hưng gia nghiệp (Có người giúp đỡ nên xây dựng lại được gia nghiệp)

Giờ Tân Mùi: Cách phá phiến thu tàn (Quạt rách vào cuối thu)

- Giải: Vẫn niêm hữu ách vận hạnh nhi vô hại (Tuổi già gặp tai ách nhưng không có hại)

THIỀN LUƠNG TINH

Giờ Tân Dậu: Cách Thạch thượng nhiên đăng (Đốt đèn trên tảng đá)

- Giải: Tác sự đản hữu hư danh hào vô thực tế (Làm việc chỉ có danh hư, không chút nào thực tế)

Giờ Tân Hợi: Cách Tuyết trung Mai đính 食 (Trong tuyết mai kêt quả

- Giải: Đại nạn chi trung hốt nhiên kỳ ngộ (Trong cơn đại họan nạn gặp được sự kỳ lạ)

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh vi nhân hưu điều độ hưu cơ mưu, Hung khâm sai 灑 lạc, Khí vĩ cao minh, sinh lai ma nạn, Tăng kinh sương tuyết, Ngộ quý hưu như bất ngộ, Hưu thân khuróc hưu vô thân, nản hối chung đa đầu thiểu vĩ, Tiến thoái xứ hưu thuỷ vô chung (mệnh này là người điều độ có cơ mưu, trong lòng phơi bày tự nhiên sáng khoái, tánh chất cao rộng sáng suốt, sinh ra mài dũa trong tai nạn, từng trải trong sương tuyết, gặp quý nhân như chẳng gặp, có thân thích cũng như chẳng có thân thích, trong hối nản hết nhiều đầu lại ít đuôi , nơi tiến lui có trước lại chẳng sau)
- Phu thê đại nghi nhân thân chí thân, Tử túc chỉ nghi đắc nhất thất nhất, Sinh nhai bất nghi thủ cựu, Hoạt kế chỉ nghi kháo 靠 tân, Huynh đệ nan hoà, phụ mẫu hưu tồn, Chỉ nhân khẩu trực thiểu bao dung, thường bị tiểu nhân chiêu đố kỵ (vợ chồng rất nén nhân cái thân mà tiến tới thành vợ chồng, con chỉ nên được một mảnh mộc, sinh sống không nén giữ cái cũ, kế sinh hoạt chỉ nên nương nhờ vào cái mới, anh em khó hòa, cha mẹ có tổn hại, chỉ vì miệng thảng ít bao dung, thường bị tiểu nhân ganh ghét)

Cách chung cho 06 giờ

HẢI ĐỀ 底 MINH CHÂU

(Hạt ngọc dưới đáy bể)

Minh châu hải đế ẩn hàn quang

Dụng ý lao tâm phản kiến thương 傷

Cô nhạn tùy phong đa diễu 渺 mạc 漠

Song uyên hí thủy kiến thương mang 滄茫

Tư cơ cựu xứ thân nan kháo 靠
Âm thực tân thời phú tất khang 健
Tá vấn bách niên hà sự nghiệp
Chi đầu tiên 鮮 quả kết thành song
Thất gian 妖 bát giảo 狡 thắc 懈 đa trở 阻
Họa bính 餅 hư hoa vị liệu cơ 飢
Đãi đáo song uyên trùng vũ dục
Bích đào hoa hạ xuất linh chi 茲靈

Đáy bể ngọc sáng dầu sáng lạnh
Dùng ý nhọc lòng lại thấy hại
Nhạn đơn theo gió nhiều mờ mịt
Đôi uyên đùa nước thấy mênh mông
Chốn cũ nhà xưa thân khó nương
Thời nay ăn uống giàu tất khỏe
Nếu hỏi trăm năm sự nghiệp sao ?
Đầu cành quả đẹp kết thành đôi
Bảy lừa tám gạt nhiều trở ngại
Hoa giả bánh vẽ chǎng khói đói
Đợi đến đôi uyên đầy lông cánh
Dưới hoa đào biếc ra cỏ lành

* Tuổi Ất cho 06 giờ Tân: Hai giờ Sửu Mão là tốt, giờ Ty Hợi trước xấu sau tốt, hợi minh châu tuy quý báu như rơi xuống biển sâu thì quý cũng như không, anh chị em tan lạc rời rạc chỉ còn đời sống vợ chồng là đầm ấm, không thể nương tựa vào gia đình cha mẹ mà phải tự lập thay đổi mới có thể phát triển lập thành nghiệp được, sau rồi cũng ổn định nhưng cần thiết là nên sống trung thực đừng hại người thì mới có thể được tốt lành. Linh chi 芝靈: một loài cỏ như nấm, mọc ở các cây đã chết, hình như cái nấm, cứng nhẵn nhụi, có sáu sắc xanh, đỏ, vàng, trắng, đen, tía. Người xưa cho đó là cỏ báo điềm tốt lành.

HÀNH TÀNG

Điền trung miêu 苗 giá稼 tuy nhiên 雖然 lập

Cảnh nội vinh thân tất tự cao

Nhuộc hướng trùng sơn doanh hoạt kế

Hư danh hậu 厚 lộc tự thao thao 滔滔

Mạ cây giữa đồng tuy gây dựng

Trong cảnh thân tốt át tự cao

Nếu hướng núi dài tìm kẽ sông

Danh giả nhiều lộc tự có đầy

CÔ NGHIỆP

Minh châu hải đế khởi hàn quang

Dụng ý công danh biệt hữu phuong

Ngô khuyển phùng xà nan lập chí

Lưỡng trùng phong 峯 lộ tiệm vinh xuong

Đáy bể ngọc sáng phát sáng lạnh

Công danh dùng ý có nơi khác

Gặp chó gắp rắn khó lập chí

Hai lần đường núi dần tốt đẹp

* Khởi nghiệp để gây dựng từ nhỏ cực nhọc như trồng cây lúa mạ trên đồng ruộng, rồi trong tự thân nó sẽ tốt tươi sẽ cao lớn dần lên, năm ahy vận Tuất, Ty thì nhiều khăn, nếu chuyển qua tìm kế sống khác ở nơi núi rừng hay thuộc về khoáng sản, trong lúc đầu gặp nhiều khăn như phải vượt qua hai rặng núi nhưng rồi danh tuy không có nhưng lại được phát đạt và nhiều tiền bạc .

HUYNH ĐỆ

Nhạn quá quan san mê 迷 viễn ngạn

Cô phi tương phô 浦 hàn 寒 giang khoát

Thủy hàn dạ tĩnh vô nhân chí

Độc túc lư hoa yên 煙 mặc 冒 mặc

Nhạn qua cửa ải lạc cõi xa

Lẻ bay bến Tương sông lạnh rộng

Đêm yên nước lạnh không người đến

Riêng đậu hoa lau mờ lam khói

* Một mình rời khỏi gia đình ra ngoài tự lập thân, anh em cách xa nhau ít khi tới lui thăm hỏi, một mình đơn cõi nơi tĩnh lặng.

HÔN NHÂN

Đan phượng minh thời hồng nhạn khứ
Song phi lanh vụ 霧 khởi thương 滄 lăng
Tây hiên hoa lạc đa phong vũ
Trực đài vân lai lan tự hương

Lúc phượng đỏ hót hồng nhạn đi
Bay đôi sương lạnh nổi sóng khơi
Hiên tây hoa rụng nhiều mưa gió
Đợi đến muộn về lan tự thơm

* Hai vợ chồng cùng nhau rời đi xa, gặp nhiều gian nan vất vả, về sau rồi cũng được an lành

TỬ TÚC

Lao tâm sự nghiệp hùng 雄 bi mộng
Lâm hành臨行phân phó吩咐nhất song song
Đường tiền hỷ kiến chu y khách
Nguyệt ánh tang du quê tử hương

Nhọc lòng thương mộng sanh trai
Dặn dò đi gấp một hai đôi
Trước sân mừng gặp khách áo đỏ
Ánh trăng xé bóng quả quê thơm

* Vợ chồng rất mong ước được sanh con trai đôi ba đứa, nhưng rồi rất khó khăn lúc đầu, mãi về sau mới có được và con khá quý hiền.

THU THÀNH

Nhân sinh lạc 落 đắc hỉ hoan ngu 娛

Đáo xứ thân tâm bất tự tri

Chính hảo Nam song 囍 tương kí tố

Nhất thanh kê xướng tống qui đồ

Kiếp người mệt được mừng vui sướng

Đến chốn thân tâm không tự biết

Cửa Nam chính lúc gởi nỗi niềm

Một tiếng gà vang tiễn đường về

* Về già có nhiều nỗi niềm tâm sự, nhận thấy ra trong đời người chẳng có niềm vui sung sướng nào là thật sự, để thân tâm của mình mê đắm vào đến đâu thì chỉ tự mình mới biết được,

ẤT - NHÂM

QUẺ SỐ 19: PHONG THUÝ HOÁN

THIỀN QUA TINH

Giờ Nhâm Tý: Cách Ma 磨 tiền tẩu mã (Ngựa chạy trước hiềm trở)

- Giải: Tác sự năng dục tốc phòng hữu hậu hoạn (Làm việc đừng mong mau xong nên đề phòng hậu hoạn)

Giờ Nhâm Dần: Cách Đại thuyên quá hải (Thuyên lớn qua biển)

- Giải: Độ lượng khoan hòng tiền trình viễn đại (Độ lượng rộng lớn tương lai rất nhiều triển vọng)

THIỀN MÂU TINH

Giờ Nhâm Thìn: Cách Chủng thảo sinh nha (Trồng cỏ nảy mầm

- Giải: Sở tác sự nghiệp thậm tiểu cố vô đại vọng (Sự nghiệp gầy dựng quá nhỏ nên không có hy vọng lớn)

Giờ Nhâm Ngọ: Cách lâm thủy cầu ngư (Đến nước tìm cá)

- Giải: Dục hữu doanh cầu tu đương Nhâm Quý chi niên (Nếu muốn kinh doanh nên đợi năm Nhâm năm Quý)

THIỀN KHU TINH

Giờ Nhâm Thân: Cách Quần Oanh bộc điệp (Đàn chim oanh bắt bướm)

- Giải: Nhất sinh đắc hưởng diễm phúc (Trọn đời được hưởng diễm phúc)

Giờ Nhâm Tuất: Cách Minh cầm liễu âm (Gãy đàn dưới bóng cây liễu)

- Giải: Nhất sinh tiêu diêu tự tại (Suốt đời thong thả an nhàn)

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh cương kỉ 纪 quyền hành chi tú. (Mệnh này là sao giùng mối quan hệ đến phép tắc quyền hành)
- Nhân nhược phùng chi, Hữu khai cơ sáng nghiệp chi công, Khúc tổ thành thân chi phúc, Cương nhu lưỡng tế, Cát hung đồng môn, Tính ngạnh chí khí cao, Tâm từ khẩu độc, Khai mi biến số mi, Hiện thành biến bất túc (người nào nêu gấp nó, có cái công gầy dựng nền gốc làm sáng lạn tổ tông, nương nhờ phúc tổ mà thành thân phận, cương nhu 2 đẳng đều tốt, cát hung cùng một cửa, tánh ngang ngạnh chí khí cao, tâm lành miệng lại độc ác, mở mày rồi lại biến ra cau mày, hiện ra có thành rồi lại biến ra chẳng đủ,)
- Chỉ nhân bát nại 捺 ngưỡng 仰 thời nhân, Dĩ chí ký phiên ảo khúc túc trực, Nhược thị chi mệnh nại phiền, Tự nhiên y thực phong túc. (chỉ vì chẳng qua luôn cùi người đời, để đến mấy phen uôn cong làm thăng, nếu biết là chịu quen với sự phiền,)

Cách chung cho 06 giờ

NHẠN ĐỘ TRƯỜNG SA

(Nhạn bay qua bãi cát dài)

Mật 密 vân bất vũ không lôi chấn

Thiểm điện quang huy khoảnh khắc thì

Giang khoát nhạn phi li cô tái

Tuế hàn tung bách đĩnh 棹 thương 蒼 chi

Tam cương 三綱 hữu phận li nam bắc

Cửu tộc vô tình hợp thị phi
Mãn thu hoa khai lưu nhất quả
Sán 趟 long kị mã thượng thiên thê

Mây dày chẳng mưa không sấm sét
Chớp lóe rực sáng trong vụt chốc
Nhạn bay sông rộng rời ải cũ
Năm lạnh bách tùng nẩy cành xanh
Đạo người có phận rời Nam Bắc
Chín họ không tình gồm trái phải
Hoa nở đầy cây còn một quả
Theo rồng cưỡi ngựa lên thang mây

* Tuổi Ất cho 06 giờ Nhâm: hai giờ Tí và Thìn là xấu còn các giờ khác đều rất tốt, là người có chí khí cao sanh ra trong gia đình danh gia vọng tộc hoặc có truyền thống, thích hợp trong những ngành nghề về luật định pháp chế, tùy theo giờ sinh và môi trường mà sự nghiệp lớn hay nhỏ. Vận lúc đầu đen tối như trời nhiều mây đen ù mịt chỉ có những lúc lóe sáng, tuy gặp nhiều gian nan nhưng vẫn giữ tiết khí như cây tùng bách giữa mùa đông giá lạnh vẫn xanh tươi tốt, rồi dần về sau sẽ vượt trội lên cao danh vọng đầy đủ. Cương thường 纲常 đạo thường của người gồm: Tam cương 三纲: (quân thần, phụ tử, phu phụ 君臣, 父子, 夫婦) và ngũ thường 五常 (nhân, lễ, nghĩa, trí, tín 仁義禮智信)

HÀNH TÀNG

Hồi đầu tiêu túc tảo tiên tri
Duyên thị ngưu dương sự khả kị
Nguyệt xuất đông sơn hồng nhật lạc

Quý nhân đè khiết thượng dao trì

Quay đầu tin tức sớm biết trước

Trâu dê nhân thế việc hẹn cho

Trăng ra non Đông trời hồng lặn

Quí nhân tay dẫn trên đài tiên

CƠ NGHIỆP

Mật vân bất vũ không đình ám

Thiểm điện phân quang chấn hữu uy

Sơn khẩu hữu nhân thi 施 nhất tiễn

Giang san ma chiết 磨折 khả tương y

Mây dày chẳng mưa mù mịt tối

Chớp lòe tia sáng sầm có oai

Miệng núi có người bắn mũi tên

Non sông rèn luyện khá nương nhờ

* Sự nghiệp lúc đầu còn gian nan vất vả như trời đầy mây đen u ám đen tối, nhưng rồi sẽ có tin tức tốt đến trong năm hay vận Sứu Mùi sẽ có người trên giúp đỡ dẫn dắt, đến lúc đó danh vọng sẽ thành công.

HUYNH ĐỆ

Nhận hồng phi độ viễn sơn cấp

Nguyệt chiêu hàn đầm lục thủy mị 紗

Độc túc bạch tàn hồng lục ngạn

Quan san tuyết tích lê 喧 thanh bi

Hồng nhạn bay gấp qua núi xa

Trăng soi đầm lạnh nước xanh yên

Đậu lẻ bờ tàn trăng cỏ lục

Ái non tuyết phủ tiếng kêu thảm

* Rời gia đình xa anh em một mình lập nghiệp phương xa, lẻ loi cô độc và buồn thương

HÔN NHÂN

Uyên ương phi nhập bích đầm thanh

Nguyệt đáo trung tiêu quyết định minh

Trung lộ quý nhân nhược cử thủ

Lục ba thâm xứ hữu khuy 魁 danh

Uyên ương bay vào đầm trong xanh

Trăng đến nửa đêm rõ ràng sáng

Giữa đường quý nhân đưa tay giúp

Nơi sâu sóng biếc có giảm danh

* Vợ chồng sống yên ổn bên nhau, cho dù nói về vợ chồng nhưng vẫn vướng vào công danh sự nghiệp, tiếng tăm của vợ chồng nhân vì thế mà chẳng có giảm bớt bao nhiêu

TỬ TỨC

Phương tín chi đầu sinh nhất quả

Khởi tri nhất quả thủy trung tai

Toàn bằng âm chất sinh từ niêm

Chung cửu kì lân nhập mộng lai

Tin ở đầu cành sanh một quả

Biết đâu quả đó rơi xuống nước

Toàn nương âm phúc sanh từ thiện

Sau cùng kì lân theo mộng đến

* Khó có con, trước sanh rồi xảy, nếu như tích phúc làm điều từ thiện thì sau sẽ sanh quý tử.

THU THÀNH

Chính lự nhất niên Tân chí Kỷ

Tứu xa 賦 nguyệt mãn sự tương bi

Phong phàm cao quái dao dao khú

Vĩnh dạ canh lan 阑 thính tử qui

Lo chính là năm Tân đến Kỷ
Trăng đầy rượu thiếu việc cùng thương
Gió buồm treo cao xa xa đi
Đêm vắng đêm tàn nghe chim quyên

* Cẩn thận khi tuổi về già năm Tân hay năm Kỷ, những năm này xâu gắp chuyện
lo buồn hay sức khỏe không tốt.

ẤT - QUÝ

QUẺ SỐ 20: PHONG SƠN TiỆM

THIỀN CÁT TiNH

Quý Sửu: Cách Lưu Oanh thiên mộc (Chim oanh hót nhảy chuyền cành cây)

- Giải: Xuất môn đắc lợi, bộ bộ cao thăng (Ra khỏi cửa được lợi, từng bước tiến lên)

Quý Mão: Cách Tuyết lý mai hoa (hoa mai trong tuyết)

- Giải: Căn cơ độc hậu cố ngộ nạn nhi vô hại (Riêng có căn cơ dày nên dù gặp nạn mà không hại)

THIỀN CHIẾT TiNH

Quý Tỵ: Cách Thiềm cung ngọc thỏ (Ngọc thỏ trong trăng)

- Hữu danh vô thực, uồng phí tân khô (Có tiếng mà không có miếng uồng phí và cay đắng)

Quý Mùi: Cách Sa lý đào kim (Lọc vàng trong cát)

- Kiệt lực doanh mưu sở đắc vô kỷ (hết sức mưu cầu kinh doanh, gom hết lại chẳng được bao nhiêu)

THIỀN HƯƠNG TiNH

Quý Dậu: Cách Khắc chu cầu kiém (Khắc vào thuyền tìm gươm)

- Giải: Chấp nhất bất hóa cố động triệt thất bại (chấp nhất không biết biến hóa, hành động thất bại)

Quý Hợi: Cách Bảo chu du 游 lăng 浪 (Thuyền báu bơi trên sóng)

- Giải: Đắc ý chi thời tu phòng nguy hiểm (Gặp thời đắc chí nên đề phòng nguy hiểm)

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh thương chiêu âu khí thị phi (Mệnh này thường chiêu vòi tranh cãi phải trái)
- Khẩu từ tâm trực, Sự bất tàng cơ, Bất thụ nhân xúc, Bất khiết nhân khuy, Sở vi tác sự vu hòi, Tiền tài đông lai tây khứ, Thê tử vi trì, Tiền nam hậu nữ, Đa học thiều thành, Không hữu thiên phương bách kế (Tâm thẳng thắn miệng từ ái, không dẫu việc gì, không để ai xúc phạm vào, không chịu để người chê, làm việc là thì việc cứ quanh co, tiền tài vào phía Đông ra phía Tây, Vợ nên chậm, con trai trước con gái sau, học nhiều thành công ít, chẳng có trăm phương ngàn kế)

Cách chung cho 06 giờ

TÙNG BÁCH ĐỒNG VINH

(Tùng bách cùng tươi)

Bình sinh li tổ canh phiên 反 phúc 覆

Nại tận viêm lương tỉ tùng trúc

Nhận hành trung đạo tảo phân li

Uyên lữ sơ niên ưu đoạn tục

Nguyệt đáo trung thiên vân vụ khai

Di tương hoa ảnh thượng lâu dài

Chỉ nhân kỷ trận đồng phong khởi

Xuy lạc thần tiên hạc giá lai

Lúc thường lìa tổ biến đổi thay
Nóng lạnh rồi quen như trúc tùng
Nhạn bay giữa đường dễ chia lìa
Vợ chồng khi trẻ lo dứt đoạn
Trăng đến giữa trời mây mù mờ
Cùng chuyển bóng hoa lên nhà lầu
Chỉ vì mây trận gió đông nổi
Thôi rụng thần tiên cưỡi hạc đến

* Tuổi Ất cho 06 giờ Quý: chỉ có giờ Mão là tốt các giờ khác đều gian nan hoặc gặp xấu về sau, từ lúc rời khỏi gia đình đã gặp và chịu đựng nhiều khó khăn khổ cực, mọi việc xây dựng trong đời dễ thay đổi tráo qua trở lại nhiều lần, nhưng nhờ sức chịu đựng dẻo dai như cây tùng cây trúc, để rồi về sau cũng được hưởng an nhàn, nên kết hôn chậm thì tránh khỏi đổ vỡ li hôn sớm.

HÀNH TÀNG

Anh hùng chí lượng tranh tiên thủ
Tam tiễn thiên sơn công nghiệp thù 殊
Vạn lí giang san thu lâm tận
Kǐ 幾 đa mai nạp giá tiền thư

Anh hùng lượng chí ra tay trước
Núi trời ba tiên nghiệp công lạ
Muôn dặm non sông thu nắm cả

Nhiều hẹn hoa mai trước kệ sách

CƠ NGHIỆP

Chung thân viễn cận đa phiền phúc

Độc phán cương cường nhược túng trúc

Thành bại chỉ nhân tiền thị phi

Vinh hoa đáo thử đa vinh lộc

Suốt đời xa gần nhiều trắc trở

Riêng rango cứng cỏi như trúc túng

Bại thành vì gấp nhiều trái phải

Vinh hoa đến đến nhiều lộc vinh

* Nên đoán trước thời cơ mà làm sớm thì công danh sự nghiệp mới thành công sáng sủa, cả một đời gặp nhiều thay đổi cũng chỉ vì những miệng tiếng trái phải đúng sai, có mà giữ lấy chí hướng bền vững sau sẽ thành công rực rỡ mà hưởng đủ vinh hoa phú quý

HUY NH ĐỆ

Hồng nhạn tịch liêu 寂寥 vô nại hà

Như đồng sương tích thất dương hòa

Tuy nhiên các tự phân nam bắc

Hồng lục bạch tàn số cánh đa

Nhạn hồng vắng vẻ tại vì sao

Như cùng sương chứa mây ánh dương

Tuy vậy tự chia đôi Nam Bắc

Cỏ xanh tàn trăng nhiều vô số

* Ít anh em, rồi mỗi người chia ra kẻ Nam người Bắc kiếm sống phương xa.

HÔN NHÂN

Nhược thuyết động phòng chung cữu sự

Chỉ thị sơ thời tạm hòa mục

Thùy tri tử kỉ tại chung niên

Kỉ độ ưu tâm thiêm bất túc

Nếu nói phòng the việc lâu dài

Lúc đầu chỉ là tạm thuận hòa

Tự mình ai biết ở tuổi già

Mấy độ lòng lo thêm chẳng đủ

* Vợ chồng không hòa thuận, nếu kết hôn sớm khó tránh khỏi chia lìa, về già khó hòa hợp trong lòng nhiều nỗi lo buồn

TỬ TÚC

Vũ dư hoa phát chính tình 晴 hòa

Dạ bán phong cuồng chiết nộn hè 荷

Nhất thụ tiểu hoa đồng thị diệp

Khóa trình tu thị quả vô đa

Mưa qua rồi tạnh hoa lại nở
Nửa đêm gió dữ gãy sen non
Một cây hoa nhỏ cùng với lá
Vượt trại qua thì quả không nhiều

* Con ít khó nuôi, có gái khó có trai

THU THÀNH

Khứ xứ khả phòng Thân Dậu thượng
Nơi đi nên phòng trên Thân Dậu
Bính Đinh thời tiết khởi nhàn phi
Chỉ nhân lâm uất u nhàn xứ

Tùy phận huề can thượng điếu ky
Thời tiết Bính Đinh nhàn hạ bay
Chỉ vì rừng rậm nơi nhàn nhã
Tùy phận cầm cần lên dài câu

* Nên đề phòng về già vào các năm Thân, Dậu và Bính Đinh, nhất là những năm can chi như Bính Thân Đinh Dậu.

BÍNH GIÁP

QUẺ SỐ 21: HOẢ LÔI PHÊ HẠP

THIỀN ÂN TINH

Giáp Tý: Cách Du ngư xuất vồng (Cá rong chơi thoát khỏi lưới)

- Giải: Hạnh ngộ cứu tinh, có năng thoát hiểm. (May gặp cứu tinh nên có thể thoát hiểm)

Giáp Dần: Cách Phi huỳnh phóng hỏa (Đom đóm bay phóng hỏa)

- Giải: Căn cơ tuy bạc, diệc năng thành gia lập nghiệp (Căn cơ tuy mỏng cũng có thể thành gia lập nghiệp)

THIỀN ÂM TINH

Giáp Thìn: Cách Lạc hoa ngộ thủy (Hoa rụng gặp nước)

- Giải: Phiêu bạc vô định, tự tầm khói lạc (Trôi giạt không bờ bến tự mình đi tìm khói lạc)

Giáp Ngọ: Cách Thủy thâm ngư lạc (Nước sâu cá an vui)

- Giải: Tiêu dao tự tại, hậu phúc vô lượng (Thong dong tự tại về sau phúc lộc không lường)

THIỀN KHU TINH

Giáp Thân: Cách Thu thiền minh liễu (Ve mùa thu kêu trên cây liễu)

- Giải: Nhất sinh lao lực, tác sự vô thành (Một đời vất vả việc làm không thành)

Giáp Tuất: Cách Xuân thảo miên ngưu (Trâu ngủ trên cỏ xuân)

- Giải: Tảo tuế an nhàn, lai nhật đại nạn (Tuổi trẻ an nhàn ngày sau gặp nạn lớn)

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh phong vân tết hội chi tinh, Quân thần hoà hảo chi tú (Mệnh này là sao gió mây gặp hội, là tú khí của vua tôi hòa vui tốt lành)
- Sở tăng 憎 tăng nịnh, Hội giải hung tai, Tác sự bất khắng 握 súc 搞 đầu, Năng hội bài bộ, Bình sinh 平生 sự nghiệp như đồng yến tử doanh sào, nhất thế thân tình hảo tự tiêu nhi tàng diện, Thân tâm bất túc lưỡng túc thường mang, Dị vinh khô đa phiền phúc, Thương thê hại tử phá tổ thành gia chi mệnh dã (Rất ghét tà nịnh, hay giải trừ hung tai, làm việc chẳng chịu bị đè nén rụt đầu, hay thích bày biện bố trí, bình thường sự nghiệp như cùng chim yến làm tổ, một đời thân tình tốt tựa như con trẻ dâu mặt, thân và tâm chẳng đủ hai chân thường chạy đôn chạy đáo, dễ tươi khô nhiều trớ tráo, mệnh này hại vợ hại con phá tổ nghiệp mà thành gia đình vậy)

Cách chung cho 06 giờ

CÁI THỦY SONG LIÊN

(Đôi hoa sen che mặt nước)

Xích cước vọng tiền mệnh khả tri

Liên hoa xuất thủy bất triêm 沾 nê

Biến canh thế sự sinh nhai hảo

Lao dịch thân tâm sự nghiệp trì

Hồng nhạn đoạn vân thành tụ tán

Uyên ương giao cảnh 頸 kién phân li

Quân hoàn dục vẫn bình sinh sự

Hảo hướng vân gian tá 借 nguyệt thê

Bước chân nhìn trước mệnh khá biết

Hoa sen khỏi nước chǎng thẩm bùn

Biến đổi việc đời sinh sống tốt

Vất vả thân tâm sự nghiệp chậm

Nhạn hồng mây đứt thành tan tụ

Uyên ương giao cỗ thấy chia lìa

Nếu mi muôn hỏi việc thường sống

Hay hướng vào mây mượn thang trăng

* Tuổi Bính cho 06 giờ Giáp: chỉ có giờ Ngọ là cuộc đời được bình yên tốt lành nhất, các giờ khác đều lao đao vất vả, cuộc đời sống tuy trong sạch như hoa sen trong bùn mà không bị nhiễm hôi tanh, trong cuộc sống bình thường nhất cũng gặp nhiều vất vả cực nhọc, tạo dựng sự nghiệp khó khăn và thành đạt công danh muộn, việc hôn nhân đôi lứa không được bền lâu.

HÀNH TÀNG

Nhất thân chiến 跡 lí hà thời lập

Lập hướng vân trình tự hữu thê

Đắc lộc giang tân 津 thân giá khoát

Cao nhân thanh bạch tự đê huè

Một thân dày xéo bao giờ thành

Đứng hướng đường mây tự có thang

Bến sông được lộc giá trị rộng

Người cao trong trăng tự dắt dùu

CƠ NGHIỆP

Thiên nhiên thành tựu an nhàn phúc

Đắc lộc thành danh đông phục 復 tây

Phượng các long lâu nhân sự hảo

Hữu nghi hối 晦 trệ tự thê thê 栖栖

Phước an nhàn thành bởi tự nhiên

Thành danh được lộc đông lại tây

Lâu rồng gác phượng việc người tốt

Chớ nghĩ mịt mờ lại buồn lo

* Ra đời phải trải qua nhiều khó khăn vất vả, trong thời còn tối tăm mù mịt và mọi việc ngưng trệ cũng đừng buồn lo, sau rồi nhờ có phước đức nên sẽ vượt qua mà có người quý hiền đến giúp đỡ, từ đó sẽ thành danh thành sự nghiệp sang giàu.

HUYNH ĐỆ

Phong tổng hồng nhạn tự phi khú

Thiên nghi tối tảo đắc cao phong

Chung tu chấn tác thanh danh viễn

Đường lệ phân phương đáo nhật hồng

Gió tiễn nhạn hồng tự bay đi

Rất sớm bên lệch được gió cao

Về sau danh tiếng nổi vang xa
Hoa đường thơm ngát ngày rực rỡ

* Trong anh em có người ra đời sớm, gặp thời vận tốt mà hiển đạt công danh.

HÔN NHÂN

Phương bài uyên ương đồng hí thủy
Khởi thời nhất chích tảo phân li
Thảo đường âu lô phân phân lập
Nhật mộ tang du bất dụng bi

Uyên ương đùa giỡn cùng trên nước
Ngờ đâu một đứa sớm chia lìa
Bãi cỏ cốc cò chia nhau đứng
Cảnh già chiều đến chẳng buồn đau

* Vợ chồng lúc đầu đầm ấm vui vầy bên nhau, rồi chợt nhiên một người sớm chia lìa ra đi, cảnh về già đơn độc cũng chẳng nên buồn thương vì số trời đã định là như vậy.

TỬ TÚC

Đình bạn xuân hoa kết nhất quả
Thanh âm 隅 tu trúc 修竹 trưởng long tôn
Lưỡng niêm chu tử doanh môn hộ
Nhất chú thiên hương tạ thánh ân

Trước sân hoa xuân thành một quả

Trúc dài bóng xanh con cháu lớn

Hai năm đỏ tím đầy nhà cửa

Một nén hương thơm lẽ thánh thần

* Có con cháu rất quý hiền, là quan chức cao làm rạng rỡ họ hàng gia đình.

THU THÀNH

Thời trị vận phùng tương hợp xứ

Thừa ngưu kỵ mã thượng thanh thiên

Tri âm chính hảo đồng mưu dụng

Biệt điệu phong xuy vấn điệu thuyền

Gặp gỡ vận thời nơi cùng hợp

Cưỡi trâu cưỡi ngựa lên trời xanh

Bạn thân thật tốt cùng tính kế

Gió thổi điệu riêng hỏi thuyền câu

* Khi đã gặp thời vận rồi thì bước thăng tiến công danh lên cao, cùng với bạn tốt tính kế mưu cầu mà hiển vinh, năm hay vận Sửu, Ngọ là vận tốt, cuối đời sống an nhàn ra đi nhẹ nhàng.

BÍNH - ÂT

QUẺ SỐ 22: HỎA PHONG ĐỈNH

DANH LỢI TiNH

Ât Sửu cách: Xuân yến quy sào (Chim én mùa xuân về tổ)

- Giải: Khắc cần khắc kiêm tử tôn mẫn đường (Hết sức cần kiêm con cái đầy nhà)

* Mùa xuân vạn vật sanh sôi nẩy nở, chim én bay chăm chỉ đi bay về như đưa thoi để tìm thức ăn cho bầy con cháu, cả một đời cần cù tiết kiệm chăm lo cho con cháu nên gia đình đông đúc ấm no.

Ât Mão cách: Phong niêm 豐年 hưởng 飽 túc (Năm được mùa cho nhiều lúa gạo)

- Giải: Phong y túc thực vô ưu vô lụ (Cơm áo dư dật không lo không nghỉ)

* Cuộc đời gặp vận may như năm gió thuận mưa hòa, làm việc gì cũng thuận lợi như năm được mùa lúa gạo đầy kho, chẳng phải lo nghĩ đến thiếu thốn cơm ăn áo mặc trong cuộc đời.

ĐIỆU THỦ TiNH

Ât Tỵ cách: Viêm thiên phá phiến (Trời nóng quạt rách)

- Giải: Tuy vô đại tài diệc hưu đặc ý chi nhật (Dù không có tài lớn nhưng cũng có ngày được vừa ý)

* Quạt tuy rách nhưng gặp lúc trời nóng thì rách vẫn sử dụng làm mát, còn hơn quạt bị rách sẽ vất bỏ trong mùa mát lạnh thu hay đông, tuy không làm được việc gì lớn lao trong cuộc đời nhưng cũng còn ích lợi nhỏ cho bản thân.

Ất Mùi cách: Vũ lí quỳnh hoa (Hoa quỳnh trong mưa)

- Giải: Tuy hữu hoạn nạn hào vô tổn thương (Dù gặp hoạn nạn nhưng mảy may không tổn thương)

* Hoa quỳnh là một loài hoa quý đêm nở sáng tàn tạ, đời sống của hoa rất ngắn chỉ vài giờ không như các loài hoa khác, những người yêu hoa thường đón chờ hoa nở để thưởng thức, nếu có gặp mưa gió cũng sẽ che chở cho hoa nở xong rồi tàn, ám chỉ đời người là một tài hoa nếu có gặp hoạn nạn rồi cũng sẽ có người giúp đỡ che chở cho mà không bị thương tổn.

PHƯỢNG CÁC TÌNH

Ất Dậu cách: Ân tinh lạc 落 vân (Sao trốn nấp mây sa)

- Giải: Đại khí 器 vân thành, mục tiền thượng 尚 phi 非 kì thời (Tài năng lớn thành đạt muộn, hiện tại đang còn không phải thời).

* Tinh tú tượng trưng cho những anh tài lỗi lạc, nay sao phải trốn trong mây, mây thì sa xuống dưới, nên thời vận còn đen tối nếu qua thời vận tốt sẽ thành đạt lớn.

Ất Hợi cách: Hạ liễu minh thiền (Ve kêu trên cây liễu mùa Hạ)

- Giải: Căn cơ thiền bạc hạnh nhi thượng hữu ý bàng (Căn cơ nông cạn may nhò còn có chỗ nương tựa)

* Kiếp sống ve sầu ngắn và mỏng manh sống nương nhờ vào cây để hút nhựa cây mà sống trong vài tuần, cây trong mùa xuân hạ đang trưởng thành tươi tốt nhựa cây dồi dào không như mùa thu mùa đông, nhờ đó ve sầu cũng sống những ngày tháng được no ấm trong đời.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh ngọc nhuận 潤 kim huy nhân giai 偕 ngưỡng mộ, khả vị đỉnh chung 鼎鍾 chi khí, lương đồng 棟 梁 chi tài, chỉ hiềm thoái thần trọng có hảo sự vu hồi, phiêu 漂 phúc 福 xứ lao nhi vô tâm, tân khố xứ tố 做 sự bất thực, vu ta hè! hảo sự tòng lai bất thập toàn, thái 彩 vân dị tán lưu ly dị toái 碎, bản thị hiên ngang đầu giác nại hà vị thông ? hành đắc long ngâm.

* Mệnh này là ngọc nhuần nhã vàng tươi sáng, người người đều kính trọng hâm mộ, khá gọi là cái khí tượng quý hiển, là người có cái tài năng gánh vác việc lớn quan trọng, chỉ hiềm vì thoái thần nặng, cho nên việc tốt bị quanh co, nơi phúc nổi nhọc nhằn mà không công trạng, nơi khó nhọc việc làm lại không thực, chao ơi kia ! việc tốt theo từ đó tới chẳng vẹn được mười, mây đẹp dễ tan ngọc quý lưu ly dễ vỡ, vốn là người hiên ngang sừng sỏ, tại sao vận hạn chưa thông ?, đi được rồng giàm hốt nhiên biến đổi vượt trội.

Cách chung cho 06 giờ

TUỚC TÚC THÂM LÂM

(Chim sẻ đậu trong rừng sâu)

Tiên phát hàn lâm bất cập thời

Trần ai phất lạc thượng vân thê

Nhạn hoành thu thủy li quan tái

Tước túc thâm lâm thác ồn chi

Kí 寄 đắc đồng hoa nhân 因 tạo hóa

Hà sâu vạn sự bất quang huy 光輝

Sinh nhai nhược vấn hà phương hảo

Phong tống hoa hương té điểm y

Rừng lạnh đi sớm chặng gấp thời
Phủi hết bụi trần lên thang mây
Nhạn ngang nước thu rời quan ái
Sé đậu rừng sâu cành vũng nương
Hoa đông nương được nhờ tạo hóa
Buồn chi muôn việc chặng vẻ vang
Nếu hỏi sinh sống phương nào tốt ?
Gió đưa hoa thơm điểm vào áo

* Tuổi Bính cho 06 giờ Ất: sinh giờ Mão tốt nhất, giờ Sửu Dậu trung bình các giờ khác tuy xấu nhưng không bị tổn hại. Số này phát đạt chậm, lúc còn trẻ phải nương nhờ vào gia đình họ hàng để chờ đến thời mới phát triển được tốt.

HÀNH TÀNG

Kỉ 幾 hòi du 遊 thường hoa gian chí
Bát nhược phát cung nhất thốn cơ
Đáo đẻ tất vinh thiên lộc mā
Căn cơ đào lí lưỡng tương nghi 宜

Mấy phen rong chơi ngắm giàn hoa
Chặng bằng một đốt lẫy bắn cung
Đến đây vẻ vang ngàn phú quý
Gốc rẽ lí đào hai cùng thành

CƠ NGHIỆP

Trì 遷 nhật hoàng đô xuân chính lê

Trì 持 thân tu đáo phượng hoàng trì 池

Dã như bất thị yêu kim khách

Dã đặc thiên biên hảo tước mi

Cung vua ngày chậm giữa xuân đẹp

Giữ thân đợi đến ao phượng hoàng

Ví như chǎng phái khách đeo vàng

Vậy được kê bên tước lộc tốt

* Lúc còn chờ thời thì rong chơi thường lăm trăng hoa, đừng để thân mình bị lôi kéo đam mê theo thú vui đó, mà duy trì ý chí tạo dựng nên sự nghiệp, đến lúc đấy cho dù không có phẩm vinh hoa như làm phò mã hay trạng nguyên thì cũng thành danh với tước tốt đẹp.

HUYNH ĐỆ

Tái biên tú nhạn tè thanh khởi

Lưỡng lưỡng tam tam các tự phi

Duy hữu cô hồng thiên vạn lí

Du du túc thực tại ngư ki 磯

Bên ải bốn nhạn cùng lên tiếng

Song đôi ba cặp cùng bay đi

Chỉ có chiếc hồng muôn ngàn dặm
Rong ruổi đủ ăn bên bờ câu

* Anh em đồng đúc tụ tập quanh nhà, rồi chia nhau ra mỗi nơi, có một người đi xa ngàn dặm, cũng được no ấm đầy đủ.

HÔN NHÂN

Duyên phận do như tam đảo hạc
Long hổ tại động thủ nham tiền
Uyên ương bất nhược âu hòa lộ
Yến ngữ oanh đè vân cảnh huyên 嘘

Phận duyên như hạc nơi ba đảo
Cọp rồng ở động giữ trước núi
Uyên ương chẳng như cò chung cốc
Én kêu oanh hót cảnh muộn ồn

* Duyên phận vợ chồng lúc đầu còn xa cách, hai bên đều thủ thế nhau như cọp với rồng giữ hang ở của mình, khi đã thành thân rồi thì sống không cùng hòa hợp với nhau ví như chim cò chim cốc, càng về già càng ầm ĩ với nhau như bầy chim oanh chim yến om sòm với nhau.

TỬ TÚC

Hàm 槌 ngoại nhất chi hoa lưỡng đáo
Kì gian nhất quả tại trung tồn

Tảo bồi hảo địa tài tân trúc

Thạch bạn u lan trưởng dị phân

Ngoài chậu một cành hoa hai đóa

Nơi đó một quả còn ở trong

Đất tốt sờm bồi trồng trúc mới

Bờ đá khóm lan dài thơm lạ

Có đủ con trai con gái, nếu sờm biết vun trồng cho con cái thì sau này con sẽ
trưởng thành được khá giả danh tiếng. □

THU THÀNH

Phùng khuyến đè trầm túy hậu

Thần kê khước hướng thủy chung đè

Đa nghi cẩn tinh đương niên mộng

Mạc vấn giang biên đệ 枢 nhất chi

Gặp chó phòng ngừa sau khi say

Gà thần hướng vào trong nước gáy

Ngờ nhiều cẩn thận mộng năm đó

Chó hỏi bên sông một cành cây

* Cuối đời về già năm Tuất cần cẩn trọng sức khỏe, nhất là sau khi say xưa có thể gặp tai nạn, năm Dậu nếu gặp giặc mộng lạ chớ coi thường mà phải phòng ngừa nạn sông nước

BÍNH - BÍNH

QUẺ SỐ 23: BÁT THUẦN LY

TỬ KHÍ TÍNH

Bính Tý cách: Năm 稔 tuế thương 倉 sương 箱 (Năm được mùa chúa đầy kho vựa)

• Giải: Sinh trưởng phú quý chi gia vô ưu vô lụ (Sinh ra lớn lên trong gia đình phú quý, không lo không nghĩ)

* Sinh ra trong gia đình giàu có, kho vựa chúa đầy bao lúa thóc trong năm được mùa, áo cơm đầy đủ sung sướng cả đời chẳng phải nhăn lo nghĩ.

Bính Dần cách: Tứu lan 酒闌 đối nguyệt (Cuộc rượu gần tàn đối diện trăng)

• Giải: Tráng niên đắc ý vẫn niên tiêu dao vô sự (Đến tuổi tráng niên thì đắc ý về già nhàn nhã vô sự)

* Thời còn trẻ đã năng động làm việc được thành đạt sớm, bước vào tuổi trung niên đã thường ngoạn ngắm trăng, về già lại càng thêm an nhàn thanh thơi.

THIÊN THUYẾT TÍNH

Bính thìn cách: Bảo thuyền nhập hải (Thuyền báu vào biển)

• Giải: Đắc ý chi hậu phòng hữu hoạn nạn (Đắc ý đầy về sau phòng có hoạn nạn)

* Thuyền quý đẹp mà vào biển là chốn dễ xảy ra bão tố nguy hiểm, có được sự thành đạt lúc đầu khoái chí nhưng về sau nên phòng ngừa sẽ có hoạn nạn làm tiêu tan.

Bính Ngọ cách: Thu đê dương liễu (Cây dương liễu mùa thu bên bờ đê)

- Giải: Vẫn niên cảnh huống hữu tiêu điêu chi tượng (Tuổi già tình cảnh gặp phải hình tượng tiêu điêu)

* Cảnh tượng mùa thu vốn đã ảm đạm tiều điêu và còn ngu ý mùa thu là lúc tuổi đã về già, nhìn cảnh cây dương liễu ũ rũ trên bờ đê càng thấy thêm hiu quạnh, về già sống trong cảnh buồn bã cô đơn.

THIÊN QUANG TiNH

Bính Thân cách: Thu nguyệt phù dung (Trăng thu hoa phù dung)

- Giải: Tráng niên dĩ hậu tiệm nhập gai cảnh (Từ tuổi trung niên về sau dần dần gặp cảnh tốt)

* Mùa thu trăng rất sáng, hoa phù dung tuy sáng nở tối héo tàn nhưng rất đẹp, thường được các thi nhân yêu thích, đời người mà ví như trăng thu ngắm trăng ngắm hoa thì dù đời sống có ra sao cũng thật là cảnh đẹp và thi vị.

Bính Tuất cách: Tuyết lí tầm mai (Tìm Mai trong tuyết)

- Giải: Khô trung đắc lạc (Trong cái khô được cái vui)

* Phải dầm mưa tuyết giá lạnh để đi tìm cây mai thì phải là người có tâm tình thiện mĩ, cho nên chấp nhận cảnh khô để đi tìm niềm vui trong nội tâm.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh nãi quan lộc chi tú công danh chi tinh, tự hợp thân vịnh 汝 vị hiền, nại hà hạn trì trì, hội 會 thi vi lân 嫩 phủ ngưỡng, ư nhân bất túc hảo sự đa ma 磨, ân nhân phản tắc 謾 cùu oan, thân 親 giả đồng mạch lộ, tam bất túc tam biện, khoa danh bất túc, gia viên bất túc, nhi nữ bất túc, đặng 等 nhàn mạc oán lao tâm tảo, thượng son tu 須 hữu hạ sơn thời.

* Mệnh này là tú khí của quan lộc là sao công danh, tự gộp lại thân chìm lắng mà không hiền lộ, vì sao vận hạn lại chậm chạp trì trệ, hiểu biết cách thức bày ra làm việc, lười cúi đầu ngửa mặt (lòn cúi), so với người thì không đủ, việc tốt nhiều gian nan, làm ơn cho người thì lại khởi lên oán thù, người thân như khách qua đường (lạnh lùng vô tình), ba chǎng đủ ba không phân biện, khoa danh không đủ, nhà đất vườn tược không đủ, con cái không đủ, đợi chờ đến lúc an nhàn rồi chớ nên oán nhọc lòng sớm, lên núi đợi thời có ngày xuống núi.

Cách chung cho 06 giờ

HỒ KHÔN TÙNG LÂM

Cọp bị khôn quẫn ở rừng tùng)

Sinh thân hảo tựa chủng thùy dương

Đại đắc dương 楊 thành liễu 柳 bất trường

Nhạn quá bích tiêu 霽 vân trở cách

Cúc khai hàn lộ vân hình 鑿 hương

Sơn hàn hổ khôn chung tu tĩnh

Địa lãnh hoa khai tử kiến thương

Nhất đán phiêu diêu thừa hứng khứ

Khán tha y cảm tái hoàn hương

Thân sinh tốt như trồng dương liễu
Đợi được dương thành liễu chẳng dài
Nhận qua trời biếc mây ngăn cách
Sương lạnh cúc nở muộn mùi thơm
Núi lạnh hổ quan sau nênh tinh
Đất lạnh hoa nở quả bị thương
Một mai phát phói thích thú đi
Thấy ai áo gấm trở về làng

* Tuổi Bính cho 06 giờ Bính: sinh giờ Tí, Dần, Thân tốt, các giờ khác trung bình. Thân sinh ra ví giống như là trồng cây dương cây liễu chịu đựng dẻo dai, trong thời khốn khó thì hãy bền vững chịu đựng và tu dưỡng để chờ thời vận tốt đến rồi sẽ được công danh vinh hiển. Cây liễu tượng trưng cho vẻ đẹp của phụ nữ “mình liễu, liễu yếu đào to”, cây liễu tuy éo lả nhưng thật dẻo dai, bền vững chịu đựng giỏi tựa như người phụ nữ phương Đông, thường được trồng ven bờ biển để giữ đất không bị sạt lở, cho dù ngày mưa gió bão bùng vẫn uốn theo chiều gió vẫn xanh tươi tốt mà không bị gãy đổ hay tro bụi héo tàn. Thơ ca Trung Quốc và Việt Nam thường ca ngợi “tùng hùng vĩ, mai thanh kỳ, trúc thanh nhã, liễu yếu điệu như thiều nữ”, lại còn coi Tùng - Trúc - Mai là tam kiệt hoặc tam hữu. Trái lại cũng có một số cây bị người đời xa lánh vì nó không đem lại niềm vui, hạnh phúc cho người “ma cây gạo, cú cáo cây đè”.

HÀNH TÀNG

Trì cung hiệp 挾 thỉ 弛 phi ngô sự
Nhật cận thanh 清 quang tiệm hữu thanh 韶
Nhược ván phùng hẫu tiền lộ khoát
Tây trì huy tiết hướng trùng thành

Cầm cung buông dây ta chǎng làm
Gần ngày trong sáng dần có tiếng
Nếu hỏi tước hầu trước đường rộng
Bên Tây cờ lệnh hướng đô thành

CƠ NGHỆP

Việt ám tì hưu 麟貅 thanh giá biệt
Trùng trùng thiên lộc tạ hoàng ân
Tiếu ngạo cao tường 翱翔 đãi ngọc thần
Tri âm thân tiến thiên sơn ngoại

Phúc ám dũng sĩ vượt danh tiếng lạ
Lộc trời liên tiếp đáp ơn vua
Thân ngoài bên núi tiếp tri âm
Cười ngạo bay lượn đợi ngọc thần 臣

* Lập chí dựng công danh không chịu làm kẻ thấp dưới, nuôi chí lớn phải làm tới tước công hầu, nhờ phúc đức phò trợ mà gặp ngày vượt trội nổi danh, đến lúc đó từ nơi xa cầm cờ lệnh về triều đình nhận ngọc bài vua ban cho tước vị. Tì hưu 麟貅 con gấu trắng (bạch hùng), một giống thú rất mạnh, cho nên đời xưa các dũng sĩ gọi là tì hưu.

HUYNH ĐỆ

Nhận tự phân phi hàn tái viễn

Hồ bạn 畔 ni nam 呢喃 bạn lữ vô

Cô hồng tà lạc thái 彩 hà 霞 ngoại

Độc trạo thiên chu quá ngũ hồ

Nhạn tự chia bay ải lạnh xa

Ven hồ thì thầm chǎng bè bạn

Chiều xuồng chiếc hồng ngoài ráng đẹp

Bơi chiếc thuyền nan qua năm hồ

* Anh em chia nhau đi xa mỗi đường, một mình đơn chiếc không bạn bè thân thiết, tự mình tìm lấy đường công danh sau bao phen vất vả.

HÔN NHÂN

Oanh yến phân phân vị sần tâm

Uyên ương phân tán tái tầm minh 盟

Vân lai đào lý thành âm xứ

Trúc nội mai hoa phận ngoại vinh

Ngỗn ngang oanh yến chưa vừa lòng

Uyên ương chia lìa sau tìm hẹn

Về sau đào lí nơi bóng mát

Hoa mai bụi trúc phần ngoài tốt

* Việc hôn nhân nhiều phen phân vân ngắn ngang tâm sự, vợ chồng có phen li thân nhưng rồi sau lại kết hợp lại, về già sống yên ổn với nương tựa nhau tốt lành.

TỬ TÚC

Lưỡng hoa lưỡng quả vẫn lai thành
Châu tử đường tiền hí thái vinh
Chi quê sâm 森 sâm lan ngọc thịnh
Như phùng ngưu hổ cánh tranh vinh

Đôi hoa hai quả về sau thành
Trước nhà con cháu đùa vui sướng
Cành quê um tùm ngọc lan tốt
Gặp trâu cùng hổ tranh tươi tốt

* Con có cả trai lẫn gái, con cháu đầy đàn được hiển vinh ngày càng thêm thịnh vượng

THU THÀNH

Ngộ hổ thura chu tự khả nghi
Thử thời bình địa thị tai nguy
Như long thức thế tri cơ tảo
Cao quái phàm phong sấn đồi phi

Gặp cọp chèo thuyền tự nghi ngờ
Thời ấy đất bằng vậy cũng nguy

Như rồng biết thế hiểu cơ sorm

Treo cao buồm gió lấn đồi bay

* Đi vào Vận hay năm Dận tự thấy nghi ngờ điều không được tốt lành cho mình, sẽ có điều nguy hiểm đến cho dù có ở trên đất bằng nơi bình yên cũng khó mà tránh khỏi, nếu dã hiểu biết như thế và lường định trước rồi thì cứ an nhiên vui vẻ mà đi.

BÍNH - ĐiNH

QUẺ SỐ 24: HOẢ ĐỊA TÂN

THiÊN KHÔi TiNH

Đinh Sửu cách: Tuyết trung chu 舟 ảnh (Bóng thuyền trong tuyết)

- Giải: Sự nghiệp nǎng thành tân khố dị thường (Có thể thành sự nghiệp nhưng cuối cùng khố lạ thường)

* Trong trời mưa tuyết nhìn bóng thuyền đi như mỗi người trong dòng đời, mỗi người có một dòng đời riêng biệt, tuy rồi ai cũng tạo ra một cái gì đó trong cuộc đời của mình, tùy theo số mà sung sướng hay khố cực, cảnh tượng một bóng thuyền trong mưa tuyết, mà lại chỉ là một cái bóng chứ chưa hẳn là cái thuyền, nửa thực nửa hư nên cho dù có tạo được sự nghiệp cũng phải trải qua những hoàn cảnh cay đắng khố cực khác với những cảnh đời sông bình thường.

Đinh Mão cách: Thuận thuỷ hành chu (Thuyền xuôi theo giòng nước)

- Giải: Sở tác chi sư hào vô trở ngại (Việc làm không có chút trở ngại)

* Vào đời tạo sự nghiệp như đi thuyền tìm kiếm mưu sinh, mà gặp dòng nước thuận cứ thế trôi đi chẳng phí nhọc nhiều công sức, dễ thành công trong sự nghiệp không gặp nhiều trở ngại.

THiÊN CƯƠNG TiNH

Đinh Ty cách: Lộ nhập bình pha 頗 (Đường vào nơi rất đều bằng phẳng)

- Giải: Nhất sinh an ổn hào vô nguy hiểm (Suốt đời yên ổn không chút hiểm nghèo)

* Đi vào đời như đi xe gấp đường bằng phẳng, cứ thế mà chạy bon bon cho tới cuối đường chẳng gặp ghềnh trở ngại nên không chút lo âu nguy hiểm, xây dựng sự nghiệp trong đời cứ đều dặn thẳng tiến và bình thường êm đềm.

Đinh Mùi cách: Trúc cái hành chu (Thuyền đi dưới bóng trúc)

• Giải: Đồ danh đồ lợi mưu vọng tốc hiệu (Mưu tính danh lợi khó mong nhanh chóng có hiệu quả)

* Đi vào đời một cách êm đềm và được che chở như đi thuyền dưới bóng cây trúc hoặc được che mái bằng cây trúc không bị nắng soi mưa ướt, được an nhàn quá nên có phần ý dựa vào sự che chở đó, mà thiếu đi sự rèn luyện ý chí hoặc trải qua kinh nghiệm sống để xông pha dốc hết sức vào nơi khó khăn tạo dựng lấy sự nghiệp một cách nhanh chóng hơn.

THIÊN ANH TINH

Đinh Dậu cách: Dương liễu trước 著 sương (Sương bám vào cây dương liễu)

• Giải: Tác sự bất định động đa hoạn nạn (Làm việc không ổn định hoạt động gấp nhiều hoạn nạn)

* Sương móc dễ tan, hàng đêm tích tụ lại vương bám vào cây, sáng mặt trời lên tiêu tan nhanh chóng, làm việc xây dựng sự nghiệp mà như sương móc thì không thể được bền vững ổn định, bám dựa vào một nơi nào đó mà bản chất không có đủ lực, thì cho dù có nơi nương tựa nhưng rồi cũng không được ổn định mà tự thân gấp phải hoạn nạn.

Đinh Hợi cách: Huyệt trung thủ 手 獸 (Bắt thú vật ở trong hang)

- Giải: Xứ xứ thúc 束 phọc 縛 lưỡng vô dụng xứ (Có sức trói buộc nhiều nơi chốn, hai nơi không có công dụng)

* Lùa thú vào hang thì sẽ bắt được nhiều thú, nhưng hang cũng có nhiều ngõ ngách nên cũng xổng mất một số con, hoặc một số con thú không có ích lợi cho sự truy bắt, tuy có tài nǎm bắt hoặc gây dựng hay tổ chức được nhiều công việc nhưng rồi cũng có một vài công việc làm mà chẳng có ích lợi hay có công dụng thiết thực.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh cận quý hữu chiêm nhu vũ lộ tri âm, ngoại ngộ hội tết phong vân chi tượng, xạ nại ngũ hành bắc tạp, biến thành tiêu sát 噴殺, gia phong 家風 trung hạ vu 遷 hồi 回 tha đà 蹤跎, sự nghiệp yếu thanh nhàn vị đắc thanh nhàn, đồ danh lợi phản thất danh lợi, hoàn liễu 了 hứa đa nghiệp trái 債, thu liễu 柳 đa thiều phong sương, hữu thoại bất tàng cơ, hữu sự bất nhẫn nại, xảo trung tàng xuyết thị xứ thành phi, bình sinh tài bạch thành tựa phong vân khứ như hải thuỷ, hảo thị thiên diệp đào hoa tú nhi bất thực, ngoại thị hữu dư nội thường bất túc, sinh nhai thành bại hư danh lộc hảo tựa Dương hoa tỉ mộc Qua 瓜

* Mệnh này gần kề quý nhân có xem ơn mưa móc thâm nhuần (của quý nhân) như là tri âm (hiểu, biết tiếng tăm của nhau), cái tượng gấp gẽ bên ngoài gió mây (tình cờ mà gặp), tại sao ngũ hành phúc tạp lẩn lộn biến trở thành chua xót, nền nếp gia đình ở giữa trở về sau cú quanh co lẩn lấp (trì trệ loanh quanh không dựng lại được cho gia đình sống có nền nếp sống), khi tạo dựng sự nghiệp rồi rất mong cần có được thanh nhàn thì lại chưa được thanh nhàn (vì chưa tạo được gia phong), mưu tính danh lợi ngược lại làm mất danh lợi, xong rồi trở về hứa hẹn mang nhiều nghiệp nợ, cây liễu mùa thu phải chịu ít nhiều sương gió, nói năng bộc tuệch không dấu diếm cơ mưu, gấp sự việc chẳng nhường nhịn, trong khéo léo chứa cái sự vụn về nơi đúng trở thành sai, đời sống bình thường tiền tài giống như mây gió bay đi như nước trôi ra biển, tốt tựa như là cây hoa đào ngàn lá mà không thật (hoa giả, tốt đẹp giả) bè ngoài (tưởng như) thấy có dư dả nhưng bên trong lại thường thiếu thốn chẳng đủ, sống bên đời thành, bại, danh, lộc tốt giống như hoa cây dương với

gỗ cây dưa (luôn có hai mặt trái ngược nhau: một bên xù xì xấu xí, một bên trơn láng xinh đẹp).

Cách chung cho 06 giờ

YẾN TRANH OANH SÀO

(Chim én dành tổ của chim oanh)

Bình sinh chú 注 định mã đầu vinh

Sự nghiệp khu khu 區區 bất dị thành

Tây bạn thị gia Đông bạn lập

Nam viên chủng liễu Bắc viên hưng

Hạc tùy nhạn trận tam xuân tảo

Yến đoạt oanh sào lưỡng xứ thành

Tá vân thử thân hà xứ định

Bích vân lưu thủy nguyệt dương đình

Đời thường chuyên định vinh trước ngựa

Sự nghiệp mỏi mòn chẳng dễ thành

Bên Tây là nhà thành bên Đông

Vườn Nam trồng liễu Bắc xanh um

Hạc theo đàn nhạn ba xuân sớm

Én cướp tổ oanh hai nơi thành

Nếu hỏi thân này nơi nào định ?

Nước trôi mây biếc trắng trên sân

* Tuổi Bính cho 06 giờ Đinh: hai giờ Mão giờ Ty là tốt nhất, cuộc đời cứ bình yên tiến lên, giờ Mùi, Hợi trung bình, Sửu, Dậu xấu nhiều vất vả gian truân. Đời người ai cũng muốn chuyên chú định liệu cho đời mình được vẻ vang giàu sang, nhưng tạo dựng sự nghiệp sao vẫn cứ gặp nhiều khó khăn chẳng dễ dàng, mọi việc cứ loanh quanh làm bên này dựng bên kia cứ trái ngược theo ý muốn, rồi cũng phải ép mình ví như chim hạc cao quý cũng bay theo đàn nhạn tranh dành kiếm ăn tầm thường, thôi thì cứ để đời trôi như dòng nước trăng vẫn sáng như mọi chu kỳ.

HÀNH TÀNG

Bình sinh tái kiến sự đầu oanh 燕

Quái tiêu siêu siêu kỉ 幾 khú trình

Nhược ngộ tri âm ca nhất khúc

Kinh thiên lập địa chấn gia thanh

Đời thường cứ thấy việc quanh co

Lạ cười xa xăm đường bao xa ?

Nếu gặp tri âm hát một khúc

Trời ngang đất dựng nỗi tiếng nhà

CƠ NGHIỆP

Tô kế sinh nhai sự khố tân

Thùy tri thời thế hựu trùng tân

Yêu tri biệt lộ mưu chung thủy

Mạc tín sơ cuồng ngộ thử nhân

Nối nghiệp tő kế sống khổ cực
Ai biết thế thời lại đổi mới
Cần biết đường khác tính trước sau
Chớ tin ngông cuồng lỡ mất thân

* Xây dựng sự nghiệp cứ thấy quanh co, nhìn đường dài phía trước mà cười ngao ngán, nếu cứ nối theo nghiệp tő tiên ở quê nhà thì sống thật khó khăn vất vả, phải thức thời thay đổi mà bỏ ra đi mưu tính kế khác, phải suy tính cho khéo chớ nghe xúi bậy mà mất tất cả, nếu may mà gặp người hiểu biết mình giúp cho, sẽ chôn hưng lại nhà cửa mà thành đạt sự nghiệp.

HUYNH ĐỆ

Đường lệ phân phuong bất ngộ thời
Nhạn hàng tam lưỡng các phân phi
Nhất thân vạn lý ngao du biển
Phương hứa Trần Lưu đắc sở y

Hoa Đường lệ thơm tho chặng gấp thời
Đàn nhạn chia bay hai ba nơi
Một mình ngàn dặm rong chơi khắp
Mới hứa Trần Lưu được chốn nương

* Anh em sống trong gia đình trước khá giả nhưng không gặp thời, rồi chia nhau đi mỗi nơi riêng mình đi nơi xa ngàn dặm, rong ruổi khắp nơi lập sự nghiệp, sau rồi cũng sẽ có được nơi nương tựa.

HÔN NHÂN

Nhân duyên hảo tiếu uyên ương lữ
Túng đắc thành song hữu tự vô
Thả an mệnh phận tùy cơ hội
Cửu hậu vinh xương phúc bất cô

Duyên người cười tốt đôi bạn uyên
Có được thành đôi có tựa không
Hãy yên phận mạng theo cơ hội
Về lâu vui sướng phước không đơn

* Duyên phận vợ chồng phải để tự nhiên và chấp nhận yên phận theo cơ hội đưa tới, rồi về lâu sau này cũng được hưởng vui sướng cùng nhau mà không lẻ loi cô đơn.

TỦ TỨC

Phong đính hoa chi tam tú đóa
Nghiêm sương 霾霜 nhất quả tối thu thâm
Bán hoàng bán tử tường đầu ngoại
Lưu thủy lạc hoa hà xứ tầm

Gió gắn cành hoa hai ba đóa
Sương buốt một quả cuối mùa thu
Nửa vàng nửa tím ngoài đầu tường
Nước trôi hoa rụng tìm chốn nào ?

* Con có muộn cuối trung niên mới có được một mà cũng còn nửa tốt nửa không

THU THÀNH

Chính hảo kị ngưu tinh tẩu mā

Khởi tri khuyễn phê nhất trường 場 không

Lãng bình phong túc tri chu ỗn

Nghi hướng sơn lâm thâm xứ thông

Tốt nhất cưỡi trâu cùng chạy ngựa

Biết đâu chó sửa một tràng không

Sóng yên hết gió chiếc thuyền ỗn

Nên hướng núi rùng nơi chốn thông

* Năm Sửu năm Ngọ sức khỏe tốt an lành, năm Tuất thì tất cả mọi sự đời trở thành không, ra đi an lành không còn sóng gió chi trong cuộc đời nữa

BÍNH - MÂU

QUẺ SỐ 25: HOẢ SƠN LŨ

THIỀN LỘC TÌNH

Mậu Tý cách: Khai tôn 鐘 tự chước 酣 (Mở bình rượu tự rót)

- Giải: Điều độ hữu phương tự đắc kì lạc. (Có phương hướng điều độ tự được an vui)

* Uống rượu để lấy cảm hứng vui vẻ nhưng tự tay mình rót không để quá chén mất vui, sống trong đời biết tự chế giữ được sự điều độ nên tự có được sự an lành vui thích.

Mậu Dần cách : Tuyết thiên vọng nguyệt (Trời tuyết trông mong trăng)

- Giải: Gia tuy bàn hàn tự đắc thanh nhàn chi phúc (Cảnh nhà tuy nghèo nhưng được hưởng phúc nhàn hạ thanh cao)

* Trời mưa tuyết trong mùa đông giá lạnh là một mùa khó khăn nhất trong bốn mùa, tượng trưng cho sự khổ khốn khó, nay trời mưa tuyết mù mịt ở trong cảnh khốn khổ mà vẫn trông mong nhìn trăng thì tự trong lòng dù trong hoàn cảnh khốn khổ vẫn tự có được niềm vui thiện mĩ.

THIỀN TÀI TÌNH

Mậu Thìn cách: Khát mã ẩm tuyền (Ngựa khát uống nước suối)

- Giải: Khốn đốn dĩ cực hốt phùng gai cảnh (Khốn khổ đến cùng cực đột nhiên gặp được cảnh tốt)

* Người ví như con ngựa chạy một quãng đường dài khổ nhọc để tạo dựng sự nghiệp đến khát khát kiệt sức như ngựa, cũng có bao kẻ kiệt lực chết khát giữa đường mà không đi đến đích, nay ngựa này lại gặp dòng nước suối uống thì giống như người gặp vận may bất ngờ, hoàn cảnh tốt đẹp giữa đường đời để có thể tiếp tục đi đến được đích vậy.

MẬU NGỌ CÁCH: Viêm thiên chủng túc (Trời nắng nóng gắt tròng lúa)

• Giải: Mục tiền lao khổ nhật hậu bất ngu 暑 cùng phap 灸 (Vát vả trước mắt nhưng mai sau không lo sợ thiếu thốn)

* Tròng lúa gặp phải năm trời nắng hạn, thì phải nỗ lực cứu lúa không bị chết rất là vất vả khổ nhọc vô cùng để không bị thất mùa đói kém, nếu đã vượt qua được những khổ nhọc ấy, thì sự nghiệp gầy dựng được sẽ vững vàng mà không sợ sau này trong đời sống bị thiếu thốn nữa.

THIÊN HOÁN TINH

MẬU THÂN CÁCH: Đại thử 暑 đắc sương (Nắng lớn được sương)

• Giải: Thịnh cực chi thời tiêu hưu phong ba (Lúc thời cực thịnh hay gặp sóng gió nhỏ)

* Trời vào tiết khí đại thử là thời điểm cực thịnh trong mùa hè, gặp phải sương móc tuy có làm giảm đi sự cực thịnh của nắng nóng, nhưng chỉ giảm đi rất ít chứ không như một cơn mưa, cũng như khi tạo dựng sự nghiệp, vào thời điểm cực thịnh có gặp phải đôi chút trở ngại nhỏ nhưng vẫn được thành đạt lớn trong cuộc đời.

MẬU TUẤT CÁCH: Hoàng hoa văn tiết (Hoa vàng vào cuối tiết khí)

- Giải: Thao thủ 操守 kiên cố vẫn cảnh ưu du 優游 (Giữ gìn bền vững cảnh già được nhàn nhã)

* Văn tiết tượng trưng cho tuổi đã về già, hoa vàng tượng trưng cho sự thành công trong đời, cuối tiết mà vẫn giữ gìn cho hoa được nở vàng rực rõ không bị héo tàn, nhờ giữ gìn được sức khỏe tốt nên tuổi về già vẫn được khỏe mạnh và hưởng cảnh già nhàn nhã an vui.

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh nhất đoàn 團 hoà khí mãn diện xuân phong, phùng nhân hữu huynh đệ chi tình, tác sự hữu phong vân chi chí, lượng 量 trường hiện 現 đoán thức trọng tri khinh, thiện châm chước 斟酌 hội điều đình 調停, hiễm nan trung nan khu giải 驅解, tân cần xứ hội kinh doanh, tính cấp tâm từ tâm vô lang 狼 độc, thảo óc hạ thiết yếu 要設 cầm kì thi hoạ, bô 布 y thượng yêu đói kim ngọc tê hoan, nhất sinh chỉ yếu an bài hảo xạ nại đa hồi 晦 trệ 滯, chỉ yếu kiên tâm lao 牢 thủ mệnh, tự nhiên xuân chí bách hoa thượng.

* Mệnh này là một nhóm hòa khí đầy mặt gió xuân, gặp người có cái tình anh em thân thiết, làm việc có chí khí rộng rãi như mây gió, ước lượng bè dài hiện ra bè ngắn, biết nặng hiểu nhẹ, giỏi làm việc gì cũng dấn đo kỹ lưỡng, khéo thu xếp cho công việc được ổn thỏa, trong gian nan hiểm trở biết ứng xử giải quyết, noi nhọc nhằn cay đắng lại siêng năng khéo léo trong việc kinh doanh, tánh lanh lợi nhanh chóng, tâm hiền lành không tàn bạo hiểm độc, dưới nhà tranh bày ra đàn hát đánh cờ ngâm thơ vẽ vời, trên áo vải lại thích đeo vàng đính ngọc, một đời chỉ thích an bày sao cho tốt, tại sao mà còn nhiều tối tăm mù mịt và ngưng đọng, chỉ cần bền lòng giữ vững mệnh, tự nhiên Xuân đến trăm hoa nở.

Cách chung cho 06 giờ

NHẠN TRỰC LOAN PHI

(Nhạn đuối loan bay)

Trùng sơn cao tung 鶯 xuất vân đoan

Phong nhạn cao phi trực phượng loan

Mạc oán hoàng kim tràn thô đắc

Tài phùng thanh nhãn quí hào 號 khan 看

Bình sinh chí khí như tùng bách

Bảm tính cô cao ngạo tué hàn

Tá vân hoa khai thành thực 實 xú

Nhất chi xuân sắc mẫn lan can 闌干

Tầng núi cao vút vượt đám mây

Cây phong nhạn bay đuối loan phượng

Chó oán vàng kim vùi bụi đất

Gặp lợt mắt xanh người quí đãi

Đời thường chí khí như tùng bách

Bản tánh cô cao giõn năm lạnh

Nếu hỏi hoa nở nơi thành quả

Cảnh xuân một cành đầy ngang dọc

* Tuổi Bính cho 06 giờ Mậu: sanh 02 giờ Thân và Tuất là tốt, 04 giờ còn lại đều phải chịu đựng vất vả khó nhọc thời còn trẻ, về sau từ trung niên trở đi mới khá. Là người có chí hướng cao ví như tầng núi cao vời vượt lên khỏi đám mây che

phủ, trong đời sống phải đấu tranh chịu đựng nhiều gian nan khó khăn, vẫn giữ vững khí tiết thanh cao như cây tùng cây bách, chịu đựng cảnh sương tuyết giá lạnh mà vẫn xanh tươi, nhưng thời vận lúc trẻ chưa tới nên chưa thấy được thành công, sau nhờ gặp người quý hiền giúp đỡ đãi ngộ cho, từ đó mà vui mừng thành công có kết quả trong sự nghiệp.

HÀNH TÀNG

Hà ưu tự thiêu thành trung phá
Cập chí trung kiên phá phục thành
Hữu lộc hữu tài hoàn vân cảnh
Vô ưu vô lụ lạc thanh bình

Lo gì thời trẻ thành trong phá
Kịp đến trung kiên phá lại thành
Về già lại có tiền có lộc
Chẳng lo không nghĩ vui thanh bình

CƠ NGHIỆP

Sinh lai thanh khiết như tùng trúc
Đời sống trong sạch như tùng trúc
Bẩm chí năng vân nại 耐 tuế hàn
Bách niên cao xứ tĩnh trung khan 看

Cửu hậu hoàng kim tu mãn óc
Chí khí lân mây quen lạnh rét
Lâu sau nhà cửa đầy vàng bạc

Trăm năm chốn cao tĩnh mà xem

* Lúc còn trẻ xây dựng sự nghiệp khó khăn nhiều lần thất bại, nếu vẫn giữ vững ý chí và trong sạch, kiên trì cố gắng thì sau tuổi trung niên đến về già sẽ được giàu có và hưởng an nhàn.

HUYNH ĐỆ

Vân ủng 摊 trùng sơn nhạn thanh tí 柴

Cô hồng độc tự trú cô phô 浦

Đình tiền mạn 曼 trường thanh thanh trúc

Tái ngoại phong cao nhất tự vô

Mây che tầng núi lắp tiếng nhạn

Chiếc hồng đơn đậu nơi bến sông

Trước sân khóm trúc xanh dài rộng

Ngoài ải gió cao một chữ không !

* Anh em xa nhau, tự mình rời đi xa lập nghiệp, lập được nghiệp nhưng vẫn không gần anh em.

HÔN NHÂN

Thúy trúc bích ngô loan phụng lập

Kỉ đa xuân sắc liêu 繚 lan can 閂干

Dã hoa phương thảo doanh đình hạm 汗

Khước trúc lam 藍 dư 輿 xuất viễn sơn

Trúc xanh ngô biếc loan phượng đậu
Nhiều bao xuân sắc quanh ngang dọc
Hoa dại cỏ thơm đầy sân giàn
Chạy đuối xe xanh ra núi xa

* Vợ chồng tương xứng hòa hợp, cuộc sống vợ chồng đầm thắm nhẹ nhàng đến lúc cuối đời

TỬ TỨC

Chi đầu nhị quả yêu đào diễm
Vũ lộ phong hòa nhất quả nghi
Duy thị cô cao thủ bất đặc
Phùng dương ngô khuyên mộng thiên tê 西

Đầu cành hai quả đào xinh đẹp
Mưa móc gió êm một quả nê
Lo rằng đơn cao với chẳng được
Gặp dê đón chó mộng trời tây

* Có hai con trai đều xinh đẹp, một gặp nạn vào năm Mùi hay năm Tuất, một được thành đạt khá.

THU THÀNH

Đạo 道 hiễm mã tiền quân bất tín
Nhược phùng tru vĩ dã tu phòng

Thứ thời lộc tại sơn biên tảo

Song 囗 hữu kiên hoa vũ bất phương 芳

Đường nguy trước ngựa mi không tin

Nếu gặp đuôi heo phải phòng ngừa

Thời ấy hươu xong rồi ven núi

Mưa bên cửa sổ hoa chảng thơm

* Vào tuổi già phải hết sức giữ gìn chờ coi thường về sức khỏe, nhất là cuối năm hay vận hạn Hợi phải đề phòng mọi sự việc có thể xảy ra, lúc đó sẽ không còn hưởng được lộc trời cho nữa và mọi việc sẽ chấm dứt.

BÍNH - KỶ

QUẺ SỐ 26: HOẢ ĐỊA TÂN

THIỀN THUÝ TÌNH

Kỷ Sửu cách: Quật tàng 藏 phùng kim (Đào chõi chứa giấu gấp vàng)

- Giải: Sở dĩ toại tâm vạn sự hưng thịnh (Được thỏa lòng mong muôn muôn việc đều hưng thịnh)

* Hết sức quyết ý chí tìm cách xây dựng cơ nghiệp như đi tìm nơi kho chứa giấu báu vật, may là tìm được và gấp được báu vật nên mọi việc đều xứng tâm vừa ý và thịnh vượng giàu sang.

Kỷ Mão cách: Cảo 藝 miêu đắc vũ (Mạ khô gấp mưa)

- Giải: Khốn nạn chi thời đắc ngộ cứu tinh (Lúc thời vận khốn đốn gặp được người cứu)

* Vào đời lúc còn trẻ gặp nhiều gian nan khổ cực không phát triển được như cây lúa bị khô héo, nhưng rồi sẽ gặp may có người giúp đỡ cho mà thành đạt như cây lúa non khô héo sắp chết gặp mưa.

THIỀN THÁI TÌNH

Kỷ Ty cách: Lam 嶩 điền chủng ngọc (Ruộng triền núi trồng ngọc)

- Giải: Tích đắc âm công khả hưởng đại phúc (Chứa nhiều âm đức khả hưởng được phúc lớn)

* Cây trồng trên ruộng ở triền núi rất khó khăn cực khổ thu hoạch ít, nay trên ruộng lại sinh ra ngọc thì thật là trời ban phước đức lớn mới có được.

Kỷ Mùi cách: Thu thiền minh 鳴 liễu 柳 (Ve mùa Thu kêu trên cây liễu)

• Giải: Hoạn nạn dĩ quá tiệm nhập giai cảnh (Đã qua cơn hoạn nạn tiến dần vào cảnh đẹp)

* Ve sâu sanh sôi nẩy nở vào mùa hè trong cuộc sống ngắn ngủi vài tuần, nay qua tới mùa thu mà vẫn còn sanh lực sống thì cuộc sống đã được kéo dài thêm, những hoạn nạn sẽ qua đi mà hưởng thêm thời gian tốt lành về sau.

THIỀN UU TÍNH

Kỷ Dậu cách: Mảnh 猛 hổ tuần sơn (Hổ khỏe mạnh đi tuần tra núi)

• Giải: Phấn 奮 lực tiến hành khung phòng hữu hiềm (Gắng sức tiến hành e gấp nguy hiểm)

* Hổ dữ khỏe mạnh muôn thú đều khiếp sợ, nhưng nếu ý mạnh mà cứ tiến hành tới tới không dễ chừng thì cũng có ngày gặp thợ săn mà mất mạng, không nên cưỡng ép quá sức tiến hành công việc sẽ gặp nguy hiểm.

Kỷ Hợi cách: Tỉnh đế quan thiên (Ngồi đáy giếng xem xét trời)

• Giải: Kiến thức hiệp tiểu sở đắc vô kỷ (Kiến thức hẹp hòi kết quả không bao nhiêu)

* Ra đời với sự hiểu biết mà như ếch ngồi dưới đáy giếng, thì chỉ nhìn được một góc cạnh rất nhỏ trong cuộc đời, cho nên sự hiểu biết rất hạn hẹp, khó mà mong cầu được nhiều kết quả thành đạt.

PHÁN ĐOÁN

- Thủ mệnh bán hư bán thực, hoặc trọc hoặc thanh, tục 俗 bát tục cô 孤 bát cô, phi tảng phi đạo, lũ 縷 Đông li 篬 bồ 補 Tây bích, ái đá cỗ 鼓 khiêu 跳 bản 板, hội trước 著 bát tinh minh 精明, trầm沈 mai 埋 chí khí, cô phụ 壴負 thông minh, tâm thân bát định, đa phá đa thành, nhược bất phá tổ li tông 宗 dã tu thiên di môn hộ, mộ 暮 trưởng Ngũ thai Bắc minh 淵, chiêu 昭 sinh Thiên thai Nam nhạc, nhược đắc bất hiềm bất trở, ám tật khả bảo 保 vô hung 凶 vô hiềm 險, tiền trình lịch đắc phong sương tảo, đa thiều tư cơ đắc hiện thành.

* Mạng này là người nửa hư nửa thực, hoặc là đục hoặc là trong, trần tục chǎng ra trần tục (tục 俗: ham chuộng những cái vật đục của đời sống bình thường, mà bị người trí thức cao thượng chê đều gọi là tục) cô đơn mà chǎng ra cô đơn, không ra tảng ni cũng chǎng ra đao sỹ, lấy cái hàng rào rách bên đông và cái vách bên tây (giật gáu vá vai), thích đánh trống gỗ phách nhảy múa (thích ca hát), háp tập vội vàng không chu đáo kỹ lưỡng, chôn vùi chí khí, uổng phí thông minh, tâm và thân chǎng ổn định, thành nhiều bại cũng nhiều, nếu không phá hỏng cơ nghiệp của tổ tông, thì cũng phải ra rời quê quán, buổi sáng sinh ra ở Thiên thai núi Nam, buổi tối lại lớn lên ở Ngũ thai biển Bắc (phiêu bạt lang thang, một nơi ở cung Tiên một nơi ở đài Phật) nếu như được không gặp phải gian nan nguy hiểm, thì phải gánh chịu tật ngầm dấu bên trong người thì mới không bị hung dữ hiềm nghèo, lúc tuổi còn nhỏ bước đường phía trước phải trải qua nhiều sương gió, (rồi sau đó) ít nhiều cơ nghiệp riêng mới hiện ra thành đạt.

Cách chung cho 06 giờ

CÔ NHẠN THẤT QUẦN

(Nhận lẻ lạc bầy)

Viễn vọng nǎng thăng bách xích thê 梯

Đǎng cao lực quyện 倦 hưu thùy tri

Tiêu ma luyến ái 戀愛 tam sinh tuyết

Phản phúc nhân tình kỉ 幾 cục kì 旅

Li tái thiên biên nhạn thắt lữ

Tá xuân lân ngoại duẩn 筍 sinh chi

Sinh nhai nhược tiến trùng thành lập

Mãn chước kim tôn phiếm tử lan 蘭

Nhin xa muôn lên thang trăm thước

Lên cao sức mỏi ai hay biết

Ba năm yêu mến tiêu mòn cả

Tình người lật lọng mấy ván cờ

Rời ải bên trời nhạn mất bạn

Mượn xuân bên ngoài mǎng nẩy cành

Nếu thấy kế sống thành lập lại

Rót đầy chén vàng chơi lan tím

* Tuổi Bính cho 06 giờ Kỉ: chỉ có hai giờ Sửu và Ty là khá giả ổn định tạo nên sự nghiệp, các giờ khác gặp nhiều gian truân vất vả lúc ban đầu về sau mới được an nhàn. Lúc thủa còn trẻ rất hăng say lập nghiệp muốn vượt lên cao, nhưng rồi lại không đủ ý chí mà vướng vào đam mê luyến ái như phần phán đoán làm tiêu mòn uổng phí mất tài năng, đề phòng bị lật lọng lường gạt, sau nếu có gắng xây dựng lại thì cũng có được cuộc sống nhàn nhã an lành.

HÀNH TÀNG

Mãn viên yêu đào thượng vị khai
Đông phong tiên phóng nhất chi mai
Tuy nhiên ngạo tuyết năng sương cửu
Chung kiến dương hòa nhật hộ lai

Đào non đây vườn còn chưa nở
Cành mai nở trước ngọn gió đông
Dù rằng đương cự lâu sương tuyết
Sau thấy ánh dương vào trong cửa

CƠ NGHIỆP

Phân phân 紛紛 tǔ kě li nam bắc
Chính lí điền viên đông phục tê (tây)
Chung tri thế 世 tại tiêu diêu ngoại
Chảm 怎 nại danh hi 希 lợi diệc hi

Rối bời tǔ nghiệp rời Nam Bắc
Sửa lại ruộng vườn Đông lại Tây
Sau biết ở ngoài đời rong chơi
Tại sao danh ít lộc cũng ít

* Không giữ được nghiệp tǔ, phải bôn ba tú phí để gây dựng lại, nhưng rồi lúc trẻ cũng ham chơi nên về già cũng có tạo được đôi chút sự nghiệp riêng

HUYNH ĐỆ

Giang biên nhị nhạn phân nam bắc
Nhất chích cô phi phong vũ trung
Hồi thủ tịch dương đa thiều hận
Dạ thâm ngư xướng oán tây phong

Bên sông hai nhạn chia Nam Bắc
Một chiếc lẻ bay trong gió mưa
Bóng chiều quay đầu ít nhiều hận
Đêm sâu chài hát oán gió tây

* Ít anh em sớm chia lìa nhau, đến cuối đời cùng còn xa cách với nỗi niềm hờn oán.

HÔN NHÂN

Hồng lục bạch tần thâm ảo xứ
Uyên hành nhất chích tự thê thê 凄
Thanh phong minh nguyệt lương tiêu vĩnh
Chảm 枕 thượng thời văn đỗ vũ đè

Cỏ hồng tần trăng mờ sâu thăm
Một cánh uyên bay tự lạnh lùng
Gió trong trăng sáng đêm sâu dài
Trên gối thì nghe chim quốc kêu

* Đời sống cô độc không vợ hoặc có cũng như không.

TỬ TỨC

Lưỡng đóa hoa khai nhất đóa hồng

Kí chi thiền kháo 韋縝 tông tây phong

Khởi kì trúc trưởng long tôn mộng

Tương kiến chung tư 錦斯 mãn hạm trung

Hai đóa hoa nở một đóa hồng

Ve nương nhờ cành tiễn gió Tây

Há phải trúc lớn mộng cháu rồng ?

Sẽ thấy cào cào đầy trong rào

* Con chỉ gái không trai, sống nương nhờ bên ngoài, nếu không con thì cháu nhiều như một bầy cào cào lau nhau đồng đúc.

THU THÀNH

Bán thiên thô thượng khan khan 看 phát

Nhất tiễn thân truyền chính hảo âm

Chính thị Lưu lang phương đắc chí

Hà kì khuyến phê hướng hoa âm

Trên nửa năm thô nhìn xem phát

Mũi tên loan truyền tiếng phải tốt

Chính ấy chàng Lưu đương đắc chí

Chó sửa nào hẹn phía bóng hoa

* Vào cuối đời giữa năm Mão có sự việc phán phát vừa chí, làm được một việc gì khiến khá nổi danh, thì lúc ấy cũng như chàng họ Lưu về nơi tiên cảnh, chẳng cần phải nghe dư luận òn lên như chó sửa thấy bóng hoa lay rụng.

BÍNH - CANH

QUẺ SỐ 27: TRẠCH THIỀN QUẨI

THIỀN THỦY TINH

Canh Tý cách: Cúc kính 邇 tầm Xuân (Tìm mùa Xuân trong hàng cúc)

- Giải: Chú ý kiên định đại hữu sinh cơ (Chú ý bền vững sẽ gặp cơ hội tốt)

* Đi từng hàng từng dãy hoa cúc để tìm mùa xuân là tìm sự tươi đẹp sáng sủa cho tương lai, khi đã chuyên chú vào một việc thì át sẽ có cơ hội để hành động, để xây dựng được sự nghiệp.

Canh Dần cách: Khô liên đắc lộ 露 (Sen khô được sương móc)

- Giải: Khốn khổ chi thời đắc nhân phù trì (Lúc khốn khổ gặp được người giúp)

* Cây sen sống dưới nước mà còn bị khô héo thì gặp phải thời khó khăn gian nan nhiều, nay gặp được sương móc để thoát qua thời kì kiệt quệ, cũng như người bị lâm vào tình cảnh vô cùng quẫn bách mà được sự giúp đỡ thì có cơ hội gây dựng lại được.

THIỀN QUAN TINH

Canh Thìn cách: Thu đê 隘 dương liễu (Mùa Thu cây dương liễu trên bờ đê)

- Giải: Vãn cảnh bình bình (Cảnh già bình thường)

* Mùa thu vào cảnh xế chiều sấp về già, cảnh tượng cây dương liễu trên bờ đê vào mùa thu cũng vừa là cảnh đẹp vừa là cảnh hiu quạnh buồn, nên về tuổi về già cũng chỉ bình thường không tốt chẳng xấu, chỉ có điều cảnh tượng êm đềm trong lặng lẽ.

Canh Ngọ cách: Đãi phong giá 架 phàm (Đợi gió giương cánh buồm)

- Giải: Đãi thời nhi 而 động vô vãng 往 bất lợi (Đợi thời mà hành động bất cứ việc gì cũng có lợi)

* Thuyền có buồm là thuyền lớn, chuyên chở được nhiều hàng hóa để đi xa buôn bán, nếu chèo thì mất rất nhiều sức, nếu gặp nước ngược càng tốn sức mà không có kết quả, điều kiện đã có sẵn, chỉ bằng chỉ cần chờ thời, gặp gió mà giương buồm lên sẽ đến đích được lợi lộc ngay.

THIÊN BÍNH TÌNH

Canh Thân cách: Phong lí 履 dương hoa (Gió thổi dập hoa dương)

- Giải: Căn cơ thiển bạc nhi phòng hoạn nạn (Căn cơ mỏng manh đe phòng hoạn nạn)

* Hoa dương liễu cánh nhỏ vốn đã mỏng manh, nay còn bị cơn gió dữ dày xéo cuốn bay đi, thì như đời người căn cơ vốn đã được không bền vững, còn gặp phải hoạn nạn nếu không tránh khỏi khó mà gượng dậy được, ra đời cố tránh làm những việc nguy hiểm.

Canh Tuất cách: Tầng 層 băng kiến nhật (Từng lớp băng thấy mặt trời)

- Giải: Thiên tân 辛 vạn khổ chung hữu đặc ý chi nhật (Muôn đắng ngàn cay cuối cùng cũng có ngày đặc chí)

* Bị vùi lấp dưới nhiều tùng bàng giá buốt lạnh, phải chịu bao nhiêu là cay đắng nhọc nhằn, nếu vẫn có ý chí vững mạnh, cho dù phải trải qua cay đắng cực khổ nhiều, rồi cũng sẽ nhìn thấy ánh sáng mặt trời, sẽ thành đạt được trong sự nghiệp.

PHÁN ĐOÁN:

• Thủ mệnh tâm tính bất thường dì 易 sân dì hỉ, tinh 精 lực xứ phản tắc 謬 tàng 曾 đằng 滂, hiện thành xứ biến tác ân cần 殷勤, mục hạ vô ưu tâm bất tự tại, tuy nhiên 雖然 nhất cá hảo tư cơ 錐基, thụ 受 quá húa đa ma 磨 nan 難 xú, đa phá thiểu thành chiêu thị chiêu phi, thê phi sinh thiết 鐵 thuần cương, định kiến tiền cô 孤 hậu quả 寡, đầu nam vị đặc mạt 末 tử khả thụ 受, bài bố hữu tinh thần, ban ban thân thủ tố, tiên nan hậu dì tâm bất tai 思 mang.

* Mệnh này tâm tính không bình thường, dễ thay đổi mừng vui dễ cáu giận, nơi việc làm chu đáo kỹ lưỡng lại nỗi lên thành bó buộc vướng vít, chốn hiện thành đổi làm thân thiết hậu hĩnh (làm việc lúc đầu chu đáo kỹ lưỡng thì bị vướng mắc khăn và bị bó buộc, khi việc đã hiện ra thành rồi lại được chu đáo đón tiếp ân cần), việc dưới mắt không lo nghĩ, (nhưng) trong lòng không ổn định, dù vậy (vẫn có) một cái vốn liếng tài sản riêng tốt, nơi đã qua chịu đựng khá nhiều khó khăn gian nan hiểm trở, phá nhiều thành ít tự chiêu vời đúng sai, nếu vợ chẳng phải là sắt thuần cung (mệnh của vợ phải cứng như sắt thép mới chịu nổi, số khắc vợ chồng) át định thấy trước sau sẽ là góá bựa, con trai đầu không được con cuối có thể được, có tinh thần bày biện bố trí mọi sự việc tự tay làm, trước khó sau dễ lòng hoang mang nghĩ ngợi không ổn định.

Cách chung cho 06 tuổi

THIÊN TẾ 際 CÔ HỒNG

(Chim hồng lẻ loi ở chân trời)

Bách xích can 竽 đầu tiên bộ 步 nan

Bán sinh hương tinh 鄕井 kỵ 暮 điêu 凋 tàn

Nhạn phi thu thủy hàng hàng đoạn

Hoa phát xuân lâm điểm điểm ban 班

Thành lập yếu phùng thanh nhãm thị

Bôn trì tu chí bạch vân san

Công danh lưỡng tự chung tu tại

Chỉ khung thân nhàn tâm vị nhàn

Trăm thước đầu cây thật khó bước

Nửa kiếp làng quê đến nát tan

Nước thu nhạn bay từng hàng đoạn

Rừng xuân hoa nở chia lốm đốm

Dựng nghiệp rất cần măt xanh gấp

Ruồi rong lên đến núi mây trăng

Công danh hai chữ sau còn đây

Chỉ sợ thân nhàn tâm chẳng nhàn

* Tuổi Bính cho 06 giờ Canh: hai giờ Ngọ và Tí là tốt nhất dễ thành đạt, Thìn trung bình, Dần Thân Tuất nhiều vất vả gian nan. Ra đời lúc còn trẻ rất khó khăn trong lập nghiệp, cơ nghiệp của ông cha đã nát tan, phải rời bỏ đi xa tự tạo lấy thì mới gây dựng lại được, không thể nhờ cậy gì được sự nghiệp đã có của ông cha để lại,

HÀNH TÀNG

Âu niên sinh kế vị toàn thành
Kiến thử phùng long chính hiển vinh
Tự hữu cao nhân khinh tá lực
Lưỡng trùng môn hộ tự quang hanh

Tuổi trẻ kê sóng chưa vẹn toàn
Gặp chó gắp rồng mới hiển vinh
Tự có người trên nhẹ tay giúp
Hai lần lóp cửa tự sáng thông

CƠ NGHIỆP

Bách xích can đầu tiên bộ trì
Phân phân tổ kê cánh 更 trùng li
Kỉ hồi trừ đoạn căn cơ lộ
Mạc 遊 địa phùng xà tiệm lập cơ

Trăm thước đầu cây tiến bước chậm
Rồi bời kê nghiệp lại rời đồi
Mấy phen đứt rời đường nền gốc
Đất xa gấp rắn dần dựng nghiệp

* Lúc tuổi còn trẻ tổ nghiệp đã không còn thịnh vượng, phải li hương rời xa làng quê để lập nghiệp, nhưng gặp nhiều gian nan khó khăn không tiến được, tới năm

hay vận Ty đã khởi đầu vào vận tốt, qua năm Tuất Thìn có người đến giúp đỡ, từ đó sự nghiệp mới dần hiện ra và vinh hiển công danh.

HUYNH ĐỆ

Tu tri tam nhạn đồng phi hạ

Nhất chích ưng 鷹 thu tại võng la

Chử 濬 đậu 逗 bắt tu cơ tiền hỏa

Hồi tư tú hải ngộ phong ba

Nên biết ba nhạn cùng bay xuống

Một chiếc bị đánh rơi vào lưới

Bãi đậu không cần đốt mồi lửa

Nhớ lại bốn biển gặp sóng gió

* Ba anh em cùng nhau đi, âm thầm hẹn nhau kín đáo, một người bị vướng mắc ở lại, khi đã được yên ổn rồi, nhớ lại thời gian trên biển gặp nhiều sóng gió.

HÔN NHÂN

Lục chiểu song liên hoa phát xứ

Hồi đầu hoạt kế báo quân tri

Vân nhàn thiên lí nguyệt quang hiệu 約

Văn cảnh uyên ương đặc sở nghi

Nơi ao xanh đôi hoa sen nở

Quay đầu sanh kế báo người biết

Ngàn dặm mây nhẹ trăng trăng sáng
Cảnh muộn uyên ương được chốn yên

* Kết hôn muộn, hôn nhân được an lành tốt đẹp.

TỬ TỨC

Tường biên tam đáo đào hoa phát
Nhất đáo khán quan tạ bất lao 宅
Chỉ đai thu phong sinh quê tử
Thanh vân phúc 皎 húc 畜 mãn giang cao

Bên tường ba đáo hoa đào nở
Một đáo nhìn xem chẳng được bên
Chỉ đợi gió thu sanh quả quê
Thơm nức đầy sông tới mây xanh

* Nhiều con gái có trước, một con gái không được bền khỏe mạnh, sau có được con trai quý hiền.

THU THÀNH

Hạn vận nhược phùng Thìn dữ Tuất
Quý Đinh thái tuế bất đồng hòa
Trùng trùng nguy hiểm lâm đầu thương
Bát thiệp quan tai tài phá đà

Nếu vận hạn gặp Thìn cùng Tuất
Năm Quý năm Đinh chấn cùng hòa
Nhiều lần nguy hiểm tới trên đầu
Nếu không hình sự tồn nhiều tiền

* Những năm Quý Đinh và vận hạn Thìn Tuất phải hết sức cẩn thận đề phòng, mọi tai biến gnuy hiểm dồn dập tới ngay trên đầu, hãy lui về ẩn thủ để bảo toàn

BÍNH - TÂN

QUẺ SỐ 28: HOẢ THIÊN ĐẠI HỮU

THIỀN THOÁI TÌNH

Giờ Tân Sửu: cách MINH NGUYỆT MAI HOA

Dịch: Hoa mai trăng sáng

Giải: Nhất sinh đắc hưởng thanh nhàn chi phúc

Dịch: Trọn đời được hưởng phúc thanh nhàn

* Trăng sáng ngắm hoa mai, vừa đẹp vừa thanh cao quý phái, có phúc mới được vậy.

GIỜ TÂN MÃO: cách KHÔ MỘC PHÙNG XUÂN

Dịch: Cây khô gập mùa Xuân

Giải: Khốn đốn dĩ quá đại hưu sinh cơ

Dịch: Đã qua khỏi khốn khổ có nhiều cơ may

* Cây bị khô héo mà không chết vẫn còn lực, chỉ chờ qua mùa xuân sẽ đậm chồi nảy mầm, trong đời phải trải qua một thời kì gian nan khốn khổ rồi mới qua được cảnh tốt lành.

THIỀN HỐI TÌNH

Giờ Tân Tị: cách PHONG TÌỀN ĐIỀM CHÚC

Dịch: Đốt đuốc trước gió

Giải: Hảo cảnh bất thường tu phòng hoạn nạn

Dịch: Cảnh đẹp không thường để phòng hoạn nạn

* Đuốc cháy trong đêm nhìn cũng sáng đẹp, nhưng gặp gió thì mau tàn mau tắt, nên cảnh tốt đẹp trong đời không được thường xuyên, lúc sáng lúc tối, lúc lên lúc xuống ...

Giờ Tân Mùi: cách THU THIỀN CÔ NHẠN

Dịch: Nhạn lẻ vào mùa thu

Giải: Chung niên chi hậu tái sự cô lực vô viễn

Dịch: Từ tuổi trung niên trở về già làm việc cô đơn không ai trợ giúp

* Nhạn theo bầy theo đàn còn nương tựa lẫn nhau, nhạn đã tách bầy vào mùa thu cây cỏ héo tàn, là mùa các loài côn trùng đã không còn sinh sôi nhiều nữa, còn tương trưng là tuổi trung niên, sẽ bị lẻ loi cô đơn không người trợ giúp.

THIỀN THÁI TÌNH

Giờ Tân Dậu: cách CHỈ THUYỀN NHẬP HẢI

Dịch: Thuyền giấy vào bể

Giải: Bất tự lượng lực hữu bại vong chi tượng

Dịch: Không biết lượng sức mình đó là điềm thất bại

* Thuyền làm bằng giấy thì đẹp đẽ sang trọng vì bề ngoài, chỉ trưng bày trong các lễ lộc ở sông hồ cho vui mắt, nay không tự lượng sức mà đi vào biển lớn, chỉ một hai con sóng vỗ sẽ vỡ tan ngay.

Giờ Tân Hợi: cách DU NGƯỚC NHẬP VÔNG

Dịch: Cá rong chơi sa vào lưới

Giải: Tự đầu la vông uổng phí tâm cơ

Dịch: Tự chui vào lưới uổng phí tâm cơ

* Ham chơi ra ngoài rong ruổi tìm vui át có ngày mang họa vào thân.

辛巳时：天晦星A 293;风前点烛 - 好景不常，须防患难 290;

判断

此命有机谋手段A 292;有钱会用，有事 会为。只因命犯\$

864;神凶，凭你千般思算起。趁得千& 065;并万贯，半夜辛勤，只落得手忙！
050;乱。若要十全，重重改换。只因 843;字坚牢，纵有凶 灾减半。老年胜
284;少年，后段强如前段。

鹤立青松格

青松偃蹇耐春秋A 292;白鹤飞来立树头，性硬雪霜曾折 387;，气清桃李不同俦。

六亲情爱浮云散A 292;一世资财减半流，分付后园桑柘 641;，绿阴留伴喜优游。

基业

青松百尺凌云汉A 292;靠石依崖稳处安，万里江山多少 680;，归来弹铗叹艰难。

兄弟

天阔雁横秋水远A 292;纷纷布阵势偏难， 孤飞独向潇湘 435;; 红蓼白萍枯后还。

行藏

来往帝京百里山A 292;终须得路到长安， 两重荣禄多知 049;; 指笑桑榆松竹间。

婚姻

见偶当时日卓午A 292;若逢白首也难期， 云间千里同明 376;; 鸥鹭纷纷满藕池。

子息

枝上二三黄白果A 292;须留一果在林前， 庭前桂子香犹\$ 828;; 此是前生结善 缘。

收成

若见犬牛行水中A 292;珊瑚海底费人功， 仙桥高跨牛羊\$ 807;; 人向西湖杨柳 凤

PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh hữu cơ mưu thủ đoạn, hữu tiền hựu dụng hữu sự hội vi, chỉ nhân mệnh phạm thoái thần hung, bằng nhĩ thiên ban tu toán khởi, sán đắc thiên tiền tịnh vạn quan, bán dạ tân cần chỉ lạc đắc thủ mang cước loạn, nhược yếu thập toàn trùng trùng cải hoán, chỉ nhân bát tự kiên lao, túng hữu hung tai giảm bán, lão niên thăng tự thiếu niên, hậu đoạn cường như tiền đoạn, nhược phùng thuỷ thành thân, phương thị linh tinh hảo nam tử.

* Mệnh này có toan tính biến đổi khôn khéo, làm việc sớm có công dụng gấp việc cùng nhau gây dựng lên, chỉ vì nguyên nhân mệnh phạm phải thoái thần xáu, anh nhò cậy dựng lên khắp nơi để tính toán, được dịp lán tới lấy ngàn đồng tiền vạn đồng quan (chớp lấy thời cơ), nhọc nhằn siêng năng đến nửa đêm chỉ thu được tay mỗi chân loạn (lo toan quá không hiệu quả), nếu muốn mười phần toàn vẹn thì phải luôn luôn thay đổi (cách thức làm việc), chỉ vì có tám chữ bền vững, ví có hung hiểm tai họa cũng giảm đi một nửa, tuổi già được giống như tuổi trẻ (khỏe mạnh nhanh nhẹn), đoạn sau mạnh như đoạn trước, nếu gấp nước thì thành thân, lanh lẹ tinh tế sáng suốt thế mới là người đàn ông giỏi tốt.

*Thủ đoạn: là cách làm việc khôn khéo có tính toán trước sau phù hợp với hoàn cảnh thực tế để nắm chắc thành công. Thủ đoạn là phương pháp làm việc của cá nhân biết quyền biến ứng phó với thực tế, không giáo điều, biết chấp kinh mà cũng biết tòng quyền. Chữ thủ đoạn thường bị gán cho một ý xấu là đầy mánh khóe, mưu mẹo để lừa gạt người, dám làm mọi việc để đạt tới mục đích với quan niệm "cứu cánh biện minh cho phương tiện". Nghĩa chữ, thủ đoạn là chính tay mình cắt đặt ra để nói lên tính chất chủ động của người làm. Chữ thủ đoạn còn có nghĩa là nắm chặt lấy mục đích của từng giai đoạn, đi từng bước một thật vững chắc, hoàn tất từng phần của toàn bộ kế hoạch để thành công trọn vẹn. Đem so sánh với phương pháp thì phương pháp là cách làm việc theo tiêu chuẩn khoa học, theo khuôn mẫu do đó nặng giáo điều, không uyển chuyển phù hợp cho từng trường hợp đặc thù của thực tế phức tạp.

Cách chung cho 06 giờ

HẠC LẬP THANH TÙNG

(Chim hạc đậu trên cây tùng xanh)

Thanh tùng yến kiến nại xuân thu

Bạch hạc phi lai lập thụ đầu
Tính ngạnh tuyết sương tầng chiết tỏa
Khí thanh đào lý bất đồng trù
Lục thân tình ái phù vân tán
Nhất thế tư tài giảm bán lưu
Phân phó hậu viễn tang đố thụ
Lục âm lưu bạn hỉ ưu du

Tùng xanh ngạo nghẽ chịu xuân thu
Hạc trắng bay về đậu đầu cây
Tánh ngang tùng bị sương tuyết bẽ
Khí trong chẵng cùng loài đào mận
Gia quyến tình thân như mây nổi
Một đời tài sản còn phân nửa
Dặn dò sau vườn cây dâu đứng
Bóng xanh giữ bạn vui nhàn nhã

* Tuổi Bính cho 06 giờ Tân: Tốt nhất là giờ Sửu, giờ Mão trước khở sau thành đạt, giờ Tị trong cảnh tốt chưa chắc đã được lâu dài, giờ Mùi, Dậu, Hợi đều xấu. Là người có chí khí cao, lập chí kiên cường và chịu đựng giỏi, khó bị khuất phục, siêng năng cần mẫn trong công việc, sức khoẻ về già dẻo dai nhàn nhã, tuy nhiên thiếu hạnh phúc gia đình, cuối đời tạo dựng được gia sản

HÀNH TÀNG

Lai vãng Đế kinh bách lý san
Chung tu đắc lộ đáo Trường An

Lưỡng trùng vinh lộc đa tri kỉ
Chỉ tiểu tang du tùng trúc gian
Qua lại kinh đô trăm dặm núi
Sau cùng có đường đến Trường an
Hai tầng vinh lộc nhiều bè bạn
Bóng dâu tùng trúc cười vui thoả

CƠ NGHIỆP

Thanh tùng bách xích lăng vân hán
Kháo thạch y nham ồn xứ an
Vạn lý giang sơn đa thiều hận
Qui lai đàn kiêm thần gian nan
Tùng xanh trăm thước lấn tầng mây
Nương nhờ ven núi sống yên lành
Muôn dặm non sông ít nhiều hận
Lui về múa kiếm than gian nan

* Nuôi chí cao kiên trì thi thố và thử thách, vận chưa đến nên phải nương nhờ nơi thôn dã vất vả thao luyện tài năng, trải nhiều thăng trầm thất bại rồi cũng có ngày thành đạt nhờ chí khí kiên cường, về già vui thú thanh nhàn danh lộc thoả mãn.

HUYNH ĐỆ

Thiên khoát nhặt hoành thu thủy viễn
Phân phân bố trận thế thiên nan
Cô phi độc hướng Tiêu tương khứ

Hồng lục bạch tần khô hậu hoàn
Trời rộng nhạn ngang nước thu xa
Rối bời bày trận thế thật khó
Bay riêng hướng về sông Tiêu tương
Cỏ xanh tần trǎng khô rồi tươi

* Anh em tuy nhiều nhưng không hoà hợp, một mình bỏ đi riêng tạo dựng lấy cơ nghiệp, dòng đời trôi nổi xuân qua đông lại như cỏ tươi rồi khô.

HÔN NHÂN

Kiến ngẫu đương thời nhật trác ngọ
Nhược phùng bạch thủ dã nan kì
Vân gian thiên lý đồng minh nguyệt
Âu lộ phân phân mẫn ngẫu trì
Đứng bóng mặt trời gặp phổi ngẫu
Đợi khi đầu bạc khó mong chờ
Trong mây muôn dặm cùng trǎng sáng
Bên ao cò cốc chen vai đứng

* Lúc còn trẻ nếu gặp tơ duyên nên kết hôn (nhật trác Ngọ khoảng ngoài 30), chờ khi công danh sự nghiệp thành thì đầu đã bạc, lúc bấy giờ muôn tính đến hôn sự khó mà thành.

TỬ TỨC

Chi thương nhị tam hoàng bạch quả

Tu lưu nhất quả tại lâm tiền
Đình tiền quê tử hương do viễn
Thủ thị tiền sinh kết thiện duyên
Cành cao hai ba quả vàng trăng
Nên để một quả ở trước rừng
Trước sân quả quê thơm còn xa
Ây là kiếp trước có duyên lành

* Có nhiều con trai, có một con trai quý hiền gân gũi hiếu thảo là nhờ có thiện duyên.

THU THÀNH

Nhược kiến khuyên ngưu hành thủy trung
San hô hải đế phí nhân công
Tiên kiều cao khóa ngưu dương quá
Nhân hướng tây hồ dương liễu phong
Nếu thấy trâu chó đi trong nước
San hô đáy biển uổng công tìm
Cầu tiên cao cưỡi trâu dê quá
Người hướng tây hồ gió dương liễu

* Vận đến năm (Nhâm, Quý) Sửu Tuất nên cẩn thận về sức khoẻ, năm Sửu Mùi khó thoát cảnh sinh tử.

BÍNH - NHÂM

QUẺ SỐ 29: HOẢ THỦY VỊ TẾ

THIỀN PHÚ THỊNH

Giờ Nhâm Tý: NGƯỜI MÌNH THẢO ĐỊA

Dịch: Trâu ngủ trên đồng cỏ

Giải: Nhất sinh an ổn vô y thực chi ưu

Dịch: suốt đời an ổn không phải lo cơm áo

Giờ Nhâm Dần: CHUNG THỤ THÀNH LÂM

Dịch: Trồng cây thành rừng

Giải: Sở tác sự nghiệp khả vọng thành công

Dịch : Xây dựng sự nghiệp sẽ thành công lớn

THIỀN PHÚ THỊNH

Giờ Nhâm Thìn: XUÂN OANH XUẤT CỐC

Dịch: mùa xuân chim oanh ra khỏi hang

Giải: Tên nguy hậu an vãng cảnh ưu du

Dịch: Trước nguy sau an cảnh gia nhàn hạ

Giờ Nhâm Ngọ: HOẠI TƯỜNG DẠ VŨ

Dịch: Mưa đêm làm đổ tường

Giải: Tuy hữu hoạn nạn vô hại ư sự

Dịch: Dù có hoạn nạn nhưng không hại đến công việc

THiÊN TAI TiNH

Giờ Nhâm Thân: KiỆP DiỆP KiẼN HOA

Dịch: Buồm bướm gấp hoa

Giải: Đắc chí thời tu phòng thu nhbp tà đồ

Dịch : Lúc đắc chí nên đề phòng đi vào con đường tà

Giờ Nhâm Tuất: PHi LONG TẠI THiÊN

Dịch: Rồng bay trên trời

Giải: Cư cao lâm hạ phòng hữu nguy hiểm

Dịch: Trên cao xuống thấp nên đề phòng gấp nguy hiểm

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh bản tính hành sự nhiệt tâm, Dĩ hữu sự nghiệp, Phiên 番 biến đương thành bất thành, Danh lợi ta đà, Khả tố bất tố, Kỷ phiên ân lý 理 thành oán, Mỗi hướng thành trung kiến phá, Ba đắc hiện thành biến canh dĩ quá, Bách kế thiêng phượng, Thóai thần nhất cá, Tai sự như cắp phòng hành thuyền, Cầu tài ảo lư suy ma, Giả bất nhẫn hàn giả bất nại cơ, Dương ngộ xích diện quý nhân tình, Chỉ lạc đắc bán diện tiêu trung hòa, Nhược thị biệt xứ thành, Tu phòng tổ nghiệp phá, Văn cảnh đương thung dung, Phong sương tiên kiến quá (Mệnh này tánh có sẵn là làm việc gì cũng có nhiệt tâm, đã có sự nghiệp, lần lượt biến đổi “việc” đang thành lại trở nên không thành, danh và lợi gập ghềnh trắc trở, đẹp mà lại chẳng đẹp, nhiều lần trong cái lý làm ơn mà trở thành oán giận, mỗi khi có cái hướng thì trong cái thành lại thấy phá hỏng, khi mà năm được cái đã hiện thành rồi thì việc lại biến đổi qua cái khác, trăm kế hoạch ngàn phương tiện một cái thoái thần, làm việc như thuyền trong gió gấp, cầu tài như giống làm con lừa đun đầy “chậm chạp”, vậy mà

không chịu được đói và lạnh, đang gặp quý nhân mặt đỏ, chỉ được vui nửa mặt cười hoà nhã, nếu thành công ở nơi xa khác, nên phòng phá mâu nghiệp tố tiên, cảnh già nhận được sự nhàn nhã, “nghĩ lại” đã trải qua bao nhiêu là sương gió)

(Cách chung cho 6 giờ)

SƠN ĐỈNH HÀN TÙNG Cách

Liễu nhà vô câu thúc

Hàn tùng bóng tu trúc

Sinh nhai trùng chỉnh đốn

Thân tình đa đoan tục

Cầm đàn nhị điệu huyvèn

Phong xây điệp điệu khúc

Nguõng khán bích đào hoa

Hoa khai diệp tái lục

Dịch: TÙNG LẠNH TRÊN ĐỈNH NÚI

Hoa liễu không bị ràng buộc

Cây tùng lạnh Ở bên cây trúc già

Nên chỉnh đốn lại kẽ sinh nhai

Thân tình thường đứt nỗi

Phiếm đàn có hai dây

Giỗ thổi thành khúc điệu khác

Ngửa mặt xem hoa bích đào

Hoa nó rồi tói xanh (biếc)

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)

Nhân tại quỳnh lâm mông yến thường

Phân khai ngưu giác thượng thiên thê

Lưỡng trùng âu lộ tòng thiên giáng

Tích thiện lưu phương phúc lộc tê

Dịch:

Người được mời đến Quỳnh lâm dự yến tiệc

Chia cách sừng trâu Ở trên thang mây

Hai lần được ân huệ từ trên Trời xuống

Làm việc thiện để đời thì gồm cả phước và lộc

CƠ NGHIỆP (Cơ nghiệp)

Phân phân tổ kẽ tiên ưu tổn

Tuy hữu lưu di khối trị tiền

Nhuọc ngộ ngũ hò minh nguyệt hạ

Bát phương tái cử điều ngư thuyền

Dịch:

Rối rít nghiệp tổ trước bị hao tổn

Dù có để lại nhưng giá trị không đáng bao nhiêu

Ở nơi Ngũ Hành gắp đêm trong sáng

Nếu lại bơi thuyền cầu cũng chẳng hại gì

BÍNH - NHÂM

QUẾ SỐ 29: HOÀ THỦY VỊ TẾ

THIỀN PHÚ TÌNH

Giờ Nhâm Tý: NGƯỜI MÌỀN THẢO ĐỊA

Dịch: Trâu ngủ trên đồng cỏ

Giải: Nhất sinh an ổn vô y thực chi ưu

Dịch: suốt đời an ổn không phải lo cơm áo

GIỜ NHÂM DẦN: CHỦNG THỦ THÀNH LÂM

Dịch: Trồng cây thành rừng

Giải: Sở tác sự nghiệp khả vọng thành công

Dịch : Xây dựng sự nghiệp sẽ thành công lớn

THIỀN PHỦ TÌNH

Giờ Nhâm Thìn: XUÂN OANH XUẤT CỐC

Dịch: mùa xuân chim oanh ra khỏi hang

Giải: Tên nguy hậu an vãng cảnh ưu du

Dịch: Trước nguy sau an cảnh gia nhàn hạ

GIỜ NHÂM NGỌ: HOẠI TƯỜNG DẠ VŨ

Dịch: Mưa đêm làm đổ tường

Giải: Tuy hữu hoạn nạn vô hại ư sự

Dịch: Dù có hoạn nạn nhưng không hại đến công việc

THIỀN TÀI TÌNH

Giờ Nhâm Thân: KIỆP ĐIỆP KIẾN HOA

Dịch: Buồm bướm gấp hoa

Giải: Đắc chí thời tu phòng thu nhbp tà đồ

Dịch : Lúc đắc chí nên đê phòng đi vào con đường tà

Giờ Nhâm Tuất: PHI LONG TẠI THIÊN

Dịch: Rồng bay trên trời

Giải: Cư cao lâm hạ phòng hữu nguy hiểm

Dịch: Trên cao xuống thấp nên đê phòng gấp nguy hiểm

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh bản tính hành sự nhiệt tâm, Dĩ hữu sự nghiệp, Phiên 番 biến đương thành bất thành, Danh lợi ta đà, Khả tố bất tố, Kỷ phiên ân lý 理 thành oán, Mỗi hướng thành trung kiến phá, Ba đắc hiện thành biến canh dĩ quá, Bách kế thiên phuơng, Thóai thần nhất cá, Tai sự như cấp phòng hành thuyền, Cầu tài ảo lư suy ma, Giả bất nhẫn hàn giả bất nại cơ, Dương ngộ xích diện quý nhân tinh, Chỉ lạc đắc bán diện tiêu trung hòa, Nhược thị biệt xứ thành, Tu phòng tổ nghiệp phá, Văn cảnh đương thung dung, Phong sương tiên kiến quá (Mệnh này tánh có sẵn là làm việc gì cũng có nhiệt tâm, đã có sự nghiệp, lần lượt biến đổi “việc” đang thành lại trở nên không thành, danh và lợi gặp ghênh trắc trở, đẹp mà lại chẳng đẹp, nhiều lần trong cái lý làm ơn mà trở thành oán giận, mỗi khi có cái hướng thì trong cái thành lại thấy phá hỏng, khi mà nǎm được cái đã hiện thành rồi thì việc lại biến đổi qua cái khác, trăm kế hoạch ngàn phương tiện một cái thoái thần, làm việc như thuyền trong gió gấp, cầu tài như giống làm con lừa đun đầy “chậm chạp”, vậy mà không chịu được đói và lạnh, đang gấp quý nhân mặt đỏ, chỉ được vui nửa mặt cười hoà nhã, nếu thành công ở nơi xa khác, nên phòng phá mất nghiệp tổ tiên, cảnh già nhận được sự nhàn nhã, “nghĩ lại” đã trải qua bao nhiêu là sương gió)

(Cách chung cho 6 giờ)

SƠN ĐỈNH HÀN TÙNG Cách

Liễu nhà vô câu thúc

Hàn tùng bóng tu trúc

Sinh nhai trùng chỉnh đốn

Thân tình đa đoan tục

Cầm đàn nhị điêu huyvèn

Phong xây điệp điệu khúc

Nguõng khán bích đào hoa

Hoa khai diệp tái lục

Dịch: TÙNG LẠNH TRÊN ĐỈNH NÚI

Hoa liễu không bị ràng buộc

Cây tùng lạnh Ở bên cây trúc già

Nên chỉnh đốn lại kẽ sinh nhai

Thân tình thường đứt nỗi

Phiếm đàn có hai dây

Gió thổi thành khúc điệu khác

Ngửa mặt xem hoa bích đào

Hoa nó rồi tôt xanh (biếc)

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)

Nhân tại quỳnh lâm mông yến thường

Phân khai ngưu giác thương thiên thê

Lưỡng trùng âu lộ tòng thiên giáng

Tích thiện lưu phương phúc lộc tề

Dịch:

Người được mời đến Quỳnh lâm dự yến tiệc

Chia cách sừng trâu Ở trên thang mây

Hai lần được ân huệ từ trên Trời xuống

Làm việc thiện để đời thì gồm cả phước và lộc

CƠ NGHIỆP (Cơ nghiệp)

Phân phân tổ kẽ tiên ưu tú

Tuy hữu lưu di khôi trị tiền

Nhược ngộ ngũ hổ minh nguyệt hạ

Bất phương tái cử điều ngư thuyền

Dịch:

Rối rít nghiệp tổ trước bị hao tổn

Dù có để lại nhưng giá trị không đáng bao nhiêu

Ở nơi Ngũ Hổ nếu gặp đêm trong sáng

Nếu lại bơi thuyền cầu cũng chẳng hại gì

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Hàng nhạn song song đa thất lữ

Các phân nhất chích hướng nam san

Vãng lai giang thương thu ngư vỗng

Tích thính thân chung quá ngọc quan

Dịch:

Đàn nhạn bay cặp đôi nhiều khi lạc bạn

Chia lìa một con hướng về phía núi phương nam
Chiều về thu luar Ở ven sông
Lúc yên tĩnh lắng nghe tiếng chuông vang ở Ngọc quan

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Vân thiên dạ vĩnh nguyệt phương xuất
Nhật mờ sơn thâm cảnh tịnh nhiên
Hạc lệ nhất thanh kinh mộng giác
Tiêu tiêu phong vũ bất thành thiênn

Dịch:

Trời mây đêm khuya trang mới ló
Đêm tối núi sâu cảnh tịch mịch
Một tiếng hạc kêu làm tỉnh giấc mộng
Gió mưa rã rích ngủ không được

TÙ TÚC (Con cài)

Phong xâu hoa tàn xuân tân xứ
Độc lưu nhất quả ỷ chuí đầu
Tu tầng âm đức tài bồi lực
Chung kiến thừa ân đãi miện lưu

Dịch:

Gió mạnh hoa tàn xuân đã hết
Chỉ còn một quả vướng vất đầu cành
Nếu cố vun trồng nhiều âm đức

Rồi sẽ được ơn trời đãi ngộ mủ miện có giải

THU THÀNH (Hãm cuộc)

Lão lai chính tại vinh hoa nhật

Nhược tri Dần Thân Tý Ngọ hưu

Viên hạc qui lai lâm ốc hạ

Thanh phong minh nguyệt tự ưu du

Dịch:

Lúc về già chính là lúc vinh hoa

Nếu đến các năm Tý Ngọ Dần Thân thì nên nghỉ

Vượn hạc trở về dưới mái rừng

Trăng sáng gió trong tha ho ngao du

BÍNH - QUÝ

QUẺ SỐ 30: HỎA SƠN LŨ'

THIỀN TRÍỀU TINH

Giờ Quý sửu: XUÂN ĐÊ DƯƠNG LÝ

Dịch: Dương liễu trên đê mùa xuân

Giải: Tảo nhiên giao vận đơn lập chí nghiên

Dịch: Tuổi trẻ đã gặp giao vận phải lập chí cho bền

Giờ QUÝ MÃO: HÀN ĐÀN HẠ ĐÝ

Dịch: Đàm lạnh thả câu

Giải: Tác sự tân khổ hoạch lợi vô cơ

Dịch: Làm việc thì lao khổ kiếm lợi không bao nhiêu

THIỀN PHÁ TINH

Giờ Quý Ty: CƠ ĐÝ ĐẦU LÂM

Dịch: Chim đói nương vào rừng

Giải: Tri tắc cùng khốn thượng hữu chi bạn

Dịch: Dẫu rang cùng khốn còn có chỗ nương tựa

Giờ Quý Mùi: PHÁ VÕNG BỐ NGƯ'

Dịch: Lười rách bắt cá

Giải: Hy vọng thậm chí nhất sự vô thành

Dịch: Hy vọng lớn lao mà một việc cũng không thành

THIỀN LOAN TÌNH

Giờ Quý Dậu: CAO LÂU VỌNG NGUYỆT

Dịch: Đứng trên râu nhìn trăng

Giải: Khả vọng viên mãn chiết quả

Dịch: Có hy vọng thấy kết quả tròn đầy

Giờ Quý Hợi: ĐÀI TIỀN ĐÁC VÔ

Dịch: Rong rêu gặp mưa

Giải: sự nghiệp tuy tiểu hoạch lợi thâm đại

Dịch: sự nghiệp tuy nhỏ nhưng được lợi rất nhiều

PHÂN ĐOÁN:

Thứ mệnh kinh phong thiệp lăng, Độ thủy xuyên sơn, Khâm hoài khảng khái 慷慨, Cốt cách 骨格 thanh kỳ, Hội thụ dụng 受用 năng thi vì, Chỉ nhân tính cương tâm trực, Tăng kinh thị xứ thành phi, Háo tán tư tài, Quan hình thóai phục, Minh linh chân thị tử, Tiếp tục nãi thành thân, Đệ huynh như mạch lộ, Bằng hữu phản tri âm, Nhược yếu thập toàn túc, Long xà hữu tập chân, (Mệnh này trải qua sóng gió, lội qua nước xuyên qua núi, trong lòng nhiều hăng hái hoài bão, tính cách tinh thần thanh cao, khéo hưởng thụ tiêu dùng hay thi thoả, chỉ vì tánh cứng tâm thẳng, từng trải nơi phải thành trái, tiền tài hao tổn, quan hình lùi phục xuống “không bị vướng vào quan hình”, con tò vò con mới là con “con nuôi”, nối tiếp lại thành thân, anh em như “khách ngoài” đường lộ, bạn hữu lại trở thành tri âm, nếu cần đủ mười phần đầy đủ toàn vẹn, “thì phải” rồng rắn tập quen lẩn lộn ở chung với nhau mới là thực)

NHẠN BÀNG VÂN TIỀU cách

Phát xứ phi nhân tổ
Thành sự bối khốc thân
Tạc sơn phùng mỹ ngọc
Quật thô đắc hoàng kim
Cốt nhục ân trung oán
Uyên ương bội hậu tâm
Tử y thân nhất tiễn
Thiên lý thành tri âm

Dịch: NHẠN Ở VEN MÂY

Nơi phát đạt không phải là quê hương

Nên việc không phải nhờ bà con

Đào núi gặp ngọc quý

Đào hang thỏ bất được vàng ròng

Người ruột thịt làm ơn thành oán

Vợ chồng không thật lòng

Một khi dâng tâm áo tía

Muôn dặm trở thành tri âm

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Tâm thiện đáo đầu chung tất an

Phong đình phục chỉnh điêu ngư can

Ngọc quan phong trực hoàn tu lập

Độc điêu ngao ngư dã bất nan

Dịch:

Rút cuộc làm lành thì được ở yên
Gió ngưng ta lại sắp sửa cần câu
Nơi Ngọc Quan gió thổi lại càng phải đứng vững
Một mình câu được cá Ngao thật không khó

CƠ NGHIỆP (Cơ Nghiệp)

Dục thượng cao sơn lực bất giờ
Căn thâm lão thụ tiếp thiên nha
Phùng ngưu ngộ khuyển chung thành khánh
Thủy khẩu ân nhân tiện khởi gia

Dịch:

Buồn trèo lên núi cao nhưng không đủ sức
Gốc rẽ sâu cây già cao lung trời
Gặp năm Sửu năm Tuất thì có chuyện mừng
Có vị ân nhân nơi thủy khẩu giúp cho nên cơ nghiệp

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Thiên biên lưỡng yến phân phi khứ
Thủy biên duy tồn nhất chích cô
Ngô Việt tiêu tương âm tín viễn
Phiến phàm phong tống ngộ bình hồ

Dịch:

Ở lung trời đôi chim én lia nhau bay đi
Bên sông chỉ còn lại một con lẻ loi
Đôi bên Ngô Việt bến tiêu tương tin tức xa xôi

Một cánh buồm gió thuận lợi lại gặp hồ nước phẳng lặng

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Tường ngoại chi đầu vị phóng hoa

Hồi vọng tiêu điêu độc ngã gia

Thiên lý minh nguyệt nhân sự hảo

Chỉ phạ âu lộ tại liêm hà

Dịch:

Ở ngoài tường đầu cành hoa chưa nở

Nhìn thấy chỉ có nhà mình là tiêu điêu

Trăng sáng ngàn dặm nhân sự tốt

Chỉ sợ cò vạc ở chốn rừng thưa

TÚ TÚC (Con cái)

Tường ngoại nhất chi hoa tạ liễu

Ngạnh lưu nhất quả bán thanh hoàng

Ngũ hòe tứ hải đa huynh đệ

Nhân rắc tri âm thượng ngọc đường

Dịch:

Ở ngoài tường một cành hoa đã tàn

Chỉ còn lại một quả nửa xanh nửa vàng

Có nhiều anh em ở bốn bề năm hồ

Cũng nhò bạn tri âm mà được lên nhà ngọc

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Kiến thò phùng kê tai thượng thiêu

Kỵ long kiến mã chủ ưu kinh

Nhất phiên nhân sự đa canh biến

Cơ hứa nhân gian lộ bất bình

Dịch:

Gặp năm Mão năm Dậu tai ương ít

Đến năm Thìn năm Ngọ thì nhiều âu lo

Một ran váp váp thì nhiều thay đổi

Như vậy con đường nhân gian chẳng được bằng phẳng

ĐiNH - GiÁP

QUẺ SỐ 31: ĐỊA LÔi PHỤC

THiÊN QUYỀN TiNH

Giáp Tý: TUYẾT THiÊN TRÚC ẢNH

Dịch: Bóng (cây) trúc trong trời tuyết

Giải: Mục tiền khốn đốn nhật hậu tất năng phát đạt

Dịch: Trước nhìn thấy khốn đốn ngày sau át hắc có khả năng phát đạt

Giáp Dần: LONG NHẬP XÀ SÀO

Dịch: Rồng vào hang rắn

Giải: Dũng 登 vang rực tiền phòng hữu tiểu nhân toán kế

Dịch: Dũng cảm xông lên phía trước, đề phòng có kẻ nhỏ mọn tính kế ám hại

THiÊN HÀNH TiNH

Giờ Giáp Thìn: ĐẠI HẠN PHÙNG XÂM 霖

Dịch: Đại hạn gặp mưa dầm

Giải: Tiên khổ hậu lạc cùng cửu tắc thông

Dịch: Trước khổ sau sướng khốn cùng rồi át phải thông

Giờ Giáp Ngọ: THiÊN HiỀU NHiÊN ĐĂNG

Dịch: Đốt đèn khi trời sáng

Giải: Lịch tận gian hiểm thủy hữu xuất đầu chi nhật

Dịch: Trải hết gian hiểm trở sau mới có ngày xuất đầu lộ diện

THIỀN XỨNG TÌNH

Giờ Giáp Thân: NGHỊCH THỦY HÀNH CHU

Dịch: Chèo thuyền ngược nước

Giải: Nhất sinh tác sự lao khổ

Dịch: suốt đời làm việc lao khổ

Giờ Giáp tuất: LÃNG LÝ ĐÀO KIM

Dịch: Đãi vàng trong sóng

Giải: Hiểm trở bị thường sở đặc vô cơ

Dịch: Gặp nhiều hiểm trở mà thu chàng được bao nhiêu

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh hung trung bất hung, mĩ trung bất mĩ, thủy nhục chung vinh (Mệnh này trong hung hiểm lại chẳng hung hiểm, trong cái tốt đẹp lại chẳng có tốt đẹp, trước nhục sau vinh)
- Hậu thông tiền bối Ly tổ biệt thân, di Nam tựu Bắc, tổ 做 sự chiêm hoa trích quả, lập thân thiệp lăng kính sương, phiên lai phúc khú, vũ sậu phong cuồng, đoan chính xứ biến tác nịch 潟 tà, an tĩnh xứ tổ xuất la tạp, thân nhàn tâm vị ổn, tâm ổn túc thường mang 忖, chỉ nhân dịch mã hợp thiên không, nhất thế thanh nhàn nhàn vị liễu (Trước bế tắc sau lại thông suốt, rời tổ nghiệp thân đi xa, đi Nam tới Bắc, làm việc xem hoa ngắt quả, gây dựng thân thế sự nghiệp lội qua sóng nước trải qua phong sương, phuort từng phen đến rồi lại đi, mưa dồn gió loạn, nơi đoan chính làm nên trở thành biến đổi mà chìm đắm trong tà bậy, nơi yên ổn làm ra tạp nhạp, thân an nhàn mà tâm chưa yên ổn, tâm yên ổn thì chân lại chạy bôn ba, chỉ vì “sao” Dịch Mã gặp Thiên Không, một đời thanh nhàn nhàn vẫn chưa xong)

(Cách chung cho 6 giờ)

KHÔ MỘC PHÙNG XUÂN Cách

Xuân lai vạn vật trưởng tân chi

Khô mộc tra nha dã phát huy

Hỗ khiếu nham tiền uy thế trọng

Mã hành dịch lộ lộc phương nghi

Lư hoa nhạn quá thiều thiều viễn

Liễu nhú oanh lai xú xú đê

Đào hạnh mãn viên nhân khú hậu

Tiểu chu xanh giá lục âm đê

Dịch: CÂY KHÔ GẶP MÙA XUÂN

Mùa xuân về muôn loài đều phải triền

Cây khô bị chặt lại nẩy mầm

Hỗ gầm trước núi uy thế rất lớn (1)

Ngựa đi trên lộ lộc mới nhiều (2)

Nhạn bay qua cánh đồng lau xa thăm thẳm

Oanh đến cành liễu nơi có tiếng kêu

Người đi rồi đào hạnh nở đầy vườn

Cõi chiếc thuyền con men theo bờ đê có bóng cây

(1) HỖ (Dần), (2) Ngựa (Ngọ)

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Cao sơn lưu thủy tháo diêu cầm

Nhất khúc long ngâm giản hắc thâm

Cánh khả mã tiền thi nhất tiễn

Hân thiên yết địa tận tri âm

Dịch:

Vận đàm gảy khúc Cao sơn lưu thủy

Một khúc long ngâm vắng ở khe núi sâu

Lại có thể: trước ngựa bắn ra một mũi tên

Khắp trong trời đất đều là bạn tri âm

CƠ NGHỊỆP

Y hi liễu nhứ bồng lai ngạn

Dạ nguyệt lâm ba nhân Cách thanh

Khả tiêu phong sương bất thời tê

Thùy dương khô tận tái trùng sinh

Dịch:

Lơ thơ hoa liễu ở chốn bồng lai

Trăng đêm vờn sóng lòng người càng thanh tịnh

Túc cười thay gió sướng không ngót

Làm cho cây thùy dương đã khô hết được sống trở lại

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Tam nhạn phân phi Ngô Việt khứ

Nhất thanh liêu lịch túc lư hoa

Thiên sơn vạn thủy bất từ viễn

Quý đáo thiên nha thủy kién gia

Dịch:

Ba con chim nhạn chia lìa bay qua Ngô, Việt
Một tiếng kêu líu lo ngủ trong đám hoa lau
Chẳng ngại đường xa trăm sông ngàn núi
Về đến góc trời mới thấy nhà

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Đào hoa liễu nhú các phi dương
Yến ngủ oanh đê bôi cảm thương
Vân tán phong đình trùng kiến nhật
Khách song lan huệ độc ngung hương

Dịch:

Hoa đào hoa liễu đều bay phơi phói
Yến kêu oanh hót tiếng rất bi thương
Mây tan gió ngót mới thấy mặt trời
Song cửa bên khách lan huệ nức mùi hương

TỬ TÚC (Con cái)

Viên đê hạc lệ chi lan bạn
Mao xá trúc ly phong cánh thâm
Hạnh hữu nhất chi mai tráng ngạc
Tây viên đào lý hựu tranh vinh

Dịch:

Vượn kêu hạc hót làm bạn với tri âm (1)
Nhà tranh vách trúc gió càng rộng

Nay có một cành mai đang trổ bông
Bên vườn phía tây đào lý cùng đua tươi
(1) Chi, Lan là bạn tri âm

THU THÀNH (mãn cuộc)

Nhập sơn phòng hộ tựa kinh nhân
Thùy tín đương niên tính thị chân
Tiếu ngạo ngũ hò minh nguyệt dạ
Nhất thiên tinh đầu hoán nguyên thần

Dịch:

Vào núi xin đè phòng cọp (Dàn) làm người kinh sợ
Ai ngờ năm đó tên họ đã rõ
Vui chơi ở Ngũ hò đêm trăng sáng
Một trời tinh đầu rực rỡ vòm sao

ĐiNH - ÂT

QUẺ SỐ 32: ĐỊA PHONG THĂNG

THiÊN KHÔ TiNH

Giờ Ât Sửu: THÈM CUNG TRÓC THÓ

Dịch: Bắt thỏ ở cung trăng

Giải: Đắc ý phi phàm hữu danh vô thực

Dịch: Đắc ý vô cùng nhưng có tiếng mà không có miếng

Giờ Ât Mão: NGUYỆT CHIẾU PHÙ DUNG

Dịch: Trăng chiêu hoa phù dung

Giải: Ngoại cường trung kiền 乾 hư hữu kỳ biểu 表

Dịch: Ngoài mạnh trong cứng biểu hiện ra chỉ là có hư không thực

THiÊN HỘi TiNH

Giờ Ât Tỵ: QUẬT THÔ PHÙNG KIM

Dịch: Đào đất gấp vàng

Giải : Vô ý cầu tài tài hốt tự chí

Dịch: Không định tìm của, của tự nhiên đến

Giờ Ât Mùi: CHIẾU LÂN (鱗) XUẤT HẢI

Dịch: Cá lân ở trong ao ra bể

Giải: Lịch tận gian tân đại hữu tác vi

Dịch: Trải hết gian khổ sẽ có triển vọng lớn

THIỀN DỊCH TINH

Giờ Ất Dậu: NGUYỆT CHIẾU HÀN ĐÀM

Dịch: Trăng soi đầm lạnh

Giải: Lập chí kiên cường hào vô y bang

Dịch: Lập chí vững mạnh không mảy may nương tựa

Giờ Ất Hợi: NHAM ĐẦU KÝ MÃ

Dịch: Cuối ngựa đầu non

Giải: Lập túc hiềm xứ tu phòng thất bại

Dịch: Đứng chõ nguy hiểm nên đề phòng thất bại

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh giám lâm kiểm điểm 檢點, Trần thủ uy quyền chi tinh, Khí vũ hiên ngang, Cơ mưu quang đại (Mệnh này xét tới và nhận xét, là sao trấn thủ uy quyền, phong cách hiên ngang, mưu kế rộng lớn)
- Tác sự thị cường hiếu thắng, trợ lực lao tâm, nhân thuyết trạo trạo hữu dư, tự hận khu khu bất túc, cao nhân kiến trọng, tiểu bối đô hiềm, tăng tương mang lý thâu nhàn, diệc hương tĩnh trung tư động, vô nhân thế lực tự độc tri trì (Làm việc ỷ mạnh hiếu thắng, giúp sức nhọc lòng, người nói dư dả rộng rãi có thừa, tự mình khăng khăng cho là không đủ, từng đem sự bận bịu để thu lấy cái nhàn, trong lúc tĩnh thì nghĩ tới hành động, không người thay thế, tự mình biết mà giữ lấy)

(Cách chung cho 6 giờ)

NGUYỆT THÁU PHÙ VÂN Cách

Bình địa đẳng vân thương bích tiêu

Hắc vân suy tán kiến tinh kiều
Công danh lưỡng tự sơ niên phá
Thực lộc thiên chung vãng tuế chiêu
Hồng nhạn đoạn hành âm tín nhiễu
Gia hương hồi thủ khứ trình diêu
Đáo đầu khước ván thùy vi chủ
Phong tống qui phàm đáo hải triều

Dịch: TRĂNG XUYÊN QUA MÂY NỐI
Từ cho đất phăng cõi mây lên vòm trời biếc
Mây đen đã tan thấy rõ những vì sao
Hai chữ công danh lúc nhỏ rất kém
Hưởng lộc muôn chung lúc tuổi già
Chim hồng nhạn tan hàng tin tức mờ mịt
Quay nhìn về quê hương thấy đường xa cách
Kết cục lại hỏi thăm ai làm chủ
Gió đưa cánh buồm trở về đến chốn hải triều

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)

Hiếu tâm vạn lý hưng công nghiệp
Lịch tận tâm cơ vị kiến công
Cập chí trung niên phùng quý phát
Thừa long khóa hổ xuất mung lung

Dịch :

Đã chủ tâm xây dựng sự nghiệp ở nơi xa muôn dặm

Vận dụng hết tâm cơ mà chưa có kết quả
Cho đến tuổi trung niên thì được quý hiền
Cưỡi rồng (Thìn) cưỡi cọp (Dần) ra khỏi nơi mù mịt

CƠ NGHIỆP

Bách niên lục lục vị phù sinh
Vị thường tâm tự đắc an ninh
Phùng ngưu ngộ khuyển chung hanh thái
Chỉnh lý chinh y vấn khứ trình

Dịch:

Trăm năm lận đận vì kiếp phù sinh
Cõi lòng chưa bao giờ được yên ổn
Gặp năm Sửu năm Tuất mới được hanh thông

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Chinh nhạn cuồng phong thiêm hận viễn
Thê lương nhất chí xuất sa tân
Thiên biến lương chí thường phi hạ
Ngô Việt cao đê tương đối minh

Dịch:

Chim nhạn bay xa gấp cơn gió lớn càng thêm hận
Một con rết buồn bã ra bến cát
Ở lưng trời có khi con bay sà xuống
Hai nơi Ngô, Việt cao thấp cùng đối diện nhau hót

HÔN NHÂN

Viễn khán uyên ương phù thủy diện

Tam nhân khóa khuyển thượng cao đài

Vãng lai âu lộ tầm minh xú

Tường ngoại tuyệt hoa mai chính khai

Dịch :

Xa xa nhìn thấy cảnh uyên ương bơi trên mặt nước

Ba người cưỡi chó (Tuất) lên chốn đài cao

Về già cò vạc tìm lại nơi thê thoát

Ở ngoài tường tuyết bay lúc hoa mai đang nở

TÚ TÚC (Con cái)

Tàn hoa chi thượng song hoa tú

Trước ý tài hoa nhất quả kỳ

Khả tiễn tang du dương mộ cảnh

Định tiền đan quê tự phương nghi

Dịch:

Trên cành nhiều hoa tàn chỉ còn hai bông tươi tốt

Có ý trông hoa thì được một trái lạ

Nực cười vườn dâu lúc chiêu tà

Trước sân cây quê đỏ núc mùi thơm

THU THÀNH (Mân cuộc)

Kê phi thượng óc phi vi quái

Kiến khuyến chinh nhân định bất khinh

Thứ thi tiên ông thành đạo nhật
Nam Kha nhất mộng vẫn chung trình

Dịch:

Gà bay lên nóc nhà đừng lấy làm lạ
Thấy chó (Tuất) làm cho người sợ chuyện đó chẳng vừa
Lúc ấy chính là lúc Tiên ông thành đạo
Giấc mộng Nam Kha hỏi về chung cuộc ra sao

ĐiNH - BÍNH

QUẾ SỐ 33: ĐỊA HỎA MÌNH DÌ

THIỀN HỘI TÌNH

Giờ Bính Ty: cách LÃNG LÝ THƯA SAi

Dịch: Cưỡi bè trên sóng

Giải: Tầu tận hiềm xứ phương nhập gai cảnh

Dịch: Qua hết cho hiềm mới vào cảnh đẹp

Giờ Bính Dân: cách CANH TÀN VỌNG NGUYỆT

Dịch: Nhìn trăng lúc canh tàn

Giải: Vãng niên tác sự lao nhi vô công

Dịch: Tuổi già làm việc nhọc mà không có kết quả

THIỀN QUÝ TÌNH

Giờ Bính Thìn: Cách TUYẾT LÝ TÂM MAi

Dịch: Tìm hoa Mai trong tuyết

Giải: Khô trung đặc lạc tự hiểu quý nhân phù trợ

Dịch: Thấy cái vui trong cái khô có quý nhân giúp đỡ

Giờ Bính Ngọ: Cách TUYẾT LỘI BỒN QUÝ

Dịch: Chậu hoa Quý trong tuyết

Giải: Thiện ư phùng nghênh tuy bần nhi vô hại.

Dịch: Giỏi về giao tiếp tuy nghèo nhưng không có hại

THIỀN SÁCH TÌNH

Giờ Bính Thân: cách LÃO THÚ HOÁN NHA

Dịch: Chuột già thay răng

Giải: Kê mưu thâm sự chung nan thành

Dịch: Mưu kế dù sâu nhưng việc khó thành

Giờ Bình Tuất: cách NHAM TIỀN TÂU MÃ

Dịch: Ngựa chạy đầu non

Giải: Mạo hiểm tiến hành tất chí tuyệt địa

Dịch: Cú mạo hiểm tiến hành là đi vào chỗ tuyệt địa

(cách chung cho 6 giờ)

TRƯƠNG CUNG TRÌ TIỀN Cách

Nhạn quá Hàm dương tiêu ảnh cô

Gia hương cốt nhục hữu nhu vô

Trì cung đai tiễn xạ ngưu đầu

Câu thô tâm long thành họa đồ

Điểm thiết hỏa kim phùng hỏa luyện

Tiễn giao tu sách hoán sài lô

Phùng nhân nhược vân an thân xứ

Quý khách tương hòe thượng đe đô

Dịch: GIƯƠNG CUNG LẮP TÊN

Nhạn bay qua Hàm dương tự cười thấy mình cô đơn

Anh em ruột thịt Ở quê nhà có cũng như không
Giương cung lắp tên định bắn sao Ngưu sao Đấu
Tìm thỏ tìm rồng trở thành bức vẽ
Chỉ sắt thành vàng lại gấp lửa tôi luyện
Mũi tên gǎn keo cần phải thay đổi lò
Gặp ai muôn hỏi nơi nào được yên thân
Xin trả lời: Có khách quý dùi dắt đến chốn đế đô

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh hữu cơ kiến thao trì 操持, xuất môn hữu tâm tác sự cảm vi, tính cương bất nhẫn, sự khí đại hữu thâm mưu, phạm thoái thân trọng, hiềm xứ bất nguy, lưỡng diệc tam hoa phương kết tử, đồng bồn thiết chủy khả vi thê, Tầng bị tiêu nhân vu chỉ, lặc 勒 thị chiêu phi, canh 更 nghi hoán quá, bất thủ tổ tông, cơ nhược nǎng bàng thủy tầm kim hữu, bất vi kỳ xứ dã vi kỳ (Mệnh này có hiểu biết cơ mưu giũ gìn, ra khỏi nhà có cái tâm dám làm dám hành động, tánh cứng rắn không nhẫn nại, làm việc chí khí có thâm mưu lớn, phạm phải nặng nề thoái thân, nơi hiềm trở lại không nguy hiểm, cũng lại hai lần ra hoa rồi mới kết thành quả, vợ phải là bồn bàng đồng chối bằng sắt mới có thể chịu nổi, từng bị tiêu nhân vu không, ép phải chiêu vòi trái, nên thay đổi qua đổi lại, chẳng giũ gìn cơ nghiệp tổ tông, bằng như thuận theo ven nước bờ sông tìm bạn vàng, nơi không kỳ lạ ấy vậy mà lại kỳ la)

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Thiên phụng lâm hành dục triển thư
Quý nhân tương ngộ đặc thiên thư
Long lâu yếu kiến tri âm khách
Tích ngọc đôi kim vãng hữu du

Dịch :

Lúc ra đi chim phụng tung cánh bay
Gặp được quý nhân cho cuốn sách quý
Nơi lầu rồng muôn gắp khách tri âm
Chứa đầy vàng ngọc lúc tuổi già thật dư dật

CƠ NGHỆP

Lê tại điện trung vị đắc ngưu
Gia hương thiên tế tiếp đông lưu
Phùng xạ ngộ hổ thành công nghiệp
Cao cù phong phàm giá tiệm chu

Dịch:

Chiếc cày đang ở ruộng mà chưa có trâu
Quê nhà ở bên trời gần giòng nước phía đông
Đến năm Ty năm Dần thì nên sự nghiệp
Giương cao buồm gió thuyền đi thuận tiện

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Tuyết trung lưỡng nhạn điện phi khứ
Nhất cá tùng sơn khứ bất tri
Duy hữu hàn lư tri hận xú
Độc trì can điếu thượng ngư ky

Dịch :

Đòi nhạn bay đi xa trong trời tuyết
Một dãy núi ngăn đường đi không trở lại
Chỉ có nơi rừng lau lạnh lẽo ngồi âm hận

Một mình câm cần câu lên phiến đá ngồi

HÔN NHÂN

Nguyệt hạ quỳnh hoa hương khả tiêu

Nhật cao hồng thụ ảnh hoang sơ

Hôn nhân thiên lý tuân hồi thủ

Hoa áp lan can ánh họa đồ

Dịch:

Hoa quỳnh mới nở dưới trăng tỏa hương thơm

Mặt trời lên cao bóng cây cỏ thụ lưa thưa

Quay đầu nhìn thấy cuộc hôn nhân nơi ngàn dặm

Hoa ở bên lan can làm sáng rực bức họa đồ

TỬ TÚC (Con cái)

Nhất đóa hoa khai lưỡng đóa hồng

Khả kham nhất đóa tú lâm trung

Nguyệt di trúc ảnh diêu tường ngoại

Hạc vũ thanh tiêu vạn lý phong

Dịch:

Một bông hoa nó hai bông đỏ

Có một đóa đẹp đẽ ở trong rừng

Trăng dời bóng trúc ra ngoài tường

Hạc múa trên trời xanh gió muôn dặm

THU THÀNH (mãn cuộc)

Quân gia kiến Giáp kỵ Ngưu xứ
Tiện thị trường giang bất khả đương
Duy hữu âm công kỳ thiện báo
Du nhiên lúc mã thô vô ương

Dịch:

Nhà người gặp năm (Can) Giáp, (chi) Sửu
Là lúc không đương nổi sóng gió sông Trường Giang
Chỉ nhờ âm công phù giúp việc lành
Chỉ được năm Mão năm Ngọ thì bình yên

ĐiNH - ĐiNH

QUẺ SỐ 34: BÁT THUẦN KHÔN

THiÊN TỈNH TiNH

Giờ Đinh sủu: Cách QUẬT ĐỊA PHÙNG KIM

Dịch: Đào đất gấp vàng

Giải: Kiệt lực doanh mưu tài nguyên tự chí

Dịch: Hết sức doanh mưu tiên của tự đến

Giờ Đinh Mão: Cách TẢO NIÊN KHÔ CẢO

Dịch: Lúa non gấp nắng khô

Giải: Nhất sinh điên bái vô đắc ý chí thời

Dịch: Suốt đời gấp trắc trở không lúc nào đắc ý

THiÊN CÂU TiNH

Giờ Đinh Ty: Cách NGUYỆT CHIẾU LÂU ĐÀI

Dịch: Chim hoàng oanh ra khỏi hang

Giải: Tiên nguy hậu an bộ bộ cao thăng

Dịch: Trước nguy sau an từng bước lên cao

Đinh Mùi: Cách HOÀNG OANH XUẤT CỐC

Dịch: Oanh vàng ra khỏi hang

Giải: Tiên nguy hậu an, bộ bộ cao thăng

Dịch: Trước nguy sau yên ổn từng bước lên cao

THIỀN THIỆT TÌNH

Giờ Đinh Dậu: KHÔ TÙNG LẬP HẠC

Dịch: Hạc đứng trên cây tùng khô

Giải: Vãng cảnh thanh bần chí cao khí ngạo

Dịch: Tuổi già sống thanh bần chí khí cao ngạo

Giờ Đinh Hợi: Cách NGUYỆT HẠ TỬ QUÝ

Dịch: Chim tử qui kêu dưới trăng

Giới: Thê lương thân thế đồ hoán nại hè

Dịch: Cuộc sống thê lương có kêu gọi cũng chẳng ích gì

(Cách chung cho 6 giờ)

CANH XỨ HOẠCH BƯỚU Cách

Canh xù hưu oán dụng công phu

Nhân vị công phu hoạch bưu châu

mãn thụ hoa khai lưu nhất quả

Nhiêu trì thùy liễu dược song ngư

Cầu thân tiến xứ nan thân tiến

Dục tự như thời bất tự như

Sự nghiệp ưng tu thành thô quật

Thủ tâm bất động tự an cư

Dịch: CÀY BÙA BẮT ĐƯỢC CỦA BÁU

Cày bừa đùng ta oán mất nhiều công phu
cũng vì tốn nhiều công phu mà bắt được châubáu
Đây cây hoa nở chỉ còn lại một quả
Liễu xanh bao bọc chung quanh ao đôi cá nhảy
Tìm nơi tiến thân nhưng thân không tiến được
Muôn đợi gặp thời mà thời chưa đến
Sự nghiệp giống như đào hang thỏ
Đừng để lòng quá xúc động thời cuộc sống được an ổn

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh Hổ bì Dương chất, thảo ốc thủ 取 đầu 投, ngoại trang hảo cảnh, nội thiêu kiên lao 牢, Mệnh thoái háo thần khởi 豈 hữu hư danh lộc, tác sự gian nghi, nghi nhân siêm khúc, huynh đệ vô tình thân tình bất mục, khẩu thuyết đoán trường, tâm vô cốc 極 độc, kỷ phiên 番 nhân thị thất thương 商量 lường, tự hướng tiêu trung sinh xuất khốc, thương 傷 thê hại tử phá trùng viên, thử thị họa trung sinh xuất phúc, thị đặc ngọc uẩn 蘊 thạch nghi sơn huy, chân tàng uyên nhi xuyên mị chi tượng dã .

- (Mệnh này tính chất dê mà bọc ngoài là da hổ, đền thủ giữ nơi nhà tranh vách cỏ, bè ngoài thì trang sức làm cho cảnh tượng tốt đẹp, bên trong thì ít đầy đủ và vững bền, mệnh gặp phải thần thoái lui hao tán, há có danh lộc hư, làm việc nghi ngờ gian trá, là người cong queo siêm nịnh, anh em chẳng có tình, tình người thân chẳng hòa thuận, miệng nói ngắn nói dài, tâm không “ ổn định” rồi loạn độc ác, nhân thế mà mấy phen mất bàn bạc thương lượng, tự mình hướng vào trong cười mà sinh ra khóc, làm đau hại vợ con phá rồi lại tròn, thế là ở trong họa lại sinh ra có phúc, ấy bởi là ngọc ở trong đá mà núi phát sáng, cái tượng chân tàng trong đầm mà suối đẹp vậy)

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Thùa ân ngộ lộc tu phùng mǎ
Vấn thủ tâm kê thủy lộ hanh
Vũ lộ phong sương vô bỉ thủ
Nhất thiên tinh đầu chiều giang tân

Dịch:

Được âm vua lộc nước phải đợi năm Ngọ
Hỏi thăm năm Tý năm Dậu mới hanh thông
Mưa móc gió sương không phân biệt này khác
Đây bầu trời sao sáng soi xuống bến sông

CƠ NGHIỆP

Quật tinh khai trì đắc bưu châu
Hữu tướng tương như dã bất như
Tử cửu niên gian thành sự nghiệp
Yêu kim y tử khởi tu đồ

Dịch:

Đào giếng khai ao được cửa báu
Đừng tưởng giống như thế nhưng không phải như thế
Khoảng năm bốn chín thành sự nghiệp
Há phải toan lo đai vàng áo tía

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Phong cao nhạn trận bài vân quá
Vân thủy thiều thiều bát kê đồ
Thùy tín vãng lai cô lộ hạ

Lư hoa thâm xứ ý thảo vu

Dịch:

Gió cao đàn nhạn bay qua mây

Nước mây thăm thăm xa vô kẽ

Có ai tin rằng lúc chiều tà có con cò cô đơn bay sà xuông

Chốn rùng lau sâu thăm nương mình trong đám cỏ rậm

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Uyên ương lưỡng xứ kỳ song ngư

Đè hậu qui lai mạc oán cô

Phụng các long lâu hảo tiêu tức

Tang du nhật mộ tự trù trù

Dịch:

Uyên ương ở hai nơi giữ hai cá

Tiếng kêu oán hận quay trở về dừng than thở rằng cô đơn

Nhiều tin tức nói về gác phụng lâu rồng

Lúc chiều tà cảnh muộn thấy dùng dằng

TÚ TÚC (Con cái)

Lưỡng thụ hoa khai xuân tín tận

Xuân thâm nhị tử tống xuân qui

Dả ưng âm chất toàn chung thủy

Trúc bạn tùng giang nhất tử nghi

Dịch:

Hai cây hoa nó báo tin mùa xuân sắp hết

Mùa xuân gần tàn thì hai con tiễn xuân về
Cũng nhở âm đức trọn chung thủy
Bờ trúc rùng thông được một con

THU THÀNH (Mân cuộc)

Tu khán Dân Thân tâm Thố mã
Phong vân hưng xứ khả đương hành
Tử qui đe lạc tam canh nguyệt
Nhất mộng Nam Kha tiêu bất thành

Dịch:

Nên để ý những năm Dần, năm Thân, năm Mão và năm Ngọ
Nên đi đó là lúc gặp cơ hội gió mây
Chim tử qui kêu lúc canh ba trăng tà
Đáng cười thay giấc mộng Nam Kha vẫn chưa thành

Lưỡng đầu: ĐINH - MÂU

QUẺ SỐ 35: ĐỊA SƠN KHiÊM

THiÊN KHÔ TiNH

Giờ Mậu Tý: Cách KiỀU TÙNG THÊ HẠC

Dịch: Hạc đậu trên cây tùng cao

Giải: Xuất thân thanh quý lập chí cô cao

Dịch: Xuất thân gia đình thanh quý lập chí cao xa

Giờ Mậu Dần: Cách TỀ LUƯ NHẬP HẢI

Dịch: Dòng nước nhỏ vào bể

Giải: Tài đại tâm tế chung tất hữu thành

Dịch: Tài lớn lòng cẩn thận rồi nên việc lớn

THiÊN DANH TiNH

Giờ Mậu Thìn: Cách CAO LÂU XUY ĐỊCH

Dịch: Thổi sáo trên lầu cao

Giải: Xử cảnh ưu du tự đắc kỳ lạc

Dịch: Gặp cảnh nhàn hạ trong lòng vui thích

Giờ Mậu Ngọ: ĐIỀM THUYẾT THÀNH KiM

Dịch: Chỉ sắt hóa vàng

Giải: Phí tận tâm lực chuyên bần vi quý

Dịch: Hao phí tâm lực để chuyên nghèo thành giàu

THIỀN LĨNH TÌNH

Giờ Mậu Thân: Cách ĐÃI TRÍỀU HÀNH THUYỀN

Dịch: Đợi nước triều lên mới đi thuyền

Giải: Đãi thời nhị động vô vãng bất lợi

Dịch: Đợi đến lúc mới hành động mọi việc đều thuận lợi

Giờ Mậu Tuất: Cách QUẬT TỈNH CẬP TUYỀN

Dịch: Đào giếng đến tận suối

Giải: Tân khố kinh doanh tự đắc gai cảnh

Dịch: Kinh doanh vất vả tự nhiên gặp cảnh tốt

(cách chung cho 6 giờ)

ĐÀO LY KHAI VĨNH CÁCH

Hoàng hà hữu thủy khai thông té

Tự cỗ tòng kim bất đoạn lưu

Phượng xuất đan sơn vân trở cách

Nhạn phi tứ hải vị kinh thu

Kê thanh mao điểm nan an ổn

Hạc ảnh tùng hiên đắc tự do

Tá vấn tàn hoa hoàn kết thực

Tự khai tự lạc kỷ chi đầu

Dịch: HOA ĐÀO HOA LÝ ĐUA TUỔI

Nước sông Hoàng hà được khai thông
Từ xưa đến nay vẫn chảy không ngừng
Chim Phượng rời núi đám mây ngăn cách
Nhạn bay lìa bốn bề chưa đúng mùa thu
Gà kêu điểm cỏ chưa yên ổn
Thầy bóng hạc ở cây tùng thì được tự do
Thù hỏi hoa tàn có kết quả được chăng
Nở rồi lại rụng ở đầu cành

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh tự thành tự lập, phí lực lao tâm, lục thân tổng thị hư hoa, huynh đệ nhi đồng họa binh, nhiệt tâm tương thành giả thiều, lãnh nhỡn bàng quan giả đa, thát tận đa thiển phong sương, thu liễu vạn ban ưu sầu, vận hạn vị thông, bách kế vị thuận, vô tâm tao ngộ quý nhân, hướng lanh hội lý bộc xuất hỏa diệm, lưu luyến cố hương sinh xú lạc, phụ ân thâm xú tiện vi gia.
- (Mệnh này tự thành công và tự lập, phí tổn sức lực khổ nhọc tâm, lục thân tất cả đều là hư hoa hão huyền không thực, anh em cùng với nhau như là chiếc bánh vẽ, nhiệt tâm với nhau để cùng thành tựu thì ít, mắt lạnh lùng nhìn nhau thờ ơ thì nhiều, chịu trải qua hết ít nhiều sương gió, chịu đã muôn bè ưu sầu, mà vận hạn vẫn chưa thông, trăm kế sách chưa thuận tiện, không cố tâm mà lại gặp gỡ được quý nhân, hướng vào trong tro lạnh mà xuất hiện ra lửa đỏ, chớ luyến vui no i sinh ra ở cố hương, nơi chịu ơn sâu thuận tiện ấy mới chính là nhà)

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Phùng long ngộ hổ tất thăng đẳng
Bộ ngọc đẳng kim xuất loại tầng
Hồi thủ phong thần tiền nhật sự
Kỷ đa kim lịch tại giang tân

Dịch:

Gặp năm Dần năm Thìn hǎn là bay nhảy
Đến chốn lâu vàng điện ngọc thật là xuất chúng
Từ cung vua quay lại nhìn những ngày qua
Đã trải qua bao ngày ở chốn bến sông

CƠ NGHỆP

Vu môn phúc đức cửu lưu phuơng
Phụng các long lâu tính thị hương
Thiên bạn vân thê nhân ngộ xứ
Giang hoài câu độc hữu quang huy

Dịch:

Phúc đức tổ tiên để lại đã lâu đời
Tên họ lưu danh ở lâu rồng gác phượng nức tiếng thơm
Gặp người ở góc trời chân mây
Giống sông Giang hoài dù đục vẫn phản chiếu ánh sáng

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Quyền thuộc hoành phi thiêng ngoại khứ
Nhất thanh cô nhạn hạ tà dương
Bạch tần hồng lục y giang ngạn
Ngư phủ thiều thiều vân thủy hương

Dịch:

Người quyền thuộc đã đi xa
Một tiếng nhạn lẻ loi lúc chiều tà

Rau tần trǎng rau lục đở còn thấy ở bờ sông
Chàng ngư phủ còn ung dung ở nơi mây nước

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Lê hoa tái phóng đa phong vũ
Yến khứ oanh lai dã trĩ minh
Kham tiểu tây hiên đào lý thịnh
Trùng sơn thảo mộc diệc thê thanh

Dịch:

Hoa lê lại nở vào lúc mưa gió
Yến đi oanh lại chim trĩ kêu
Túc cười đào lý ở vườn tây tươi tốt
Cây cỏ ở dãy núi cùng xanh tươi

TỬ TÚC (Con cái)

Nhất hoa lưỡng quả hồn nhạn sự
Tối thị bàn đào nguyệt dạng hồng
Di nhập hương viên trùng phố nội
Thiên quan từ phủ tận xuân phong

Dịch:

Một hoa hai trái việc nhàn nhã
Giống như trái bàn đào ửng hồng dưới ánh trăng
Dời chuyền vào vườn thơm vườn rau
Của vua phủ chúa đều lồng gió xuân

THU THÀNH (Mạn cuộc)

Dần Thân lưu thủy hữu ưu tâm

Chính hảo doanh doanh thượng ngọc kinh

Kê xướng quan trung triều đè khuyết

Nhất thanh long địch chân thiên tân

Dịch:

Năm Dân năm Thân nước trôi như có dáng lo nghĩ

Lững lờ trôi đến Đế kinh

Gà gáy trong cửa ải được đến chầu cung vua

Một tiếng sáo rồng vang đến tận chân trời

ĐiNH - KỶ

QUẺ SỐ 36:

THIỀN THƯƠNG TÌNH

Giờ Kỷ Sửu: Cách CHỦNG TRÚC THÀNH LÂM

Dịch: Trông trúc thành rùng

Giải: Tử túc hữu vinh vượng chi tượng

Dịch: Con cháu rất hưng vượng

Giờ Kỷ Mão: Cách KINH NGƯ'LẠC CHIỀU

Dịch: Con cá sơ hải lại rơi xuống ao

Giải: Tuy hữu hoạn nạn tài năng thoát hiềm

Dịch: Dù gặp hoạn nạn có thể thoát hiềm

THIỀN HÀNH TÌNH

Giờ Kỷ Ty: Cách XUÂN NHẬT ĐÀO HOA

Dịch: Hoa đào ở vườn xuân

Giải: Tảo nhiên giao vận vãng nhiên bình bình

Dịch: Tuổi nhỏ gặp vận tốt tuổi già bình thường

Giờ Kỷ Mùi: Cách MINH NGUYỆT MAI HOA

Dịch: Hoa mai lúc trăng sáng

Giải: Nhất sinh đặc hưởng thanh nhàn chi phúc

Dịch: Suốt đời được hưởng phúc thanh nhàn

THIỀN LỘC TINH

Giờ Kỷ Dậu: Cách ỦNG LÝ XUÂN PHONG

Dịch: Gió xuân thổi vào trong hũ

Giải: Tuy hữu quí nhân phù trợ nhiên đắc lực thậm vi

Dịch: Dù có quý nhân phò trợ nhưng không mấy đắc lực

Giờ Kỷ Hợi: Cách PHÍ VÂN KHẤN NGUYỆT

Dịch: Rẽ mây nhìn trăng

Giải: Mục tiền khôn đốn hy vọng tại hậu

Dịch: Trước mắt khôn đốn hy vọng về sau

(Cách chung cho 6 giờ)

THƯA SAI ĐỘ THỦY Cách

Hung trung hữu cứu thần

Lao lực tự tân cần

Tài nhược xuân tiền tuyết

Thân như mạch thượng trần

Nhận hành qui biệt phô

Uyên lữ thất kỳ quần

Nhược ván tiền trinh sự

Mai hoa tuyết hậu xuân

Dịch: CUỐI BÈ QUA SÔNG Cách
Trong lúc nguy nan được người cứu
Phải siêng năng làm việc
Tiền bạc mau tan như tuyệt mùa xuân
Kẻ thân thích coi như hạt bụi trên đường
Bày nhạn bay đến bãi khác
Cặp uyên ương thì lạc đà
buồn hỏi việc tương lai
Như hoa mai và tuyết sau mùa xuân

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh phuong khăc lục thân, sơ viễn cốt nhục, ly tổ thiên cư, mệnh đương cô độc, thân nhàn tâm tự đại ý lãn chí thôn thiêん, thiêん lý lăng trung hành chu, bát xích can đầu 頭 bả hý, lịch sự tảo, an nhàn trí, tố sự yển kiển, lập tính nghiêu khê, tự gia huynh đệ toàn vô phận, ngoại xú giao du khước hữu duyên, thượng sơn tuy phí lực, tự hữu hạ sơn thì
- (Mệnh này khắc hại lục thân rời xa cốt nhục, rời xa anh em, xa rời tổ tông đi ở nơi nơi khác, mệnh nhận lấy tro troi, nếu thân mà an nhàn thì tâm tự cho là lớn nên ý chí nản lười, chí lại muôn ăn nuốt người khác, đi thuyền trong muôn dặm sóng nước, đầu can “đứng đầu trên cao” tám thước cầm mà giõn, trải qua công việc thì sóm an nhän lại trẽ, làm việc thì ngạo mạn tánh cách thì lại kỳ quái, trong nhà anh em toàn vô phận, ra ngoài giao du lại hữu duyên, lên núi cho dù có phí sức át tự sẽ có ngày xuống núi)

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)
Trì cung nhất tiễn tùy cơ phát
Ngộ mã phùng long thượng cửu khung

Nhân tại tử vi thân xứ lập

Xanh ca thiều nhạc tại kỳ trung

Dịch:

Cầm săn cung và tên tùy cơ hội mà bắn

Gặp năm Ngọ năm Thìn thì lên chín tùng mây

Người đứng trong cung vua sâu thăm

Ở trong đó vang rền tiếng nhạc ca múa

CƠ NGHIỆP

Trúc tùng kính tiết thế lăng vân

Côn hóa băng phi vạn lý trình

Chung giá linh sai thượng thiên khứ

Thiên biên lộc mã hiệu tranh vinh

Dịch:

Trúc và tùng tiết cứng vươn lên mây

Cá côn hóa chim băng bay vốn dặm

Rồi cưỡi chiếc bè thiêng lên tận trời

Bên trời lộc mã (l) rất chênh vênh

(l) Lộc mã Cách là Cách giàu có

HUY NH ĐỆ (Anh em)

Tuy tắc luồng nhạn đồng phi vũ

Nhất cá cô hòng phi quá giang

Hải điều chỉ uy viên hạc bạn

Tĩnh khan mai ảnh thượng hàn song

Dịch:

Dù hai con nhạn cùng bay múa

Một con chim hồng lέ loi bay qua sông

Chim hải điểu (6 biến) chỉ nên làm bạn với vượn và hạc

Yên tĩnh nhìn hoa mai trên song lạnh

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Kham thán động phòng hoa chúc dạ

Nại hè duyên thiền bất kiên lao

Trực, nhiên, khoan, hoãn, nan hồi thủ

Thiết mạc tham tài dũ tính cao

Dịch:

Buồn thay đêm động phòng hoa chúc

Làm sao duyên mỏng chẳng bền vững

Thẳng thắn, bao dung, khoan hòa, bình thản, khó quay đầu lại

Xin chớ tham của và giữ tính cao ngạo

TỬ TÚC (Con cái)

Tường bạn nhất chi mai dục phát

Phong xuy tú đáo lục kiêm hồng

Tôi thị hậu viễn sinh nhị quả

Bản đào nhất quả hạ thiên cung

Dịch:

Bên bờ tường một cành mai sắp nở

Gió thổi bốn bông hoa biếc với hồng

Đặc biệt là vườn sau sinh quả lạ
Một quả bàn đào từ trên trời rơi xuống

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Trì trệ khả lân Canh Giáp thượng

Hoa nhiên qui khứ hưu hà phương

Chu hoành dã thủy vô nhân độ

Tĩnh thính ngư ca hùng vị trường

Dịch:

Mọi việc đều trì trệ vào năm Canh và năm Giáp

Ung dung đi về có hại gì

Thuyền quay ngang cửa bến không có khách qua

Yên tĩnh lắng nghe tiếng ca ngư phủ càng thêm ý vị

ĐiNH - CANH

QUẾ SỐ 37: ĐỊA TRẠCH LÂM

THIỀN CƯƠNG TINH

Giờ Canh Tý: Cách PHÙ DUNG ĐỐI KÍNH

Dịch: Cây Phù dung đối trước gương

Giải: Mục tiền phồn hoa, quá nhãm tiện không

Dịch: Trước mắt là cảnh phồn hoa qua khỏi mắt tất cả đều là không

THIỀN THANH TINH

Giờ Canh Dần: Cách HÀN ĐÀM HẠ ĐIỀU

Dịch: Đàm lạnh buông câu

Giải: Tác sự bất tẩu nhiệt lộ, tuy lao nhi vô công

Dịch: Làm việc gì không chịu đi theo con đường náo nhiệt, tuy vất vả mà chẳng có công lao gì

THIỀN THANH TINH

Giờ Canh Thìn: Cách THU YÊN DOANH SÀO

Dịch: Mùa thu chim Yên làm tổ

Giải: Vị tha nhân nhất thế tân cần

Dịch: Suốt đời vất vả vì người khác

THIỀN THANH TINH

Giờ Canh Ngọ: Cách PHÁ THUYỀN TẢI BÙU

Dịch: Thuyền vỡ chờ của báu

Giải: Tuy hữu tài vận đắc nhi phục thát

Dịch: Dù tài vận tốt nhưng được rồi lại một

THIỀN TÀI TÌNH

Giờ Canh Thân: Cách XUÂN ĐÊ DƯƠNG LỄ

Dịch: Cây dương liễu trên đê về mùa xuân

Giải: Tảo niên giao vận lập chí nghi kiên

Dịch : Giao vận ở tuổi thiếu niên phải lập chí cho vững

Giờ Canh Tuất: Cách NHẬT VĂNG ĐĂNG LÂU

Dịch: Lên lầu lúc chiều tà

Giải: Lão vận hanh thông

Dịch: Tuổi già hanh thông

(Cách chung cho 6 giờ)

HỌA LÂU ĐỘC Ỷ Cách

Họa lâu độc ỷ tịch dương thiên

Vọng đoán thiên nhai hải giác biên

Tự hướng cô chu âm tín tín thiều

Tăng kinh viễn phố lăng đầu đài

Trường không chỉ xích chung tu đáo

Gia kế tam chiên tín hữu duyên

Tá ván bạch đầu ngư tấu đạo

Lư hoa hữu kính nhập đào nguyên

Dịch:

MỘT MÌNH NGỒI TỰA TRÊN LÀU ĐẸP

Buổi chiều tà một mình ngồi tựa trên lâu đep

Nhìn suốt góc bể chân trời

Hướng về chiếc thuyền đơn vắng tin tức

Trải qua bã xa đầu ngọn sóng thuyền muôn chao

Quãng không dài thu trong gang tấc rồi cùng sẽ đến

Sinh kế gia đình có nhiều tin may

Thú hỏi ông già đánh cá đầu bạc

Rừng lau có lối đi vào Đào nguyên

PHÁN ĐOÁN:

* Thủ mệnh ân lý thành oán, xảo trung thành khuyết, vi nhân khung thô tâm hoài, đảo bị cô ân phụ nghĩa, thân tình bất lập, huynh đệ nan hòa, ly tổ thành gia, cô tịch tự lập, phúc như thu dạ vân rà nguyệt, tài tự xuân thâm nhú trực phong, thân băng giao hữu hưu như vô, nhất điều trọng đảm tự kiên khiên, tử tế tư lường, thùy nhân cộng lực.

* Mệnh này trong ơn thành oán trong khéo thành vụng, là người dốc lòng hết dạ, ngược lại bị phụ ơn bởi nghĩa, thân tình chẳng cùng đứng chung, anh em khó hòa thuận, xa tổ nghiệp tự làm thành gia đình, tự lập lấy thân trong cô đơn tịch mịch, phúc như đêm mùa Thu mây che mắt trăng, tiền bạc tựa như cuối mùa Xuân tơ tằm đuôi theo gió, bạn bè giao hữu có cũng như không, một mình gánh vác nặng tự vai mang, đo lường kỹ càng, ai người cùng sức?

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Thiệp lịch kỳ khu lộ hiểm nan

Nhất tiên trước lực đáo Đồng quan

Phù tự định kiến thành công nhật

Tiêu ngạo giang sơn băi đăng nhàn

Dịch:

Trải qua con đường hiểm trở gập ghềnh

Ra roi gắng sức cũng đến được ái Đồng quan

(Có người) giúp đỡ định rõ ngày thành công

Vui đùa với núi sông nhàn hạ vô cùng

CƠ NGHIỆP (Cơ nghiệp)

Tụ tán vinh khô tự hữu thời

Ân cần tâm sự hữu cường cơ

Đáo đầu chung đặc vũ uy lực

Cánh hữu phù phong nhân khả y

Dịch:

Tụ, tán, vinh, khô đều có thời cả (1)

Cõi lòng định ninh sẽ có cơ hội tốt

Rút cục cũng được sức dũng mạnh

Lại được luồng gió nâng đỡ có thể có nơi nương tựa

(I) Tụ là đọng lại, tán là matsu đi, vinh là vẻ vang, khô là khô héo

HUY NH ĐỆ (Anh em)

Song song nhạn lệ thiên biên khứ

Minh nguyệt lư hoa tri ngã tâm

Kham thán vãng niên cô lộ hạ

Trúc biên viên hạc thị tri âm

Dịch :

Đồi chim nhạn hót bay về phía chân trời
Chỉ có trăng sáng và hoa lau biết lòng ta
Đáng tiếc lúc tuổi già con cò lẻ loi hạ cánh
Bên bờ trúc có vượn và hạc làm bạn tri âm

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Liên hoa thâm xú hý uyên ương
Âu lộ nguyên lai luõng bất thương
Nhân chí sơn âm sầm tịch xú
Kiêm gia vãng cảnh bạn phong sương

Dịch:

Hoa sen ở nơi sâu thẳm cặp uyên ương đùa giỡn
Cò vạc vẫn không làm hại nhau
Người đến chồ tịch mịch nơi chân núi
Tuổi già làm bạn với cây cổ và gió sương

TÚ TỨC (Con cái)

Hoa khai hoa tạ hữu trù trưởng
Khả nhân nhất cá báo quân ân
Ngũ diệp tam hoa tu sách thán
Độc lai thanh giá mãn giang tân

Dịch:

Hoa nở rồi hoa lại tàn đừng buồn rầu
Một con nêng người có thể đèn đáp ơn vua

Năm lá ba hoa còn than thờ
Mỗi mình với tiếng tăm vang rền bến sông.

THU THÀNH (hoãn cuộc)

Dàn Mùi tương phùng hảo tiến trình

Tây lai mao tiết cận giang tân

Kỷ đa quang tể trùng hồi thủ

Liệt loại siêu quần thị ngọc thàn

Dịch:

Gặp năm Dân năm Mùi rất thăng tiến

Cờ mao tiết từ hai bên bờ sông từ phía tây lại

Quay đầu nhìn thấy trời quang mây tạnh

Siêu quần xuất chúng (l) được chầu ở cung ngọc thàn

(l) Hơn tất cả mọi người

ĐiNH - TÂN

QUẾ SỐ 38: ĐỊA THIỀN THÁI

THIỀN HƯỚNG TINH

Giờ Tân Sửu : Cách THÈM ĐÀU DẠ VŨ

Dịch: Mưa đêm đầu thềm

Giải: Mục tiền tuy hữu tai nạn vô hại ư sự

Dịch: Trước mắt dù có tai nạn nhưng không tổn hại việc làm

Giờ Tân Mão: Cách THIỀN THỦY HÀNH CHÂU

Dịch: Đi thuyền nước cạn

Giải: Sự bất lượng lực nan cầu tốc hiệu

Dịch: Làm việc không lượng sức khó mong kết quả mau chóng.

THIỀN TỈNH TINH

Giờ Tân Ty: Cách QUẬT TỈNH CÀU TUYỀN

Dịch: Đào giếng tìm nguồn

Giải: Kiệt lực doanh mưu chung tất hữu hoạch

Dịch: Hết sức kinh doanh sau có kết quả

Giờ Tân Mùi: Cách TỌA TỈNH QUAN THIỀN

Dịch: Ngồi đáy giếng nhìn trời

Giải: Hy vọng tuy đại kiến thức thậm tiêu

Dịch: Hy vọng dù lớn nhưng kiến thức rất hẹp hòi

THIỀN KHÁNH TINH

Giờ Tân Dậu: Cách TRƯỚNG LÝ PHAO CẦU

Dịch: Tung cầu trong trường

Giải: Sự đa trở ngại hữu chí nan thành

Dịch: Việc nhiều trở ngại có chí cũng khó thành

Giờ Tân Hợi: cách ĐẠI HẠN CAM LÂM

Dịch: Nắng lâu gặp mưa ngọt

Giải: Cùng khôn dĩ cừu tự nhiên đắc ngộ cừu tinh

Dịch: Cùng khôn đã hết mức may gặp cừu tinh

(Cách chung cho 6 giờ)

NGUYỆT ÁNH PHÙ VÂN Cách

Tự cổ nhân sinh bỉ tắc thông

Phù vân thiên sứ nguyệt mung lung

Hoa khai bán dạ phong nghi tĩnh

Nhạn đồ trường giang ảnh lạc không

Mạc hướng cổ viên tài thảo mộc

Khả lai u địa chủng thanh tùng

Tri quân mệnh chí tĩnh tuyền hạ

Nhất thụ Đào hoa lưỡng thụ hồng

Dịch: TRẮNG CHIẾU MÂY NỐI

Xưa nay kiếp nhân sinh bĩ quá hóa thông (l)
Vì đám mây trôi nổi cho nên trăng lờ mờ
Nửa đêm hoa nở gió yên tĩnh
Nhạn bay qua trường giang bóng rơi trong không
Chớ hướng về vườn cũ mà trồng cây cỏ
Nên đến chỗ u tịch mà trồng cây thanh tùng
Biết mạng nhà ngươi đến chờ giếng suối
Có một cây hoa đào hai cây hồng
(l) Bị quá hóa thông: cực rồi đến sướng

PHÁN ĐOÁN:

- * Thủ mệnh năng thô trí hội an bài cần cẩn vi căn bản, tân khố tố nhân gia, mệnh phạm thoái thần, đương tiến bộ thời bất tiến bộ, đa ưu nghi xứ hảo khai hoài, bôn ba lao lực tảo đạp phá kỷ song hài, hoan hỷ thành thu túc, đoan chính tọa lịch tà, huynh đệ thành Ngô Việt, phụ mẫu thị oan gia, chiêu tư mộ tiêu, thất kiện sự : sài, mỗ, du, liêm, thô, tương, trà, yếu cầu an lạc pháp, tu hoán biệt kinh nhai.
- * (Mệnh này thì ưa thi thô tài trí thích an bầy, siêng năng cẩn thận làm căn bản, là người làm việc tân khố, mệnh phạm Thoái thần nên đang tiến bước được thì lại trở ngại không tiến lên được nữa, nơi nhiều lo lắng nghi ngờ thì lại mở ra tốt đẹp, sớm “còn trẻ” đã bôn ba khó nhọc, bươn chải đi rách cả mây đôi giày, lúc vui vẻ biến thành lầm nhầm “than thở”, “là người” đoan chính ngay thẳng “lại” ngồi nơi lèch nghiêng cong veo, anh em biến thành xa cách như hai nơi đất Ngô đất Việt đối nghịch nhau, cha mẹ ấy lại là oan gia, sáng lo âu nghĩ ngợi chiêu lại vui cười về bầy sự kiện: củi, gạo, trà, tương, muối, dấm, dầu, rất cần tìm phương pháp an vui, sinh nhai kê sống nên thay đổi khác “thay đổi công việc đang làm thì được an vui”)

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)

Thân nhược Mã Ngưu phùng Giáp Bính

Định tri xà tấu dã vi nan

Kiến nhân tá thế cầu danh vị

Phượng trực loan phi xuất hiểm quan

Dịch:

Thân này đến năm Ngọ năm Sửu hoặc năm Giáp năm Bính

Chắc chắn gặp năm Ty rất khó khăn (1)

Thấy có người giúp đỡ đè cầu công danh (2)

Chim phượng đuôi chim loan bay ra khỏi cửa ải hiểm trở

(1) Đây là một bài thơ xin hiệu như thế này: Năm Ty sẽ gặp khó khăn (vì Can Giáp và can Bính không thể đi với năm Ty được).

(2) Năm Ngọ năm Sửu và năm Giáp năm Bính sẽ có người giúp đỡ

CƠ NGHỆP

Sơ trị ưu nguy vận vị thông

Hữu như nguyệt xuất bị vân mông

Tri âm nhất khúc xuất thiên ngoại

Đè xiết tiên lang ngộ chủ ông

Dịch:

Xưa gặp nguy hiểm vì vận hạn chưa thông

Ví như trăng vừa mới ló bị mây che khuất

Một khúc tri âm bay ra ngoài trời

Do tay chàng tiên gặp ông chủ

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Hàn nhạn lưỡng chích phi khứ cấp

Cô hồng độc tự lệ trường thiêng

Bạch tàn hồng lục lư hoa chủ

Mãn cục giang sơn nhiệm túy miên

Dịch:

Đôi nhạn lạnh lùng bay đi gấp

Chim hồng lẻ loi kêu trong bầu trời rộng

Ở bến hoa lau có rau tàn rau lục

Trước mắt giang sơn tha hồ ngũ say

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Phong cấp xuân hàn tiêu vũ quan

Hàm tiền oanh ngữ vị tương hoài

Thu thâm âu lộ song song thịnh

Vâng tết uyên ương hí bích ba

Dịch:

Ngày xuân lạnh mưa phùn gió bắc

Trước sân oanh hót chưa có tiếng họa lại

Thu sắp tàn cò vạc sóng đôi tốt đẹp

Chiều tạnh ráo cặp uyên ương đùa sóng biếc

TỬ TÚC (con cái)

Tu tri nhân tại thanh tùng hạ

Kham thán hoa tàn mẫn địa hồng

Thâm kính tang du chi quê thịnh

Tường đông nhất quả túy xuân phong

Dịch:

Nên biết người đứng dưới cây thanh tùng

Đáng tiếc hoa rụng đầy mặt đất

Bên lối đi cây chi cây qué đều tươi tốt

Đầu tường phía đông có một quả như say sưa với gió đông.

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Phương ngộ Canh Thân kiêm Bính Kỷ

Phùng xà thử nhật khả nam qui

Kỷ niêng vāng sự câu thành mộng

Lưu thủy lạc hoa văn từ qui

Dịch:

Gặp năm Canh năm Thân và năm Bính năm Kỷ

Gặp Tỵ thì có thè đi về hướng nam

Việc mây năm qua đều thành giấc mộng

Nước trôi hoa rụng nghe tiếng chim tử qui hót

ĐiNH -NHÂM

QUẺ SỐ 39: ĐỊA THỦY SU'

THiÊN LỤC TiNH

Giờ Nhâm Tý: Cách THÚY LiỄU MiNH THiỀN

Dịch: Ve kêu trên cành liễu rũ

Giải: Đắc nhân tí hộ đại hữu tác vi

Dịch : Được người che chở thành sự nghiệp lớn

Giờ Nhâm Dần: Cách BẢO MÃ KiM YÊN

Dịch: Ngựa quý yên vàng

Giải: Căn cơ kỵ thâm cảnh ngộ hưu giai

Dịch: Căn cứ đã vững cảnh ngộ lại tốt

THiÊN QUY TiNH

Giờ Nhâm Thìn: Cách CAO LÂU VỌNG NGUYỆT

Dịch: Đứng trên lâu cao nhìn trăng

Giải: Khả đắc viên mãn chi kết quả

Dịch: Được kết quả mỹ mãn

Giờ Nhâm Ngọ: Cách DÃ KiM XUẤT DUỢC

Dịch: Vàng trong lò nấu nhảy ra

Giải: Tâm cao khí ngạo bất thọ câu thúc

Dịch: Tâm khí cao ngạo không chịu ràng buộc

THIÊN NGÔ TINH

Giờ Nhâm Thân: Cách THẠCH THƯỢNG THÁI LÌÊN

Dịch: Hải sen trên đá

Giải: Tân khố nhất thế mạnh ngạnh vô tự

Dịch: Suốt đời lao khố mạng không có con

Giờ Nhâm Tuất: Cách HOÀNG OANH XUẤT CỐC

Dịch: Chim hoàng anh ra khỏi hang

Giải: Khiêu 跳 xuất hiềm cảnh bộ bộ cao thăng

Dịch: Thoát ra khỏi hiềm nghèo từng bước tiến lên

(Cách chung cho 6 giờ)

THỦ THỦ TRẦN THƯỢNG Cách

Mẽ tích Trần thương thực hữu dư

Bán cung thủ háo bán cung trù

Mệnh đương cô độc tu ly tổ

Thiên sứ thông minh bất tại thư

Tĩnh lý ta vu tâm hữu sự

Nhàn thời trù trưởng thực vô ngư

Định tiền lưỡng thụ hoa khai xứ

Quyện khởi châu liêm lạc tự tri

Dịch: CHUỘT GIỮ KHO TRẦN THƯỢNG

Gạo chúa trong kho tha hồ ăn
Nửa bị chuột ăn nửa bị nhà bếp lấy
Vì là số cô độc nên phải rời tổ tiên
Trời cho bản tính thông minh nên không phải nhờ sách vở
Trong lúc yên tĩnh hay xít xoa vì trong lòng có chuyện
Lúc nhàn hạ hay rầu rĩ cơm ăn không có cá
Trước sân nơi có hai cây hoa nở
Cuốn bức rèm châu tự thấy vui

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh cơ mưu đóm chí, tính xảo tâm linh, vi nhân tuy ngạch trực, chỉ thị tác sự bất thong dong 通融, lục thân vô lực thê tử thành không, trực tu 直須 nhị đế tam hoa, phương hoa nhất văn 一文 lưỡng quán 貫, thủ tổ bất lợi canh cải phương nghi, tùy thân tương đới ám tật, tam hảo tú khiếp nan y, căn cơ 根基 tuy ổn hậu, thời vận nại quai vi, thủ phận tri cơ tùng khí đai thời, nhất chiêu đai tắc, dương xuân chuyển hảo sự tương phùng bất tại trì.
- (Mệnh này là người có cơ mưu chí khí đóm lược “tháo các can đầm”, làm người dẫu cứng thẳng, làm việc chẳng điều hòa, lục thân không giúp sức, vợ con có mà thành như không, chỉ nên hai đài ba hoa, mỗi hoa một đồng hai quan “tiền”, cố thủ nơi quê cha đất tổ không lợi, rời đồi đi nơi khác mới làm thành, thân thể bị mang ám tật, ba tốt bốn khiếp sợ bệnh nan y khó điều trị, dẫu rằng căn nền gốc ổn định dày dặn, tại sao thời vận lại sai trái, chỉ nên thủ phận hiểu biết mưu tính như cát dâu đồ quý đợi thời, một khi đợi được dương xuân chuyển, sự tốt sẽ cùng gặp chẳng còn chậm đâm)

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Thủ phùng ngưu địa đương vinh tiến
Khóa mã kỵ ngưu thượng cửu thiên

Lập chí bất sâu thâm thiệp viễn

Nhân từ chung thi thiếu cùu oan

Dịch:

Chuột (l) gặp Trâu (Sửu) là lúc vinh thăng tiến bước

Cưỡi Ngựa (Ngọ) cưỡi Trâu (sửu) lên chín tùng mây

Đã lập chí thì không ngại phải vượt chõ nước sâu đường xa

Giữ lòng nhân từ thì sẽ ít kẻ oán thù

(l) Chuột chỉ đương số

CƠ NGHỆP

Thiên lâm Trần thương túc hưu dư

Lưỡng trùng vinh qui lưỡng trùng cư

Nhân nhân tá lực đa ân ngộ

Thiên tú công huân định bất hư

Dịch:

Kho trời (kho Trần thương) lương thực chứa đầy thật dồi dào

Giàu sang hai đảng đều có cả

Có nhiều người giúp sức cho nên có nhiều ân huệ

Trời thường công lao chắc chắn không sai

HUY NH ĐỆ (Anh em)

Lưỡng nhạn không trung các tự phi

Vãng lai nhất chích tái biên qui

Âm thư trực đạt thiên biên khứ

Mạc nha thân vinh đáo tú vi

Dịch:

Đối nhạn ở trên không đều bay đi

Lúc tuổi muộn có một con từ quan ải trở về

Bức thư đã gửi đến tận góc trời

Đừng hỏi tới chuyện thân kia vinh hiển được đến cung vua chăng

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Uyên ương khả tích đa kinh khủng

Hoan lý đè phòng xách đối phi

Duy hữu vãng lai âu lộ thịnh

Thach tùng thủy trúc khả tương y

Dịch:

Tiếc thay cặp uyên ương gặp nhiều sọ hãi

Khi đang nồng nàn cũng đè phòng khi nứt rạn

Chỉ lúc về già cò vạc mới sum họp

Tùng xanh trúc biếc nương tựa nhau

TỬ TƯC (Con Cái)

Hoa khai khả vị đa phong vũ

Vũ lộ thanh tùng nhất quả vô

Cánh tá âm công tu phúc thiện

Tài bồi bất trí lão tùng khô

Dịch:

Hoa nở cũng vì mưa gió nhiều

Mưa rồi cây thanh tùng không còn một quả

Phải nhờ âm công và phúc đức
Được vun trồng nên cây tùng già không đến nòi khô héo

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Ngộ khuyên phùng dương tu đắc lô

Hà tu khớp hạc độ tiên kiêu

Thủy biên tùng trúc niêm lai thịnh

Viên hạc phi đăng lệ cửu cai

Dịch:

Đến năm Tuất năm Mùi là lúc gấp bước

Cần gì phải cõi hạc qua cầu tiên

Bên sông cây tùng và cây trúc sang năm lại tươi tốt

Vượn hạc bay nhảy hót chín tầng

ĐiNH - QUÝ

QUẺ SỐ 40: ĐỊA SƠN KHiÊM

THiÊN TRÙ TiNH

Giờ Quý Sửu: Cách KIM BÀN ĐÔI QUẢ

Dịch: Trái cây xếp trên mâm vàng

Giải: Danh lợi song toàn bất lao nhi hoạch

Dịch: Danh và lợi đều có cả không cần vất vả mà có

Giờ Quý Mão: Cách CỰ LUU QUY HẢI

Dịch : Dòng lớn chảy vào bể

Giải: Chí tại tú phương đại khả phát triển

Dịch: Chí hướng có ở bốn phương phát triển rất lớn

THiÊN KHU TiNH

Giờ Quý Tỵ: Cách LÂU ĐÀI VỌNG NGUYỆT

Dịch: Ở trên lâu đài nhìn trăng

Giải: Tiền trình viễn đại vị khả hạn lương

Dịch: Tương lai rực rỡ không thể đo lường được.

Giờ Quý Mùi: Cách NGƯ TÙNG HẠ ĐIỀU

Dịch: Thả câu đúng bụi có cá

Giới: Thời lai vận lai hoạch lợi vô toán

Dịch: Thời vận đến rồi được lợi không kể xiết

THIÊN KHOA TINH

Giờ Quý Dậu: Cách PHÍ 披 VÂN VỌNG NGUYỆT

Dịch: Rẽ mây nhìn trăng

Giải: Giai cảnh tức tại mục tiền

Dịch: Cảnh đẹp hiện ra trước mắt

Giờ Quý Hợi: Cách HÀN ĐÀM HẠ ĐIẾU

Dịch: Thả câu đâm lạnh

Giải: Bất tẩu nhiệt lộ tuy lao nhi vô công

Dịch: Làm việc không đúng đường dù nhọc mà không công

PHÁN ĐOÁN:

* Thủ mệnh như phù vân xuất trực, dã hạc lệ phong, tâm tại tú phuơng, chí tồn biệt xứ, kháo tổ nan thành sự nghiệp, ly hương khả lập căn cơ, tài nhược tinh tuyền, mệnh như phong trúc, lưỡng tam phiên cải hoán y quan, tú ngũ độ trùng lập gia kế, xuất gia vị tận, tại tận vị cô, tai nạn lý hữu cứu thần tương tùy, hoàn tục trung hữu thóai thần tương phá, thương thê hại tử, huynh đệ biệt ly, ban lai vận khứ chỉ kiến dụng tận tinh thần, yếu hành thanh nhàn tiêuさい địa, nại hà thân hâm hỏa cang trung,

* Mệnh này ví như mây nổi ra khỏi động huyệt, như hạc đồng kêu gió, tâm ở tại bốn phương trời mà chí đang còn ở nơi xứ khác, nương nhờ tổ nghiệp khó thành sự nghiệp, rời xa quê hương khá gầy dựng được nền gốc cơ đồ, tiền tài như mạch nước suối nước giếng, mệnh như đuốc trước gió, hai ba phen thay đổi áo mũ, bốn năm độ lập lại gia kế, xuất gia tu chưa trọng, tại gia chưa cô đơn, trong tai nạn có cứu thần cùng theo, trong hoàn tục có thóai thần cùng phá, thương đau cho vợ làm

hở cho con, anh em xa cách, xoay đi vẫn lại chỉ thấy dùng hết cả mọi tinh thần, cản tới đất thanh nhàn tiêu dao tự tại, không vướng vít vào cái gì, tại sao thân vẫn cứ hâm ở trong lò lửa?

(Cách chung cho 6 giờ)

VÂN KHAI KIẾN NGUYỆT

Cách
Thủy lãnh vô nguru tọa điếu đài
Hắc văn xuy tán bích thiên khai
Hong trần trận trận tùy phong khú
Thủy trúc thanh thanh băng nguyệt lai
Song thủ phát khai hàn kiêm hạp
Nhất thân đĩnh xuất đồng lương tài
Tòng tiền thác dụng công phu xứ
Chỉ bả hoàng hoàng hoán tác ngốc

Dịch :

MÂY TAN THÁY MẶT TRĂNG

Nước lạnh không có cá cứ ngồi dai
Mây đen đã tan thuỷ nền trời biếc
Bụi hồng trần lá tả bay theo gió
Trúc xanh biên biếc ánh trăng về
Hai tay vung mở bao kiêm lạnh
Một thân nỗi bật tài lương đồng (l)
Trước đây từng dụng công không đúng chỗ

Cứ bàng hoàng như kẻ si ngốc

(l) Lương đống là rường cột.

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)

Đào lý thụ thượng sinh tùng tử

Đắc kiến ngưu dương lộc tự thăng

Phượng các long lâu đa ngộ hội

Yêu kim y tử nhập phong thần

Dịch:

Trên cây đào cây lý lại sinh ra quả tùng

Đến năm Sửu năm Mùi sẽ thăng quan tiến lộc

Lầu rồng gác phượng nhiều phen hội ngộ

Đai vàng áo tía vào cung Vua

CƠ NGHIỆP

Đại hải trung niên phương tiệm hành

Thanh thiên hiệu nguyệt chuyển phân minh

Phùng dương ngộ khuyên công danh hội

Chỉnh lý mặc nha vạn lý trình

Dịch :

Bé lớn vào tuổi trung niên mới thành

Trời xanh trăng sáng thật rõ ràng

Năm Mùi năm Tuất đúng là hội công danh

Sửa soạn xiêm áo (1) lên đường muôn dặm

(1) Mặc nha là áo của người có chức vụ nơi công quyền

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Phong xuy tam nhạn đồng phi khứ

Nhất chích cao tường tại bích tiêu

Đa thiểu giang san thanh hưng tại

Vâng lai cô lộ tại tiêu dao

Dịch :

Gió thổi ba con chim nhạn cùng bay đi

Một con bay tít tận mây xanh

Bấy nhiên non nước còn cao hưng

Tuổi già còn cô đơn tự an nhàn

HÔN NHÂN (Vợ Chồng)

Xuân nhật dung hòa thủy mãn trì

Uyên ương đồng hý bích ba nhai

Hốt phùng oanh yến kinh phi tán

Âu lộ thu lai cảnh khước nhi

Dịch :

Ngày xuân âm áp nước đầy ao

Chim uyên ương cùng giỡn bên bờ sóng biếc

Chợt gặp yến oanh bay đi mất

Đến mùa thu lại càng thích hợp với cò vạc

TÙ TÚC (Con cái)

Tường ngoại nhất chi tam quả kết

Hoa tàn nhất quả lạc sơn tiền

Du hè tang chanh tùy thời thịnh
Nhất chú thanh hương tạ thượng thiên

Dịch:

Ngoài tường một cành có ba quả
Hoa tàn một quả rụng trước núi
Các cây du, cây hè, cây dâu, cây chanh tùy mùa tươi tốt
Một lò hương thơm tạ ơn Trời

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Đáo đầu khoái lạc tiêu diên khách
Tý Ngọ tương xung qui vân bắc
Xuy tiêu nhân khứ yên lâu nhàn
Đối kính vô ngôn không mặc mặc

Dịch :

Cuối cùng khách được tiêu dao nơi khoái lạc
Hai năm Tý Ngọ xung nhau mây sẽ về bắc
Người thổi sáo đi rồi lâu yên nhàn
Soi gương không nói lòng buồn đặc đặc

MÂU - GiÁP

QUẺ SỐ 41: SƠN LÔi Di

THiÊN XƯƠNG TiNH

Giờ Giáp Tý: Cách NHAM ĐẦU TÂU MÃ

Dịch: Ngựa chạy đầu non

Giải: Mạo hiểm tiến hành tất đà gặp thất bại

Dịch: Mao hiểm tiến hành chắc gặp thất bại

Giờ Giáp Dân: Cách THiÊN 扁 CHU QUÁ HẢI

Dịch: Thuyền nhỏ qua bể

Giải: Tiểu hữu thông minh nan thành đại sự

Dịch: Có đôi chút thông minh khó thành việc lớn

THiÊN NAM TiNH

Giờ Giáp Thìn: Cách CỐC VŨ TÀI HOA

Dịch: Trông hoa vào tiếc cốc vũ

Giải: Nhất sinh vô khố bộ bộ cao thăng

Dịch: Suốt đời không khố từng bước lên cao

Giờ Giáp Ngọ: Cách TUỜNG ĐẦU TÂU MÃ

Dịch: Ngựa chạy trên đầu tường

Giải: Hoạn nạn trùng trùng thốn bộ nan thành

Dịch: Hoạn nạn đầy dãy bước lên một bước cũng khó

THIỀN TRUNG TÌNH

Giờ Giáp Thân: Cách MÔN TÌỀN PHÓNG HẠC

Dịch: Thả hạc trước cửa

Giải: Tuy hữu tác vi tích vô đại chí

Dịch: Dù hoạt động được tiếc rằng không có chí lớn

Giờ Giáp Tuất: Cách MINH HUYỀN LÝ ỄU ÂM

Dịch: Gảy đàn dưới bóng liễu

Giải: ưu du lâm hạ nạn ngộ tri âm

Dịch: Ngao du trong rừng khó gặp bạn tri âm

PHÁN ĐOÁN:

• Thủ mệnh tác sự cương trực, sở vi tướng thâm, tâm vô tư khúc, tính nhược phong lôi, nhất phiến từ bi tâm, tâm phân thị phi thiệt, ngộ quý nhân bởi tửu bối ca, Kiện kiện tự lao, ban ban tự lịch, di Dao tiếp Lý, kỹ phiên khổ xứ tao thương, hoán diệp di căn, đa húong thành trung kiến phá, di hoa triết liễu phương vi nghiệp, cách cố định tân nguyên thị mệnh,

• Mệnh này làm việc thẳng thắn, mọi việc làm đều xem xét tinh tường, tâm không riêng rẽ quanh co, tính nhanh nhẹn như gió như sấm, một tấm lòng từ bi, tâm phân biệt thi phi miêng lưỡi nói ra phải trái, gắp quý nhân bồi tiếp ca hát rượu trà, mọi sự kiện tự nhọc nhằn, mọi phương diện tự trải qua, đem cây Dao tiên ghép tiếp vào cây Lý, mấy phen nơi khổ lại gặp đau thương, đổi lá thay gốc, phần nhiều thấy trong thành lại vỡ, rời hoa triết liễu mới là nghiệp, đổi cũ thay mới ấy là gốc mệnh

TiÊN HẠC LĂNG VÂN cách
Đại sự trên tòng tiếu sự thành
Thâm sơn tùng bách lão đài thanh
An cư tu đai mã đè kiện
Tâm loạn đương tòng hổ vĩ khinh
Nhạn lạc bình sa đa nhiễu mạc
Uyên ương tịnh mỹ hốt phi kinh
Nhược hoàn vấn ngã tiền trình sự
Vũ thụ hoa khai nhất tử thành

Dịch: HẠC TiÊN BAY TẬN MÂY XANH
Trước khi thành việc lớn phải xong việc nhỏ
Tùng bách ở chốn núi sâu rêu bám đặc xanh
Muốn ở yên phải đợi đến năm Ngo
Lòng rối phải chờ cuối năm Dần mới nhẹ bớt
Nhạn sa bãi cát thật là mờ mịt
Cặp uyên ương đang đẹp chợt sợ bay mất
Nếu hỏi ta về sự nghiệp tương lai
Trời mưa hoa nở được một quả
HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)
Tự kim đặc ngộ âm nhân lực
Ngộ khuyên phùng chư hỷ tiệm thành
Đắc lộc tự nhiên hưng phúc lai

Côn thăng băng cử khoái bình sinh

Dịch:

Từ nay gặp được sự giúp đỡ của âm nhân

Đến năm Tuất năm Hợi sự vui mừng sẽ hoàn thành

Được lộc tự nhiên thêm hưởng phúc

(Cá) Côn bay (chim) băng nhảy thỏa chí bình sinh

CƠ NGHỆP

Tổ kế tam phần khú nhị phần

Căn nguyên bất thực nhược tiêu hồn

Đoạt quyền nghi hướng thiên biên khứ

Tự hữu cao nhân đai cù luân

Dịch :

Tài sản tổ tiên để lại ba phần bỏ mất hai

Người gốc rễ chẳng thực nên như hồn bay mất

Muốn cướp quyền (quyền Tạo hóa) nên hướng về góc trời mà đi

Sẽ có kẻ quí nhân đợi để đê cử

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Thu thâm nhất nhạn cao phi khứ

Phong tặng dương hoa địch vận thanh

Lư vĩ giang biên nhân độc túc

Ngư ca hoán khởi mộng trung kinh

Dịch:

Cuối thu một con nhạn bay đi

Gió thổi canh thu thành điệu kèn trong trேo
Lau lách bên sông người ngủ một mình
Khúc ca chàng ngư phủ như làm tinh giác mộng kinh hoàng

HÔN NHÂN (Vợ Chồng)

Quân kim nhược vân tùng mộng sự
Cáp tựa đào hoa mãn hậu thôn
Hữu khoái uyên ương tương bối lập
Tang du quan cái khước trùng hôn

Dịch:

Nay nhà ngươi muốn hỏi giấc mộng cây tùng
Giống như hoa đào nở đầy ở thôn sau
Đừng lấy làm lạ sao cặp uyên ương quay lưng lại nhau
Cảnh gia lại mĩ lộng cưới vợ lần nữa

TỬ TÚC (Con cái)

Phong xâu vũ trung đào lý phóng
Tam hoa nhất quả ngộ thu tồn
Toàn bằng âm chất tài bồi lực
Chủng thực tùng thu hỷ hữu nhân

Dịch :

Hoa đào hoa lý trong cơn mưa gió
Ba hoa một quả đén mùa thu còn
Đều nhờ âm đức của tổ tiên vun trồng

Mừng có người trồng được cây tùng cây thu

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Ngộ khuyên kiến ngưu ưu biến hỷ

Phùng long khứ xứ tất phùng kinh

Hỗn đàu xà vĩ kinh ưu chí

Viên hạc tùng hoàng cộng kết minh

Dịch:

Gặp năm Tuất năm Sửu buồn hóa vui

Gặp năm Thìn nên đề phòng sự sợ hãi

Đầu năm Dần cuối năm Tý có sự lo sợ

Vượn hạc tùng trúc cùng thề thốt

MÂU - ÂT

QUẺ SỐ 42: SƠN PHONG CỐ

XA KÝ TiNH

Giờ Ât Sửu : TÙNG BÁ LÃNG VÂN

Dịch: Tùng bá cao ngất trời

Giải: Chí khí kiên cường sự nghiệp hoành đại

Dịch: Chí khí kiên cường sự nghiệp rất lớn

Giờ Ât Mão: XUÂN NHẬT KHAI HOA

Dịch: Hoa nở ngày xuân

Giải: Tráng niên đắc ý vô ưu vô lụ

Dịch: Tuổi trung niên đắc ý không lo không nghĩ

THIỀN BIỀN TiNH

Giờ Ât Tỵ: MINH PHỤNG THÊ 栖 TRÚC

Dịch: Phụng gáy trên cây trúc

Giải: Bảo viễn đại chí vô an ổn chí gia

Dịch: Hoài bão chí lớn không nơi yên ổn

Giờ Ât Mùi: HÀN NHẬT ÂM THỦY

Dịch : Uống nước trời lạnh

Giải: Xử cảnh tuy bần lập chí bất cầu

Dịch: Cảnh ngộ tuy nghèo nhưng lập chí không cầu thả

THIỀN CỐC TINH

Giờ Ất Dậu: KHÔNG BÀN HẠ TRỌ

Dịch: Xếp đũa bàn trống

Giải: Tiên các hậu hung hữu phá gia chi tượng

Dịch: Trước lành sau dữ là biểu tượng phá gia

Giờ Ất Hợi: HOA VIỆN BÀI YẾN

Dịch: Bày tiệc vườn hoa

Giải: Mục tiền vinh hoa bất túc vi hằng

Dịch: Trước mắt thấy vinh hoa nhưng không đủ tin cậy

PHÁN ĐOÁN:

* Thủ mệnh hung trung phản cát, tiểu lý thành ưu, kiện kiện phạm thóai thần, đầu đầu kiến thành phá, thân tình vô nghĩa băng hữu đa duyên, tính quai lanh lợi tự nhiên thiên phó, xích tâm báo quốc phản tao tam xích chi chu, kiệt lực ư nhân chỉ tác nhất tràng thoại thuyết, khất trật xứ hữu nhân phù trì, đắc tiền xứ hữu quý lai thâu, thê cung chuẩn bị cổ bồn ca, nhi nữ đê phòng ly biệt khóc, mệnh nguyên tai hối 晦, tổ nghiệp tiêu 消 ma, khả giới tam yểm ngũ huân.

* Mệnh này trong hung xấu thành cát lành, trong vui cười trở thành lo âu, đầu mối nào cũng thấy thành rồi lại phá hỏng, mọi sự kiện nào cũng bị phạm phải Thoái thần, mọi đầu mối nào cũng thấy thành công rồi lại bị phá hỏng, tình quyến thuộc không có ân nghĩa, bạn hữu lại có nhiều duyên tình, tánh trái ngược trời phú cho nhanh nhẹn tự nhiên, tâm lòng son báo đèn ơm nước mà lại bị ba thước gươm chém chết, hết sức với người rồi chỉ làm một tràng dài chuyện văn, nơi vấp ngã có người nâng đỡ, nơi làm ra được tiền tài có quý tới thâu, cung thê chuẩn bị vỗ bồn mà hát “Trang Tử giả chết thử lòng vợ”, con trai con gái đê phòng khúc ly biệt, mệnh

nguyên bị tai ương tai vạ nguy nan tối tăm mù mịt, tổ nghiệp tan mất hết, khá nê
trai giới ba chán ghét năm tanh hôi

Tam yếm: thịt trâu, thịt bò, thịt chim nhạn. Ngũ huân: Ngũ vị tân là 5 thứ có vị cay
nồng và mùi hôi. (Tân là cay). Ngũ vị tân gồm : hành, hẹ, tỏi, kiệu, né. Ngũ huân
hễ ăn chín thì phát sanh lòng dâm, ăn sống thêm nóng giận, phàm là kẻ tu hành đều
chẳng được ăn.)

HẠC LẬP THANH TÙNG Cách

Hạc lập thanh tùng thê vị thành
Vô ngôn chung nhật ám thương thàn
Phong cuồng diệp lạc chi nan định
Lãng hám cô chu lôi bất bình
Nhạn khiếu tây phong đa lãnh lạc
Uyên miên lưỡng ngạn vi an ninh
Bất nhu thu thập thanh chiên khởi
Tẫu nhập vân trung cải tính danh

Dịch:

HẠC ĐỨNG TRÊN CÂY TÙNG

Hạc đậu trên cây tùng đứng chưa yên
im lặng suốt ngày tinh thần thương tồn
Trận cuồng phong lá rụng và cành lắc lư
Sóng đập mạn thuyền mái chèo không ngừng
Chim nhạn múa trước gió tây thật là lạnh lẽo
Chim uyên ngủ hai bên bờ chưa được yên ổn

Chẳng bằng thu cuốn chăn mền

Bay vào trong mây đổi họ tên

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Phùng dương kiến khuyễn ưu trung hỉ

Kỵ mã khiên ngưu cát hậu trung

Hạnh hữu ngũ hổ minh nguyệt tại

Tái tri điếu tuyển bích ba trung

Dịch:

Gặp năm Mùi năm Tuất trong cái lo có cái mừng

Gặp năm Ngọ năm Sửu sau cái may là cái rủi

May ánh trăng còn chiến ử ngũ hổ

Lại cầm giây câu thả trong sóng biếc

CƠ NGHIỆP (Cơ nghiệp)

Tên lập cao cương ngoại tú cai

Tiệm khai kinh cức khởi lâu dài

Nhất thanh lôi chấn kinh thiên ngoại

Dẫn lãnh quân tiên xuất động lai

Dịch:

Đứng trước đồi cao bốn phương hoang vu trải rộng

Dẹp hết gai góc để xây dựng lâu dài

Một tiếng sấm động rèn khắp phương trời

Dẫn dắt bầy tiên ra khỏi động

HUYNH ĐỆ (Anh em)

Thu phong nhạn quá phi tam chích
Vân trận giá thiêん khứ nhiễu mang
Ngô Việt tiêu tương phong cảnh biệt
Vâng lai liễu ngoại ái mai hương

Dịch:

Gió thu ba con chim nhạn bay qua
Mây dăng kín trời lối đi mờ mịt
Ngô Việt tiêu tương phong cảnh mỗi nơi một khác
Qua lại phía ngoài núi mùi thơm hoa mai rất đáng yêu

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Đối vũ đào hoa xuân nhật mô
Liễu âm thâm xú lão long ngâm
Thanh phong minh nguyệt bất tu mãi
Đáo xú mai biên tuế nguyệt thâm

Dịch:

Hoa đào thắm mưa vào lúc chiều xuân
Rồng già ngâm nơi sâm thẳm dưới bóng liễu
Cần gì phải mua trăng sáng với gió trong
Đến bên gốc mai năm tháng dài

TỬ TÚC (Con cái)

Phùng thô ngộ long tiền chiến mã
Nhất thanh lôi chấn khởi thiên cung
Chi lan thế hạ đa vinh mậu

Đình quê phân phương lồng vắng phong

Dịch:

(Tuần tự) gặp năm Mão năm Thìn rồi đến năm Ngọ

Một tiếng sấm vang ở cung Trời

Hoa chi hoa lan ở dưới thềm rất tươi tốt

Cây quê trước sân thơm ngát giòn với gió chiều

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Tú diện la võng ngư đắc thấu

Hốt nhiên bình địa thượng vân thê

Tri âm chính hảo đồng huề thủ

Nguyệt thương co sơn văn tử qui

Dịch:

Bốn bè là lưới cá lợt được

Bỗng nhiên từ mặt đất bước lên thang mây

Cùng bạn tri âm dắt tay nhau

Trăng lên đỉnh núi vọng nghe tiếng chim tử qui

MÂU - BÍNH

QUẺ SỐ 43: SƠN HỎA BÍ

KHÍEN NGƯU TINH

Giờ Bính Tý: MINH PHONG XUY PHÀM

Dịch: Cánh buồm gặp gió

Giải: Đắc nhân đè bạt sự tất thành công

Dịch: Gặp người đè bạt sẽ thành công mọi việc

Giờ Bính Dần: ỦNG LÝ MINH CẨM

Dịch: Đàn kêu trung hũ

Giải: Ám trung tác sự lao nhi vô công

Dịch: Làm việc mờ ám dù nhọc mà không công

THIEN LANG TINH

Giờ Bính Thìn: NGUYỆT HẠ MINH CẨM

Dịch: Gảy đàn dưới trăng

Giải: Nhất sinh khoái lạc tiêu diêu tự tại

Dịch: Suốt đời sung sướng thong thả an nhàn

Giờ Bính Ngọ: Y CẨM DẠ HÀNH

Dịch : Áo gấm đi đêm

Giải: Đắc ý chi thời bất hỷ phô trương

Dịch: Lúc đắc ý chớ nên phô trương

THIỀN KHÔNG TÌNH

Giờ Bính Thân: CÔ CHU NHẬP HẢI

Dịch: Thuyền lê vào bể

Giải: Cô lập vô trợ tu phòng hoạn nạn

Dịch: Một mình không ai giúp đỡ phòng hoạn nạn

Giờ Bính Tuất: THẠCH THƯỢNG TIỀN CAO

Dịch: Chiêm mõ trên đá

Giải: Tác sự nan lập căn cơ

Dịch: Làm việc không có cơ sở

PHÁN ĐOÁN:

* Thủ mệnh như chi Lan tú u nhám thượng, Tùng Bách mậu u sơn gian trú xứ u viễn cô cao, căn vó hiện thực, tuy nhiên tổ phụ cơ cùu hảo xạ nại sinh lai vị đắc thò, lục thân bất đắc lực, huynh đệ diệc tương sơ, nhược phi xuyên nhĩ ly thân, định chủ thương tàn đới phá, tu kín qua kiềm chung đới khổ, thế gian vạn vật thập toàn nan,

* Mệnh này như cành Lan đẹp ở trên núi hiểm, cây Tùng cây Bách tốt ở trong non ở nơi u ám xa xăm cô đơn cao vời vợi, gốc không bền thực, tuy thế cha ông để lại tốt, tại sao từ lúc sinh ra lại chưa gặp được thời?, nếu không xỏ tai lìa cha mẹ, định sẽ bị thương tật tàn phá tướng, nên tin rằng quả dưa ngọt sau pha đắng, thế gian muôn vật khó thập toàn

(Cách chung cho 6 giờ)

HỒNG NHẠN THẤT QUẦN Cách

Nhị thiên lý ngoại thủy liên vân

Hoài hải phong cao nhạn thất quần

Bối hậu thị phi tùy xứ hữu

Thủ đầu danh lợi trực thời tân

Nhu kim gia phú phi vi phú

Tha nhật thân bần khởi thị bần

Nhân đặc thủy biên công tử lực

Xanh hoàng thanh lý ngọc lâu xuân

Dịch: HỒNG NHẠN LẠC ĐÀN

Ngoài hai ngàn đám mây nước bao la

Nơi sông ngoài bể lớn gió cao nhạn lạc bầy

Ở sau lưng lầm chuyện thị phi

Danh lợi ở tầm bàn tay luôn luôn đổi mới

Như nay người được giàu đừng cho là giàu

Ngày sau thân có nghèo đâu phải là nghèo

Nhờ được quý nhân giúp đỡ ở chốn ven sông

Tiếng xanh ca âm vang ở lâu ngọc, lúc trời xuân.

HÀNH TÀNG (Sự Nghiệp)

Công danh tất toại kim mộc lộc

Ngộ khuyên hoàn đương hữu phúc kỳ

Tưởng đáo uy quyền thành lập xứ

Thanh danh vạn lý đạo tương nghi

Dịch:

Công danh được toại nguyện hướng lộc nhờ Vua
Năm Tuất chính là thời kỳ được hưởng phúc
Hãy nghĩ đến nơi xây dựng uy quyền
Tên tuổi vang lừng muôn dặm cung nên

CƠ NGHIỆP

Tường ngoại đào hoa mạo lâm vũ
Di lai tu tín biệt sinh nhai
Tri âm đa thiều tây giang nguyệt
Hổ phán long phi tái khởi gia

Dịch :

Ngoài tường hoa đào gấp mưa dầm
Dời đi để tìm cuộc sinh nhai khác
Bạn bè nhiều ít vàng trăng sông Tây giang
Năm Dần năm Thìn việc nhà lại hưng khởi
HUY NH ĐỆ (Anh em)
Tự hận nhất thân ly thân viễn
Thiên biên tam nhạn các phân phi
Bạch tần hồng lục thu giang khoát
Vân trạo ngư chu đáo sở nghi

Dịch:

Buồn thay thân ta xa cách người thân
Ba con chim nhạn ở bên trời xa lìa nhau

Cỏ tần trăng cỏ lục đỗ ở bên sông thu rộng
Buổi chiều mải chèo ngư phủ được chở vừa ý

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Châu liêm bất phóng yên phi vũ
Liễu ngoại oanh sồ doanh cố chi
Thu quê hữu hương nham bạn phát
trạc hiềm hoa lãnh nhật trì trì

Dịch:

Rèm châu chǎng buôn yên bay múa
Ngoài cây liễu oanh non làm tổ trên cành cũ
Cây quê mùa thu phát hương thơm ở bờ núi
chớ hiềm hoa lạnh lẽo ngày trôi chầm chậm

TỬ TÚC (Con cái)

Xuân phong đào lý túng chi phát
Thu thâm nhất quả dã ưng da
Tùng quân phong nguyệt quang âm tốc
Độc hướng minh hinh tự tiểu ca

Dịch:

Gặp gió xuân hai cành đào lý nở hoa
Cuối thu một quả đã là nhiều
Tùng trúc gió trăng quang âm đi mau
Hướng về phía hương thơm mà cười hát

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Vân lô phuong tri viên dữ thό

Kiều đầu tương vọng thị tiền trình

Nhược phùng cấp trạo tây giang nguyệt

Miễn trí tai nguy khôn khổ thành

Dịch:

Hỏi đường đi đã hay năm Thân hay năm Mão

Nghênh cỗ nhìn về đường sắp tới

Nếu gặp thuyền chèo gấp dưới trong sông Tây giang

Khỏi đến nỗi vướng tai nguy nơi thành quách điêu tàn

MÂU - ĐINH

QUẾ SỐ 44: SƠN ĐỊA BÁC

THIỀN PHỤ TÌNH

Giờ Đinh Sửu: CỐC OANH THIỀN MỘC

Dịch: Chim oanh rời cây

Giải: Tiên nan hậu dị chỉ nhật cao thăng

Dịch: Trước khó sau dễ định ngày lên cao

Giờ Đinh Mão: ỦNG LÝ TÀI TÙNG

Dịch: Trồng cây tùng trong hũ

Giải: Uống phí tâm lực nan vọng phát đạt

Dịch: Uống phí tâm lực khó mong phát đạt

THIỀN VẬN TÌNH

Giờ Đinh Tỵ: VIỆM THIỀN PHÁ PHÍEN

Dịch: Quạt rách gấp trời nóng

Giải: Thất bại chi hậu tương nhập giai cảnh

Dịch: Sau khi thất bại lại gấp cảnh tốt

Giờ Đinh Mùi: ỦNG LÝ MÃU ĐƠN

Dịch: Hoa mẫu đơn trong hũ

Giải: Tuy hữu tài hoa nan vọng phát triển

Dịch: Dầu có tài cũng khó mong phát triển

THIÊN BẢO TINH

Giờ Đinh Dậu : CAO SƠN QUẬT TỈNH

Dịch: Đào giếng trên núi cao

Giải : Cầu danh cầu lợi nhất sự vô thành

Dịch: Mưu cầu danh lợi không thành một việc

GIỜ ĐINH HỢI: TÙNG BÁ PHÙNG XUÂN

Dịch: Tùng bá gặp mùa xuân

Giải: Thao thủ 操守 kiên cố đại hữu sinh cơ

Dịch : Bản lãnh vững chắc sẽ gặp cơ may lớn

PHÁN ĐOÁN:

* Thủ mệnh khí tính hiên ngang, hung khâm sái lạc 灑落 thành bại bất thường, tiến thoái bất định, nhưỡng nhuưỡng cầu danh, khu khu cầu lợi, tâm trung bản thị nhàn trung khánh, tất yếu nhàn thì tâm bất nhàn.

* Mệnh này tánh khí hiên ngang, tâm tình tự nhiên không bó buộc, thành và bại thất thường, rối rít cầu danh bo bo cầu lợi, trong tâm vốn dĩ là khách trong nhàn, tất yếu khi nhàn tâm chẳng nhàn

DẠ VÕ BÀN ĐÀO Cách

Đào hoa khai xứ lưỡng chi phi

Lang tạ xuân phong tồn nộn chi

Tòng ảnh nguyệt cao viên độc khiếu

Lư hoa phong cấp nhạn song phi

Lục thân tịnh phá tu giao tảo

Nhi tính đồng cư mạc oán trì

Gia tại ngũ hồ minh nguyệt nội

Tử y nhân tống thượng thiên thê

Dịch:

BÀN ĐÀO TRONG ĐÊM MƯA

Nơi hoa đào nó có hai cành vươn lên

Gió xuân bùa bãi làm hại cành non

Trăng lên cao vượn hót một mình dưới bóng tùng

Gió thổi mạnh nhạn bay sóng đôi giữa rừng lau

Sớm phải xa cách bà con quyến thuộc

Việc hôn phối chật chẽ cũng đừng oán hận

Nhà ở nơi trang sáng ngũ hồ

Có người áo tía đưa lên thang mây

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp)

Tự nhiên đặc ngộ vinh hoa lọc

Thành bại giai phi phận ngoại cầu

Động tĩnh bản nhiên thiên phó dữ

Tri âm chỉ cố hướng thành đầu

Dịch:

Tự nhiên gặp được phúc lộc vinh hoa

Việc thành bại đừng mong quá phận mình

Mọi việc động tĩnh dĩ nhiên đã do trời sắp đặt
Muốn tìm bạn tri âm nên hướng về phía đầu thành

CƠ NGHỊỆP (Cơ Nghiệp)

Nhật quá cao phong nguyệt dị tiêu
Thùy tương cựu mộc tiếp tân điêu
Ân cần cải hoán tầm cơ hội
Tự hữu nhân tri đăng đai chiêu

Dịch:

Mặt trời lên đến đỉnh núi trăng phải tàn
Ai đem cây cũ chắp cành mới
Nên thay đổi tìm cơ hội tốt
Rồi sẽ có người biết mà chiêu đãi

HUY NH ĐỆ (Anh em)

Đối nguyệt khả lân cô ngưỡng vọng
Thu phong nhất nhạn dĩ cao phi
Đăng la phát ám thanh tùng thượng
Tùng bách thương thương lưỡng hữu y

Dịch:

Thương thay một mình đứng ngắm trăng
Gió thu một con chim nhạn đã bay cao
Giây leo nương bóng cây tùng
Cây tùng cây bá xanh xanh cùng nương tựa nhau.

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Tầm đối uyên ương sa phô thượng

Vũ dư hướng vãng thủy giao hoan

Thảo đường âu lộ phân phân lập

Trục đội lam dư quá viễn sang

Dịch:

Chim uyên ương tìm đôi bạn ở nơi bãi cát

Buổi chiều sau cơn mưa mới được giao hoan

Nơi nhà cỏ cò vạc đứng san sát

Nhập vào đội cưỡi mây băng qua núi

TỬ TÚC (Con cái)

Xuân đáo nhất chi hoa dục tráng

Thu thâm nhất quả trụy chi đầu

Hảo tá tường âm đào lý ánh

Tang du tùng trúc cánh ưu du

Dịch:

Mùa xuân đến một bông hoa sắp nở

Cuối thu có một quả rụng ở đâu cành

Dưới bóng tường hoa đào hoa lý lắp lánh

Về già được ngao du với khóm tùng khóm trúc

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Ngộ khuyên phùng chư thân tự quý

Phùng long kiến hổ hữu ưu kinh

Thanh sơn lục thủy quan tâm xứ

Minh nguyệt thanh phong hưng tự thâm

Dịch:

Gặp năm Tuất năm Hợi thân được quý hiển

Gặp năm Thìn năm Dần thì lo sợ

Nên quan tâm ở nơi non xanh nước biếc

Trăng sáng gió trong càng cao hưng

MÂU – MÂU

QUẾ SỐ 45: BÁT THUẦN CÂN

THIỀN QUÝ TÌNH

Giờ Mùa Tý: NGUYỆT HẠ LƯƠNG PHONG

Dịch: Gió mát dưới trăng

Giải: Phong y túc thực nhất thế vô ưu

Dịch: No cơm ám áo suốt đời không lo

Giờ Mậu Dần: TÀN CÚC PHÙNG SƯƠNG

Dịch: Hoa cúc tàn gấp sương

Giải: Vãng niên khùng hữu tai nạn

Dịch: Tuổi già em gấp tai nạn

THIỀN HOÀNG TÌNH

Giờ Mậu Thìn: THÙY LIÊM ĐỘC CHƯỚC

Dịch: Buông rèm tự rót rượu uống

Giải: Ưu du lâm hạ bất nghi xuất môn

Dịch: Vui chơi ở nhà chớ nên ra khỏi cửa

Giờ Mậu Ngọ: XUẤT LẬP 獵 PHÙNG HỒ

Dịch: Đi săn gấp cop

Giải: Xuất môn tác sự đại khái hoạch lợi

Dịch: Đi ra làm việc được rất lợi

THIỀN VĂN TINH

Giờ Mậu Thân: ĐẠI HẢI NẠP LUU

Dịch: Bể lớn thu nhận các dòng nước

Giải: Độ lượng khoan hòng khả chướng đại quyền

Dịch: Có độ lượng lớn có khả năng nắm quyền lớn

Giờ Mậu Tuất: THIỀN CHU HẠ ĐIỀU

Dịch: Thuyền nhỏ thả câu

Giải: Nhất thế tân cần nan đắc tha nhân phù trợ

Dịch: Suốt đời vất vả khó được người khác giúp sức

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh miêu nhi bất tú, tú nhi bất thực, diệp mật hoa phòn, mật vân bất vũ, ngoại quan chiếm hoa trích diệp, nội khán Dương chất Hổ bì, chỉ hò kim cương không đại hán, đắc tam tiền khứ nhị lượng, doanh nhân bách vạn tự tồn tam thiên, cứu nhân hữu ân mưu sự đa thoái, hung tai biến vi cát, hảo sự phản thành hung, mạc hiềm thụ tận cước bôn ba 奔波, đa thiểu hung tai lưu tại hậu.

- Mệnh này là cây lúa non chẵng tốt đẹp, nếu có tốt đẹp cũng không thực, lá rậm nhiều hoa, mây dày trời mà không mưa, xem bên ngoài là ngắt hoa bức lá, xét bên trong tính chất là con Dê mà bọc ngoài là da con Cọp, hạt kim cương làm băng giấy hò, không phải là nam tử người lớn, được ba đồng tiền mất hai lượng bạc, buôn bán với người được lợi trăm vạn tự mất của mình ba ngàn, cứu giúp người có ân nghĩa, mưu việc nhiều trì trệ lui bước, tai họa xấu lại biến trở thành tốt, việc tốt lại phản ngược trở thành xấu, chớ hiềm chịu hết bước chân chạy ngược xuôi vất vả, ít nhiều hung họa tai vạ còn lưu lại ở sau.

ĐỘC Ỷ CHÂU MÔN cách
Tà phong té vũ lanh thê thê
Độc ý chu lan bán yếm phi
Viễn đạo âm thư hà nhật đáo
Lương nhân xa mĩ kỷ thời qui
Sinh nhai tựa đỉnh phân tam túc
Gia thuộc như hoa duồng nhất chi
Đàn đắc mục tiền tùy phận túc
Hữu tương ngôn ngữ tiết thiên cơ

Dịch:

MỘT MÌNH TỰA CỦA SON
Gió bắc mưa phùn trời tạnh ngắt
Một mình ngồi tựa song đỏ cánh cửa khép
Đường xa âm tín chừng nào đến
Xe ngựa của chàng chừng nào mới quay về
Cuộc sinh nhai giống như cái vạc ba chân
Người nhà như hoa ở một cành
Nên biết phận mình những gì có trước mắt
Đừng nên nhiều lời mà tiết lộ cơ trời

HÀNH TÁNG (Sự nghiệp)

Mạc hận thủ tâm thành bại tảo
Chung tu đắc nại phá hoàn thành

Hữu thời độc lập thu giang thượng

Chỉ điểm cơ mưu định khứ trình

Dịch:

Xin đừng buôn giận tại sao sớm gặp nhiều chuyện thành bại

Nên cố nhẫn nại vì có thất bại rồi mới thành công

Khi có thời đứng một mình trên bờ sông lúc trời thu

Bày đột cơ mưu chỉ rõ đường đi

CƠ NGHIỆP

Thu lôi hữu nhạn không thành đội

Tam chích phân phi tái bắc qui

Cô vân tài trở thiêng nhai khát

Nhất luân minh nguyệt tự quang huy

Dịch:

Thu về nhạn bay không thành đòn

Ba con bay riêng lẻ từ ái bắc trở về

Đám mây ngăn trở bầu trời rộng

Một vành trăng sáng rực rõ

HUY NH ĐỆ (Anh em)

Chân liệt chi tâm doanh mục lệ

Châu liêm lục dữ tỏa thanh u

Kỷ phiên thành bại như xuân mộng

Hồi thủ tang du vạn lý thu

Dịch:

Lòng như lửa đốt đôi má đẫm lệ
Rèm chau song cửa biếc như khóa kín màu u nhã
Máy phen thành bại như giấc mộng mùa xuân
Quay đâu nhìn nương đâu xa ngàn dặm

HÔN NHÂN (Vợ chồng)

Tiên thế nhân duyên gai phận định
Hà tu luận đoán dữ cầu trường
Tổng nhiên miễn cường thành nhân quyến
Thứ nhật vận hành đã đoạn trường

Dịch:

Nhân duyên kiếp trước đã định sẵn rồi
Cần gì phải bàn tán chuyện ngắn dài
Cũng vì miễn cường cho nên thành nhân duyên quyến luyến
Ngày nào domây bay đi thật là sốt ruột

TÚ TÚC (Con cái)

Bội thực đình tiền hoa phát xứ
Thu thâm nhất quả hảo thu thành
Chi chi kết quả thanh hoàng sắc
Bất phạ nghiêm sương dữ ác phong

Dịch:

Vun trồng trước sân bông hoa nở
Cuối thu thâu được một quả tốt

Cành cành kết quả đú màu xanh màu vàng
Chang sơ sương buốt vào gió dữ

THU THÀNH (Mãn cuộc)

Tương phùng hổ khiếu long ngâm nhật

Thiết kỵ phong hàn vân vị tiêu

Tương đặc các thần tượng hộ hựu

Hoàn hồi túy mộng tại thu tiêu

Dịch:

Gặp ngày Cọp (Dần) gầm và rồng (Thìn) ngâm

Rất sợ gió lạnh mây chưa tan

Lại được các thần đến trợ giúp

Làm tinh giấc mộng giữa đêm thu

LUỒNG ĐẦU: MẬU - KỶ

QUẺ SỐ 46: SƠN ĐỊA BÁC

THIỀN PHÁ TINH

(khái quát cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Kỷ Sửu và giờ Kỷ Mão)

Giờ Kỷ Sửu: Cách NGUYỆT LÂU TỰ CHƯỚC

Dịch: Ngồi trên lầu cao xem trăng tự rót rượu uống

Giải: Xử phồn hoa chi cảnh, lập chí nghi kiên

Dịch: Ở trong cảnh giàu sang lập chí nên bền vững

Giờ Kỷ Mão: Cách THUẬN THỦY HÀNH CHU

Dịch: Thuyền đi thuận dòng

Giải: Nhất sinh tác sự, hào vô trở ngại

Dịch: Một đời làm việc không một chút nào trở ngại

THIỀN YẾM TINH

(khái quát cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Kỷ Tỵ và giờ Kỷ Mùi)

Giờ Kỷ Tỵ: Cách XUÂN VIÊN HỒ ĐIỂP

Dịch: Bướm ở trong vườn Xuân

Giải: Sinh trưởng phú quý chi gia y thực vô ưu

Dịch: Sinh ra lớn lên trong gia đình phú quý không lo lắng về việc cõm áo

Giờ Kỷ Mùi: Cách HƯ THẢO Vì HUYNH

Dịch: Cỏ mục làm đom đóm

Giải: Hung đa trí mưu chuyển bại vi thắng

Dịch: Lòng nhiều mưu trí chuyển bại thành thắng

THIỀN MY TINH

(khái quát cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Kỷ Dậu và giờ Kỷ Hợi)

Giờ Kỷ Dậu: Cách VÂN KHẨU KIẾN NGUYỆT

Dịch: Mây mở ra nhìn thấy trăng

Giải: Hoạn nạn dĩ quá gai cảnh túc tại mục tiền

Dịch: Hoạn nạn đã qua cảnh đẹp hiện ra trước mắt

Giờ Kỷ Hợi: Cách HẢI NGUYỆT THU ĐÀM

Dịch: Trăng trên biển ao đầm vào mùa thu

Giải: Hung hoài khoáng đạt vạn sự vô ưu

Dịch: Lòng dạ rất rộng rãi cởi mở mọi việc chẳng lo nghĩ

PHÁN ĐOÁN về cuộc đời người tuổi Mậu sinh vào giờ Kỷ

* Thủ mệnh cô trung hữu khắc, đoán xứ cầu trường, chỉ nghi chué xá quá phòn, bất khả kháo thân thủ tổ, tân khố tảo phát phúc trì, vị lão tiên đầu bạch vô sự sinh phiền não, thiên kiện sự nan thành, tam ban 班 sự bất liễu, đệ nhất cước đầu trái 債, đệ nhị mạ Phật trái, đệ tam nhi nữ trái, kiến Phật trương my nộ mục, phùng thần ngang đầu bất bái, nhược yếu hậu thành tu kiến phá, hoàng liên căn thượng sinh cam thảo, thùy tín cam tòng khố thượng lai.

* Mệnh này trong cô độc đơn chiếc có xung khắc, chỗ ngắn cầu dài, chỉ nên ở rẽ làm con nuôi, không thể nương nhờ tồ nghiệp, sờm khổ cực cay đắng chậm phát phúc, chưa già đầu đã bạc sorm, chẳng việc gì lại sinh ra buồn phiền lo nghĩ, ngàn sự kiện khó thành, ba khu vực phân chia việc chẳng xong, thứ nhất nợ bôn tẩu, thứ nhì nợ mắng chửi Phật, thứ ba nợ con trai con gái, gặp Phật trợn mà trợn mắt, gặp Thần ngang đầu chẳng bái lạy, nếu muôn sau này được thành công, thì nên bị phá hỏng ở lúc trước, trên gốc cây hoàng liên đắng sinh cây cam thảo ngọt, ai tin ngọt lại theo đắng mà ra.

(Cách chung cho người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ)

KÍCH PHÁ NGỌC HƯỜN cách

Ngọc hươu kích phá linh nhân tích

Diệu thủ lương công tu bất đắc

Khước lai hải thượng thám san hô

Thám đắc san hô cao ngũ xích

Uyên ương kinh tán nguyệt tam canh

Trúc thượng mang hài độc tự hành

Lai đào bạch vân sơn đỉnh thượng

Dược biều phó dữ Lữ tiên sinh

Dịch: ĐẬP VÕ VÒNG NGỌC

Vòng ngọc bị đập vỡ khiến người tiếc

Thợ khéo tay nghè sửa lại không được

Phải đến vùng bể mà mò san hô

Mò được cây san hô cao năm thước
Vừa lúc canh ba cặp uyên ương sơ bay tán lạc
Gậy trúc hài cỏ đi một mình
Lên tận đỉnh núi Bạch vân
Đem trao bâu thuộc cho ông Lữ Đồng Tân (1)
(I) Lữ Đồng Tân là một trong 8 Vị Tiên y đời xưa
HÀNH TÀNG (Sự nghiệp của người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ)
Hỷ phùng long mã phượng sinh dực
Ngộ thử kỵ ngưu nhập Phượng thành
Kiểm điểm bình sinh công nghiệp sự
Phù trì hữu nhật trợ tiên trình

Dịch:

Mừng gặp năm Thìn năm Dân như mọc thêm cánh
Đến năm Tý năm Sửu thì vào Phượng thành (2)
Hãy kiểm điểm sự nghiệp thuở bình sinh (như thế nào)
Có ngày được giúp đỡ gầy dựng tương lai
(2) Thành Phượng hoàng tức là cung vua.

CƠ NGHIỆP của người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ
Quân hoài chí khí tùy nhân địch
Chảm nại bình sinh vị ngộ thời
Nhược ngộ tru dương đầu giác thượng
Đầu lô biến hóa thượng thiên thê

Dịch:

Nhà ngươi hoài bão chí lớn địch nổi với thiên hạ

Tiếc rằng bình sinh chưa gặp thời

Nếu gặp nơi đâu sùng con heo con dê (1)

Chiếc đầu lâu biến hóa lên thang mây

(1) Heo (Hợi), Dê (Mùi)

HUYNH ĐỆ (Anh em của người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ)

Cuồng phong xâu vũ đả lê hoa

Tam nhạn phân phi Ngô Việt khứ

Thùa chu cải đạo vấn giang mai

Độc hướng tiêu tương yên vũ xú

Dịch:

Mưa to giỗ lớn vùi dập hoa lê

Ba con chim nhạn chia lìa hai nơi Ngô Việt

Cưỡi thuyền cái mái chèo hỏi thăm hoa mai ở bên sông

Một mình hướng về nơi khói mưa ở bến tiêu tương

HÔN NHÂN (Vợ chồng của người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ)

Ngọc đường chính hảo ca vũ

Bát giác uyên ương vũ hậu phi

Duy hữu thảo đường âu lộ thịịnh

Thanh tùng thủy trúc tự tương y

Dịch:

Đang ca múa vui vẻ ở chốn Ngọc đường

Không ngờ cắp uyên ương bay đi trong cơn mưa

Chỉ còn cò vạc ở lại chốn nhà cỏ
Tùng xanh trúc biếc tự nương tựa nhau
TỬ TÚC (Con cái của người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ)

Xuân mộng hoa tàn lưu nhất quả
Khởi kỳ nhất quả tôt hy kỳ
Âm công tương trợ nên tiên trình viễn

Chấn động gia thanh nhật mộng huy

Dịch:

Cuối xuân hoa tàn chỉ còn lại một quả
Nhưng quả ấy lại rất lạ lùng hiềm có
Nhờ âm đức (của tổ tiên) phù trợ nên tương lai rất sáng sủa
Tiếng nhà vang dậy lúc chiều hôm

THU THÀNH (Cuối đời của người tuổi Mậu sinh giờ Kỷ)

Tá vấn bách niên thân hậu sự
Nhược phùng xà khuyển tống qui trình
Sơn trung viên hạc hoàn vi lữ
Minh nguyệt thanh phong thức thủ tình

Dịch:

Thủ hỏi sự trăm năm thân thế (của ta) sau này ra sao
Đến năm Ty năm Tuổi như tiễn đường về
Vượn hạc trong núi lại là bạn
Chỉ có trăng sáng gió trong biệt lồng này.

LUỒNG ĐẦU: MẬU - CANH

QUẾ SỐ 47: SƠN TRẠCH TỐN

THIỀN TÁN TINH

(khái quát cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Canh Tý và giờ Canh Dần)

Giờ Canh Tý: Cách Phù vân tέ 蔽 nguyệt

Dịch: Mây nỗi che trăng

Giải: Tai hối trùng trùng hữu chí nan thành

Dịch: Tai ương hối tiếc đầy dãy có chí cũng khó thành

Giờ Canh Dần: Cách Hoàng hoa mãn đình

Dịch: Hoa vàng đầy sân

Giải: Sự tại nhân vi tu kiệt lực doanh mưu

Dịch: Mọi việc do người làm ra nên cố gắng hết sức để mưu cầu kinh doanh

THIỀN ƯU TINH

(khái quát cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Canh Thìn và giờ Canh Ngọ)

Giờ Canh Thìn: Cách Vân đầu vọng nguyệt

Dịch: Đầu ngọn mây trông trăng

Giải: Mục tiền khốn đốn nhật hậu thượng hữu hy vọng

Dịch: Trước mắt thấy khốn đốn mai sau có hy vọng lớn

Giờ Canh Ngọ: Cách Hạn miêu khô cảo 槁

Dịch: Lúa bị hạn hán khô khan

Giải: Nhất sinh cùng khố vô đắc ý chi thời

Dịch: Suốt đời bần cùng khốn đốn không có lúc nào được đắc ý

THIÊN THƯƠNG TÌNH

(khái quát cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Canh Thân và giờ Canh Tuất)

Giờ Canh Thân: Cách Chỉ liêm phạm vũ

Dịch: Rèm cửa làm bằng giấy bị phai mưa ướt

Giải: Căn cơ thiền bacc trình đa hoạn nạn

Dịch Căn cơ mỏng mảnh lại gặp nhiều hoạn nạn

Giờ Canh Tuất: Cách Lạp 腊 mai ngộ xuân

Dịch: Cây Mai tháng chạp gặp mùa Xuân

Giải: Hảo cảnh dĩ quá hữu thất bại chi tượng

Dịch: Cảnh tốt đã qua có cái tượng thất bại

PHÁN ĐOÁN: cuộc đời người tuổi Mậu, sinh giờ Canh

* Thủ mệnh như hạn miêu đãi vũ khô mộc đãi xuân, yếu tố hảo sự phản tố xuyết, ư nhân hảo xứ phản vị sân, hữu phúc bất đắc phúc thị thân bất thị thân, thân tại Tương Dương phủ tâm tại hải nhai tân, thiên ban ưu lự tâm trung hữu bách dụng doanh cầu khước thị vô, phí tận khu xử 區處 dụng tận tinh thần, Nhược yếu thê cung đồng đáo lão trực tu thiết chủng đổi đồng bồn.

* Mệnh này như là lúa non bị hạn hán đợi mưa cây khô đợi mùa xuân, việc cần làm khéo léo lại trở thành vụng về, với người xử tốt lại trở thành giận dữ hận thù, có

phúc mà chẳng được phúc, là thân quen mà lại chẳng phải là thân quen, thân mình ở tại phủ Tương Dương tâm hồn thì ở bên bờ biển, trong tâm có hàng ngàn phân chia lo nghĩ, trăm mối mưu cầu kinh doanh lại là không có gì cả, hao phí hết sức để phân biệt được sự lý cho được, tận dùng hết dùng hết tinh thần, nếu cần cung thê cùng sống đến già, phải nên chối sắt đói bòn đồng cùng dẻo dai.

(Cách chung cho những người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh)

TRÚ TRÁT CÔ QUÂN Cách

Cô quân trú trát ngạnh đồn binh

Lực quyết tâm bì chiến bất thành

Nhất thế thoái thần vân ảm nguyệt

Lực thân quyền thuộc lãnh như băng

Tăng kinh rộng xảo phiên thành chuyết

Mỗi hướng cầu an phải kiến kinh

Nhược yếu thu tâm tùy ý xú

Thổ tùy kê tẩu nguyệt trùng minh

Dịch:

ĐÁM QUÂN TÀN ĐÓNG TRẠI

Đám quân tàn đóng trại với đồn binh

Sức mỏi lòng lo không thể chiến đấu

Suốt đời gặp thoái thần (1) như mây che mặt trăng

Bà con thân thuộc lạnh như băng

Đã từng làm khéo hóa ra vụng

Mỗi khi tìm ra nơi yên ổn hóa thành kinh hãi

Muốn tìm ra được chỗ vừa theo ý muốn

Gặp năm Mão, năm Dậu thì trăng lại sáng

(1) Thoái thần: tức gặp lúc vận chưa hanh thông

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp của người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh)

Tự tri tiễn tại hành nhân thủ

Hữu nhật thừa long thượng ngọc kinh

Lai hữu quý nhân năng hộ hựu

Lưỡng trùng vinh lộc tự tranh vinh

Dịch:

Nên biết mũi tên đang ở trong tay người đi đường

Có ngày cõi rồng đến Ngọc kinh

Nhờ có quý nhân thường phù hộ

Cả sang và giàu đều rất rạng rỡ

CƠ NGHỆP của người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh

Ngọc khí tiên tu dụng trác ma

Chân kim bách luyện phí công phu

Nhân dân tá lực triều thiên khuyết

Dẫn lãnh quân tiên thượng đại la

Dịch :

Đò bằng ngọc trước hết phải dụng công phu mài giũa

Đò bằng vàng cũng phải tốn nhiều công phu tôi luyện

Nhờ người giúp đỡ nên được vào chầu Cung Vua
Dẫn dắt bầy tiên lên Cõi Đại La Thiên (1)
(l) Đại La Thiên là nơi tiên cảnh có 7 cây cổ thụ rất quý
HUYNH ĐỆ (Anh em của người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh)
Tương giang yên vũ ba đào khoát

Tam nhạn cao phi tự khứ lai
Duy hữu bạch tần hồng lục thịnh
Thu Đàm nguyệt ảnh tuyệt trần ai

Dịch :

Sông tương giang mờ mịt khói mưa sóng gió lớn
Ba con chim nhạn bay cao đi đi lại lại
Chỉ có rau tầng trăng rau lục đỏ tươi tốt
Bóng trăng chiếu trên Đàm thu không gọn bụi trần

HÔN NHÂN (Vợ chồng của người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh)

Nhân duyên nhân duyên phục nhân duyên
Nhất đồi uyên ương lưỡng xứ miên
Túng ngộ thanh phong minh nguyệt hạ
Du du độc chước cổ thanh huyền

Dịch:

Nhân duyên, nhân duyên rồi lại nhân duyên (l)
Một đời uyên ương nhưng ngủ hai nơi
Nhờ gặp được cảnh trăng sáng gió trong
Buồn buồn một mình rót rượu gầy đàn

(1) Duyên này, duyên nọ rồi lại duyên kia
TỬ TÚC (Con cái của người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh)
Xuân mộng hảo hoa chi thượng phóng
Đáo đặc thu thâm nhất quả thành
Nhân tại cao lâu thính tiêu túc
Thành đầu cao canh cỗ dạ du du

Dịch :

Chiều xuân hoa đẹp nở trên cành
Đến mùa thu được một quả tốt
Người ở trên lâu cao nghe tin tức
Tiếng trống cầm canh trên đầu thành làm cho đêm dài dằng dặc

THU THÀNH (Cuối cuộc đời của người tuổi Mậu sinh vào giờ Canh)
Nhược phùng mã thô công tu chí
Thứ nhật qui sơn thị túc duyên
Hồi thủ cõi viên đào lý thịnh
Kỷ đa xa mã náo cao hiên

Dịch:

Đến năm Dần năm Mão là đã đến lúc thành công
Ngày đó về núi là duyên kiếp trước
Quay đầu nhìn vườn cũ thấy đào lý tươi tốt
Biết bao xe ngựa dập dùi ở ngoài hiên

LUỒNG ĐẦU : MẬU TÂN

QUẾ SỐ 48: PHONG THIÊN ĐẠI SỨC

THIÊN DONG TINH

(Khái quát về cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Tân Sửu và giờ Tân Mão)

Giờ Tân Sửu: Cách Dạ tĩnh quan nguyệt

Dịch : Đêm tĩnh mịch nhìn trăng

Giải: Văn niên thân thế hữu tiêu điêu 蕭條 chi tượng

Dịch : Về già thân thế có cái tượng tiêu điêu buồn bã rầu rĩ

Giờ Tân Mão: Cách Đông tước 雀 tháo 造 tình 晴

Dịch : Mùa Đông chim sẻ thời trời khô hạn

Giải: Ưu hoạn dĩ quá tiệm nhập giai cảnh

Dịch : Lo âu hoạn nạn đã quá, đang đi dần vào cảnh tốt

THIÊN HỐI TINH

(Khái quát về cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Tân Tỵ và giờ Tân Mùi)

Giờ Tân Tỵ: Cách Nham tiền tấu mã

Dịch : Chạy ngựa trước núi hiểm

Giải: Mục tiền tận thị hiểm cảnh

Dịch : Trước mắt hết thấy là cảnh hiểm

Giờ Tân Mùi: Cách Ứng lý minh cầm

Dịch : Gầy đàn trong cái lu cái hũ

Giải: Ám trung tác sự lao nhi vô công

Dịch : Làm việc trông mò ám, khó nhọc mà chẳng có được công ích gì

THIẾN ÁM TINH

(Khái quát về cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Tân Dậu và giờ Tân Hợi)

Giờ Tân Dậu: Cách Lãng lý hành chu

Dịch: Đi thuyền trong sóng nước

Giải: Lịch tận gian tân, sự đa thất bại

Dịch: Trải hết mọi sự gian nan khổ cực, công việc nhiều thất bại

Giờ Tân Hợi: Cách Cựu kính sinh trần

Dịch: Gương cũ sinh bụi bặm

Giải: Tai tinh vị thoái ưu hoạn hữu chí

Dịch: Sao tai ương tai nạn chưa lui, ưu lo hoạn nạn lại đến

PHÁN ĐOÁN cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Tân

* Thủ mệnh tâm đa ưu lụ, phàm sự vô thành, lục thân nan kháo, huynh đệ tình khuy, tảo niên cǎn cơ sơ hạn, thủy lặp công danh lān lọa, thiên hối 晦 thiêng ám 閔 tinh chiêu lâm, ám tật bất minh, di Nam tựu Bắc cách cổ đinh tân, bằng hữu bất đắc lực, thân thích đa kỵ ân, chỉ nhân mạ nạn phong sương tảo, biệt hữu cao nhân tác chủ minh.

* Mệnh này tâm nhiều lo lắng suy nghĩ, phàm làm việc gì cũng đều không xong, gia đình hai bên nội ngoại khó nhở cậy, anh em tình cảm thiếu thốn, từ lúc còn trẻ tuổi đã có gốc rễ của hạn mới sinh ra, lập công danh lười năn, sao thiên hối thiêng ám tối tăm mờ mịt chiêu vào, ám tật không rõ, rồi nam tới bắc, đổi cũ thay mới,

thân thích nhiều đố ky ân oán, chỉ vì mài miệt khó khăn với gió sương từ sớm, tự có người cao quý làm chủ minh.

(Cách chung về cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

TỬ YẾN DINH SÀO

Tâm cao tính cương trực

Cam khổ giai kinh doanh

Tử yên biệt dinh sào

Hồng nhạn nan đồng lập

Khẩu trực chiêu nhân oán

Nhi nữ bất đắc lực

Nhân quý ngộ vô tâm

Kim môn hứa quân nhập

Dịch: CHIM YẾN TÍA LÀM TỔ

Lòng thanh cao tính cương trực

Sướng hay khổ cũng kinh doanh

Chim én tía riêng làm tổ

Chim hồng nhạn khó đứng cùng

Mệnh nói thăng nên hay mắc oán

Con cái không đắc lực

Được quý hiền nhờ vô tâm

Nên hứa cho nhà ngươi vào chốn nhà vàng

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp của người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

Tự hận bình sinh vị xứng tình

Khởi kỳ khô mộc thủy vinh xuân

Tri âm tông thị thu giang thượng

Ngộ khuyễn thừa long kiến yêu tân

Dịch:

Luồng giận bình sinh chưa gặp điều xứng ý

Hẹn rằng cây khô mới gặp được mùa xuân tươi

Bạn tri âm đều ở trên sông mùa thu

Đến năm Thìn năm Tuất sẽ đến bến

CƠ NGHIỆP (Cơ Nghiệp của người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

Phụ tân đăng hiểm quá trường lâm

Bán lộ hành thời khước kiém kim

Nhân sự tận thời thiên lý thuận

Ưu du trực lộc bất tu tầm

Dịch:

Đường hiểm trở gánh cùi qua rừng sâu

Đang đi giữa đường thì thấy vàng

Hãy làm việc đến cùng lẽ trời sẽ thuận theo

Cứ ngao du đuổi hươu chẳng phải tìm kiếm

HUYNH ĐỆ (Anh em của người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

Phong tống không trung tam nhạn khứ

Vũ dư độc tự quá trường giang

Ngư chu lạc nhật bất tu cõ

Duy hữu đào hoa ánh đoán trường

Dịch:

Trên không gió thổi ba con chim nhạn bay đi

Sau cơn mưa một mình bay qua sông trường giang

Mặt trời lặng chảng thèm nhìn đến chiếc thuyền chài

Duy có bóng hoa đào lúc ngắn lúc dài

HÔN NHÂN (Vợ chồng của người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

Thủ trì nhất kính phân minh phá

Tuy nhiên phá hậu cánh trùng viễn

Nhân duyên tài thị tiền duyên định

Hà tất khu khu khổ thập thành

Dịch:

Tay cầm chiếc gương vỡ rõ ràng

Tuy nhiên gương vỡ sau lại lành

Việc nhân duyên đã định từ kiếp trước

Hà tất phải khu khu giữ niệm đau khổ

TỬ TÚC (Con cái của người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

Xuân bán nhất chi hoa dục phóng

Thiên chu duy hận lãng trung du

Thiên hoàn niêm nhĩ ân càn khố

Báo nhĩ cù lao giải thử sâu

Dịch:

Nữa chừng xuân một cành hoa muôn nở

Giận rằng lúc đó đang cưỡi thuyền ngao du trên sóng

Trời còn thương nhà người gặp nhiều nỗi khổ

Nên trả công lao nhọc cho nhà người để giải mối sâu

THU THÀNH (Cuối cuộc đời của người tuổi Mậu sinh giờ Tân)

Nhân sinh ngũ hò qui bất đắc

Vãng lai nhất quả tống tang sinh

Long xà tương ngộ sinh tiền phúc

Hảo hướng giang biên đảo nhất tôn

Dịch:

Kiếp nhân sinh gửi ở ngũ hò mà vê không được

Đến tuổi già được một quả tiễn đưa cuộc sống thừa

Năm Thìn năm Ty gặp nhau (2) là phúc may lúc sinh tiền

Hay hướng về bờ sông mà cạn chén

(2) Cuối năm Thìn đâu năm Ty

LUỒNG ĐẦU MẬU - NHÂM

QUẾ SỐ 49: SƠN THỦY MÔNG

THIÊN LỘC TINH

Giờ Nhâm Tý: Cách NHẬT TÌNH DẠ VŨ

Dịch: Ngày tạnh đêm mưa

Giải: Sự sự thuận thủ vô ưu vô lụ

Dịch: Mọi việc làm đều thuận theo không lo không nghĩ

Giờ Nhâm Dần: Cách PHÙ DUNG GIÁP NGẠN

Dịch: Cây Phù Dung giáp bờ sông

Giải: Đáo xứ đắc nhân phù trợ

Dịch: Đến đâu cũng được người giúp đỡ

THIÊN PHÚC TINH

Giờ Nhâm Thìn: Cách BỒN QUỲ HƯỚNG NHẬT

Dịch: Chậu cây Quỳ hướng lên mặt trời

Giải: Đắc ngộ quý nhân hậu phúc vô lượng

Dịch: Gặp được quý nhân phúc về sau nhiều vô kể

Giờ Nhâm Ngọ: Cách THIÊN THỦY HÀNH CHU

Dịch: Đi thuyền ở nước cạn

Giải: Tác sự lao khổ hy vọng tại hậu

Dịch: Làm việc lao nhọc khổ cực hy vọng về sau

THIÊN OANH 雷 TiNH

Giờ Nhâm Thân: Cách Phi huỳnh tán hỏa

Dịch: Đom đóm bay phóng lửa

Giải: Hảo hành thiện sự tích vô hảo báo

Dịch: Thích làm việc thiện, tiếc là không được báo đáp

Giờ Nhâm Tuất: Cách VĂN HÀNH NGỘ NGUYỆT

Dịch: Đi trời sắp tối gấp trăng lên

Giải: Lão vận hanh thông đại cát đại lợi

Dịch: Tuổi già hanh thông đại đại lợi

PHÁN ĐOÁN:

- Thủ mệnh vi nhân chính trực lập tính ưu nhu, hữu ái nhân chi tâm, vô thương nhân chi ý, đại nhân kiến trọng, tiểu bối tương khinh, chỉ nghi dí tính đồng cư, bất lợi nhất thân thủ tổ, nhân tình dí biến, tác sự viêm lương, hành hảo sự bất đắc hảo báo, nhất sinh y lộc vô khuy, bất phạm quan hình, chỉ nhân hạn hối vận trì, dĩ chí qua 凡 điềm 甜 đế 毖 khổ, thọ nguyên cao ổn, vân cảnh vinh hoa.
- Mệnh này là người chính trực lập tính hay do dự, có tâm yêu mến người, không có tâm làm hại người, người trên gấp là xem trọng, kẻ dưới cùng nhau coi khinh thường, chỉ nên ở với người khác họ, nếu một thân giữ nơi tổ nghiệp thì bất lợi, tình người dễ biến đổi, việc hợp tác nóng lạnh bất kỳ, làm việc tốt không được báo đáp tốt, suốt đời cơm áo không thiếu, không phạm quan hình tù kiện, chỉ vì hạn còn mờ tối vận đến chậm, đến nỗi dưa ngọt mà rẽ nó đắng, tuổi thọ cao và ổn định, cảnh về già vinh hoa.

PHƯƠNG THẢO CHI LAN Cách

Hoàng kim bạch ngọc phi vi bảo
Tâm khé chi lan dữ phương thảo
Gia tại tiêu tương vân thủy biên
Thụ đầu xuân sắc tri đa thiều
Tỳ bà huyền đoạn vắng thanh phong
Tái chỉnh mai hoa tuyết nguyệt tình
Khước đắc duyên đồ kinh cúc thiều
Bất đắc tùy chủ xuất đô thành

Dịch: CHI LAN CỎ THƠM

Vàng ròng ngọc trắng chẵng phải là của quý
Lòng hợp với chi lan và cỏ thơm
Nhà ở bên tiêu tương nơi mây nước man mác
Biết bao xuân sắc bao phủ ngọn cây
Dây đan Tỳ bà đứt gió chiều trong
Lại chuẩn bị gửi tình cảm nơi mai trắng cùng tuyết
Nhờ được gai góc ít thấy ven đường (l)
Theo chủ nhân về thành đô chẵng hại gì
(l) Trên đường hoạn lộ ít gặp chông gai
CƠ NGHIỆP
(Cơ nghiệp của người tuổi Mậu sinh vào giờ Nhâm)

Hoàng kim bạch ngọc phi vi bảo
Bát thúc chi lan dị phương thảo
Giang hồ minh nguyệt dũ thanh phong
Tá kính cầu danh tằng thọ khảo

Dịch:

Vàng ròng ngọc trăng không phải là của quý
Nếu chẳng biết chi lan là loài hoa thơm cỏ lạ
Trăng sáng gió trong ở chốn ven hồ
Muộn lối cầu danh để tăng tuổi thọ

HÀNH TÀNG

(Sự nghiệp của người tuổi Mậu sinh vào giờ Nhâm)

Bản nghỉ kim ngọc hưng đại nghiệp
Khởi kỳ dương hạn phạm phan li
Giang sơn tự hữu trường sinh lộ
Đắc lộ ưu du cận nhật tê

Dịch:

Muốn đem vàng ngọc dựng nên việc nước
Đúng kỳ con dê (Mùi) phạm vào hàng rào
Tự nhiên có sinh lộ trong cõi non sông
Hướng lộc thanh nhàn khi mặt trời sắp ngả về tây

HUYNH ĐỆ

(Anh em của người tuổi Mậu sinh vào giờ Nhâm)

Kỳ hoa tịnh đế hâu y hy

Nhất nhạn đông lai nhất nhạn tây

Ngô Sở tiêu tương lai vãng khứ

Sở thiên khồng khoát các phân chi

Dịch:

Hoa lụa cùng chung một cuốn sau thưa thót

Một con chim nhạn từ phía đông đến một con khác từ phía tây

Thường qua lại bên tiêu tương nước Ngô nước Sở

Bầu trời nước Sở bao la mỗi con bay một ngả

HÔN NHÂN

(Vợ chồng của người tuổi Mậu sinh vào giờ Nhâm)

Thu giang tương đối nhất minh nguyệt

Trung lộ hoa tàn chi bán chiết

Vãng lai âu lộ bích ba niên

Thanh hành hương tàn hỉ tương tiếp

Dịch:

Vàng trăng soi sáng mặt nước sông thu

Giữa đường hoa rụng cành gãy đôi

Chiều về cò vạc ngủ trên sóng biếc

Rau hành xanh rau tần thơm mọc sát nhau

TƯ TỨC

(Con cái của người tuổi Mậu sinh vào giờ Nhâm)

Dị hoa dị quả quyết chí đầu
Âm đức tương thừa đãi miện lưu
Chân tác gia thanh phân đỉnh trĩ
Đình tiền chu tử thị vương hầu

Dịch:

Hoa thơm quả lo tô điểm đầu cành
Nhờ âm đức mà được mũ miện có giải
Téng nhà vang dội vũng vàng như chiếc vạc
Màu đỏ màu tía đầy sân đúng là nhà vương hầu

THU THÀNH

(Mãnh cuộc của người tuổi Mậu sinh vào giờ Nhâm)

Qui lộ thiều thiều bạn lữ vô
Hàn giang nguyệt ánh nhất chu cô
Hồi tư cố quốc gia hương sự
Lãnh thượng bạch vân như họa đồ

Dịch:

Đường về thăm thăm không bạn bè

Một mảnh thuyền trăng soi sông lạnh
Hồi tưởng quê nhà và nước cũ
Đám mây trăng trên đỉnh núi như tranh vẽ

LUỒNG ĐẦU MẬU - QUÝ

QUẺ SỐ 50: BÁT THUẦN CÂN

THIÊN CƠ TINH

(Khái quát cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Quý Sửu và Quý Mão)

Giờ Quý Sửu: Cách THU NGUYỆT TRÙNG ViÊN

Dịch: Trăng thu lại tròn

Giải: Trung niên dĩ hậu hỷ khí trùng trùng

Dịch: Từ trung niên về sau hỉ khí liền liền

Giờ Quý Mão: Cách VĂN TIẾT HOÀNG HOA

Dịch: Hoa vàng tiết muộn

Giải: Lập chí kiên cường vẫn cảnh thậm giai

Dịch: Lập chí vững bền cảnh già rất tốt

THIÊN TRỤ TINH

(Khái quát cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Quý Tỵ và Quý Mùi)

Giờ Quý Tỵ: Cách LÃNG LÝ HÀNH CHU

Dịch: Đi thuyền trong sóng

Giải: Lịch tận gian tân sự đa thất bại

Dịch: Trải qua hết gian nan khổ cực việc gấp nhiều thất bại

Giờ Quý Mùi: Cách HÀN THIỀN TẠI LIỄU

Dịch: Ve mùa lạnh ở trên cây liễu

Giải: Cực khốn dĩ cực hào vô ý bàng

Dịch: Cùng khốn đến hết mức, không nơi nào để nương tựa

THIỀN BẠI TINH

(Khái quát cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Quý Dậu và Quý Hợi)

Giờ Quý Dậu: Cách HÀN NGUYỆT HUYỀN KHÔNG

Dịch: Trăng lạnh treo trên không

Giải: Cùng bất thắt chí cô lập vô trợ

Dịch: Cùng khốn mà không mất chí hướng, cô đơn không ai giúp đỡ

Giờ Quý Hợi: Cách PHÁ ÔC TRÙNG TU

Dịch: Nhà đồ nát sửa lại

Giải: Uỗng phí tâm cơ nan bỗ khuyết thắt

Dịch: Tâm cơ bị uỗng phí khó tu bổ được sự thiêu mất

PHÁN ĐOÁN cuộc đời người tuổi Mậu, sinh vào các giờ Quý

* Thủ mệnh hữu cơ mưu năng thao trì 操持 thủ pháp độ lập cương kỷ 綱紀 , thiện biệt hiền ngu, năng phân tạo bạch, tự kham tác đồng lương 棟梁 đại khí, khả vi lãnh tụ cao nhân, chỉ nhân Thiên Đại tinh ở tại trung cung, dĩ chí thóai thần thái trọng, hung sự bất thành, hảo sự dị tán, bách xích can đầu tầng hạ túc, thiên tàn lăng lý dã hành chu, nhân hà hiểm xứ bất tương phuơng, chỉ vị Thiên Cơ tinh cứu

hộ, thê cung lực bạc, nhi nữ tình sơ, bác cân trọng đàm, nại 耐 phiền khiêu đáo đê, thế trước nhân bất túc, hưu hiềm tằngặng chỉ yếu tâm kiên.

* Mệnh này là người có cơ mưu hay giữ gìn tháo vác trong công việc, giữ khuôn phép trong việc được giao phó, lập nên hệ thống đầu mối, giỏi phân biệt người hiền kẻ ngu, hay biệt được rõ trắng đen, tự đàm nhận gánh vác nỗi được công việc quan trọng có tính chất lớn cho nước nhà, có khả năng làm lãnh tụ cao nhân, chỉ vì sao Thiên Đại ở trong cung, đến nỗi thóai thân quá nặng, hung không thành tốt dẽ tán, đầu cần thước từng nhảy xuống, có nghĩa là học giỏi đỗ cao, ngàn trùng sóng vỗ vậy đi thuyền dám vượt qua, nhân sao chở hiềm không hại gì? chỉ vì có sao Thiên Cơ cứu hộ, cung thê sức mỏng, con trai gái tình sơ, gánh nặng trăm cân, chịu đựng sự buồn phiền mà kết quả mang gánh, người thay thế thì không đủ sức, chó hiềm lận đận chỉ cần bền lòng.

SA LÝ ĐÀO KIM cách

(Cách chung về cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Quý)

Sinh lai hưu oán vị thung dung

Sa lý đào kim mạc tinhh công

Nhận quá Hàm dương duy hữu ánh

Uyên phi sa chư bãil lưu tung

Bán kèm bán khô tảng kinh quá

Đa lụ đa sâu dã thị không

Khắp thị bàn đào hoa nại cửu

Độc lưu nhất đáo bạn xuân phong

Dịch: ĐÃI VÀNG TRẮNG CÁT

Đừng nên oán hận tại sao chưa được thong dong

Đãi vàng trong cát thì đừng kể công
Nhạn bay qua Hàm Dương chỉ để lại bóng
Chim uyên bay qua bến cát không lưu dấu vết
Tùng trải qua nửa ngọt nửa đắng
Nhiều lo nhiều buồn cũng chẳng ích gì
Đúng là hoa đào chịu đựng đã lâu
Chỉ lưu lại một hoa làm bạn với gió xuân
CƠ NGHIỆP (Cơ nghiệp người tuổi Mậu sinh giờ Quý)
Thanh thời khí tiết thừa gia trọng
Tướng quốc qui mô tảo dĩ truyền
Hoài hảo ưng tu chi tái chỉnh
Tang du tiêu ngạo quá xuyên biên

Dịch:

Lấy khí tiết thanh cao nối nghiệp nhà làm trọng
Dường như sớm được kế truyền khuôn phép của một vị tướng quốc
Nên chỉnh bị đến sông Hoài bể lớn
Tuổi già đùa giỡn qua bờ sông

HUYNH ĐỆ (Anh em người tuổi Mậu sinh giờ Quý)
Song song nhạn lữ phân Ngô Việt
Oanh túc dị chi chung hiệu biệt
Tha niêm hồi thủ thán thời gian
Kim bôi phân hạp Sở gian nguyệt

Dịch:

Một đôi chim nhạn chia hai đường Ngô Việt
Oanh đậu ở cành khác phân biệt rõ ràng
Mai sau quay đầu nhìn than thở thời vận khó khăn
Chén vàng chia tay dưới trăng ở Sở gian

HÀNH TÀNG (Sự nghiệp người tuổi Mậu sinh giờ Quý)

Thở kẽ long hổ thượng thiên đình

Tá thế đương đồ phát lệnh danh

Ngưu mã tịnh hành câu đắc lợi

Thùy tương tử thủ trấn tây nhung

Dịch:

Năm Mão năm Dậu năm Thìn năm Dần lên thiên đình

Trên đường đi gặp thế lực giúp nổi tên tuổi

Trâu Ngựa cùng đi kêu được lợi (l)

Ai đem giải gấm trấn thủ tây nhung

(1) Có thể chỉ người đồng hành tuổi Sửu hoặc tuổi Ngọ mà không chỉ thời gian vì những năm thuận lợi đã nói ở câu thứ nhất rồi.

HÔN NHÂN (Vợ chồng người tuổi Mậu sinh giờ Quý)

Phượng các long lâu nhân cọng vọng

Nhất định minh nguyệt dữ thanh phong

Uyên ương phân tán đông tây khứ

Xuân tận nan giao hoa tái hồng

Dịch:

Gác phượng lâu rồng mọi người đều nhìn ngắm

Một sân đầy trăng sáng với gió trong
Cặp uyên ương chia rẽ con sang đông con sang tây
Xuân đã tàn khó khăn hoa lại hồng
TỬ TÚC (Con cái người tuổi Mậu sinh giờ Quý)
Đông phong xuy tán cảm chi đào
Đóa đóa chi chi diệp diệp lao
Phục cận chi lan hoa phúc xứ
Cơ cùu viễn thiệu lạc đào đào

Dịch:

Gió đông thổi rơi bông đào trên cành
Hoa cành và lá đều vững chắc
Lại (đứng) gần hoa chi hoa lan nức mùi thơm
Nghịệp nhà nối được lòng vui phơi phói

THU THÀNH (cuối cuộc đời người tuổi Mậu sinh giờ Quý)

Tam triều nhân vật vẫn tam công
Kiến thô phùng hầu sự bất đồng
Đãi đắt ngọc đường thu Nguyệt thượng
Tiêu diêu lâu bạn ngựa tây phong

Dịch:

Hãy hỏi nhân vật giữ chức Tam công ba thời đại
Năm Mão năm Thân việc chẳng như lòng
Đợi đến khi có nhà vàng trên vàng trăng thu

Ung dung lên lâu đứng hứng gió thu

51. LUỒNG ĐẦU KỶ - GIÁP

QUẺ SỐ 51: ĐỊA LÔI PHỤC

1. THIỀN LONG TINH

Giờ Giáp Tý: Cách THIỀN NHAI TẦU MÃ

Dịch: Cưỡi ngựa chạy khắp phương trời

Giải: Nhất sinh tâm chí phi thường hoạt động

Dịch: Một đời tâm chí hoạt động không theo lẽ thường

Giờ Giáp Dần: Cách KHÔ MIÊU NGỘ HẠN

Dịch: Lúa non khô lại gặp nắng nóng

Giải: Cùng khôn chi mệnh cánh đa hung tai

Dịch: Mệnh là cùng khôn lại gặp nhiều hung tai

2. THIỀN TÀI TINH

Giờ Giáp Thìn: Cách TUYẾT LÝ KHÔ TÙNG

Dịch: Tùng khô trong tuyết

Giải: Cảnh huống bần hàn chí khí kiên định

Dịch: Gặp cảnh huống nghèo nàn chí khí càng vững chắc

Giờ Giáp Ngọ: Cách CAO LIỄU MINH THIỀN

Dịch: Ve kêu trên cây liễu cao

Giải: Hữu quý nhân đê bạt đại hữu tác vi

Dịch: Được quý nhân đê bạt nên thành công lớn

3. THIÊN CỦNG TINH

Giờ Giáp Thân: Cách NGUYỆT CHIẾU HÀN ĐÀM

Dịch: Trăng chiếu đầm lạnh

Giải: Thất ý chi thời tự hữu nhân lai phù trợ

Dịch: Gặp lúc mất ý chí tự nhiên có người đến giúp đỡ

Giờ Giáp Tuất: Cách HÀN NGƯ Y THẢO

Dịch: Cá lạnh nương vào cỏ

Giải: Y 依 nhân ly hạ nan vọng xuất đầu chi nhật

Dịch: Nương tựa người dưới khó mong có ngày xuất đầu

4. TRÌ TRƯỞNG SONG LIÊN Cách

Bình sinh vị độc lợi danh toàn

Ngẫu xuất thâm trì trưởng bách liên

Uyên dục thâm ba phân tán tảo

Nhận phi thu phô biệt lai liên

Nhân ngôn tử kết thu quang lão

Ngã đạo hoa khai vãng tiết hương

Hạnh đáo đào nguyên lưu thủy xứ

Lục dương ảnh lý nhiệm ngưu miền

Dịch: ĐÔI SEN NỞ TRONG AO

Thuở bình sinh chưa vẹn câu danh lợi

Ngó (l) mọc ở ao sâu hoa sen lớn lên xanh biếc

(Chim) Uyên đắm mình trên sóng sao chia rẽ sớm thẽ

Mùa thu (bây) nhạn bay trên bãi cát chǎng liền nhau

Người ta cho rằng sẽ kết quả vào cuối thu

Còn ta nói rằng hoa nở vào tiết muộn

Đi đến chốn đào nguyên lưu thủy

Dưới bóng cây dương liễu xanh ròn trâu ngũ tự do

(l) Ngó: mầm non củ củ sen

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh nghịch hành phản chiếu vi nhân tự thị bất câu, tác sự hữu thủy vô chung, bất dung tình thiếu thông dung 通融, phu thê nan hợp, tử túc nghi trì, chích thủ tự tương phù, lục thân bất đắc lực, kiến quý nhân hữu duyên, tiền tài vô phận, dữ bằng hữu giao bồi tửu thiếp 貼 tiền, bối hậu chỉ lạc đắc lãnh ngôn lãnh ngữ, dụng công bất thường, cứu nhân vô ân, thiên kiện sự đương tâm, toán lai đô thị mệnh.

* Mệnh này đi ngược phản chiếu lại, là người tự cậy không câu chấp, làm việc có trước không sau, không bao dung chịu đựng tình, ít thông cảm hiểu thấu đáo nhau, vợ chồng khó hòa hợp, cái cái nén muộn, một tay tự nâng đỡ gữi gìn, hai bên Nội Ngoại đều không giúp đỡ, có duyên gặp quý nhân, không phận với tiền tài, giao du cùng bạn bè đãi rượu phụ thêm tiền, sau lưng chỉ còn được nói suông cười nhạt,

dụng công không được thưởng, cứu người không được ơn nghĩa, ngàn sự kiện tự
đảm đương, xét lại đều là do mệnh.

6. CƠ NGHIỆP

Bình địa thừa long thượng bích tiêu

Gia hương nam bác lộ thiên tư êu

Hảo bơi thiện phúc lai nhân quả

Chi nhật trường an lộ bãi điêu

Dịch:

Từ mặt đất cuồi rồng bay lên mây xanh

Mảnh quê hương chia đôi nam bắc đường xa thăm thăm

Hãy gần vun trồng thiện phúc nhân quả sẽ đến

Hẹn ngày về Trường an đường chẳng mấy xa

7. HUYNH ĐỆ (anh em)

Thu phong nhạn quá không di ảnh

Tích chiểu nguy lâu nhất chích phi

Dạ tĩnh hòa bình minh nguyệt lanh

Thê nhiên độc lập tại ngư ki

Dịch:

Nương ngọn gió thu nhạn bay không lưu lại ảnh

Sao rơi lâu cao chỉ thấy một con bay qua

Đêm khuya yên lặng trăng chiểu lạnh lùng

Thê thảm thay một mình đứng trên hòn đá câu

8. HÀNH TÁNG (sự nghiệp)

Hảo tương tâm sự trùng khai phát

Độc kế thiên chung phúc tự nhiên

Thiện niệm dữ thiên tương khé hợp

Vô tai vô hại diệc tiền duyên

Dịch:

Rất mong muốn một lần nữa tò bày tâm sự

Được hướng lộc ngàn chung phúc tự nhiên

Ý niệm tốt lành luôn luôn hợp với ý trời

Đó là tiền duyên (kiếp trước) chẳng hại gì

9. HÔN NHÂN (vợ chồng)

Nhất cỗ diên cầm huyền đoạn khuốc

Hoan tu tái cỗ vận phương hòa

Mãn đường âu lộ quần nhiên tại

Phóng hạ tỳ bà xướng sở canh

Dịch:

Mới gảy khúc đàn thì dây đã đứt

Có lẽ phải gảy lại thì vận điệu mới hòa hợp

Đây nhà cò vạc họp thành bầy

Buông phiếm Tỳ bà hát khúc Sở ca

10. TỬ TỨC (con cái)

Xuân mộ nhất chi hoa ảnh hạ

Đa lang vô nữ nhất sinh nhàn

Thiên tư thanh triệt như tùng bách

Song hạ hoa mai ảnh chính hàn

Dịch:

Cuộc xuân bóng một bông hoa càng thấp

Nhiều trai không gái một đời nhàn hạ

Bẩm tính thiên tư trong suốt như cây tùng cây bách

Bên song cửa thấp thoáng bóng hoa mai

11. THU THÀNH (cuối cuộc đời)

Xuân hoảng viên lâm đào lý phóng

Khởi kỳ nhất dạ vũ hòa phong

Y nhiên bất chỉ Nam Kha mộng

Mộng nhập Hoa tư trực cảnh trung

Dịch:

Mùa xuân nắng ấm trong rừng ngoài vườn hoa đào hoa lý đua nhau nở

Đâu cần phải chờ đến đêm mưa cùng gió

Thôi chẳng nên ghi nhớ giấc mộng Nam Kha

Hãy gửi giấc mộng vào phong cảnh Hoa tư (1)

(1) Hoa tư là tên một nước đại đồng trong mộng tưởng của Vua Phục Hi

LUÔNG ĐẦU KỶ - ÂT

QUẺ SỐ 52: ĐỊA PHONG THĂNG

1. THIÊN TIẾN TINH

Giờ Ât Sửu: Y CÂM ĐỒ THÁN 塗炭

Dịch: Mặc áo gấm đai người tàn ác gọi là đồ thán: lầm than

Giải: Đắc ý chi thời tu phòng hoạn nạn

Dịch: Lúc đắc ý nên đề phòng tai họa

Giờ Ât Mão: CAO SƠN MỘ VÂN

Dịch: Mây chiều trên núi cao

Giải: Chí cao khí ngạo nan đắc an nhàn chi nhật

Dịch: Chí khí cao ngạo khó có được ngày sống an nhàn

2. THIÊN CỐ TINH

Giờ Ât Ty: DẠ HÀNH ĐÃI NGYỆT

Dịch: Đi đêm đợi trăng

Giải: Mộ niên giao vận bất khả tính cấp 急

Dịch: Năm về già giao vận chớ nên có tính gấp gáp nóng nảy

Giờ Ât Mùi: VIÊM THIÊN CHÚNG 種 TÚC

Dịch: Trời nắng nóng tròng cây lúa

Giải: Mục tiền lao khố giai cảnh tại hậu

Dịch: Trước mắt lao nhọc khố cực, cảnh tốt sẽ ở về già, về sau

3. THIÊN LỘC TINH

Giờ Ất Dậu: HẠN TỈNH KHÔ NGƯ

Dịch: Giếng cạn cá bị chết khô

Giải: Nhất thế điên bái pháp nhân viện cứu

Dịch: Một đời điên đảo thiếu người cứu giúp

Giờ Ất Hợi: BỘI ÂN YÊN KIM

Dịch; Đeo ân thắt lưng đai vàng

Giải: Thời lai vận lai danh lợi song thu

Dịch: Gặp thời vận đến danh lợi đều thu lấy

4. VÂN TÁN NGUYỆT MINH Cách

Thiên phuơng bách kẽ sảo kinh doanh

Vân tán trường không nguyệt tái minh

Dạ vũ đả hoa nhị biến tạ

Thu phong kết tử nhất chi vinh

Nhận hàng đoạn tục phi tam chích

Uyên lữ liên miên khủng nhất kinh

Tên thương cung huyền túy thờ thủ

Ký long khóa mã thượng thiên đình

Dịch : MÂY TAN TRĂNG SÁNG

Việc kinh doanh phải dùng đến trăm mưu ngàn kế

Mây tan trăng lại sang khắp bầu trời

Đêm mưa làm cho hoa hai lần rụng

Gió thu làm cho một quả tươi tốt

Bầy nhạn bay đứt nối thấy ba con

Chim uyên ngả bên nhau mà vẫn sơ sệt

Mũi tên trước dây cung nhắm vào thỏ (Mão) chuột (Tý)

Cưỡi rồng cưỡi ngựa lên chốn thiên đình

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh tính cương hữu đóm khí, kiến khoái hữu thương lượng 商量, giả nhiêu thập bộ sinh cửu kê, chỉ đặc tâm an thân vị nhàn, chỉ nhân tâm trực khẩu khoái, xuất xứ đương như hổ doanh 嬴 quật 窿, hưu hiềm thời vị chí, tùy phận độc chi

ngô, đạp phá thiết hài vô mịch xứ, thời lai toàn bất phí công phu.

* Mệnh này tính cứng rắn có khí chất can đảm, gấp việc ưa thích thì đắn đo, ấy nhiều

khi mười bước sinh ra chín mưu kế, để được tâm an nhàn thân lại chưa nhàn, chỉ vì lòng

ngay miệng nhanh lẹ linh động, ra khỏi nơi như cọp được ở trong hang mạnh mẽ mà an

toàn, chớ hiềm thời chưa đến, tùy phần mà một mình lo liệu lấy, đi mòn giày sắt
không

tìm ra nơi chốn, thời vận tới thì vẹn toàn chẳng phí công sức đâu.

6. CƠ NGHIỆP

Phú quý thùy trị lộc vị gian

Niên lai nguyệt khứ kỷ thê nhiên

Nhân phùng thủy khẩu nhân tương hội

Túc lộc giang biên khước hữu duyên

Dịch:

Thấy giàu sang nhưng có ai hay lộc và vị quá gian nan

Năm qua tháng lại biết bao cảnh thê lương

Nhờ gặp được người ở chốn ven sông

Đuối hươu ở ven sông lại là cơ duyên (của kiếp trước)

7. HUYNH ĐỆ (anh em)

Cô phi nhất nhạn tam sơn khoát

Sở Hán trùng du âm tín từ

Độc xứ giang biên đa thiếu hùng

Đè huè sách điều thượng ngữ kỵ

Dịch :

Chiếc nhạn bay qua ba dãy núi bao la

Ngao du Hán (rồi) Sở tin tức chậm

Một mình ở chốn ven sông bao cảnh hùng

Tay cầm cần câu lên ngồi trên hòn đá

8. HÀNH TÁNG (sự nghiệp)

Lập chí hưng công đa tài lộc

Đặc ân tất ngộ nhất cao hiền

Thiên biên hảo sự trùng tương kiến

Cơ cữu thành danh tại thủy biên

Dịch:

Lập chí gắng công sẽ có nhiều tài lộc

Được bậc cao nhân ban cho đặc ân

Ở nơi xa thăm lại gặp được nhiều chuyện hay

Nên danh lâu dài cũng ở chốn ven sông

9. HÔN NHÂN (vợ chồng)

Sầu thính ni nam lương yến ngữ

Bồi hồi thường hữu trụy sào ưu

Hát tình hốt vũ bất cửu trường

Nhân tại cao đường nguyệt tại lâu

Dịch:

Buồn nghe tiếng líu lo của chim yến nơi sà nhà

Đường như lo lắng tổ sắp bị rơi

Lúc tạnh lúc mưa không kéo dài

Người ngồi trên nhà cao còn ánh trăng thấp thoáng trên lâu

10. TỬ TÚC (con cái)

Thùy đạo hậu viên hoa mậu thịnh

Khủng kinh oanh khứ chỉ không chi

Tảo tầm phong nguyệt vi tri kỹ

Miễn học thu lai tống ngọc bi

Dịch:

Ai bảo rằng hoa vườn sau rất tươi tốt

Chỉ e oanh bay đi mất còn trơ cành

Hãy sớm tìm gió trăng làm bạn tri kỷ

Như vậy khỏi mang mối sâu của Tống ngọc khi thấy gió thu đến.

11. THU THÀNH (cuối cuộc đời)

Phùng dương mạc hướng trùng sơn khứ

Ngộ mã tu phòng thủy hỏa tai

Tự hữu phúc thần tương hộ hưu

Phù trì tế hội phúc thần lai

Dịch:

Gặp năm Mùi thì chớ đi về hướng có núi `

Đến năm Ngọ thì đề phòng tai nạn nước và lửa

Tự nhiên sẽ có nhiều phúc thân đến phù hộ

Và cũng sẽ được nhiều phúc thăm đến phù trì

LUỒNG ĐẦU: KỶ - BÍNH

QUẺ SỐ 53: ĐỊA HỎA MINH DI

1. THIÊN PHÁ TINH

Giờ Bính Tý: Cách VÂN ĐẦU VỌNG NGUYỆT

Dịch: Đầu ngọn mây nhìn trăng

Giải: Mục tiền khốn đốn nhật hậu thượng hữu hy vọng

Dịch: Trước mắt khốn đốn mai sau có nhiều hy vọng lớn

Giờ Bính dần: Cách KHINH PHÀM THUẬN THỦY

Dịch: Buồm nhẹ thuận dòng nước

Giải: Tự thiếu chí lão sự sự thuận thủ.

Dịch: Từ trẻ đến già mọi việc đều thuận lợi

2. THIÊN VINH TINH

Giờ Bính Thìn: Cách NHAM TIỀN TÂU MÃ

Dịch: Chạy ngựa trước núi hiểm

Giải: Mục tiền tận thị hiểm cảnh

Dịch: Trước mắt đều là cảnh hiểm trở

Giờ Bính ngọ: Cách ÚNG 瓮 LÝ MINH CÀM

Dịch: Gầy đàn trong hũ

Giải: Ám trung tác sự lao nhi vô công

Dịch: Làm việc trong mờ ám cực nhọc mà không công

3. THIÊN HÁO TINH

Giờ Bính Thân: Cách THẬP NGUYỆT MAI HOA

Dịch: Hoa mai trong tháng mười

Giải: Tảo niên giao vận, sự sự đắc ý

Dịch: Gặp vận từ lúc còn trẽ mọi việc đều được đắc ý

Giờ Bính Tuất: Cách BĂNG THUỢNG KÝ MÃ

Dịch: Cuối ngựa trên băng tuyết

Giải: Tác sự tấn tốc phỏng hưu khuynh phúc chi ngu

Dịch: Làm việc nhanh chóng, đề phòng có lo âu đỗ vỡ

4. THU VĂNG PHÙ DUNG Cách

Đoạt lợi tranh danh bãi thập toàn

Tích thần dụng tận vạn thiên thiêng

Hóa tài hao tán giai nhân mệnh

Cốt nhục oan cùu mạc oán thiên

Nhận quá quan san dong dục quyền

Hoa khai hàn lĩnh nhất chi tiên

Đáo đầu phùng đức dương sơ hữu

Ngã diệc lăng vân thượng bích thiên

Dịch: HOA PHÙ DUNG CUỐI THU

Việc tranh danh lợi chúng được trọng vẹn
Đã vận dụng tinh thăn đến muôn ngàn ràn
trật tiên hao của cũng do mệnh (mình)
Anh em thù ghét (nhau) cũng đừng oán trời
Nhạn bay qua quan ải cánh mệt mỏi
Hoa nở trên đỉnh núi lạnh chỉ còn một bông tươi
Cuối cùng gặp lại người bạn (cũ) quen lúc ban chiu
Ta cùng vễn mây mà bay lên trời xanh

5. Phán đoán

* Thủ mệnh gian nan tảo lịch, ma nạn tằng kinh, khuyên thân lãnh như băng, huynh đệ tâm như thiết, ngư tại thủy trung lãnh noãn 暖 tự tri, hồ lang nội bất thương nhân, kinh cúc trung lưu xích cước, cát tinh cứu tai tự tiêu ma 摩, an nhàn trung sinh xuất phiền não, bôn ba trung biến xuất hoan hỷ, giai thị thoái thần lai nhập mệnh, ta đà tằng đắng vị năng hưu 休.

* Mệnh này đã sớm trải qua gian nan nguy hiểm, đã từng trải qua hoạn nạn, thân quyến tính lạnh như băng, anh em tâm như sắt, cá ở trong nước ấm hay lạnh thì tự mình biết, bên trong là con cọp con sói nhưng không hại người, đi qua trong gai góc để lại dấu vết chân, cát tinh cứu trợ tai nạn tự tan biến mất đi, trong lúc an nhàn lại sinh ra phiền não, trong lúc bôn ba lại biến ra hoan hỷ, đều bởi thoái thần vào trong mệnh, vấp trắc chật vật chưa được tốt lành.

6. Cơ nghiệp

Tí môn thiên phúc tự nhiên phong

Tích đức kỳ lân nhập mộng trung

Đình hạ ban y hương niệu xú

Thung tùng lan huệ vũ đong phong

Dịch:

Cửa Tỉ môn tự nhiên bị ông Thiên phúc khép kín

Vì đã tích đức nên trong giấc mộng mơ thấy con Kỳ lân

Dưới sân từ màu áo sặc sỡ phát ra mùi hương thơm

(Các) cây thung tùng lan huệ như nhảy múa với gió đong

7. Huynh đệ (anh em)

Song song nhạn túc lư hoa ngoại

Nhất cá cô hong trực vãng hà

Vạn lý giang sơn cọng du lâm

Tùng âm thâm xú anh kiêm hè

Dịch:

Bày nhạn ngửi tùng cặp ở ngoài rừng lau

Một con chim hồng đang đuối theo trong buổi ráng chiều

Non sông muôn dặm cùng nhìn ngắm

Dưới bóng tùng sâu kín phản ánh vào cỏ kiêm cỏ hè

8. Hành táng (sự nghiệp)

Bình sinh từ thiện lạc thiên chân

Mao tiết lưu phương cập hậu côn

Thân hữu kỷ đa vinh hiển sự

Trùng trùng điệp điệp báo hoàng ân

Dịch:

Suốt đời giữ lòng lành vui với tính trời cho
Đã cầm cờ mao tiết lưu tiếng thơm cho con cháu
Sau thân này để lại cho bao nhiêu sự vinh hiển
Trùng trùng điệp điệp bao lần lạy tạ ơn vua

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Thường biến danh viên kỷ xứ hoa
Hoa không tử thực hiển vương gia
Tuế hàn nhân sự không trù trướng
Minh nguyệt thanh phong hứng tự xa

Dịch:

Đã thường thức muôn hoa ở các vườn danh tiếng
Hoa không mà sinh ra quả thực được vinh hiển ở nhà vua
Cuối năm trời lạnh nhân sự luống buồn bã
Đợi cho trăng sáng gió trong nguồn cảm hứng sẽ đến

10. Tử túc (con cái)

Hoa khai tam đáo giáng thanh hoàng
Nhất quả tường đông nhất quả hương
Cánh khán vãng lai chi thượng quả
Nhất chi thắng tựa nhất chi cường

Dịch:

Ba bông hoa nở màu xanh chen màu vàng
Một quả ở tường bên đông một quả thơm

Đến chiều lại xem quả ở trên cành
Một cành tốt cũng giống cành kia mạnh

h) Thu thành (cuối cuộc đời)

Long xà đảo xứ thị quy kỳ
Vạn lý giang sơn bất cải di
Thiên bạn chi lan hương ánh nhật
Phi phàm trực hướng cửu thiên thời

Dịch:

Đến năm Thìn năm Ty là kỳ hạn lúc trở về
Thay muôn dặm non sông không có gì thay đổi
Hoa chi hoa lan ở phương trời tỏa mùi hương hòa với ánh mặt trời
Đó là lúc một cánh buồm lưu (trở) về Cửu thiên

LUỒNG ĐẦU: KỶ - ĐINH

QUẺ SỐ 54: BÁT THUẦN KHÔN

1. THIÊN OANH TINH

Giờ Đinh Sửu: Cách THU HOA PHÙNG VŨ

Dịch: Hoa mùa thu gặp mưa

Giải: Trung niên giao vận thương hưu ý ngoại phong ba

Dịch: Giao vận vào tuổi trung niên còn có sóng gió bất ngờ

Giờ Đinh Mão: Cách VĂNG TIẾT HOÀNG HOA

Dịch: Hoa vàng thời tiết muộn

Giải: Lập chí kiên cường vẫn cảnh tiêu diêu

Dịch: Lập chí vững chắc tuổi già an nhàn

2. THIÊN HỒ TINH

Giờ Đinh Tỵ: Cách THIÊN CHU NHẬP HẢI

Dịch: Thuyền nhỏ đi vào biển

Giải: Cô lập vô trợ phòng hữu hoạn nạn

Dịch: Một mình không ai giúp đỡ đề phòng hoạn nạn

Giờ Đinh Mùi: Cách THU NHẠN TRIỀN 隅 DỤC

Dịch: Nhạn mùa thu tung cánh

Giải: Dục đồ phát triển 展 tu tại tú nhập dĩ ngoại

Dịch: Muốn phát triển nên đợi ngoài 40 tuổi

3. THIỀN HOÀNG TINH

Giờ Đinh Dậu: Cách THIỀN ĐIỀU ĐẦU LÂM

Dịch: Ve sầu, chim cùng nương minh trong rừng

Giải: 予依 nhân tác giá miễn đồng nỗi凍餒 chi ưu

Dịch: Nương dựa nhờ người khác làm nên sự việc, khỏi lo đói rét

Giờ Đinh Hợi: Cách LUÔNG NGUYỆT HÀNH CHU

Dịch: Đi thuyền dưới trăng lành

Giải: Nhất sinh tiêu diêu tự tại

Dịch: Suốt đời an nhàn sung sướng

4. TIẾP THỤ PHÙNG XUÂN cách

Nhất thương vạn phong tuyết tiệm tiêu

Thùy tương tân mộc tiếp tân điêu

Lợi danh bản thị tư cơ hữu

Thành bại gai nhân mệnh lý chiêu

Thủy tẽ uyên ương phân bạn lữ

Thiên biến hồng nhạn thất quân cao

Hoa khai chính thị xuân tam nguyệt

Chỉ khủng cuồng phong nhất dạ phiêu

Dịch: GHÉP CÂY GẶP MÙA XUÂN

Mặt trời lên khỏi muôn ngọn núi tuyết dần tan

Ai đem cành mới ghép cành mới
Lợi danh vốn nhò tư cơ mà có
Việc thành hay bại cũng do mệnh mà ra
Trên mặt nước uyên ương chia đôi ngả
Bên trời hồng nhạn bay lạc đà
Hoa nở chỉnh vào lúc thảng ba mùa xuân
Chỉ sợ một đêm cuồng phong làm cho rơi rụng

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh cơ mưu hữu trí gian giảo đa nghi, hữu quyền bính, hội thao trì 操持, vô duyên chiêu đích tử 嫡子, hữu phận thú hiền thê, sinh đới tam hình thất sát, thân phòng nhục phá bì hành, tài bạch hướng ngoại phương tích tụ, phú quý tại gia hội thi vi 施爲, chỉ nhân chiêu 昭 mô 暮 phụng thiện, đáo xứ phương tiện từ bi 慈悲, đắc ý nùng thời hưu tiến bộ. lâm kỳ tinh đắc thất tiện nghi, nhược vấn lục thân huynh đệ phận, lạc hoa lưu thủy các đồng tây.

* Mệnh này là có cơ mưu có hiểu biết gian trá nhiều nghi ngờ, có quyền hành trong tay, giỏi giữ gìn, không duyên với con trưởng, có phận lấy vợ hiền lành, sinh ra bị tam hình thất sát, thân thể phòng thịt phá da hành, tiền bạc hướng ra phương bên ngoài thì tích tụ giàu sang, ở trong nhà thường hay bày vẽ ra làm việc này việc kia, chỉ vì sớm chiêu phụng sự điều thiện, đến nơi nào tốn lòng lành thương xót, khi đã đắc ý nồng hậu rồi thì thôi chớ nên tiến tới nữa, tới kỳ tinh ngộ ra rồi được thì đã mất tiện lợi, nếu hỏi gia đình hai họ và thân phận của anh em, thì giống như hoa rơi nước chảy ở Đông Tây mỗi nơi vậy.

6. Cơ nghiệp

Dục bái trần hành vọng bích tiêu
Nại hà vũ dục vị kiên lao

Âm công tích đức tri âm thương

Giá hạc hè cầm thương cửu cao

Dịch:

Muốn bỏ chốn bụi trần lên thang mây

Tiếc rằng lông cánh chưa đầy đủ

Nhờ âm công tích đức gấp được bạn tri âm

Mang đàn cưỡi hạc lên chốn cửu cao

7. Huynh đệ (anh em)

Nhạn phi chi tự quá tiêu tương

Lưỡng chích bi minh nhập sở hương

Duy hữu cô hồng tiêu hán viễn

Giang sơn nhược lục tích dư lương

Dịch:

Nhạn bay hình chữ chi qua bến tiêu tương (1)

Hai con cát tiếng kêu bi thương bay vào nước Sở

Chỉ còn lại chim hồng lê loi ở tầng mây xa xôi

Nhin non sông một màu cỏ lục chất chất lương thừa

(1) Nhạn bay hình chữ chi là bay không đều nhau.

8. Hành táng (sự nghiệp)

Chu hành bán dạ phong ba hiểm

Tự ngộ dương đầu hữu nhật kỳ

Đắc tại giang biên bình ôn xứ

Tang du nguyệt chiếu hữu quang huy

Dịch:

Thuyền đi lúc nửa đêm gặp trận phong ba hiểm trở
Đầu năm Mùi tự nhiên có người giúp đỡ
Đáp vào ven bờ nơi yên ổn
Bãi dâu được ánh trăng chiếu vào sáng rực

9 Hôn nhân (vợ chồng)

Sở thụ Ngô hoa cảnh sắc tiên
Yến phi oanh vũ nhật hòa thiên
Cuồng phong xâu vũ lai hiên hạm
Nguyệt ám sơn thâm văn Đỗ quyên

Dịch:

Cây sở hoa Ngô cảnh sắc lại tươi
Yến bay Oanh múa ánh dương chan hòa bâu trời
Mưa to gió lớn đập vào mái hiên lan can
Trăng mờ núi thăm vắng tiếng chim Đỗ quyên
10. Tử túc (con cái) người tuổi Kỷ sinh giờ Đinh
Chi đâu tam quả lộng thanh thiên
Lưỡng quả điêu linh vãng kiến thương
Nhược kiến khuyển dương bi hậu hỉ
Long phi phượng vũ độc cao tường

Dịch:

Đầu cành ba quả nức mùi hương
Hai quả tàn tạ đến chiếu gấp tồn thương

Gặp năm Tuất năm Mùi sau cơn buồn lại thấy vui

Rồng bay phượng múa, riêng bay lượn (2)

(2) Việc con nào, con đó làm

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Kê thõi chung động nguyệt tương trâm

Thử vĩ ngưu đầu hữu nhất kinh

Khô mộc tái khai hoa diễm sắc

Mộng hồi dũ giác mộng hồn thanh

Dịch :

Gà dục chuông kêu trăng sấp lặn

Cuối năm Tý đầu năm Sửu gặp trận kinh hoàng

Cây khô lại nở hoa diễm lệ

Sau giấc mộng càng thấy mộng hồn thanh thoát

LUỒNG ĐẦU: KỶ - MÂU

QUẺ SỐ 55: LÔI ĐỊA DỤ'

1. THIÊN KHIÊN TINH

* Giờ Mậu Tý: Cách PHÓNG TIỄN XUYÊN VÂN

Dịch: Phóng mũi tên xuyên mây

Giải: Tuy hữu đại chí nan vọng thành công

Dịch: Cho dù có chí lớn cũng khó mong được thành công

* Giờ Mậu Dần: Cách OANH ĐÈ PHƯỢNG VŨ

Dịch: Oanh hót Phượng múa

Giải: Vận mệnh thác tạp tác sự hữu đắc hữu thất

Dịch: Vận mệnh hỗn tạp làm việc có được có mất

2. THIÊN TƯỚNG TINH

* Giờ Mậu Thìn: Cách KINH ĐIỆP NHẬP

Dịch: Bướm bị kinh sợ bay vào vườn hoa

Giải: Thông minh tự dụng phòng nhập mê đồ

Dịch: Tự cho là thông minh đê phòng đi vào đường sai lạc mê lầm

* Giờ Mậu Ngọ: Cách THỦY THUỢNG MINH CÀM

Dịch: Gây đòn trên nước

Giải: An nhàn xú phòng hữu phong ba

Dịch: Ở nơi an nhàn đê phòng gặp khi sóng gió

3. THIÊN LỘC TINH

* Giờ Mậu Thân: Cách KINH ĐIỀU THOÁT VÕNG

Dịch: Chim thoát được lưới sợ hãi

Giải: Tuy đa ưu hoạn sự hữu giải cứu chi nhân

Dịch: Tuy gặp nhiều hoạn nạn tự nhiên có người đến giải cứu

* Giờ Mậu Tuất: Cách KÌNH NGƯ TẠI CÙ 渠

Dịch: Cá ở trong kênh ngòi sợ hãi

Giải: Khôn thù gia viễn, sự đa phát nghịch

Dịch: Khôn đón cõi thủ ở trong vườn trong nhà, việc nhiều ngang trái

4. NHẠN QUÁ HÀN GIANG Cách

Hoạt kế hoàn tu hoãn hoãn thành

Kinh doanh cánh phục hữu kinh doanh

Cố viên xuất sắc kham hồi thủ

Thượng uyển xuân hoa khả tiến trình

Nhận ảnh quá giang đa thất trụy

Đào hoa trị vũ diệc thương thần

Bình sinh tiền thoái đa trù trưởng

Dương mã tương phùng túc lợi danh

Dịch: NHẠN (bay) QUA SÔNG LẠNH

Sinh kế nêu tính từ từ mới thành công

Kinh doanh tiếp tục lại kinh doanh

Hãy quay đâu nhìn cảnh xuân sắc nơi vườn cũ

Nên tiến bước về nơi vườn thượng uyển có hoa xuân

Bóng nhạn thoảng qua sông phần lớn như rơi rụng

Hoa đào gặp mưa cũng bị tổn thương

Cuộc đời tiến thoái gặp nhiều lo lắng

Dê Ngựa gặp nhau thời lợi danh đầy đủ (l)

(l) Cuối năm Ngọ đầu năm Mùi

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh sơ niên bắc tạp 駁雜 tảo tuế tân cần, lao tâm phí lực, dụng tận tinh thần, cốt nhục như băng thán, tài bạch tự phong vân, bách kế thiên phương thành nhất sự, thu lai tịnh bất kiến ân cần 慇勤, viễn phương băng hữu tương tôn trọng, cận xứ thân lân khước bất thân, chỉ hợp ly hương biệt tinh khứ, đắc an thân xứ thủ an thân.

* Mệnh này tuổi trẻ lẩn lộn không thứ tự sớm bị cay đắng khổ cực, nhọc lòng hao phí sức lực, sử dụng hết cả tinh thần, gia đình ruột thịt như là băng lạnh tro tàn, tiền tài như mây gió tự rồi tan, trăm phương ngàn kế cho thành một việc, kết quả thu lại đều chẳng thấy hậu đãi chu đáo, ở nơi phương xa bạn bè cùng tôn trọng, nơi chốn thân gần lại chẳng thân, chỉ hợp lìa xa quê đi nơi khác, được nơi an thân hãy ở yên thân.

6) Cơ nghiệp

Ngũ hòe tứ hải gia hà tại

Lợi lộc du du chí khí cao

Mặc quái trình đồ lai vãng tẩu

Trùng khai cô trúc điếu linh ngao

Dịch:

Năm hòe bốn bể biết đâu là nhà

Lợi lộc lâu dài chí khí lại càng cao

Đừng lấy làm lạ sao cứ mãi bôn ba
Hãy lấy cần trúc ra mà câu cá ngao vàng

7 Huynh đệ (anh em)
Ngũ phương phong tống ngũ minh kê
Ngô Việt tiêu tương các tự y
Duy hữu tiền đường giang thương ngạn
Đào hoa ảnh lý lộng kim huy

Dịch:

Gió thổi năm phương nghe tiếng năm con gà gáy
Đều xa Cách Ngô Việt nơi bến tiêu tương
Chỉ thấy trên bờ sông tiền đường
Dưới bóng đào hoa dạo phuồn vàng

8. Hành táng (sự nghiệp)

Lộc trọng chung tu chưởng án quyền
Tài đa duy lự họa khiên liên
Tri cơ mạc hướng giang biên lập
Tự hữu cao nhân chỉ dẫn duyên

Dịch:

Lộc nhiều sau lại được nắm quyền hành
Của nhiều nhưng sợ họa liên miên
Biết cơ như thế thì đừng đứng bên sông
Tự nhiên có bậc cao nhân đến chỉ dẫn cho

9. Hôn nhân (vợ chồng) người tuổi Kỷ sinh giờ Mậu

Uyên ương tương đối lưỡng thê thê

Phong đài phù bình đồng phục tê

Nguyệt lạc lâm sao tinh lãng lãng

Vô liêu sầu thính tử qui đê

Dịch:

Cặp uyên ương sống đôi đáng lướt thuở

Gió lộng bèo trôi từ đông sang tây

Trăng lặn đầu cây sao lấp lánh

Nghe tiếng chim tử qui lòng buồn man mác

10. Tử túc (con cái)

Mộ xuân nhất đôi hoa thành hậu

Cản kiến chi đầu kết nhị đào

Đản đác âm dương tài thực cửu

Tự nhiên phúc chí tính danh cao

Dịch:

Sau khi đôi bông hoa nở vào cuối xuân

Chỉ thấy đầu cành kết một trái đào

Nhờ khỉ âm dương vun đắp đã lâu

Tự nhiên phúc đến lừng tên tuổi

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Vận hạn chỉ sầu Canh dữ Ât

Vận khai liên ngộ nguyệt quang huy

Tâm tư tích nhật kinh doanh xú

Lục thủy thanh sơn ẩn thủy vi

Dịch:

Nên lo vận hạn vào năm Canh năm Ất

Mây tan lại gấp trăng sáng rực

Hãy nhớ lại nơi kinh doanh lần trước

Non xanh nước biếc ẩn hiện khí trong xanh

LUỒNG ĐẦU: KỶ - KỶ

QUẺ SỐ 56: BÁT THUẦN KHÔN

1. THIÊN THOÁI TINH

* Giờ Kỷ Sửu: Cách VŨ QUÁ CHỦNG TÚC

Dịch: Qua cơn mưa trồng lúa

Giải: Thiếu niên bát cần học lão đại đồ thường bi

Dịch: Tuổi trẻ không siêng năng học già rồi sẽ hối hận

* Giờ Kỷ Mão: Cách THẠCH THƯỢNG TÀI LIÊN

Dịch: Trồng cây sen trên đá

Giải: Vì tử tôn tác ngưu mã đồ tự lao khổ

Dịch: Vì con cháu mà làm thân trâu ngựa, tự rước những lao nhọc khổ cực

2. THIÊN HỐI TINH

* Giờ Kỷ Ty: Cách BẢO KIÉM TÀNG HẠP

Dịch: Gươm báu giấu trong tráp

Giải: Tuy hữu cao tài nan vong dụng thế

Dịch: Tuy có tài cao khó mong muốn được đời dùng đến

* Giờ Kỷ Mùi: Cách XUÂN MỘC TÚC ĐIỀU

Dịch: Mùa xuân chim đậu trên cành cây

Giải: Thiện ư doanh mưu y thực vô ưu

Khéo kinh doanh khỏi lo cơm áo

3. THIÊN ĐƯƠNG TINH

* Giờ Kỷ Dậu: Cách ĐÔNG LĨNH TU TRÚC 修竹

Dịch: Cây trúc cao trên đỉnh núi trong mùa Đông

Giải: Tiêu dao khoái lạc vân cảnh phả giai

Dịch: An nhàn sung sướng cảnh về già càng thêm tốt đẹp

* Giờ Kỷ Hợi: Cách BÌNH 饼 NỘI MAI HOA

Dịch: Hoa mai trong bình

Giải: Nhất sinh bão khuất vô đắc chí chi thời

Dịch: Suốt đời ôm áp hoài bão không lúc nào đắc ý

4. TẠC THẠCH KIẾN NGỌC Cách

Tạc thạch xuyên thò phùng đoan ngọc

Quái ngọc khô tùng bàng tu trúc

Hồng nhạn thiên biên cô độc phi

Âu lộ sa biên kiều nhất túc

Viên lâm thị xứ phát xuân hoa

Duy ngã định tiền trưởng thu cúc

Bách niêm thế sự vấn như bà.

Bán tử bán tôn tương bạn trú

Dịch: ĐÀO ĐÁ THẤY NGỌC Cách

Lúc đang đào đá bắt gặp ngọc quí
Ngọc lạ cây tùng khô dựa vào cây trúc
Bên trời chim hồng chim nhạn bay lẻ loi
Cò vạc bên bãi cát kiêng một chân
Vườn rừng là nơi hoa xuân nở
Chỉ có ở trước sân ta cây cúc vàng lớn trong mùa thu
Thử hỏi trăm năm thế sự như thế nào
Cùng ở với con rể và cháu ngoại

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh thâm tư viễn lự doanh viễn lao tâm, khẩu trực tâm từ tính cao khí ngạnh, thụ bất đắc khúc trực ngắt bất đắc tiện nghi, phân thanh lý bạch, bỏ đoán khiên trường, vi sự dì thành vu nhân bất túc, thê nhược nan vi tử đa bất túc, công danh hư tài bạch háo, xảo lý đắc lai không lý khứ, thủy thượng phù bào nhỡn tiền hoa.

* Mệnh này lo nghĩ sâu xa kinh doanh nơi xa nhọc lòng, miệng thảng lòng lành chịu không nổi uốn cong bẻ thảng, nuốt không nổi tiện nghi tạm bợ, chia rõ xanh trắng thêm ngăn bót dài, làm việc dễ thành với người không đủ, vợ yêu đuối khó làm nên, con phần nhiều không tốt, công danh chỉ là hư ảo tiền bạc thì hao tổn, được sự khéo léo tinh xảo lại đi mất trở thành không, bợ bèo nổi trên nước trước mắt chỉ là phù hoa .

6. Cơ nghiệp

Kinh cúc lâm trung trưởng cự tài
Tiệm khai cơ địa khởi lâu dài
Thiên biến thập tải không tiêu túc

Cấp trạo nguyệt minh qui khứ lai

Dịch:

Cây lớn mọc lên trong rừng gai góc

Dàn mở mang nền móng xâu dựng lâu đài

Mười năm ven trời vắng tin tức

Dưới mảnh trăng mái chèo gấp đi cùng lại

7. Huynh đệ (Anh em)

Tứ nhạn tà phi Ngô Việt xứ

Nhất thanh hạc lệ hướng thiên biên

Tri âm đa cận thanh quang sắc

Tinh trạo ngư chu tự vắng hoàn

Dịch:

Bốn con chim nhạn bay chéch về phía Ngô Việt

Một tiếng bạc kêu lơ lửng phương trời

Cùng bạn tri âm tới gần chốn thanh quang

Thuyền câu phảng lặng tự trôi về

8. Hành táng (sự nghiệp)

Vô tâm ý ngọc túc than dương

Ngạc phá phương mai lộng lăng hương

Tam ngũ dạ thâm qui nguyệt bạ

Tiêu đàm phong nguyệt hướng tiêu tương

Dịch:

Không có ý đem ngọc ra mà đùa giỡn
Tung cánh boa mai mùi hương thơm phức
Đêm khuya mồng ba mồng năm trăng đã lặn
Vui đùa trăng gió bến tiêu tương

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Sa chữ uyên ương triệu hợp hoan
Bạch tần hồng lục hý an toàn
Nhật biên hồi thủ hôn nha tán
Độc tự thanh ngâm mộng diệc nhàn

Dịch:

Trên bến cát buổi sáng cặp uyên ương cùng vui vẻ
Rau tần rau lục phát phơ như giỡn với cò vạc
Bên chiều quay đầu thấy con quạ đã bay đi
Một mình ngâm nga cảnh nhàn như giấc mộng

10. Tử túc (con cái)

Hà Hoa đóa đóa phát tà chi
Nhất quả thê lương phong vũ thời
Kham tiếu vãng lai giang thượng khách
Dạ văn ngư địch bàng khê xuy

Dịch:

Nhiều bông sen nở trên cành chênh chêch
Một quả (sen) nhìn thê thảm trong lúc gió mưa

Đáng cười những khách qua lại trên sông
Nửa đêm nghe tiếng kèn ngư phủ vắng từ khe núi

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Nhân do tâm sự bất thanh nhàn
Khuyên phê kê minh thủy xuất quan
Vạn lý giang san thu lâm hậu
Tiêu diêu vật ngoại ngọc lan can

Dịch:

Bởi vì tâm sự chẳng được an nhàn
Năm Tuất năm Dậu hãy ra cửa ải
Sau khi muôn dặm non sông đã lọt vào tầm mắt
Dựa trên lan can ngọc tâm hồn tiêu diêu ngoài cõi vật chất

LUỒNG ĐẦU: KỶ - CANH

QUẺ SỐ 57: ĐỊA TRẠCH LÂM

1. THIÊN HIÊU TINH

* Giờ Canh Tý: Cách XUÂN QUANG SƠ KHIẾT

Dịch: Ánh xuân mới tinh khiết

Giải: Thiếu niên đắc ý chuyển nhẫn tiệp không

Dịch: Tuổi trẻ đắc ý chớp mắt tất cả thành không

* Giờ Canh Dần: Cách U LÂM XẠ YẾN

Dịch: Bắn chim én trong rừng tối

Giải: Mệnh vận uyển 憲 thác 錯 động nghiệp 尸 đắc cữu 爭

Dịch: Mệnh vận sai trái lẩn lộn, hễ mới hoạt động là có xấu lôi làm xảy ra

2. THIÊN KHAI TINH

* Giờ Canh Thìn: Cách KHÔN LONG HÀNH VŨ

Dịch: Rồng bị khốn đốn mệt mỏi trong mưa

Giải: Cửu khôn chi hậu đại hữu tác vi

Dịch: Sau khi bị khốn đốn lâu rồi sẽ làm nên việc lớn

* Giờ Canh Ngọ: Cách THẠCH TUYỀN NGỘ VŨ

Dịch: Suối đá gấp mưa

Giải: Đắc thời chi khởi vô vãng bất lợi

Dịch: Được thời mà khởi sự việc gì cũng đều có lợi

3. THIÊN CHƯƠNG TINH

* Giờ Canh Thân: Cách XUÂN OANH HẠ YÊN

Dịch: Chim oanh mùa xuân, chim én mùa hạ

Giải: Nhất sinh đắc hưởng diễm phúc

Dịch: Trọn đời được hưởng diễm phúc

* Giờ Canh Tuất: Cách ĐÀI CÔ TUYỀN HƯƠNG

Dịch: Rêu cũ suối thơm

Giải: Lão vận hanh thông danh thùy cửu viễn

Dịch: Tuổi già hanh thông lưu danh muôn thủa

4. VŨ ĐẢ HÀ HOA cách

Thử mạng sinh lai bất ngộ thời

Thanh tùng thủy bách tự ưu du

Vô tình hồng nhạt đa phân tán

Hữu ý uyên ương bất khắng phi

Hỏa phát ly cung ôi tẫn mọc

Kim sinh đoài thượng phúc sinh căn

Chi sầu hồng nhị phong linh lạc

Bất kiến thành âm hưu tử thời

Dịch: MƯA DẬP HOA SEN

Mạng này sinh ra không gặp thời

Thê nên tìm tùng xanh bách biếc mà ngao du

Hồng nhạt vô tình mà chia rẽ

Cặp uyên ương có ý cũng chẳng đi chung với nhau

Lửa cháy ở phương Nam gỗ cháy thành tro
Vàng sinh ra ở phương Tây lại nẩy gốc
Đáng buồn thay nhị đỗ bị gió làm rơi tả
Chẳng hề thấy bóng vào lúc đang có quả

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh vi nhân kiều mộc 喬木 tiêu cách, cô nguyệt tinh thần, kiến sự chí thành, vi nhân chất trực, huynh đệ thiều hòa, cốt nhục tương sơ, tâm nhiệt nặc thị chiêu phi, yếu hiếu khát nhân khuy 魁 ầu khí, dụng chân tâm phản thành bất thị, quản nhàn sự đào nặc 逃匿 ưu sầu, nhất sinh hảo sự đa ma, kiện kiện hổ đầu xà vỹ, thân nhàn tâm bất nhàn, nội cấp ngoại đầu khoan, mặc oán sinh lai vô ngộ thì.

* Mệnh này như tiêu biểu cách của cây cao, như tinh thần trăng đơn chiếc, thấy việc là làm hết lòng chân thực với việc, là người chất phác ngay thẳng, anh em ít hòa thuận, ruột thịt với nhau sơ sài không thân thiết, nhiệt tâm lại bị dẫu phải với trái, lại thích muốn ăn thua với người nào có tính khí hay gây gỗ, dùng tâm chân thành lại phản ngược lại là không phải, muốn an nhàn cai quản công việc thì phải ẩn trốn nỗi ưu sầu, cả một đời nhiều miệt mài trong việc tốt lành, hết thấy sự kiện đều là đầu cọp đuôi rắn, thân nhàn mà tâm không nhàn, bên trong thì gấp gáp ngoài thì khoan thai chậm rải, chớ than oán bởi vì sinh lai chưa gặp thời.

6. Cơ nghiệp

Thiên lộc triều nguyên bãi dụng ưu
Thanh tùng thủy bác tự ưu du
Tang du đa thiều nhàn điền địa
Chi quê phân phuong bất thụ tu

Dịch:

Lộc trời cho sẵn chẳng cần lo

Tùng xanh bách biếc cứ ngao du
Vườn dâu nhiều ít vui đồng ruộng
Cây chi cây qué ngát mùi hương một gốc to

7. Huynh đệ (anh em)

Tam nhạn tà bay Ngô Vệt khứ
Cô hồng độc lệ trường thiên biên
Tri âm nhất tiễn thanh danh viễn
Đặc lộc trì cơ hội thiên duyên

Dịch:

Ba con chim nhạn bay xiên xứ Ngô Việt
Bên trời đơn chiếc nhạn kêu to
Có người từ âm tiễn cử lừng tên thơ
Duyên may được lộc bởi trời cho

8. Hành táng (sự nghiệp)

Tự tòng đắc bê cửu yếm lưu
Vận hạn phùng kê tiệm xuất đầu
Duy hữu vãng lai phong thê hảo
Nhất phiên huân nghiệp thượng lâm thu d

Dịch:

Từ khi có lộc mãi dùng dằng
Vận hạn đến năm Dậu mới xuất đầu lộ diện
Phải đợi đến chiều tà thế gió mới mạnh

Thời một phen sự nghiệp lớn thành công lớn

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Tích nhật tương y lộc tự tùy

Uyên ương trung lộ các phân phi

Đường biên âu lộ phân phân lập

Minh nguyệt thanh phong trình tử qui

Dịch:

Ngày trước cùng nương tựa nhau nên có lộc

Nào ngờ giữa đường uyên ương chia rẽ

Bờ ao cò vạc đứng lô nhô

Trăng sáng gió trong vắng tiếng chim tú qui

10. Tử túc (con cái)

Hạm tiền quá tử tống nhiên tiên

Vũ xâu phong cuồng vị tất yên

Dây hữu âm công tài bồi lực

Long phi phượng vũ hướng trùng viêng

Dịch:

Trước song cửa mẩy quả đều tươi tốt

Nhung mưa to gió lớn nên chưa bắn được yên

Vậy nhờ có âm công (ơн của tổ tiên) vun đắp

Nên mới có rùng bay phượng múa ở lưng trời

11. THU THÀNH (cuối cuộc đời)

Giản thủy khê lưu đa mậu thịnh
Thị xú thê trì lạc tính chân
Viên hạc tương y thiên ngoại khoát
Đào hoa nguyên lý hữu ngư nhân

Dịch:

Nước khe dòng suối phần lớn đều trong lành
Hãy chọn nơi đây để vui với tuổi tròn
Vượn bạc cùng nương bầu trời rộng
Thấy bóng chàng ngư phủ ở chốn đào hoa

LUỒNG ĐẦU: KỶ - TÂN

QUẺ SỐ 58: ĐỊA THIÊN THÁI

1. THIÊN KHÔ TINH

* Giờ Tân Sửu: Cách TỈNH KHÔ PHÙNG LÂM

Dịch: Giếng khô gắp mưa dầm

Giải: Cùng khốn thời tự hữu hảo nhân tương phùng

Dịch: Lúc thời cùng khốn tự nhiên gắp người tốt

* Giờ Tân Mão: Cách HOÀNG VIÊN CHỦNG TÙNG

Dịch: Trồng cây tùng trong vườn hoang

Giải: Kiệt lực kinh doanh hậu hĩnh đại vọng

Dịch: Kinh doanh hết sức lực về sau có triển vọng lớn

2. THIÊN THƯƠNG TINH

* Giờ Tân Ty: Cách CAO LÂU VỌNG NGUYỆT

Dịch: Trên lầu cao ngắm trăng

Giải: Khả vọng viên mãn chiết quả

Dịch: Khá mong có kết quả tròn đầy

* Giờ Tân Mùi: Cách ÚNG 龍 LÝ LIÊN KHAI

Dịch: Hoa sen nở trong cái hũ

Giải: Hậu tự bất thậm hưng vượng

Dịch: Con cháu về sau không được hưng vượng cho nhiều lắm

3. THIÊN CỎ TINH

* Giờ Tân Dậu: Cách THỦ' NHẬP THƯƠNG LÃM

Dịch: Chuột vào trong kho đụn

Giải: Nhất sinh vô y thực chi ưu

Dịch: Suốt đời không lo về áo cơm

* Giờ Tân Hợi: Cách KIỀU TÙNG THÊ HẠC

Dịch: Hạc đậu cây tùng cao

Giải: Tháo thủ thanh khiết nghi hướng cao xú lập tức

Dịch: Giữ được tiết tháo thanh khiết nên hướng vào nơi cao mà đứng

4. THẠCH THƯỢNG TÀI UNG

Cách
Tiếp cán lăng vân bản tĩnh kiên

Tuế hàn thiên nại tự thiên nhiên

Đài tài kiến dụng chung tu vãng

Lăng phí phù âu thả nhượng tiên

Tứ ngũ đáo hoa thu sắc lý

Lưỡng tam hàn nhạn tịch dương biên

Tri cơ vinh nhục nghiêm ngưng hậu

Khóa mộc vi chu tác tế xuyên

* Dịch:

TRỒNG THÔNG TRÊN ĐÁ

Cành đốt chạm mây tính rất kiên

Lạnh lùng riêng chịu với thiên nhiên

Tài lớn được dùng e phải muộn

Bọt bèo sá kê cũng nhường trên
Bốn năm bông thăm thu khoe sắc
Đôi ba hàng nhạn ánh dương tiên
Biết rằng vinh nhục sau trời rét
Xé gỗ làm thuyền để vượt biển

5. PHÁN ĐOÁN

- * Thủ mệnh tiên hậu tể khán như cao Can thượng bả hý, lập thân nan ổn hải biên tạo óc, lập trụ nan lao tiến thoái đa hung, ưu nghi bách dạng, thân tình vô phận, cốt nhục thành oan, chỉ nghi xuất ngoại tự thành nhân, bất khả kháo tổ cầu cư lập, viễn tắc nhân nhân tương kính, cận tắc cá cá tương khinh, hữu thể mạc tại đương phương sinh, bất liệu tha nhân khiếu tiêu danh, nhược thị ly hương bối tỉnh khứ, vô tâm khước hữu quý nhân khâm.
- * Mệnh này xem kỹ trước sau, tựa như là lên cao đứng đầu học hành giỏi xem việc đỗ đạt cao như trò đùa giỡn, lập thân khó ổn tựa như dựng nhà ven biển, dựng trụ khó vững bền tiến thoái nhiều hung, trăm dạng ưu lo nghi ngờ, không có phần với tình thân nhân, ruột thịt lại trở thành oan gia, chỉ nên đi ra ngoài tự thành người, chẳng thể nương nhờ gây dựng nghiệp ở tổ tiên, xa thì mọi người cùng kính gần thì mọi kẻ đều khinh, khi có thể thì chỉ sánh vai so tài noi đương có, chẳng để người khác gọi cái tên lúc còn nhỏ, nếu lìa bỏ quê hương mà đi, thì vô tâm lại có quý nhân kính trọng.

6. Cơ nghiệp

Kim châu bảo bối các tương sinh
Cặp chí trung niêm sự tự phân
Hữu chí bất phương trùng kiến lập
Tang du mậu thịnh nguyệt ly vân

Dịch:

Vàng ngọc của báu đều cùng sinh
Đến tuổi trung niên mọi việc đều rối rít
Nhưng nếu vững ý chí thì có thể xây dựng lại được
Vườn dâu xanh tươi trăng lìa mây sáng ra

7. Huynh đệ (anh em)

Hoàng không nhị nhạn bạn giang tân
Thảo mộc xâm xâm nhân nghĩa tồn
Hà ta tứ hải bất tương thức
Đáo đầu tôn nhượng khả kinh nhân

Dịch:

Bay ngang trên không đôi nhạn làm bạn với bến sông
Cây cỏ sum xuê còn giữ điều nhân nghĩa
Sao lại than rằng bốn bề không có người biết
Rút cục gặp được người khiêm tốn hết mức

8. Hành táng (sự nghiệp)

Môn đình thiên cải kỷ bôn ba
Thủy khẩu tương thành nhân ý hòa
Tri âm tái diệu cầm trung khúc
Vô sâu độc chước đai như hà

Dịch:

Nhà cửa dời đổi phải trải mấy lần bôn ba
Đến chỗ thủy khẩu thì thành hợp với ý người
Gặp bạn tri âm lại gảy khúc đàn
Khói lo rót rượu một mình mà đợi thử xem sao.

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Uyên ương âu lộ sa châu thượng
Quần đội phân phi hướng Ngũ hò
Thu thủy nguyệt minh ngư võng tráo
Bát khai thu lục dữ bình vu

Dịch:

Uyên ương và cò vạc ở trên bãi cát
Phân chia thành đội bay về Ngũ hò
Nước thu trăng sáng giăng lưới kín
Rẽ cả đám cỏ thu cỏ lục và bèo rậm

10. Tử túc (con cái)

Khán tận phân phân hoa tạ hậu
Vãng lai nhất quả ký chi đầu
Hoàn bằng âm đức tương phù trợ
Hội xinh nhân duyên đỗi miện lưu

Dịch:

Sau khi xem thấy hoa rơi tan tác
Trời chiều còn thấy một quả ở đầu cành
Nhờ có âm đức (của tổ tiên) cùng phù trợ
Lại gặp nhân duyên cùng mủ miện có giải

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Đăng đồ mạc hướng hiềm trung hành
Ky mã đăng chu hiềm nhất kinh
Giả sử kiến nguy trung hoạch phúc
Cát tinh tương ngộ tử trung sinh

Dịch:
Lên đường dừng đi về phía hiềm trở
Cuối ngựa lên thuyền gặp một phen kinh hãi
Ví thử gặp nguy nhưng sau lại gặp phúc
Gặp được sao lành nên thấy cái sống trong cái chết.

LUỒNG ĐẦU: KỶ - NHÂM

QUẺ SỐ 59: ĐỊA THỦY SU'

1. THIỀN PHÚC TINH

* Giờ Nhâm Tý: Cách LÃNG LÝ THỪA SAI

Dịch: Cưỡi thuyền vượt sóng

Giải: Lịch tận gian tân phương nhập gai cảnh

Dịch: Trải hết gian nan cay đắng mới vào cảnh tốt đẹp

* Giờ Nhâm Dần: Cách HÀN THIỀN BI PHONG

Dịch: Ve sợ gió lạnh

Giải: Bần khốn chi thời phòng hữu ý ngoại chi họa

Dịch: Trong thời nghèo khổ phòng có tai vạ bất ngờ

2. THIỀN CỖ TINH

* Giờ Nhâm Thìn: Cách HOA BIÊN BÀI YẾN

Dịch: Bầy yến tiệc bên cạnh hoa cảnh

Giải: Sinh trưởng phú quý chi gia khâu phúc vô cùng

Dịch: Sinh trưởng trong gia đình phú quý ăn sung mặc sướng vô cùng

* Giờ Nhâm Ngọ: Cách VIÊM THIỀN CHỦNG THÓC

Dịch: Trời nắng tròng lúa

Giải: Mục tiền lao khổ nhật hậu thượng hữu hy vọng

Dịch: Trước mắt thấy lao nhọc khổ cực ngày sau còn có hy vọng khá giả

3. THIỀN THƯ TINH

* Giờ Nhâm Thân: Cách NGHỊCH THỦY HÀNH CHU

Dịch: Đì thuyền trong dòng nước ngược

Giải: Nhất sinh tác sự tân khô

Dịch: Cả đời làm việc khô cực

* Giờ Nhâm Tuất: Cách DUYÊN MỌC CẦU NGƯ

Dịch: Leo cây tìm cá

Giải: Uống phí tâm lực lao nhi vô công

Dịch: Uống phí tâm lực nhọc mà không công

4. UYÊN ƯƠNG HÝ THỦY Cách

Hý thuỷ uyên ương bàng bích liên

Chu y bất ngộ ngộ trung niên

Hoàng kim vị hứa quân thu chưởng

Bạch phát hoàn tu ngã bình quyền

Hồng nhạn song song ly viễn trại

Uyên ương lưỡng lưỡng hý trì biên

Nhược hoàn yếu vân bình sinh sự

Tùng bách viên lâm thọ vãng niên

* Dịch:

UYÊN ƯƠNG VỜN SÓNG

Cặp uyên ương vờn sóng nước bên sen biếc

Chẳng được mặc áo đỏ và chỉ được vào tuổi trung niên

Vàng ròng kia chưa thể cho nhà ngươi coi giữ

Lúc bạc đầu mới do ta năm quyền

Đôi chim hồng nhạn lìa trại xa
Tùng cặp uyên ương giỡn bên ao
Nếu muôn hỏi cuộc bình sinh như thế nào
Ở vườn tùng bách kéo dài tuổi thọ

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh đa tư đa lụ, dĩ bại dĩ thành, đại sự nan thành tiểu sự thâm tín, tri tiến thoái thức lao đê, tố 做 sự trầm ngâm, vi nhân đích thực, tiểu cấp đại khoan hỷ nộ bất thường, thiên cân số lượng bất tăng tranh, nhất phân nhất ly yếu kê toán, ư nhân bất túc cứu nhân vô ân, cát xứ chiêu hung hung trung phản cát, mệnh lý hữu thoái thần, bất phạm quan hình hung ngục.

* Mệnh này nhiều lo nghĩ suy tư, dễ bại dễ thành việc lớn khó thành việc nhỏ khó tin tưởng và sâu kín, biết tiến thoái hiểu được thấp cao, làm việc kéo dài sự suy nghĩ sâu xa, là người có mục đích thiết thực, việc nhỏ thì nhanh chóng việc lớn lại chậm rãi, vui hay giận chẳng bình thường, đã chẳng tranh dành đong đo ngàn ký thì lại cần tính toán kỹ với nhau từng một phân một ly, ở với người không đủ, cứu giúp người không on nghĩa, chỗ tốt lại vòi cái xấu tới, trong cái xấu lại trở ngược thành tốt, trong mệnh này có thoái thần, không bị phạm vào việc toà án tù đày hung hiểm.

6. Cơ nghiệp

Can thương tồn thàn hiểm tại tiền
Chu y dẫn tiến ngọc giai tiền
Vãng lai thủy khẩu nhân tương trợ
Thảo mộc phu vinh tạ thương thiên

Dịch:

Giữ mình trên cành cao thấy nguy hiểm trước mắt
Có người áo đỏ dẫn đến trước thềm ngọc
Cuối cùng sẽ có người ở thủy khẩu đến giúp
Cây cỏ xanh tươi tạ ơn trời

7. Huynh đệ (anh em)

Phong cấp nhạn phi giang biếu ngoại
Hoành tà lưỡng đối các đông tây
Thên thân độc lập ngô sơn ngoại
Tự hướng viên lâm thính tử qui

Dịch:

Gió gấp nhạn bay ở ngoài sông
Bay xiên hai cặp chia rẽ đông tây
Một mình nương thân ngoài núi Ngô
Tự hướng về phía vườn xa vắng nghe tiếng chim tử qui

8. Hành táng (sự nghiệp)

Hoàng kim mỹ ngọc phi vi phú
Tích đức thân hiền tự bảo trân
Kham thán thế tình như chỉ bạc
Hồi tự lộng giả khuróc thành chân

Dịch:

Vàng ròng ngọc báu không lấy gì làm quý

Chứa đức gần người hiền mới đáng quý

Ngán nỗi tình đời như giấy mỏng

Nghĩ lại chuyện đùa mà hóa ra thật

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Âu lộ uyên ương trì nội hí

Tam tam lưỡng lưỡng ánh thanh liên

Nhân duyên đoan tự kiêm hà xú

Tú cửu niêm thành nguyệt tái viên

Dịch:

Cò vạc uyên ương giõn trong ao

Ba ba đôi đôi phản ánh với hoa sen

Việc nhân duyên bắt mồi từ nơi cỏ kiêm cỏ hà

Bốn chín năm mới thành trăng lại tròn

10. Tử túc (con cái)

Xuân tận mai sao không kết quả

Nhất chi hoa hướng thủy biên tầm

Vãng lai tịch mịch tương giang thương

Bạch thủ du du thủy toại tâm

Dịch:

Xuân đã tàn trên cành mai không có quả

Còn một cành hoa thì hướng về phía bên sông mà tìm

Cảnh chiêu tịch mịch trên sông Tương giang
Đầu bạc lo pho mới thỏa lòng

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Phùng ngưu mạc hướng giang biên khứ

Ngộ thứ hưu đăng mã dũ thuyền

Kiến hiềm bắt hung chung hữu phúc

Quy lại vinh khán bách hoa trên

Dịch:

Gặp năm Sửu thì chớ đi về phía bờ sông

Gặp năm Tý thì chớ cưỡi ngựa bơi thuyền

Gặp hiềm mà chẳng nguy cuối cùng gặp may

Trở về ngâm vịnh trước trăm hoa

LUỒNG ĐẦU: KỶ - QUÝ

QUẺ SỐ 60: ĐỊA SƠN KHIÊM

1. THIÊN BÍNH TINH

* Giờ Quý Sửu: Cách Lam 巍 điền chủng túc

Dịch: Trồng lúa trên ruộng miền núi

Giải: Thời lai vận lai thu hoạch thậm phong

Dịch: Thời vận tới thu hoạch rất nhiều

* Giờ Quý Mão: Cách Ngọc khiết băng thanh

Dịch: Ngọc tinh khiết băng trong sạch

Giải: Phẩm cách thanh cao nhân khởi kính

Dịch: Giá trị tinh thần tinh cách trong sạch cao quý người người đều kính trọng

2. THIÊN THÚC TINH

* Giờ Quý Ty: Cách KIM BÀN ĐÔI 堆 QUẢ

Dịch: Chất quả trên mâm băng vàng

Giải: Tính tình viên hoạt vạn sự vô ưu

Dịch: Tính tình đầy đặn hoạt bát mọi việc không lo âu

* Giờ Quý Mùi: Cách Y CÂM HÀNH CHU

Dịch: Mặc áo gấm đi thuyền

Giải: Thành công lập nghiệp mãn tải nhi quy

Dịch: Lập nghiệp thành công chở đầy thuyền mà về

3. THIÊN NHIÊN TINH

* Giờ Quý Dậu: Cách KIM KÊ TÔNG HIỀU

Dịch: Gà vàng gáy tiễn buổi sáng

Giải: Giai cảnh tức tại mục tiền

Dịch: Cảnh tốt ở ngay trước mắt

* Giờ Quý Hợi: Cách VÂN ĐẦU VỌNG NGUYỆT

Dịch: Nhìn trăng đâu ngọn mây

Giải: Mục tiền khốn đốn nhật hậu thượng hữu hy vọng

Dịch: Trước mắt thấy khốn đốn ngày sau còn có hy vọng

4. HOA LẠC THU THÂM Cách

Lộc trọng thu thâm khuốc hưu khuy

Sự đương thành xứ biển tai nguy

Nại bàn hoa hướng thâm thu tú

Pha lanh uyên ương dạ bán phi

Nhẫn nại phương thành trung chính đạo

Thương mang vị thị tiến xu thì

Yêu tri gia tại trùng sơn ngoại

Tảo hữu công danh biệt hữu kỳ

* Dịch:

HOA RUNG CUỐI THU

Lộc nhiều nhưng cuối thu thì lại vơi

Việc sắp thành thì lại biến tai nguy

Giống hoa chịu được rét về cuối thu càng thêm tốt

Sợ lạnh cắp uyên ương bay đi lúc nửa đêm

Có nhẫn nại mới nên đạo trung chính
Mờ mịt chưa phải là lúc nên tiến bước
Muốn biết nhà ở ngoài mấy dãy núi
Sớm có công danh riêng đã có hạn kỳ

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh kiến thức cao minh cơ mưu quảng đại, thị phi bất định thành bại bất thường, hội chi ngô 枝梧 năng khu xử 區處 nại hà vận hạn vị chí danh lợi nan thành, hội trăm đại thụ mộc, thiêu 燒 liễu giáp đê 底 oa 鍋, xảo lý lai xuyệt 轉 lý khứ, phương chi do mệnh bất do nhân, thời chí ngưu dương tự nhiên hưởng phúc.

* Mệnh này hiểu biết sáng suốt cao rộng, tính toán gây dựng rộng lớn, không định trước được phải hay là trái, thành hay bại chẳng bình thường, giỏi chống chọi khéo phân biệt được sự lý cho được tốt, tại sao vận hạn chưa đến danh lợi lại khó thành công? ua chặt cây to lớn đốt tiêu giáp đáy nồi “?”, trong cái hay cái khéo léo đến rồi lại bỏ dở dang mà đi, mới biết là do mệnh chứ không phải là do người, đến thời Dê và Trâu tới tự nhiên hưởng được phúc lành.

. Cơ nghiệp

Bình sinh vị ngộ chu y khách
Ngẫu tại nê trung tưởng bích liên
Thủy khẩu hữu nhân tương cõ vọng
Đè huề tiên dẫn thượng thanh thiên

Dịch:

Bình sinh chưa gặp được khách áo đỏ

Ngó sen ở trong bùn mọc lên hoa sen biếc
Ở nơi thủy khẩu có người đang trông ngóng
Dắt tay trên dẫn đến tận mây xanh

7. Huynh đệ (anh em)

Trùng triệt thu không hoàng ngũ nhạn
Tây phong xuy tán nhất hồng cô
Hồng lục bạch tàn đa thiếu hưng
Vãng lai vô ngại nhập bình vu

* Dịch:

Trời thu trong vắt năm nhạn bay ngang
Gió tây thổi làm cho một con chim hồng lê loi
Nhìn đám rau tàn rau lục xiết bao cảm hưng
Chiều về không ngại ngừng vào chốn cỏ rậm

8. Hành táng (sự nghiệp)

Quật thạch xuyên tuyễn thông cự hải
Thu thảm tùng quế trưởng tân hoa
Thời hanh vận thái thanh danh viễn
Đức nghiệp duy sùng tự khởi gia

* Dịch:

Đào đá khai suối cho thông ra bể lớn
Cuối thu cây tùng cây quê nở hoa mới

Thời vận hanh thông tiếng tăm vang dội
Công đức sự nghiệp cao cả dầy nghiệp nhà

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Hạm hà tầng hầm châu nhất quả

Nghĩ thành biến hóa tác ly long

Thủy tri cửu khốn hạn trì nội

Đắc thế du nhiên tại thủ trung

* Dịch:

Dưới cắm có ngâm một trái châu

Tưởng rằng sẽ biến hóa thành con ly con long

Ai ngờ mặc kẹt trong ao cạn

Khi được thế thì đâu có ở đó

10. Tử túc (con cái)

Thụ đầu tam chi nhất quả phát

Duy hỉ sinh phùng tí ngọ niên

Thiên tú kỳ lân hưng đại nghiệp

Phù trì tông tổ dự xuân thiên

* Dịch:

Trên cây có ba cành mà chỉ có một quả

Chờ đến năm Tí năm Ngọ sẽ có tin vui

Trời cho con Kỳ Lân dầy nghiệp lớn

Làm vẻ vang tông tổ danh dự cao vời vời

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Thời lai hỉ đặc chung thân kế

Ngộ mã phùng ngưu hưng tại gia

Nhược kiến thùy sò ca vũ bãi

Tiêu diêu mã thượng lạc thiếu hoa

* Dịch:

Thời đến mừng kế lúc chung thân

Năm Ngọ năm Sửu càng thêm hưng thú

Nếu thấy bầy chi con ca múa xong

Thời đúng đinh trên lưng ngựa vui với ánh sáng lộng lẫy.

LUỒNG ĐẦU: CANH - GIÁP

QUẺ SỐ 61: TRẠCH LÔI TÙY

1. QUÁN SÁCH TINH

Giờ Giáp Tý: Cách: THU YÊN QUY SÀO

Dịch: Mùa thu én trở về tổ

Giải: Tân khô nhất sinh không vô sở hữu

Dịch: Một đời cay đắng khô cực không có được gì cả

Giờ Giáp Dần: Cách: DUYÊN MỘC CẦU NGƯ

Dịch: Leo cây tìm cá

Giải: Uống phí tâm lực lao nhi vô công

Dịch: Uống phí tâm lực nhọc mà không công

2. THIÊN HOÃN TINH

Giờ Giáp Thìn: Cách LAN SINH HOA VIÊN

Dịch: Lan sinh ra trong vườn hoa

Giải: Mệnh trung hữu quý tử hưng gia lập nghiệp

Dịch: Trong mệnh có con quý hiển dây khởi lên lập thành nghiệp nhà

Giờ Giáp Ngọ: Cách THÙY LIÊM HẠ ĐIÉU

Dịch: Buông rèm thả câu

Giải: Nhất sinh tác sự bất khả xuất đầu lộ diện

Dịch: Suốt đời làm việc không thể xuất hiện lộ mặt

3. THIÊN TÂY TINH

Giờ Giáp Thân: Cách CÂM LÂN 鱗 KHÔ TỈNH

Dịch: Cá có vẩy như gầm ở trong giếng khô

Giải: Hoài 懷 tài bất ngộ khôn thủ gia viên

Dịch: Ôm trong lòng tài ba mà không gặp được sự trợ giúp nào, mệt nhọc quẫn bách ở trong nhà

Giờ Giáp Tuất: Cách HỒNG NHẬT ÁNH LIÊM

Dịch: Ánh sáng màu hồng của mặt trời chiếu vào rèm

Giải: Hỷ khí túc tại mục tiền

Dịch: Điều vui mừng ngay ở trước mắt

4. THANH THỦY ĐIỀU NGƯ cách

Cỗ ốc hoang lương yến bãi lai

Phùng kiền hữu lộ nhập thiên thai

Yếu giao Nhâm Ngọ phùng danh lợi

Tu thị kiên tâm thủ điêu đài

Kê cân khí chí do khả tích

Ngao ngư chiêm xứ khủng thành tai

Đình tiễn nhược vấn đồng quân tín

Hiềm địa tài hoa mãn thụ khai

Dịch: CÂU CÁ NUỐC TRONG

Ngôi nhà cũ hoang vắng én không lại
Gặp cầu có đường đến chốn thiên thai
Mong đến năm Nhâm Ngọ sẽ có danh lợi
Vì thế phải bền lòng cứ ngồi thả câu
Gân gà phải bỏ ý còn tiếc
Ở chốn chiếm được cá ngao e thành tai họa
Trước sân muôn hỏi tin tức Đông quân
Nơi hiểm địa tròng cây thì lại nở đầy hoa

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh hữu tâm cơ đa chí khí, lập tính chất phác tác sự lão thành, thân tình như thu thủy cốt nhục tựa hàn hôi, xảo mưu đa tiến thoái cử dụng phí lương lường, thi ân chiêu oán hận thiêu hương dẫn họa ương, hảo sự tha đà 蹤跎 cơ hội sai thất, nhược yếu tâm túc kỵ mã thừa long

* Mệnh này có tâm gây dựng sự nghiệp nhiều chí khí, tánh tình chất phác ngay thực làm việc già dặn chín chắn, người thân trong họ như nước mùa thu, gia đình ruột thịt như là tro lạnh không có tinh, khéo léo mưu tính lo toan nhiều tiến thoai, dây khởi lên làm và dùng việc gì cũng uổng phí sự đo lường tính toán, làm ơn cho người thì đem lại sự oán hờn, đốt hương cầu phúc lại dẫn đến tai họa, việc tốt trắc trở lần lữa khiến cho cơ hội bị sai lạc mất đi, nếu như là muôn tâm tư được đầy đủ sẽ cưỡi rồng lên ngựa.

6. Cơ nghiệp

Lục địa hành chu khí thế nan

Giai nhân lưu ý chấp ngư can

Kỷ niên mai một lan điền ngọc

Biệt thất tri âm cử mục khan

Dịch:

Đi thuyền trên cạn thế mới khó

Người đẹp đê ý cầm cần câu

Mấy năm đê mai một ngọc Lam điền

Bạn tri âm ở nhà khác ngược mắt nhìn

7. Huynh đệ (Anh em)

Thiên ngoại phương phi song nhạn viễn

Phong xuy nhất chích dạ qui lai

Du du tú hải ngũ hồ khoát

Hồng lục bạch tàn chân khoái tai

Dịch:

Ngoài trời đôi nhạn bay xa lìa nhau

Gió thổi một con đến đêm mới trở về

Thăm thăm bốn bề năm hồ bao la

Rau lục đỏ rau tần trăng khoái lạc biệt bao

8. Hành táng (sự nghiệp)

Ngẫu nhiên tiễn trúng hoàng kim bôi

Mạch địa tiền đồ ngộ quí nhân

Kỷ vọng tiêu lang qui ngọc khuyết

Đại la thiên thương thụ thanh xuân

Dịch:

Ngẫu nhiên mà mũi tên trúng vào chiếc đai vàng

Bát ngòi lại gấp quí nhân ở phía trước

Mong mỏi chàng tiêu trở về cung Ngọc khuyết

Trên cõi Đại la thiên cây kia cứ xanh mãi

9. Hôn nhân (Vợ chồng)

Thạch thương chi lan căn cước thiền

Toàn bằng âm đức thủy kiên lao

Trì đường âu lộ thành hàng lập

Nhất phiến thu quang hiệu nguyệt cao

Dịch:

Cây chi cây lan trong trên đá gốc rễ cạn

Đều nhờ vào âm đức mới vững chắc

Ở trong ao cò vạc đứng thẳng hàng

Một mảnh trắng thu sáng vắng vặc

10. Tử túc (Con cái)

Tường ngoại nhất chi hoa chính hảo

Khởi kỳ hựu tri vũ hòa phong

Long xà thủy khẩu uyên tương bội

Đào lý phuong phi khí tượng long

Địcb :

Một bông hoa ngoài tường đang tươi tốt

Nỡ nào đè cho mưa gió dập vùi

Rỗng rắn ở nơi thủy khẩu cùng với chim uyên hội ngộ

Đào lý phuong phi khí tượng long

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Nhược kiến mã ngưu mao tiết chí

Phụng long ngô hổ tiễn qui sơn

Nam Kha nhất chẩm du nhiên mộng

Nhạn lệ thanh thanh vũ trụ gian

Dịch:

Năm Ngọ năm Sửu thì thấy cờ mao tiết

Năm Thìn năm Dần thì trở về núi

Giác mộng Nam Kha dài dằng dặc

Tiếng nhạn trong veo vang trong vũ trụ

LUỒNG ĐẦU: CANH - ÂT

QUẺ SỐ 62: TRẠCH PHONG ĐẠI QUÁ

1. THIÊN THAO TINH

Giờ Ât Sửu: Cách HOẠN CHU ĐẮC PHONG

Dịch: Thuyền nhà quan được gió

Giải: Hoạn vận hanh thông trực thượng thanh vân

Dịch: Vận làm quan hanh thông lên thăng mây xanh

Giờ Ât Mão: Cách LÂM VŨ VỌNG TÌNH 晴

Dịch: Trời mưa dầm mong được tạnh

Giải: Nhất sinh hiếu hành thiện sự

Dịch: Một đời ưa thích làm việc thiện

2. THIÊN ÁO TINH

Giờ Ât Ty: Cách TIỀU CHU NHẬP HẢI

Dịch: Thuyền nhỏ vào biển

Giải: Căn cơ thiển bắc phòng hữu khuynh phú chi ngu 虞

Dịch: Căn cơ nông mỏng phòng có sự nghiêng đổ lo lắng

Giờ Ât Mùi: Cách HOA VIÊN VŨ THỤ 受

Dịch: Hoa trong vườn chịu đựng cơn mưa

Giải: Tiền tài đáo thủ triệt tận

Dịch: Tiền bạc đến tay rồi hết sạch

3. THIÊN MÃN TINH

Giờ Ât Dậu: Cách QUẬT TỈNH CÀU TUYỀN 泉

Dịch: Đào giếng tìm nguồn nước

Giải: Kiệt lực doanh mưu chung tất hưu hoạch

Dịch: Hết sức kinh doanh sau át có được

Giờ Ât Hợi: Cách THU VIÊN MÃU ĐƠN

Dịch: Cây Mẫu Đơn trong vườn mùa Thu

Giải: Tuy hữu tài cụ bất hợp thời nghi

Dịch: Cho dù có đủ tài năng nhưng chẳng thích hợp thời

4. OANH NGỮ ĐÔNG PHONG cách

Sơ khước thành thân thân khúroc sơ

Chi nam chi bắc phi công phu

Tri quân bản thị sơn trung khách

Bạn ngã liêu tòng đô ngoại cư

Hý thủy uyên ương chung hữu tán

Thất quần hồng nhạt khó vô thu

Thời lai mộ khứ thâm cốc lý

Trưởng đắc kim y nhất cá sò

Dịch: OANH MÙNG GIÓ ĐÔNG

Người sơ trở thành thân người thân trở thành sơ

Cành nam cành bắc uống phi công phu
Biết nhà ngươi là khách ở trong núi
Thì hãy tạm theo ta đến chốn ngoại ô
Cặp uyên ương giỗn trên nước rồi cũng lìa tan
Chim hồng chim nhạn lạc bấy há lại không có thơ tín
Sớm lại chiều qua ở chốn hang sâu
Nuôi được một con chim non mặc áo vàng

5. Phán đoán

* Thủ mệnh quyền ư phủ ngưỡng, nội quan bất túc ngoại quan hữu dư tác sự hữu lao nhi vô công, sở vi hữu đầu vô vỹ, tài nhược phù vân tụ tán, thân nhược thu diệp tiêu điêu, độc tướng đương phong nan vi địch khiếp, vạn sự tha đà giai thị mệnh mạc 莫 hiềm thời vận đào lai trì.

* Mệnh này quyền ở cúi đầu ngừng trông, xem bên trong thì không đủ, nhìn bề ngoài thấy có dư, làm việc nhọc nhằn mà lại chẳng có công trạng, làm việc nào cũng có đầu mà chẳng có đuôi, tiền bạc như mây nổi tụ lại rồi tan mất, thân bằng quyền thuộc như lá cây mùa thu tiêu điêu rơi rụng lơ thơ, một viên tướng đương đầu khó làm kẻ địch sợ, muôn việc lần lữa chật vật là do mệnh trời, chớ hiềm thời vận về tới chậm.

6. Cơ nghiệp

Sơ khước tương thân thân khước sơ
Ly nam viễn bắc nhiệm an cư
Tang du chi quê hoa vinh mậu
Hội hướng tiền hành phúc hữu dư

Dịch:

Sơ trở thành thân mà thân lại hóa ra sơ
Dời nam qua bắc tùy ý đến nơi yên ổn
Đến tuổi già cây chi cây quê đều tươi tốt
Có thè hướng về phía trước mà đi phúc có thừa

7. Huynh đệ (Anh em)

Phong xuy lưỡng nhạn quá giang biên
Ngô Vết phân phi các tự nhiên
Hạnh hữu ngũ hồ thông đại hải
Thanh thu vạn lý hải qui nguyên

Dịch :

Gió thổi đôi nhạn qua bờ sông
Bay qua hai nơi Ngô Việt đều tùy ý
May mà Ngũ hồ lại thông ra bể lớn
Trời thu xanh biếc muôn dặm trở về nguồn

8. Hành táng (Sự nghiệp)

Nhân lai đầu ngã ngã đầu nhân
Thuẫn túc quang âm quá tảo xuân
Chung ngộ thiên châu cao quý khách
Đè huề thanh dự đáo giang tân

Dịch:

Người đến theo ta hóa ra ta lại theo người
Nháy mắt bóng quang âm mùa xuân đã trôi qua
Kết cục gặp được khách quý ở thiên chầu
Nêu cao danh dự đến bến sông

9. Hôn nhân (Vợ chồng)

Thành đôi uyên ương du bích thủy
Vãng lai nhất chích nhiễu thanh ba
Bạch vân bản thị vô tâm vật
Cô nguyệt thanh quang chiều Ngũ hò

Dịch:

Uyên ương sóng đôi bờ trên nước biếc
Đến chiều còn một con vòn sóng xanh
Mây trắng kia vốn là giống vô tình
Trăng tỏa hào quang chiều Ngũ hò

10. Tử túc (Con cái)

Xuân tận hoa tàn lưu tử tại
Phân phân định hạ lộng thanh hoàng
Phùng long kiến khuyển đa vinh quý
Đơn quê phu vinh cận ngự hương

Dịch:

Xuân hết hoa tàn để quả lại

Phơi phói dưới sân màu xanh chen màu vàng
Năm Thìn năm Tuất được nhiều quý hiển
Cây đơn quê khoe thơ giàn hương thơm nhà vua

11. Thu thành (Cuối cuộc đời)

Phùng thời chính tại cửu cửu thượng
Hưu thuyết chư dương vận bất thông
Thiện thế thiện nhân đa phúc khánh
Lâm tuyỀn nhất tiẾu túy xuân phong

Dịch:

Gặp thời chính vào lúc chín, chín (l)
Đừng nói tại sao năm Hợi năm Mùi vận chǎng thông
Đời lành người lành gặp nhiều phúc khánh
Cát tiẾng cười say với gió xuân ở chốn lâm tuyỀn
(1) Chín là số 9, ở đây hai lần số 9

LUỒNG ĐẦU: CANH - BÍNH

QUẾ SỐ 63: TRẠCH HỎA CÁCH

1. THIÊN HIỀU TINH

* Giờ Bính Tý: Cách PHÁ PHIÉN ĐÌNH 停 THU

Dịch: Mùa Thu tối quạt rách bở

Giải: Trung niên dĩ hậu vô đắc ý chi thời

Dịch: Từ tuổi trung vận trở về sau không có lúc nào đắc ý

* Giờ Bính Dần: Cách THẬP NGUYỆT MAI HOA

Dịch: Tháng mười hoa mai nở

Giải: Tảo niên giao vận sự sự đắc ý

Dịch: Tuổi trẻ gặp vận tốt mọi việc đều đắc ý

2. THIÊN XÀ TINH

* Giờ Bính Thìn: Cách CỰ 鱗 LÂM 鱗 PHIÉM 汎 TRIỆU

Dịch: Cá lớn bơi trong ao

Giải: Hữu đại tài nhi khuất cự hạ vị

Tuy có tài chí lớn vậy mà phải chịu ngồi bên dưới

* Giờ Bính Ngọ: Cách CỰ HỒ XUẤT LÂM

Dịch: Hồ lớn ra ngoài rừng

Giải: Tiên trình viễn đại vị khả hạn lượng

Dịch: Đường đi phía trước rộng lớn chưa có thể ước lượng được

3. THIÊN ÂT TINH

* Giờ Bính Thân: Cách THIÊN 扁 CHU ĐỘ HẢI

Dịch: Thuyền mỏng nhỏ vượt biển

Giải: Nhất sinh nan đắc phụ trợ chi nhân

Dịch: Suốt đời khó gặp được người giúp đỡ

* Giờ Bính Tuất: Cách LẠC HOA GIỚI 戒 SƯƠNG

Dịch: Hoa rụng phòng bị sương móc

Giải: Mộ niên sự nghi cẩn thận

Dịch: Tuổi già mọi việc nên cẩn thận

4. CÁCH CỐ ĐỈNH TÂN cách

Khí cựu tòng tân mệnh thủy hanh

Lợi danh khước hữu lưỡng tam trùng

Nhạn phi vân ngoại trình trình viễn

Hoa lạc khê biên phiến phiến hồng

Thế sự mạc hiềm vô dụng xú

Thương tương chung thị hữu thung dung

Long đầu hổ vĩ thiên thư giáng

Trùng chỉnh thanh chiên cảm tú trung

Dịch: THAY CŨ ĐỔI MỚI

Bỏ cũ theo mới mệnh mới hanh thông

Lợi danh lại có đôi ba lần

Nhạn bay ngoài mây đường xa thăm

Hoa rụng bên khe rái rác đỏ

Ở đời đừng lo không có chõ dùng mình

Kho đụn rồi đây sẽ được thung dung

Đầu năm Thìn cuối năm Dần (l) có chiều nhà vua ban xuống

Lại sửa sang ở trong gầm vóc với thảm xanh

(l) Có thể năm Mão

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ tú chủ nhân mệnh: thanh cao, cận quý, tính trực, tâm từ, bất hối cầu cầu, xuyết ư phủ nguỡng, ngũ hành kiên cố, tú trụ an hòa, tính như dã hạc thê tùng tính tự hàn đàm ản nguyệt, như hành hảo sự khả bảo vĩnh niên.

* Sao này chủ mệnh là người: thanh cao gần quý nhân, tính thẳng thắn tâm từ ái nhân hậu, không ưa cầu cạnh, cầu thả vụng về trong việc luồn cúi, năm hành vững chắc tám chữ an hòa, tánh như chim dã hạc đậu trên cây tùng, như trăng ẩn bóng nơi đầm lạnh cô đơn mà thanh cao u uẩn, nếu như làm việc tốt thiện lành có thể sống lâu.

6. Cơ nghiệp

Cô tùng chi thượng hạc thanh minh

Phấn chí cao tường nhập từ vân

Bạch ngọc hoàng kim phi thị quý

Tinh tinh linh lợi hỉ vi vân

Dịch:

Tiếng hạc vắng kêu trên ngọn tùng

Hứng chí bay lượn vào đám mây tía

Ngọc trăng vàng ròng đâu phải quý

Hãy nhìn con đười ươi khôn lanh thích làm cho ra vẻ

7. Huynh đệ (anh em)

Minh hồng tam chích nhập thu hà

Phong diệp phiêu phiêu trực mộ nha

Tô thán điêu linh mai nhị thiếu

Số thanh khương địch đảo tiên gia

Dịch:

Ba chim hồng kêu bay vào mảnh ráng thu

Lá phong rung động như đuôi cánh quạ chiều

Cứ than thở hoa mai gấp cảnh điêu linh nênh nhè

Vài tiếng sáo thổi dân vang đến động tiên

8. Hành táng (sự nghiệp)

Ngọc bạch kim châu mãn mục tiên

Lục song châu hồ ẩn thần tiên

Môn đình cải hoán phương vi diệu

Tích đức tu thân cảm thượng thiên

Dịch:

Ngọc vàng châu báu đầy dãy trước mắt

Song biếc cửa son đó là nơi thần tiên ân dật

Nhà cửa căn phải thay đổi mới là kế hay

Chứa đức sửa mình mới mong cảm thầu đến trời

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Liêm trung thâm tỏa bạch vân nhà

Yến ngũ ni nam quá viễn san

Lưu thủy lạc hoa nhân tịch mịch

Hậu viên phong diệp hỉ hồi hoàn

Dịch:

Rèm rồng khóa kín mây trăng lững lờ trôi

Tiếng én líu lo qua núi thăm

Nước trôi hoa rụng vắng bóng người

Vườn sau ong bướm bay quanh co

10. Tử túc (con cái)

Di kim hoàn ngọc điệu diêu cầm

Liễu diệp đào cẩn tuế nguyệt thâm

Tường ngoại hoa chi hoa chính phát

Vãng lai tùng quê thủy xâm xâm

Dịch:

Dời vàng đổi ngọc gảy khúc đàn

Gốc đào lá liễu tháng năm trôi

Ngoài tường bông boa trên cành đang nở

Đến già cây tùng cây quế mới xum xuê

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Long khuyển niên gian phong vũ đà

Tiên kiều dĩ quá dục nhu hà

Tây sơn phong vũ chân thê sở

Hạc lệ viên đề thính mục ca

Dịch:

Năm Thìn năm Tuất gặp nhiều mưa gió

Cầu tiên đã bắc vậy muôn thế nào

Ở núi tây mưa gió thật là thê lương ảo não

Hạc kêu vượn hót lại có tiếng mục đồng

LUỒNG ĐẦU: CANH – ĐINH

QUẺ SỐ 64 TRẠCH ĐỊA TUY

1. THIÊN LUÂN TINH

* Giờ Đinh Sửu: Cách NGƯ DU XUÂN THỦY

Dịch: Cá rong chơi trong nước mùa xuân

Giải: Tính tình hoạt bát sự sụt xứng tâm

Dịch: Tính tình hoạt bát mọi việc đều xứng đáng tấm lòng

* Giờ Đinh Mão: Cách Y CÁT PHÙNG THU

Dịch: Mặc áo đẹp gấp mùa thu

Giải: Trung niên thời đại hữu Bi 悲 ma tinh nhập mạng

Dịch: Vào tuổi trung niên có sao Bi ma nhập mạng, (Bi: Đau, khóc không có nước mắt)

2. THIÊN BÔNG TINH

* Giờ Đinh Ty: Cách ĐĂNG CAO VỌNG NGUYỆT

Dịch: Lên cao nhìn trăng

Giải: Nhất sinh khả đắc viên mãn chi kết quả

Dịch: Một đời được hưởng kết quả đầy đủ

* Giờ Đinh Mùi: Cách NGỌC KHIẾT BĂNG THANH

Dịch: Ngọc tinh khiết băng trong sạch

Giải: Thao thủ liêm khiết khả hưởng thanh nhàn chi phúc

Dịch: Giữ lòng liêm khiết được hưởng phúc thanh nhàn

3. THIÊN THƯƠNG TINH

* Giờ Đinh Dậu: Cách KIỀU OANH THIÊN 邇 MỘC

Dịch: Chim oanh rời đồi cây

Giải: Cách Bộ bộ cao thăng tiệm nhập gai cảnh

Dịch: Từng bước lên cao dần dần vào cảnh tốt đẹp

* Giờ Đinh Hợi: Cách ĐẠM LỘ THU THIỀN

Dịch: Sương nhạt ve mùa thu

Giải: Trung niên dĩ hậu cảnh ngộ bình bình

Dịch: Từ tuổi trung niên trở về sau gấp cảnh bình thường

4. NGUYỆT CHIẾU U HIÊN

Cách
Nguyệt hoa hiện khiết chuyền băng luân

Vật ngoại an thân bãi nhiễm trần

Ưu hoạn bất sinh tri túc hán

Tiêu diêu thiên hợp hảo nhàn nhân

Đoàn đoàn ngọc thô chung ly hải

Hách hách kim ô tiệm thấu vân

Gia tại ngũ hồ qui khứ đắc

Hoa tàn tú kết nhất chi xuân

Dịch: TRĂNG SOI HIÊN TỐI

Vầng trăng trong sáng chuyền xe băng

Thân ngoài cõi tục không vướng bụi trần

Nếu biết như vậy khỏi lo âu

Thung dung riêng hợp khách thanh nhàn

Vầng trăng vành vạnh lìa xa bể

Ánh dương chói lợi sắp xuyên mây

Nhà ở ngũ hồ có thể về được

Hoa tàn quả kết một cành xuân

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh tâm linh 靈 bách xuất, tính xảo đa quai 乖, lộng giả thành chân tướng vô tác hữu, thân quyền vân rà nguyệt hiệu, tư tài lăng lý phù bình, hảo sự đa ma lợi danh dí thất, hung trung hữu cùu bất phạm quan hình, chỉ hợp sơ niên phá tổ, tự thành lập tự kinh doanh.

* Mệnh này tâm lanh lệ xuất ra trăm vẻ, tánh khéo léo nhiều ngang trái, lấy cái giả làm ra cái thật, đem cái không làm trở thành ra có, người thân như trăng sáng bị mây che khuất, việc tốt đẹp nhiều miệt mà gai góc, lợi và danh dễ mất, trong sự xấu lại có cùu thần mà không phạm vào việc toà án hình sự, chỉ có hợp lúc tuổi còn trẻ phá mất Tổ nghiệp để rồi tự thành lập lấy, tự kinh doanh xây dựng lấy sự nghiệp cơ đồ.

6. Cơ nghiệp

Phong thiên tình lảng nguyệt như ngân

Sương giáng phong hồong ngọ dạ minh

Nhân tại tử tiên cung khuyết lý

Kỷ đa chung cỗ hưu tiền trình

Dịch:

Trời trong gió lặng vầng trăng bạc

Sương rơi trên cây phong đỏ nửa đêm trăng sáng

Người ở trong cung khuyết nơi mây tía

Biết bao chuông trống mở đường tương lai

7. Huynh đệ (anh em)

Phong tống không trung tam nhạn quá

Thu thâm lưỡng chích các phân phi

Giang hồ hùng tận qui lai vãng

Độc bả ngư can dạ điếu ky

Dịch:

Trên không gió tiễn ba con nhạn bay qua

Cuối thu hai con bay lìa nhau

Hết thú giang hồ trở về muộn

Một mình cầm cần câu lên ngôi trên hòn đá

8. Hành táng (sự nghiệp)

Vãng niên thuần túc vật canh tân

Lập chí danh cao cửu phẩn thân

Trần thế dương danh tri lợi khách

Tiêu diêu thiên xứng cá trung nhân

Dịch:

Chớp mắt đã thấy già mọi vật đều thay đổi

Quyết chí lập công danh từ lâu đã dấn thân

Những khách lợi danh ở nơi trần thế

Riêng ta được hưởng cảnh tiêu dao

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Thất hợp nhân duyên tiền thế sự

Phong thanh vân tĩnh nguyệt minh thì

Lăng sương ngạo tuyết tùng hoàng mậu

Chảm lanh khâm hàn dã tự tri

Dịch:

Nhân duyên kết hợp chặng qua do kiếp trước

Gặp lúc gió trong mây lặng trăng sáng chói

Thú thách tuyết sương tùng trúc vẫn tươi tốt

Gối lạnh chăn đơn cũng tự biết là vậy

10. Tử túc (con cái)

Mãn thụ hoa khai tuy diễm dã

Bàng tường nhất quả ký chi đầu
Tang du quế ảnh thanh thanh mậu
Ký đắc đương niên thượng khách chu

Dịch:

Hoa nở đầy cành tuy không đẹp
Dựa vào tường thấy một quả ở đầu cành
Tuổi già có bóng cây quế xanh tốt
Có nhớ được năm nào người khách đã lên thuyền

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Nhược kiến mã ngưu xuân sắc lý
Phong xuy vân tán khả qui sơn
(.....)
Ngoa thính sương chung báo tuế hàn

Dịch:

Trời xuân năm Ngọ năm Sửu
Gió thôi mây tan nêng trở về núi
Vượn hạc ở núi xanh chờ đợi đã lâu
Nằm nghe tiếng sương rơi như tiếng chuông báo mùa đông

LUỒNG ĐẦU CANH - MẬU

QUẾ SỐ 65: TRẠCH SƠN HÀM

1. THIÊN SÂM TINH

* Giờ Mậu Tý: Cách BẢO MÃ YÊN KIM

Dịch: Ngựa quý báu yên cương vàng

Giải: Tài cụ khai triển sự nghiệp phong hoành

Dịch: Đủ tài năng để triển khai sự nghiệp giàu có rộng lớn

* Giờ Mậu Dần: Cách KHÁT MÃ CỦU TUYỀN

Dịch: Ngựa khát uống nước suối

Giải: Cùng cực chi thời đắc nhân phù trợ

Dịch: Gặp lúc cùng cực được người giúp đỡ

2. THIÊN CÔ TINH

* Giờ Mậu Thìn: Cách GIÁNG TUYẾT NGỘ PHONG

Dịch: Tuyết rơi xuống gặp gió

Giải: Tuy hữu tai nạn đắc nhân giải cứu

Dịch: Tuy có gặp phải tai nạn cũng có được người giải cứu

* Giờ Mậu Ngọ: Cách TÍCH THỒ THÀNH SƠN

Dịch: Chất chứa đất làm thành đồi núi

Giải: Nhất sinh tiết kiệm khả thành đại phú

Dịch: Một đời tiết kiệm mà có thể trở thành giàu có lớn

3. THIÊN LOAN TINH

* Giờ Mậu Thân: Cách LIỄU ĐÊ OANH HOA

Dịch: Cây liễu trên bờ đê, chim oanh và hoa

Giải: Nhân 因 nhân 人 thành sự nan dĩ trì cửu

Dịch: Nuong nhò vào người mà làm thành sự việc cho nên khó được lâu dài

* Giờ Mậu Tuất: Cách LÃO NHAN ĐỐI KÍNH

Dịch: Nhan sắc tuổi già đối diện gương soi

Giải: Văn cảnh tiêu dao

Dịch: Tuổi già nhàn hạ

4. PHUNG TÚC NGÔ ĐỒNG Cách

Thân tâm tiến thoái đa phiên phúc

Thế sự thần tiên kỳ nhất cục

Hàn phong hồng nhạt ảnh trầm trầm

Dạ vũ ngô đồng thanh xúc xúc

Kỷ đa chủng thụ bất thành âm

Tá thủ tài hoa khước mẫn lâm

Nhân đặc tiền phu chỉ hành lộ

Đăng nhàn bạch địa thập hoàng kim

Dịch: CHIM PHUNG ĐẬU CÂY NGÔ ĐỒNG

Thân và tâm lui tới phần lớn đều trực trặc

Cõi trần thế hay chốn thần tiên chỉ là một cuộc cờ
Gió lạnh bóng hồng nhạt mờ nhạt
Mưa đêm tiếng cây Ngô đồng kêu xào xạc
Biết bao người trồng cây không thành bóng mát
Muộn tay người khác trồng hoa thì nở thành rừng
Nhờ được chú tiêu phu chỉ đường đi
Thanh nhàn nhưng đất trăng cũng lượm được vàng ròng

5. PHÁN ĐOÁN

* Thủ mệnh tự cô vân xuất trực dã ốc thừa phong, tâm tại tú phương ý tồn tha xứ, hướng 向 dị hướng thành lập, biệt xứ kinh doanh Đông ngạn tài tùng tây ngạn tú, Nam viên chủng 種 trúc Bắc viên âm, phụ mẫu như quá khách, huynh đệ tọ tàn tinh, bất luyến 戀 cố hương sinh xứ lạc, thụ ân thâm xứ tiện vi gia.

* Mệnh này tựa như mây đơn côi ra khỏi hang, như là nhà đồng quê đón gió, tâm ở bốn phương mà ý còn nơi chốn khác, ngoảnh đi nơi khác thành lập hướng, bờ đông trồng cây tùng mà lại tốt ở bờ tây, vườn Nam trồng cây trúc vườn Bắc lại xanh tươi, cha mẹ như khách qua đường, anh em như sao tàn khi rạng sáng, chẳng vương vấn vui nơi cố hương sinh trưởng, nơi thụ ơn sâu chốn ấy mới là nhà.

6. Cơ nghiệp

Hoàng kim đấu lý bất tu lường
Thùy tri thân ngoại tự tương phương
Hồi tư gia sự điền như hữ
Tái chỉnh y quan thượng ngọc đường

Dịch:

Vàng ròng trong đầu chǎng cần đong lường
Có ai hay của đó là “thân ngoại chi vật” (l) sẽ có hại
Nghĩ lại của cải ruộng vườn được bấy nhiêu
Sửa lại áo mũ đè lên chôn ngọc đường
(l) Thân ta ở ngoài cõi vật

7. Huynh đệ (Anh em)

Song hồng phi hạ lư hoa khứ
Nhất chích huyền huyền vọng cõi hương
Vạn lý giang sơn thu lâm quá
Thanh phong minh nguyệt nhất lô hương

Dịch :

Đồi chim hồng bay xuống rừng lau
Một con ngông cuồng nhìn về cõi hương
Muôn dặm non sông đã xem qua
Gió trong trăng sáng một lò hương

8. Hành táng (sự nghiệp)

Ân cần thiệp lịch trung niên phát
Dã trực xanh ca nhập họa đường
Tá thế nhân nhân thành quý xứ
Khủng giao mạc lộ thất y bàng

Dịch:

Cứ yên lòng trải qua tuổi trung niên sẽ phát

Vang tiếng xanh ca vào nhà đẹp

Mượn thế nhờ người nên quý hiển

Nhưng e lúc cùng đường sẽ mất chỗ dựa

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Nguyệt chiều thâm lâm nguyệt túc lí

Uyên ương phân tán kỷ đà thi

Mãn đường âu lộ phân phân lập

Nhất đáo hồng liên trưởng bích trì

Dịch :

Trăng chiều rùng sâu như trăng ở trong đó

Chim uyên ương phân tán đã lâu rồi

Đầy ao cò vạc đứng lô nhô

Một bông sen hồng nở trong ao biếc

10. Tử túc (con cái)

Lượng thụ hoa khai tòn nhị quả

Cách tường nhất quả hữu dư hương

Vãng lai chi quê đình tiền mậu

Cơ húa tùng hoàng ánh ngọc đường

Dịch:

Hai cây hoa nở còn hai quả
Cách tường còn một quả phảng phát hương thura
Về già trước sân cây chi cây quê tốt tươi
Khiến cho tùng trúc chiêu vào ngọc đường

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Nhược kiến ngưu đâu tinh mã vĩ
Thanh sơn lục thủy lưỡng vô tông
Nam kha mộng nhập Hoa tư quốc
Nhân úc anh hùng thoại ngữ trung

Dịch:

Đến đâu năm Sửu hoặc cuối năm Ngọ
Non xanh nước biếc cả hai không để lại dấu vết
Giấc mộng Nam kha thấy vào nước Hoa tư
Làm người ta nhớ lại bậc anh hùng lúc chuyện trò

môn quý cốc toàn mệnh này dựa vào chu dịch 64 quẻ mà biến tấu thành, thêm vào đó mà lí giải thêm về thiên thời, địa lí, vận mệnh, sức khỏe, tiền tài, gia sự, hạnh phú hôn nhân, con cái...., chỉ với 6 hào 8 quái mà thiên biến vạn hóa khôn lường

LUỒNG ĐẦU: CANH - KỶ

QUẺ SỐ 66: TRẠCH ĐỊA TUY

1. THIÊN GIÁM TINH

* Giờ Kỷ Sửu: Cách KHÔ MỘC NHA THÊ

Dịch: Quạ đậu cây khô

Giải: Tổ nghiệp đêu linh 凋零 nan dī khốc bàng

Dịch: Tổ nghiệp tàn tạ tan nát khó được nương nhờ

* Giờ Kỷ Mão: Cách KHÔNG TRỤ QUY VÂN

Dịch: Mây về hang núi

Giải: Tân khô nhất thế lưỡng thủ không không

Dịch: Một đời cay đắng khô cực hai tay trắng không trơ trụi

2. THIÊN XỨNG TINH

* Giờ Kỷ Tỵ: Cách PHI HOÀNG NHẬP HÒA 禾

Dịch: Cào cào bay vào ruộng lúa

Giải: Khủng phùng tiểu nhân ám trung toán kế

Dịch: Đề phòng kẻ tiểu nhân trong bóng tối mưu toan ám hại

* Giờ Kỷ Mùi: Cách XUÂN NHẬT QUAN HOA

Dịch: Ngày xuân xem hoa

Giải: Tảo nhiên giao vận bất túc vi băng

Dịch: Tuổi trẻ vận tốt không đủ làm bằng chứng tin tưởng

3. THIÊN ĐỘ TINH

* Giờ Kỷ Dậu: Cách TẾ LUƯ 流 NHẬP HẢI

Dịch: Dòng nước nhỏ chảy vào biển

Giải: Tiếu hưu tài cụ nan thành đại sự

Dịch: Chỉ có tài năng nhỏ bé khó thành được việc lớn

* Giờ Kỷ Hợi: Cách HÀN ĐÀM HẠ ĐIỀU

Dịch: Đàm lạnh buông cần câu cá

Giải: Bất tẩu nhiệt lộ lao nhi vô công

Dịch: Không theo đường nào nhiệt khó nhọc mà không công trạng

4. CÔ NHẠN ĐỐI THO

Tinh nội hào quang xạ đầu ngưu

Bình sinh y lộc bất năng chu

Uyên ương lăng vũ tam canh nguyệt

Dương liễu sâu kinh bán dạ thu

Cô nhạn truyền thư đa nhiễu mạc

Phong vân té hội sự trì lưu

Quí nhân chỉ tại khôn ly vị

Dẫn nhĩ đồng đăng bạch ngọc lâu

Dịch: CHIẾC (1) NHẠN MANG THỦ

Ánh hào quang trong giếng như lán át sao đầu sao ngưu

Cuộc đời cơm áo chǎng được đây đů
Cặp uyên ương biếng múa lúc trǎng canh ba
Cây dương liễu sợ sệt lúc nửa đêm thu
Nhạn chiέc mang thư sao mờ mịt
Cái hội long vân sao chậm trẽ
Quí nhân chỉ ở phương Khôn và phương Ly (2)
Sẽ đưa nàng cùng lên rau bạch ngọc
(1) Chiέc lá đơn chiέc, lẻ loi
(2) Phương Khôn là hướng Tây Nam. Phương Ly là hướng Tây

5. PHÁN ĐOÁN:

* Thủ mệnh bẩm tính thông minh sở vi lỗi 磬落 lạc, ma nan tảo canh biến trì, thân quyến bạc tình xuân mộ tuyết, nhi tôn vô phận kính trung hoa, hảo sự nan thành hung 胸 trung tiền thoái, bình sinh 平生 hảo sự tha đà giai thị mệnh định.

* Mệnh này tánh chất trời cho sẵn có thông minh, làm việc tài giỏi xuất sắc, lúc tuổi trẻ đã miệt mài trong khó khăn, biến hóa để thay đổi chậm, thân bằng quyến thuộc bạc tình như tuyết chiêu xuân, con cháu vô phận như hoa trong kính, việc tốt khó thành trong lòng lưỡng lự trù chờ tiến hay thoái, cuộc đời việc tốt cứ lần lữa kéo dài, đều là do mệnh đã định như vậy.

6. Cơ nghiệp

Mạc oán thân sơ bất cửu trường
Trọng vinh trọng lộc tự phong quang
Phùng ngưu khuyến mã chung tu hỉ

Tiêu chỉ tang du tính thi hương

Dịch:

Đừng oán bận tình nhân nghĩa sơ chúng được lâu dài

Nhiều danh vọng nhiều tiền của tự nhiên sẽ được phong quang

Năm Sửu năm Tuất năm Ngọ những năm đáng mừng

Cười trồ vườn dâu họ hàng nỗi tiếng thơm

7. Huynh đệ (Anh em)

Tử lục phân phân các dị chi

Nhạn phi Ngô Việt lưỡng thê kỳ

Tri âm đa thiều giang hoài thương

Thờ hữu cao nhân vị thẩm đê

Dịch:

Hai màu tía màu biếc nhưng khác cành

Nhạn bay qua Ngô Việt hai nơi cách trở

Thiếu gì bạn từ âm ở sông Giang Hoài

Sẽ gặp vị cao nhân vì mình mà đê bạt

8. Hành táng (sự nghiệp)

Tá thế thành danh diệu tổ tông

Kê minh khuyển phê bá cao phong

Cầm đường nhất khúc giang hoài viễn

Phong nguyệt thanh quang lạc ý nùng

Dịch:

Mượn thế người nêu danh vinh diệu tổ tông
Năm Dậu năm Tuất nương theo ngọn gió
Mỗi khúc cầm đường vang vọng ở sông Giang Hoài
Gió trong trăng sáng ý vui càng nồng

9. Hôn nhân (vợ chồng)

Uyên ương đối đối bích ba thâm
Âu lộ thành quần vãng tết minh
Oang yến mãn lâm xuân sắc hảo
Thanh phong minh nguyệt duyệt nhân tình

Dịch:

Uyên ương từng cặp ở nơi sóng biếc
Cò vạc đứng thành đàn sáng chiều
Oanh yến đầy rừng xuân sắc đẹp
Gió trong trăng sáng đẹp tình người

10. Tử túc (con cái)

Vũ dư phong tĩnh quả tu hi
Hoa dị bàn đào chiều vãng thì
Kim ngọc đinh tiền ban thái vũ
Xu đình thi lê tự trì trì

Dịch:

Sau cơn mưa gió tạnh quả thưa thớt
Hoa lụa trái bàn đào chiều lúc trời chiều
Vàng ngọc trước nhà màu đẹp rực rỡ
Vốn giòng lẽ giáo qua sân đi chầm chậm

11. Thu thành (cuối cuộc đời)

Dần Thân tuế nguyệt mờ đăng sơn
Sơn thủy du du tỏa cốc quan
Đê điêu nhất thanh kinh phá mộng
Lâm gian viên hạc khứ nan hoài

Dịch:

Gặp năm tháng Dần Thân chiều lên núi
Nước non thăm thăm như khóa cửa hang
Một tiếng chim kêu làm tỉnh giấc mộng
Vượn hạc ở trong rừng đã đi khó trở lại